SỐ 2 THÁNG SÁU 1989 • $2.50

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Nhã Ca • Nguyễn Thị Hoàng Bắc •
Nguyễn Thị Chân Quỳnh •
Nguyễn Ngọc Bích • Vương Hữu Bột •
Hoàng Khởi Phong • Nguyễn Hưng Quốc •

Mai Thảo • Phạm Công Thiện •
Ngu Yên • Nguyễn Hoàng Nam •
Ngô Châu Văn • Phạm Văn Hải •
Gúc • Định Nguyên • Kúm •

Nguyễn Minh • Nguyễn Mạnh Trinh •
Khánh Trường • Nguyễn Hữu Chung •
Hà Thúc Sinh • Hoàng Xuân Sơn •
Nguyễn Xuân Hoàng •

Danh sách Quý vị bảo trợ viên Thế Kỷ 21

1. Thi sĩ Cao Tiêu, California
2. Delta Communications, California
3. Hoa thị Bùi, Minnesota
4. Nguyễn Đức Nam, Virginia
5. Nguyễn Kim, Texas
6. BS Nguyễn thị Nhuận, California
7. Trần Huy Bích, California
8. Nguyen Son, Virginia

Tạp chí Thế Kỷ 21 trân trọng cám ơn quí vị. Hy vọng quí vị nhận báo đầy đủ.

Danh sách Độc giả dài hạn tạp chí Thế Kỷ 21 tính đến ngày 5-5-1989

1. Canh Q. Tran, Washington DC.
2. Diem Doan, Utah
3. Doanh Pham, Texas
4. Dam Trung Phap, Texas
5. Dang Tran Bich, Minnesota
6. Dinh Khang Thanh Ha, Oregon
7. Giang Chau Tran, Cali
8. Ha Duong Buu, Cali
9. Hoang van Phung, Cali
10. Hong Thien An, Cali
11. Hop Tran, Cali
12. Indochina Program, Cali
13. Kim Anh Le, Cali
14. Kith Lao, Cali
15. Le Phu Nhuan, Pennsilvania
16. Le Tat Luyen, France
17. Le van Nhon, Cali
18. Luat Trong Tuan, Cali
19. Luu Danh Sy, Cali
20. Minh van Vo, Cali
21. Nam Ca Cun, Kansas
22. Ngo Ngoc Tuan, Maryland
23. Nguyen Cao Hoang, Cali
24. Nguyen Hung Cuong, Virginia
25. Nguyen Huu Trang, Oregon
26. Nguyen Quoc Trung, Washington state
27. Nguyen Tan Si, Texas
28. Nguyen Thu, Cali
29. Nguyen van Cuong, Oklahoma
30. Nguyen van To, Oklahoma
31. Nhan Huu Quang, Cali
32. Phan Anh, Cali
33. Thượng tọa Quảng Thiệp, Cali
34. Tai Tan Nguyen, Nevada
35. Tan Minh Le, Cali
36. Thai van Nguyen, Oklahoma
37. Than T. Pham, Cali
38. Thế Uyên, Washington state
39. Trang Tailor, Cali
40. Trần Quan, Cali
41. Rev. Tường Nguyễn, Texas
42. T.T. Phạm, QLD Australia
43. Van Hoang, Cali
44. Vĩnh Phan Vũ, Pennsilvania
45. Virginia Jing-yi Shih Public Library, Cali
46. Ý Thu, Cali
47. Nguyễn Phong Châu, Canada
48. Hà Mạnh Tuấn, France

Tòa Soạn và Bạn Đọc

Lời chào mừng

Gửi tới Thế Kỷ 21 là lời chào mừng. Cùng với lời yêu cầu: xin cố gắng giữ gìn chủ trương nguyên thủy (Tạp.chí chính trị, văn học, lịch sử...), đừng cất công làm thêm một tờ báo văn học, dù đứng đắn, phong phú và tiến bộ... vì chúng ta đã có.

Lê Hoà (Brookhavent, CA)

* Chúng tôi biết rằng chúng tôi còn phải cố gắng nhiều. Điều an ủi nhất? Được những độc giả lưu tâm và cho ý kiến.

Đường lối sáng tác

Tôi không hiểu sao mà Thế Kỷ 21 lại vẫn chưa có một đường lối mạnh bạo hơn nữa về quan điểm chính trị, vả lại một vài đường hướng sáng tác trong Thế Kỷ 21 số 1, có bài viết quá bạo, có bài viết như trong... giấc mơ, không thật?

Bà Ng. T.T.H. (Long Beach)

* Để minh định đường lối, chúng tôi trộm nghĩ nội dung từ số 1, lẫn số 2, đã tạm coi là cất tiếng với độc giả. Mạnh bạo hơn? Các báo khác đã "mạnh bạo" rồi. Về đường lối sáng tác: thật khó mà trung dung, bởi lẽ các tác giả được tôn trọng quyền tối hậu của họ trong lãnh vực sáng tạo của họ.

Le roman de la rose

Tôi năm nay 71 tuổi, được đọc một truyện (...) trong Thế Kỷ 21, nhớ tới loại viết này mà ngày xưa tôi đã đọc. Xin gửi lời khen ngợi đến tác giả...

T.C.T. (Riverside)

* Toà soạn đã chuyển lời ngợi khen của cụ đến tác giả. Cám ơn cụ đã lưu tâm.

Chơi trội

Tôi ở San Francisco, được đọc Thế Kỷ 21 (xin gửi kèm ngân phiếu đặt mua), đồng thời cũng được đọc các báo khác. Thấy quý vị ra mắt khắp nơi, xem ra, như lời các bạn tôi nói "Thế Kỷ 21 muốn chơi trội" so với các báo khác, phải không?

(Đấy là lời vài người bạn tôi đùa chơi, quý báo đừng để ý).

Bà X.L. (San Francisco)

* Nếu giống như "người khác" thì bị chê là "đồng phục", nếu có gì khác (như khổ báo v.v...) thì bị coi là chơi trội". Chủ bút chúng tôi đang rét, nhưng luôn luôn cám ơn thư của độc giả đã cho ý kiến.

Đặt mua báo

"Tôi có nhận được số ra mắt Thế Kỷ 21. Xin thành thật cám ơn các anh. Kèm đây là một chi phiếu để xin đặt mua một năm báo.

N.H.C. (Annandale, VA 22003)

* Cám ơn cụ.

Bài nhận được

"Anh yêu em đã từ lâu", "Tôi là ai", "Đường vào Thế Kỷ 21"... cùng một số bài tham luận, sáng tác khác...

(Washington D.C 22003; San M arcos 78666; San José 95109)

* Nếu quý vị thấy không xuất hiện trên Thế Kỷ 21 số 2, xin hiểu vì bài nhận được quá cận ngày. Nếu trong số tới, vì lý do gì (trùng hợp đề tài, ý kiến...) mà không đăng, xin gửi cho báo khác. Nếu được, chúng tôi xin đăng bài trong mục văn học nghệ thuật hay một mục nào thích nghi để lên tiếng, tỉ như báo Người Việt. Xin trân trọng, rất trân trọng cám ơn quý vị. Mong tin.

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

CHỦ NHIỆM/CHỦ BÚT
Đỗ Ngọc Yến

Có mặt trong số này:

Nhã Ca
Nguyễn Thị Hoàng Bắc
Nguyễn Thị Chân Quỳnh
Nguyễn Ngọc Bích
Vương Hữu Bột
Hoàng Khởi Phong
Nguyễn Hưng Quốc
Mai Thảo
Phạm Công Thiện
Ngu Yên
Nguyễn Hoàng Nam
Ngô Châu Văn
Phạm Văn Hải
Gúc
Định Nguyên
Kúm
Nguyễn Minh
Nguyễn Mạnh Trinh
Khánh Trường
Nguyễn Hữu Chung
Hà Thúc Sinh
Hoàng Xuân Sơn
Nguyễn Xuân Hoàng
Tam Trương
Ngô Huy

Đọc, viết và góp ý!

Mua báo và giới thiệu với thân hữu!

Để *Thế Kỷ 21* trở thành tờ báo của chúng ta

Trong số này

Thư tòa soạn / 4
Thế Kỷ 21 ra mắt bạn đọc khắp nơi / 6
Cởi trói Việt Nam
Vương Hữu Bột / 8
Bắt đầu hạ bệ huyền thoại Hồ Chí Minh
Ngô Châu Văn / 19
Chuyện bang giao Mỹ — Việt Nam
Nguyễn Hữu Chung / 21
Nói chuyện với ông Nguyễn Đồng Sơn
Hoàng Khởi Phong thực hiện / 23
Thơ *Hoàng Xuân Sơn / 30*
Nói có sách, mách có ảnh
Nguyễn Thị Chân Quỳnh / 31
Cô gái Saigon
Nguyễn Minh / 35
Thơ *Hà Thúc Sinh / 36*
Múa Lân
Tam Trương / 37
Cười một mình
Nhã Ca / 40
Nghĩa địa của người sống
Nguyễn Xuân Hoàng / 47
Tuyết trắng
Nguyễn Thị Hoàng Bắc / 51
Thơ Nguyễn Tất Nhiên
Mai Thảo / 56
Tuyên chiến với bọn giả hình
Khánh Trường / 58
Saigon sẽ chẳng bao giờ trở màu lá đỏ
Định Nguyên / 61
Nói chuyện thơ tha hương
Ngu Yên / 63
Cái ngông trong thơ
Nguyễn Hưng Quốc / 63
Vài ghi nhận tình hình văn học trong nước
Nguyễn Ngọc Bích / 68
Phỏng vấn Cao Xuân Huy
Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện / 79
Thơ *Trịnh Y Thư / 84*
Trăm năm cô đơn
Phạm Công Thiện / 85
Thơ *Nguyễn Hoàng Nam / 86*
Vừa xảy ra đang nói tới / 87
Chữ viết của người Việt
Phạm Văn Hải / 90
Thơ *Ngô Huy / 90*
Sách báo trong tháng / 92
Tranh của *Gúc* và *Kúm*

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$12; 12 số US$24; 24 số US$48; 36 số US$72 . First class trong nước Mỹ: 6 số US$18; 12 số US$36; 24 số US$72; 36 số US$108. Canada: 6 số US$20; 12 số US$40; 24 số US$80; 36 số US$120. Các nơi khác: 6 số US$21; 12 số US$42; 24 số US$84; 36 số US$126. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14841 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liênlạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21: Xuất bản và phát hành bởi Công ty Người Việt (Nguoi Viet, Inc.) 14841 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng, Los Angeles, California. Bài gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh / địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tiền nhuận bút tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ánh quan điểm của người xuất bản. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

CỞI TRÓI VIỆT NAM / 8
Vương Hữu Bột

Một cái nhìn trên khía cạnh xã hội học về tình hình Việt Nam hiện nay. Nhà báo Vương Hữu Bột rất quen thuộc với bạn đọc trong nước trước năm 1975, nêu ra những nhận xét về giấc mơ được "cởi trói" của ngành khoa học xã hội ở Việt Nam và phân tích tính chất phi khoa học ngay từ cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê Nin: "Một nửa nhân loại nay bị mang làm thí nghiệm cho chủ nghĩa Mác-Lênin hơn nửa thế kỷ rồi. Đến lúc phải ngưng."

NÓI CHUYỆN VỚI ÔNG NGUYỄN ĐỒNG SƠN / 23
Hoàng Khởi Phong

Bài nói chuyện của nhà văn Hoàng Khởi Phong với ông Nguyễn Đồng Sơn, Vụ trưởng Vụ Kế Hoạch của Mặt Trận Kháng Chiến. "Trong khi thế giới với vận hành của vũ trụ, đã đi tới thế kỷ 21, mình còn đang loay hoay với những vấn đề còn sót lại của thế kỷ 19." Cách nhìn cụ thể và tích cực là mình muốn gì cho quốc gia mình ở thế kỷ 21 và mình sẽ phải làm gì? Bài nói chuyện gợi lên những nét chính của Mặt Trận về phương diện đấu tranh quân sự và chính trị với Cộng Sản, cả những cập nhật hóa của Mặt Trận đối với những thay đổi mặt ngoài của Cộng Sản ở Việt Nam. Bài nói chuyện cũng đưa ra ý kiến về vai trò của văn nghệ sĩ trong hoàn cảnh hiện tại

CƯỜI MỘT MÌNH / 40
Nhã Ca

Truyện ngắn mới nhất của tác giả Đêm Nghe Tiếng Đại Bác vừa gửi từ Thụy Điển sang. Chuyện một người "tù cải tạo" trở về mái nhà xưa trong khung cảnh ê chề của một cuộc đổi đời bi thảm sau ngày Saigon thất thủ

TUYẾT TRẮNG / 51
Nguyễn Thị Hoàng Bắc

Nhà văn của những hạt bụi long lanh đang cư ngụ trên miền đông bắc Hoa Kỳ. Truyện của những cọng rong phiêu bạt hữu tình gặp gỡ, xa cách, tái ngộ trùng phùng như bài thơ hài cú của Matsuo Basho qua bản dịch của Bùi Bảo Trúc

Tuyết mà hai chúng ta
bên nhau cùng ngắm hồi năm ngoái
năm nay đã rơi chưa?

Một bài nói chuyện về thơ tha hương của *Ngu Yên* và một tiểu luận về cái ngông trong thơ của *Nguyễn Hưng Quốc* (63-67). (Cái ngông trong thơ của NHQ trong số ra mắt vì sơ xuất kỹ thuật đã đi thiếu một đoạn, nay đi lại đầy đủ. Xin bạn đọc và tác giả thứ lỗi.)

THƠ / 56
Nguyễn Tất Nhiên, Hà Thúc Sinh, Khánh Trường, Định Nguyên, Ngô Huy, Hoàng Xuân Sơn, Trịnh Y Thư

VÀI GHI NHẬN TÌNH HÌNH VĂN HỌC TRONG NƯỚC / 68
Nguyễn Ngọc Bích

Bài nói chuyện của giáo sư Nguyễn Ngọc Bích tại Hội nghị NAVAE Chicago 89. Một cái nhìn có phân tích về tình hình văn học Việt Nam ở trong nước, những ghi chú, minh họa sâu sắc về những người cầm bút hiện "có vấn đề" và đang được nói tới trong cái gọi là "đổi mới tư duy" ở Việt Nam.

PHỎNG VẤN CAO XUÂN HUY / 79
Nguyễn Mạnh Trinh

Đây là những phát biểu của một nhà văn thành công ngay từ tác phẩm đầu tay. Những câu hỏi và câu trả lời đụng chạm đến những vấn đề hết sức nóng bỏng liên quan đến thái độ của những người *đã* cầm súng và *đang* cầm bút. Phút nói thật của một nhà văn can đảm

TRĂM NĂM CÔ ĐƠN / 85
Phạm Công Thiện

Những dòng chữ rất đặc biệt của một tâm hồn đặc biệt về một tác giả đặc biệt: Gabriel Garcia Marquez

THƯ TOÀ SOẠN

Thế là tờ báo *Thế Kỷ 21* đã đến tay bạn đọc khắp nơi. Tờ báo chuyển đi những tâm tư, tình cảm và lý luận của hàng chục người viết -- nhiều lứa tuổi, nhiều "trường phái," nhiều phong cách khác nhau. Tờ báo mang về những ý kiến, nhận xét, khích lệ và phê bình của hàng trăm, hàng ngàn người -- qua thư từ, điện thoại, gặp gỡ hoặc chỉ bằng cách... mua báo.

Ban chủ biên Tạp chí *Thế Kỷ 21* chân thành cảm ơn toàn thể quý vị và các bạn. Và chúng tôi mong rằng số 2 này làm quý vị và các bạn thích thú hơn số vừa qua và sẽ không bằng số tới.

*

Được ấp ủ từ lâu, nhưng chuẩn bị để ra mắt chỉ có một thời gian ngắn (chưa đầy một tháng), *Thế Kỷ 21* số 1 còn nhiều khiếm khuyết.

Mục tiêu "ngắn, gọn, dễ hiểu," do ban chủ biên đề ra, chưa đạt được bao nhiêu.

Phần văn học có vẻ lấn lướt hai phần chính trị và lịch sử.

Về hình thức, dù đã cố gắng sửa bản vỗ rất kỹ, vẫn còn sót lỗi. Đôi chỗ trình bày chưa cân đối hoặc không "đúng văn phạm."

Tuy nhiên, tờ báo cũng đã có một số ưu điểm, như: khổ báo lạ, độc đáo; chữ in rõ, dù hơi nhỏ; nhiều truyện và tin hấp dẫn; trình bày có phong cách riêng; v.v.

Ban chủ biên *Thế Kỷ 21* ghi nhận những ý kiến trên đây, từ các thân hữu và độc giả khắp nơi (Mỹ, Canada, Pháp, Úc...), và cố gắng sửa chữa những sai sót, phát huy những ưu điểm, để tờ báo ngày một hay hơn, vui hơn, có ích hơn, thiết thực hơn.

Về đường lối, *Thế Kỷ 21* vẫn giữ nguyên tư thế một diễn đàn độc lập, không để bị chi phối bởi một thế lực chính trị, hay kinh tế nào -- để có thể đóng đủ và đúng vai trò một cơ quan truyền thông chuyên nghiệp, với những đặc tính khách quan, vô tư, trong một xã hội tự do dân chủ đích thực.

Bảo rằng *Thế Kỷ 21* "không chống cộng," vì không thấy khẩu hiệu chống cộng nào xuất hiện trong tờ báo, thật là một sai lầm. Tự bản chất một cơ cấu tự do dân chủ (và tích cực cổ xúy tự do dân chủ) đã là một khẳng định "chống cộng" rồi -- vì cộng sản là phi dân chủ, là không tự do, như chính người cộng sản đã xác nhận: chuyên chính vô sản (không có chính kiến khác); yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội (không có chọn lựa nào khác). Chống cộng, và phải chống luôn cả những hình thái phi dân chủ, phản tự do khác, như độc tài quân phiệt, kỳ thị chủng tộc, tệ đoan xã hội, v.v.

Mặt khác, đã chọn chỗ đứng ở trong lòng cộng đồng người Việt tị nạn, *Thế Kỷ 21* tất nhiên phải có cùng mục tiêu là lật đổ bạo quyền cộng sản, để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thịnh vượng. Nhưng phương thức và phong cách lật đổ bạo quyền chắc hẳn không chỉ có một. Người kháng chiến quân cầm súng, người hoạt động quần chúng cầm cờ và hô khẩu hiệu, người viết văn làm báo cầm bút -- dùng văn học để tố cáo cái xấu, cái giả, ca ngợi cái đẹp, cái thực, dùng lý luận để dẫn giải chân lý, để chứng minh những thực tế chính trị và lịch sử, để phản bác hoặc phi bác những ngụy biện của những người mác-xít, những người mao-ít... là những phương thức chống cộng khác nhau nhưng cùng nhằm mục tiêu lật đổ bạo quyền cộng sản.

Có những người đa năng, đa tài, có thể một mình làm hai, ba công việc, dùng hai, ba phương thức. Nhưng cũng có những người chỉ có thể dùng một cách đánh, hãy để họ chọn lựa cách của họ, hãy khuyến khích họ dùng sở trường, bỏ

sở đoản. Và nhất là đừng bắt mọi người phải làm theo ý mình, hoặc phải làm giống mình. "Cúc nào cũng là cúc vạn thọ cả! (Phan Khôi)" là yếu tính của độc tài. "Sự khác biệt" là yếu tính của dân chủ, tự do.

*

Thế Kỷ 21 dự trù mỗi số có một chủ đề. Nhưng đó là điều khó thực hiện -- nhất là khi tờ báo trải rộng vòng cộng tác và vùng độc giả, khắp nơi trên thế giới. Cho nên, mỗi số sẽ có một bài, hoặc một số bài, nói về một vấn đề. Và vấn đề này có thể được khai triển ở những số sau.

Chẳng hạn, trong số 2, Vương Hữu Bột đặt vấn đề "cởi trói Việt Nam" -- một đề tài lớn. Nhưng tác giả họ Vương chỉ mới khai triển một mặt: khoa học xã hội. Còn chính trị, giáo dục, kinh tế..., chắc hẳn chúng ta phải bàn tới trong những số báo sau.

Để chuẩn bị cho những đóng góp sắp tới, chúng tôi đề nghị một số vấn đề có thể dùng làm đề tài thảo luận sau đây:

- Tiềm năng kinh tế người Việt hải ngoại.
- Tuổi trẻ Việt Nam trước ngưỡng cửa Thế Kỷ 21.
- 45 năm nhìn lại "cách mạng tháng 8, 1945."
- Mười năm cuối của thế kỷ 20, nghĩ gì, làm gì?

Mong nhận được sự đóng góp quí báu của quí vị và các bạn.

Thân chào và mong gặp lại.

THẾ KỶ 21

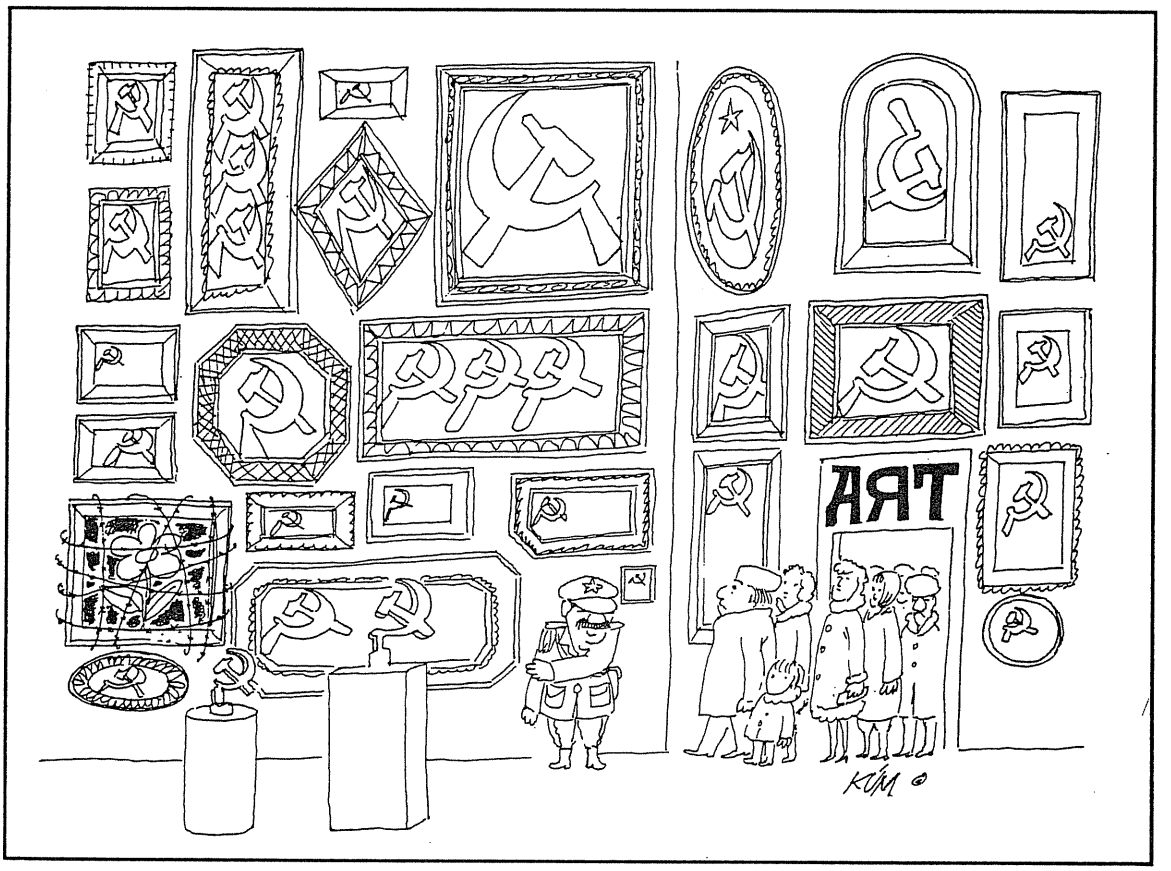

Thế Kỷ 21 ra mắt bạn đọc và thân hữu khắp nơi

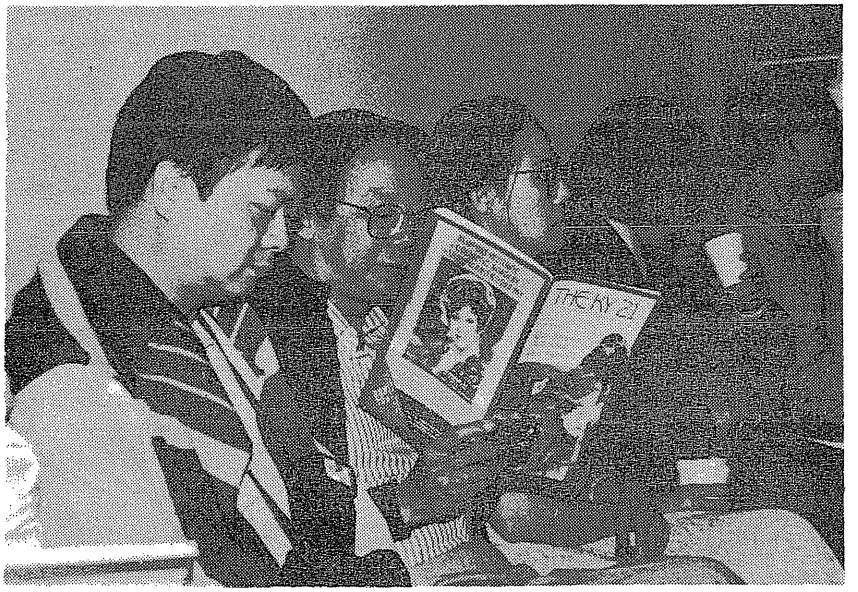

Thế Kỷ 21 ra mắt ở Hoa Thịnh Đốn

T*hế kỷ 21* số ra mắt đã được anh em trong tòa soạn mang đi trình bày, giới thiệu với bạn đọc và thân hữu khắp nơi.

Tại Westminster, California, ngày 8 tháng Tư 1989, *Thế Kỷ 21* đã đón tiếp bạn đọc và thân hữu trong một buổi ra mắt đơn sơ mà ấm cúng thân mật tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, tọa lạc tại 14841 đường Moran, Westminster California.

Ông Đỗ Ngọc Yến, Chủ tịch Công Ty Người Việt, đồng thời cũng là Chủ tịch Hội Đồng Chủ Biên, dịp này đã trình bày lý do sự ra đời của tạp chí. Ông nói "đã" đến lúc người Việt hải ngoại chúng ta cần có một cái nhìn hướng về phía trước, khi cả thế giới chuẩn bị bước vào thế kỷ 21."

Tại Paris (Pháp), Montréal, Toronto (Canada) Bankstown (Úc) và tại một số thành phố có đông đảo người Việt ở Hoa Kỳ như Austin, San Diego, San José, Seattle, Washington D.C... *Thế Kỷ 21* cũng đã được đông đảo bạn đọc và thân hữu tham gia đóng góp nhiều ý kiến xây dựng để tờ tạp chí sớm trở thành một diễn đàn chung cho cộng đồng Việt Nam hải ngoại.

Tại San Diego, anh Nguyễn Anh Giao, một kỷ sư trẻ, phát biểu: "Tình hình trong nước rất tồi tệ, nhà cầm quyền hoàn toàn bất lực. Cộng sản Việt Nam đang đẩy cả dân tộc ta vào một tình trạng băng hoại không thể nào cứu chữa được. Trong khi đó, vào những năm cuối của thế kỷ 20, cả thế giới, và nhất là các nước Đông Nam Á, đang hăm hở xây dựng đất nước của họ ngày một phồn vinh. Trong hoàn cảnh đó, đồng bào chúng ta ở hải ngoại trước hết phải giữ gìn bản chất Việt Nam, tích cực chuẩn bị cho một tương lai đất nước. Tôi nghĩ tạp chí *Thế Kỷ 21* đã sửa soạn lên đường." Kỷ sư Võ Tịnh Trí đã du học Hoa Kỳ từ những năm 60. Năm 1973, ông trở về nước rồi lại phải bỏ trốn ra khỏi nước sau ngày 30 tháng Tư. Kỷ sư Trí nói ông đã có dịp biết và thấy phong trào văn hóa Việt Cộng len lỏi vào các sinh hoạt Cộng đồng Việt. Chúng ta phải chuẩn bị và đề phòng. Cách đề phòng tốt nhất là chúng ta phải có những sinh hoạt văn hóa văn nghệ tốt hơn của Việt Cộng. Có những người sinh ra để kiếm tìm một đời sống vật chất. Có người ôm ấp một hoài bảo cao xa. Có người chỉ có "niềm đau trong chăn". Với tạp chí *Thế Kỷ 21,* tôi hoàn toàn ủng hộ." Nhà thơ Tôn Thất Tuệ dịp này cũng phát biểu: "Hãy đến với *Thế Kỷ 21* trong tinh thần cởi mở!"

Tại Paris, Văn bút Âu Châu đã tổ chức giới thiệu *Thế Kỷ 21* trong một buổi gặp gỡ đông đảo tại Quận 13. Tại đây ông Lê

Đình Điểu, trong Hội Đồng Chủ Biên, cho biết "Nơi nào có người Việt, chúng tôi sẽ gởi báo tới. Đây là một mối dây để nối kết cộng đồng người Việt tự do khắp nơi trên thế giới, cộng đồng Việt Nam mà sử gia Phạm Cao Dương gọi là "nước Việt Nam lớn".

Tại San Jose, nhà văn Phạm Quốc Bảo, Chủ biên nhật báo *Người Việt* trình bày đường hướng chủ trương của tạp chí *Thế Kỷ 21*. Dịp này ông Bảo cho biết do thời gian gấp rút không kịp chuẩn bị đầy đủ nên số ra mắt này còn nhiều thiếu sót về kỹ thuật và nội dung. "Dù cố gắng cách nào", ông Bảo tiếp, "tạp chí cũng còn những thiếu sót không thể tránh được." Ông Vũ Thế Ngọc, tác giả của nhiều cuốn sách đã phát hành, sau khi tiên đoán *Thế Kỷ 21* sẽ là tờ báo có đủ uy tín vững vàng và sẽ phát triển mạnh mẽ, cho rằng "nội dung số báo này không đáp ứng được sự kỳ vọng ở một sinh khí mới mẻ, ở sự đóng góp của những người sẽ tiêu biểu cho thế kỷ 21." Ông Quang Đăng Ngọc, người đứng đầu tổ chức Thanh Niên Quốc Gia, lại nhấn mạnh đến vai trò hướng dẫn tư tưởng chính trị của tờ báo. Ông khuyến cáo ban biên tập nên có những bài trình bày rõ ràng cho người Cộng Sản biết rằng chính mớ lý thuyết cũ rích của Mác-Lê đã là những nhát cuốc chôn vùi chế độ Cộng Sản. Nhà thơ nhà văn Nguyễn Bá Trạc, người về từ trại tỵ nạn Pulau Bidong, dịp này kêu gọi giới truyền thông hải ngoại làm sao đề xướng được một biện pháp khả dĩ hữu hiệu cứu giúp được người tị nạn đang gặp khó khăn khốn cùng tại các trại, chứ đừng nên "đánh bùn qua ao" bằng cách gửi kiến nghị hoặc nhờ quí vị dân biểu can thiệp không thôi.

Tại Hoa Thịnh Đốn, nhà thơ nhà báo Giang Hữu Tuyên, chủ nhiệm tuần báo *Hoa Thịnh Đốn Việt Báo*, giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, họa sĩ Võ Đình và nhiều khuôn mặt quen thuộc trong sinh hoạt văn hóa đã có mặt trong buổi họp mặt ra mắt *Thế Kỷ 21* này.

Ở Canada, nhà thơ Đỗ Quý Toàn và các văn nghệ sĩ Võ Kỳ Điền, Hồ Đình Nghiêm, Luân Hoán, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Đông Ngạc, Đỗ Quyên, Đoàn Chính, Nguyễn Hải Bình, Hoàng Phúc (Montréal) và nhà văn sáng tác mạnh nhất hiện nay ở hải ngoại Nguyễn Ngọc Ngạn và các nhà văn nhà báo Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyên Hương, Nguyên Nghĩa, Trần Sa, Nguyễn Tăng Chương,.. (Toronto) đã tiếp nhận *Thế Kỷ 21* như một người bạn thân quen và tin vào những cố gắng của tạp chí mới mẻ này.

Chuyện bên lề ghi nhận được là trong dịp ra mắt *Thế Kỷ 21* tại Canada, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng đã mang theo 40 cuốn Sa Mạc, tác phẩm do nhà Xuân Thu ấn hành, giới thiệu với bạn đọc và mang về cho Ủy Ban Bảo Trợ Tị Nạn ở Canada một số tiền gần 1,500 Gia kim.

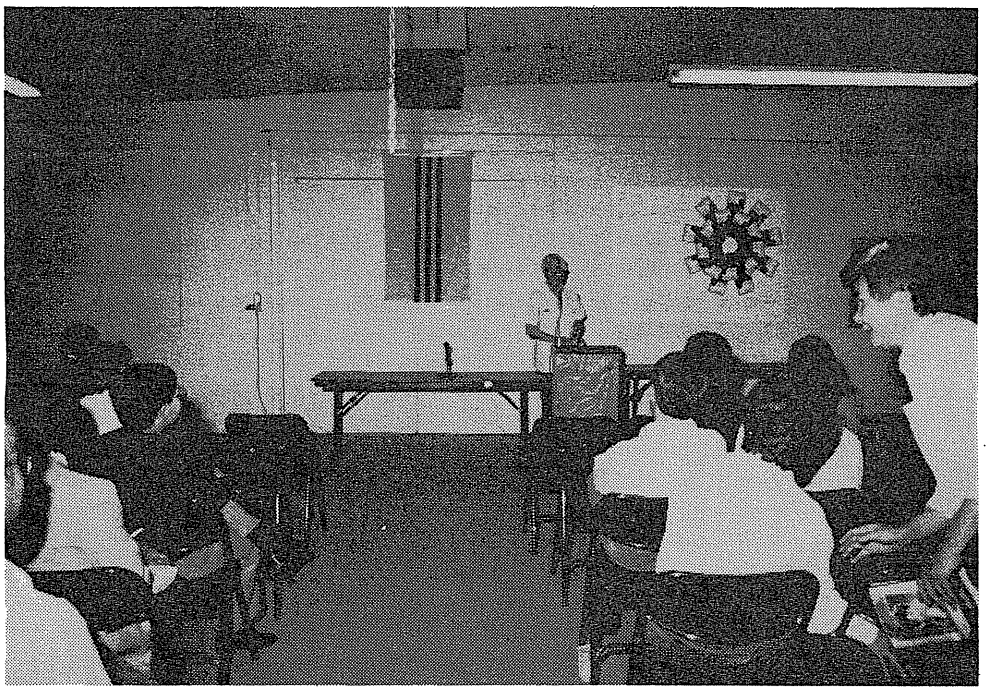

Ra mắt Thế Kỷ 21 ở San José

Cởi trói ở Việt Nam

BẾ TẮC TRONG KHOA HỌC XÃ HỘI HAY BẾ TẮC CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

VƯƠNG HỮU BỘT

Chữ Cởi Trói trong tựa đề không do người viết đặt ra.

Trong một bài phát biểu ở Sàigòn, tháng 10 năm 1988, giáo sư Lý Chánh Trung nói: "Xin chân thành cảm ơn Đảng ta sắp cởi trói cho Khoa Học Xã Hội cũng như Đảng ta cởi trói cho văn học nghệ thuật." (1) Cũng trong dịp đó, giáo sư Trần Văn Giàu bàn về sự đình trệ, lạc hậu của khoa học xã hội ở Việt Nam, nói rằng: "Nguyên nhân chủ yếu của sự đình trệ này là do sự lãnh đạo của đảng, không phải mười mấy năm nay mà trong vài ba chục năm nay" (2)

Trong hai lời phát biểu đó, một người thì giải thích rằng sự lạc hậu của các môn khoa học về Xã hội ở Việt Nam là do sự lãnh đạo sai lầm, một người thì vui mừng tạ ơn về sự cởi trói mà đảng Cộng Sản Việt Nam "*sắp*" ban cho các bộ môn này. Cả hai đều chỉ chú ý đến khía cạnh chính sách lãnh đạo của đảng. Nếu đúng như vậy thì khi chính sách lãnh đạo thay đổi chắc là ngành khoa học xã hội sẽ tiến bộ. Nói lối Cộng Sản thì bảo tình trạng "lạc hậu là một hiện tượng, không phải bản chất."

Nhưng sự thật thì tình trạng lạc hậu của ngành khoa học xã hội ở Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản có phải chỉ là do chính sách của đảng hay không? Nếu sự lạc hậu lại bắt nguồn ngay từ cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tức là quốc giáo ở Việt Nam ngày nay, thì trừ khi người ta chịu từ bỏ chủ nghĩa đó, các ngành khoa học về xã hội và về con người sẽ cứ tiếp tục đình trệ, lạc hậu, và kết quả là cả khoa học lẫn xã hội không những không tiến mà cứ lùi, lùi mãi.

Trong bài này chúng tôi sẽ bàn về mấy câu hỏi trên. Trước hết chúng tôi sẽ nhận xét về giấc mơ được "cởi trói" của ngành khoa học xã hội ở Việt Nam, qua các bài báo của Nguyễn Khắc Viện, Trần Văn Giàu và Lý Chánh Trung v.v. Vì phần lớn độc giả không có các sách báo ở trong nước nên chúng tôi sẽ trích dẫn nguyên văn nhiều hơn, vì sợ rằng thuật lại hay tóm tắt sẽ không thể đầy đủ, trung thực. Sau đó chúng tôi sẽ phân tích tính chất phi khoa học ngay từ cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin. Đó là nguồn gốc thái độ sai lầm của nhà cầm quyền Cộng Sản và giới trí thức trong xã hội Cộng Sản đối với khoa học xã hội. Sau những phân tích đó, câu kết luận sẽ trở thành hiển nhiên.

Cảnh đáng thương của các môn khoa học xã hội

Ở miền bắc Việt Nam trước 1975, và ở toàn thể Việt Nam, sau năm 75, các môn khoa học xã hội không được đảng chú ý tới nếu không có công dụng tuyên truyền chánh trị. Ngành sử học và các ngành liên hệ (lịch sử văn học, lịch sử nghệ thuật, ngữ học lịch sử, khảo cổ...) được khuyến khích vì lúc đó đảng muốn đề cao lòng yêu nước, dùng lòng yêu nước thúc đẩy người dân hy sinh cho cuộc chiến tranh ý thức hệ giữa khối Cộng Sản và khối tư bản. Các môn khoa học về xã hội khác không những bị bỏ rơi mà còn bị ngăn cấm và bài bác. Môn xã hội học không được công nhận, tình trạng này ở Liên Sô đã như vậy nên tất nhiên ở Việt Nam cũng như vậy. Môn triết học hoàn toàn không cần thiết. Trong bài của Trần văn Giàu (đã dẫn) ông kể rằng:

"*Có một vị lãnh đạo bảo với mấy ông ở Viện Triết học rằng: "Làm triết học khó gì, các anh cứ xách cặp theo tôi, tôi đi đến đâu, tôi nói cái gì thì các anh cứ nghe -- đó là triết học*".

Chính ông Giàu kết luận: "Kinh khủng thế chứ!"

Không biết "vị lãnh đạo kể trên là ai, nhưng nếu căn cứ vào tuổi đời, tuổi đảng, và địa vị của Trần văn Giàu thì khi ông ta không dám nêu tên, nghĩa là người đó phải cỡ già như Hồ chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn, hay Phạm văn Đồng.

Môn Triết học không cần thiết vì chũ nghĩa Mác-Lê nin là điều duy nhất cần phải nhồi sọ cho toàn dân. Lý chánh Trung kể lại:

"*Anh Phạm Như Cương, hồi năm 1975 còn là viện trưởng Viện triết học, có nói với tôi là sẽ mở một khoa triết học dầy dủ ở Trường đại học tổng hợp Hà Nội, thế mà hiện nay ở các trường đảng, chúng ta cũng chỉ học triết học Mác-Lênin thôi, không có thứ triết học nào khác.*"

Ở các nước tự do không thiếu gì người nghiên cứu chủ nghĩa Mác. Nhưng ở Việt Nam việc học tập chủ nghĩa Mác-Lê nin cũng chỉ làm chiếu lệ, từ trên xuống dưới. Học nhiều quá thì chắc đảng viên phải suy nghĩ, và khi đã tập suy nghĩ thì sinh thói quen phê phán. Theo kinh nghiệm Lý Chánh Trung khi đi học trường Đảng thì chỉ có một cách là học thuộc lòng. Nguyễn Khắc Viện còn nói rõ hơn:

"*Có thể nói sách kinh điển mà đa số đảng viên cửa ta đã thấm nhuần trong một thời gian dài, không phải là tác phẩm của Mác của Lê nin, mà chính cuốn* Lịch sử Đảng cộng sản (b) Liên Xô *do Stalin chủ biên. Từ những năm 40 đến những năm 60, đây cũng là chính sách kinh điển của các đảng cộng sản trên thế giới.*"

Cuốn sách có tính cách giáo điều và kinh điển của Staline đã khiến môn học về Mác Xít trở thành một môn "thày không muốn dạy, trò không muốn học và kết quả không có gì hết", như Lý Chánh Trung thú nhận:

"*... mới đây, tháng 3-1988, anh Trần Độ dẫn chúng tôi đi khảo sát về giáo dục tại Huế, tới Trường đại học sư phạm, một cán bộ giảng dạy của trường nói rằng: chúng tôi đang bí về việc giảng dạy chủ nghĩa Mác-Lê nin, chúng tôi không biết giảng thế nào đây trong lúc tình hình biến động như thế này.*"

Nhưng Lý Chánh Trung dù sao cũng chỉ là người tân tòng. Người Mác-xít lâu năm và lý thuyết gia của chế độ là Trần văn Giàu cũng phải nói thẳng:

"*Tôi là một anh đã giảng 1001 lần về lý tưởng xã hội chủ nghĩa, bây giờ bảo đi giảng lại tôi cũng có hơi ngập ngừng vì không biết phải giảng thế nào cả.*"

Về Triết học và triết lý Mác xít thì như vậy, còn về mấy môn khác thì sao? Cũng chính Trần văn Giàu kể:

"*... có một lần chúng tôi ở Ủy ban khoa học Nhà nước có đề nghị tổ chức khoa luật ở Trường Đại học tổng hợp thì có đồng chí lãnh đạo nói thế này: "Tổ chức làm chi, luật là chính trị, đâu cần làm khoa luật nữa!". Trong một lớp học khi kết thúc khóa học một nhà thơ Bắc Hà đã giải đáp thắc mắc; nhà thơ nói rằng: "Chính trị đủ rồi, không cần gì môn đạo đức, luân lý cả." Và trong hàng chục năm chúng ta đã bỏ cái đạo đức luân lý trong nhà trường.*"

Không cần luật học, đúng ra là không cần luật lệ, nên, theo hồi ký của Nguyễn Hiến Lê, có một người học trò cũ của ông kể rằng khi anh phải đóng vai quan tòa sử án chính anh ta tự đặt ra luật để mà sử (4). Đầu thế kỷ 20 Phan Châu Trinh đã đặt vấn đề "Nhân Trị và Pháp Trị." Thế mà bây giờ đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn còn giữ chủ trương không pháp trị của thế kỷ 19, bảo không lạc hậu sao được. Cũng vì không cần môn luân lý, đạo đức nên số trẻ em hư hỏng càng ngày càng gia tăng, như hồi ký Nguyễn Hiến Lê đã ghi nhận. Ngay cả Nguyễn Khắc Viện cũng thấy: "Sau 75,... ở miền Bắc số lượng trẻ con hư hỏng vọt lên kinh khủng" (5). Từ trên xuống dưới thật đúng là tình trạng Mạnh Tử mô tả "Trên không đạo đức dưới không pháp luật" (Thượng vô đạo quỹ, họ vô pháp thư) của một xã hội sắp xụp đổ.

Số phận các môn Triết học, Luật học, Đạo Đức học, v.v. đã bị chánh trị gạt ra ngoài đã đành. Môn Sử học được nâng đỡ và khuyến khích nhưng cũng chỉ là công cụ cho chánh trị mà thôi. Sử gia phải ráng vẽ một diễn trình lịch sử Việt Nam không những đúng với xê na ri ô của duy vật sử quan, mà còn phải theo ý thích của quan trên. Nhân được cởi trói, ông Trần văn Giàu kể lại kinh nghiệm bản thân khi: "viết lịch sử theo nghị quyết, viết lịch sử theo cái mẫu đã định sẵn." Ông kể chuyện:

"*Chắc nhiều đồng chí ở đây cũng còn nhớ, có một thời kỳ Ủy ban khoa học Nhà nước có cuộc thảo luận về chủ đề có* chế độ nô lệ ở Việt Nam không? *thì trường phái Đại học tổng hợp của ông Trần Văn Giàu nói rằng trong lịch sử Việt Nam không có chế độ nô lệ, còn bên ông Văn Tân, Trần Huy Liệu nói rằng có chế độ nô lệ và ông Trường Chinh cũng nói rằng có chế độ nô lệ, thì buồn cười như thế này: Ông Phạm Văn Đồng, dự hội nghị suốt ngày nghe tội chứng minh rồi thì sau cuộc hội nghị, ông Phạm Văn Đồng mời Văn Tân đi đến ăn cơm mà không mời ông Lê, ông Vượng, và cả tôi -- tức là ông chính thức ủng hộ quan điểm có sự tồn tại của chế độ nô lệ trong lịch sử Việt Nam. Nói một cách khác hơn, ai mà có ý kiến gì mới, trái lại với ông Ang ghen thì dập cho nó vỡ đầu đi. Không có sáng tạo ra được cái gì, không có mở ra cái gì mới cả.*"

Cảnh đáng thương của một sử gia không được mời ăn cơm thật không còn lời nói nào diễn tả cho bi phẫn hơn được!

Không dựng sao đem chuyện khoa học xã hội ra bàn?

Chế độ độc tài nào cũng vậy, họ chỉ cởi trói cho người bị trị khi họ lâm vào tình trạng quá bế tắc. Có người đã nhận xét rằng tình trạng xã hội Liên bang Sô Viết hiện nay giống hệt tình trạng nước Pháp trước cách mạng 1789 (6). Đó là tình trạng có một thiểu số hưởng thụ phần lớn của cải tiêu dùng trong nước. Hơn nữa, cả hệ thống chánh trị nuôi dưỡng thiểu số đó đang kìm hãm sự phát triển kinh tế của cả xã hội; nói kiểu Mác xít là kìm hãm các lực lượng sản xuất khiến kinh tế đình trệ.

Vì sự bế tắc của cả chế độ nên khắp các nước xã hội chủ nghĩa đâu cũng thấy cần thay đổi, và một cách để thay đổi. Và một cách để thay đổi là nới lỏng giây trói cho từng thành phần một. Thường họ bắt đầu cởi trói nông dân, cho kinh doanh cá thể, rồi nới ra đến báo chí đảng, và văn nghệ do đảng kiểm soát.

Nhưng tại sao các môn khoa học xã hội lại được chiếu cố? Lý do là vì họ cảm thấy toàn bộ lý thuyết Mác-Lê nin đã lỗi thời, nhưng không dám nói ra. Như vậy, muốn thay đổi xã hội mà chỉ muốn thay đổi từng mảnh thôi, họ cần biết mảnh nào có thể đem thay đổi thừ mà không khiến họ phải từ bỏ tôn giáo Mác-Lê nin. Chẳng hạn, họ muốn thay đổi lề lối quản lý kinh tế, nhưng vẫn muốn tôn thờ sách của Marx về lý thuyết kinh tế, và giữ chủ trương kinh tế chỉ huy kiểu Sô viết. Muốn như vậy thì chỉ có thể cóp nhặt các kỹ thuật quản lý của các nước theo kinh tế tự do, mà ai cũng biết là đang giàu mạnh. Khi học các môn về quản trị và kinh tế thì đụng tới các môn học về nhân văn và xã hội khác. Vì vậy những người trí thức có bỏ công suy nghĩ mới thấy cần tách vai trò người nghiên cứu và người chỉ huy, nghĩa là không hoàn toàn đóng vai xách cặp nữa.

Như Nguyễn Khắc Viện đã viết:

"Lúc đi vào một vùng sóng biển phức tạp nhiều biến động, phải có bộ phận thăm dò giúp người cầm tay lái, đó là các cơ quan khoa học điều tra, nghiên cứu xã hội... Thăm dò như thế nào, rút ra những kết luận gì là nhiệm vụ của khoa học, từ những thăm dò kết luận ấy tiến tới những quyết định cụ thể, lại là nhiệm vụ của lãnh đạo...

Khoa học không thể chỉ minh họa chính sách hiện hành mà phải đi trước một bước, phải xuất phát từ thực tế xã hội, khoa học không thể có tham vọng lãnh đạo, vì chỉ điều tra, nghiên cứu từng mảng, từng sự vật, nhưng giúp xử lý thông tin theo chiều sâu, tìm cách đi vào bản chất sự vật."

Nguyễn Khắc Viện là người đầu tiên cổ động cho việc tách rời khoa học xã hội ra khỏi vòng kiềm tỏa của chánh trị. Vì ông là người có tuổi và có địa vị cao nên cam đảm đem công bố cả bản kiến nghị bảy điểm gởi cho T.B.T. Trường Chinh (1981) mà không sợ bị đàn áp như Phan Khôi hồi xưa.

Nhưng phải chờ đến năm 1988, với các biến chuyển ở Liên Sô, và chánh sách của Nguyễn văn Linh nới giây trói cho báo chí đảng, vấn đề Khoa Học Xã hội mới được tự do nêu lên. Tháng 4-1988 có một hội nghị về "Những vấn đề khoa học xã hội" ở Sàigòn. Sàigòn vẫn là hậu phương của Nguyễn văn Linh và phe đổi mới, với một số trí thức đã từng nếm hưởng một số tự do ít ỏi của thời Việt Nam Cộng Hòa trước 1975, nên vẫn thèm được hưởng chút tự do trở lại, dù có ít ỏi hơn.

Một hội nghị quốc tế, hội nghị lần thứ 8 các phó chủ tịch viện Hàn Lâm, phụ trách về Khoa học xã hội, đã họp ở Hà nội ngày 26-10-1988. Trong dịp này, với sự hiện diện của các khách ngoại quốc, Trần Xuân Bách, bí thư trung ương đảng đã thừa nhận là các môn khoa học xã hội ở Việt Nam: (8)

"còn quá chậm trễ so với sự phát triển của thực tiễn lịch sử, dẫn đến tình trạng lạc hậu về lý luận và nhận thức lý luận, về Chủ nghĩa xã hội và về thời kỳ quá độ, về những qui luật phát triển kinh tế xã hội ở một nước đang phát triển, về những vấn đề cơ bản của thời đại trong điều kiện lịch sử mới".

Được thể, trong cuộc hội thảo ở Sài gòn vào tháng 10-1988, với mục đích "góp ý kiến cho bản dự thảo nghị quyết của bộ chánh trị về công tác khoa học xã hội", Trần văn Giàu và Lý Chánh Trung đã nói lên những cảnh bi đát và nhục nhã của người ở trong ngành khoa học xã hội, như đã trích dẫn trên đây.

Tới lúc đó, báo chí ở Sàigòn đã dám đăng những bài đòi cởi trói cho khoa học xã hội. Trương Vân Tiên viết trong *Sài Gòn Giải Phóng:(9)* *"Khoa học xã hội nhiều khi trở thành tù binh của chủ nghĩa giáo điều"*, và

"... trong nhiều trường hợp KHXH chỉ đơn giản đóng vai trò "tán dương" *cho những chủ trương, chính sách của Đảng. Một số nhà KHXH mạnh dạn suy nghĩ độc lập, thấy được chân lý, nhưng do hạn chế về dũng khí, đặc biệt là sự cản trở của cơ chế, đã không có điều kiện để nói lên sự thật. Tình trạng* "ăn theo, nói theo", *phổ biến trong KHXH suốt một thời gian dài khiến sai lầm có thêm điều kiện gây tác hại sâu rộng trong xã hội."*

Ngay cả khi chỉ trích chế độ độc tài và tự phê bình tình trạng "ăn theo, nói theo", Trương Vân Tiên vẫn không bỏ được thói quen dùng thứ ngôn ngữ rất "xã hội chủ nghĩa" như "hạn chế về dũng khí" (tiếng Việt nôm na gọi là hèn nhát), hay "cản trở của cơ chế" (tiếng Việt gọi là đàn áp), và "gây tác hại sâu rộng" (dùng một từ trừu tượng để tránh các hình ảnh cụ thể: đói, rét, mục nát). Cái thói quen ăn theo, nói theo

khó bỏ lắm!

Thói quen cúi đầu sợ sệt đến ngay cả những đảng viên vai vế cao như Trần văn Giàu cũng phải theo. Ông thú nhận rằng:

"*người làm khoa học xã hội, thí dụ như tôi, có thể nói rằng không can đảm lắm. Hình như mỗi người làm khoa học xã hội đều được cột thỏ dàng sau lưng cả, hễ người ta nhíu mắt một cái thì mình im đi... Nhát thật!*"

Nhưng ngày nay Trần văn Giàu đã can đảm nói thẳng rằng sự đình trệ suốt mấy chục năm là do đảng gây ra. Nói tới đảng tức là nói chung chung, không sợ đụng chạm tới ai, dù là Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, hay Nguyễn văn Linh... Với địa vị, vai vế của ông, Trần văn Giàu đã dám đòi xét lại bộ máy nhà nước, với các sự thực rất tàn nhẫn được phơi bày:

"*nhà nước, nở sinh ra nhiều vấn đề ghê lắm mà tất cả những nhà khoa học, trong đó có tôi, không đủ can đảm để nghiên cứu vấn đề Nhà nước hiện bây giờ. Tại làm sao những người cách mạng và kháng chiến như chúng ta lại xây dựng một Nhà nước quan liêu không ai bằng.* Một tỉnh Thanh Hóa đông nhân viên hơn toàn bộ Đông Dương, thời Pháp thuộc. *Một Nhà nước lạ lùng như thế, rồi cả nước Việt Nam này cũng tương tự thì lấy cái gì mà nuôi Nhà nước? Tạo ra nó mà để nó nghèo thì nó ăn trộm, trả cho nó mức lương chết đói thì nó phải bóc lột nông dân. Tôi đã bảy mươi mấy tuổi đời nhưng chưa thấy thời kỳ nào mà người nông dân nghèo như bây giờ -- hết mùa rồi không còn cái gì cả, giáp hạt thì ngay cái xứ Bạc Liêu cũng đói chứ đừng nói chi đến Thanh Hóa. Chỗ tôi cũng thiếu ăn. Tại làm sao? Vì phải nuôi cái bộ máy Nhà nước to quá! Cái bộ máy đó nó đè nặng trên nông dân và công nhân, cái bộ máy đó không có hiệu lực. Cái bộ máy đó là gì? Tại sao nó như vậy? Bây giờ phải sửa nó như thế nào?... Nhưng vấn đề đó nếu những nhà KHXH không làm thì ai làm?*"

Tất nhiên khi các nhà "khoa học xã hội" đứng ra tự đấm ngực nhận lỗi thì đảng và nhà nước có dịp thấy có người chia sẻ tội một cách tình nguyện. Cho phép họ tự do nói cũng có lợi cho đảng. Ngoài công tác xách cặp lại thêm công tác đấm ngực. Nhưng cho họ nói thì họ cũng sẽ đòi hỏi. Nguyễn Khắc Viện đã đòi hỏi đến cả quyền "tranh luận" và "nghiên cứu độc lập" (10)

"... *muốn có khoa học xã hội phải tạo điều kiện cơ bản để phát triển là sự trao đổi, tranh luận giữa nhiều ý kiến, lập luận khác nhau, và một sự giao lưu quốc tế phong phú. Chính vì thiếu hai điều kiện nói trên, chính vì bị gò bó vào việc minh họa các đường lối chính sách mà khoa học xã hội ở nước ta mấy năm qua còi cọc, không đóng góp được bao nhiêu cho sự nghiệp kinh tế xã hội. Nghiên cứu độc lập, thì tổ chức cũng độc lập, theo mô hình khoa học chứ không theo mô hình tổ chức chính trị.*"

Cụ thể hơn, Trương Vân Tiên đã đề nghị "Đảng và nhà nước cũng không nên ngại sự dị biệt, đa dạng của các trường phái K.H.X.H." và "đội ngũ cán bộ KHXH cần... được quyền tự quản, được tạo điều kiện làm việc thuận lợi." Lý Chánh Trung xin bỏ một nửa chủ nghĩa Mác-Lê nin, phần kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa Xã hội khoa học; và xin trường đảng cho dạy thêm các môn học về triết tây, triết đông, đồng thời nghiên cứu các vấn đề tôn giáo và dân tộc.

Sau các lời phê bình, lời thú tội, và những đòi hỏi đó, liệu tình hình khoa học xã hội ở trong nước Việt Nam sẽ đi tới đâu? Nếu lãnh đạo đảng tha cho nhà khoa học cái nhiệm vụ sách cặp thì sau khi đấm ngực liệu họ sẽ làm gì?

Nói chuyện khoa học mà thái độ không khoa học

Trước câu hỏi đó người quan sát tự bên ngoài sẽ thấy phải hết sức dè dặt, nghi ngờ. Đảng và nhà nước vừa cởi trói cho báo *Văn Nghệ*, rồi bỗng dưng tổng biên tập báo *Văn Nghệ* bị cất chức. Lề lối dùng để cách chức vẫn là lề lối "xã hội chủ nghĩa", tức là độc đoán, cả vú lấp miệng em, và cũng lập lờ, ném đá dấu tay. Rồi đến lượt báo *Tổ Quốc*, báo *Độc Lập* tự nhiên chết vì các đảng Xã Hội và Dân Chủ (hai đảng bù nhìn là chủ báo) tự ý giải tán. Rút cuộc như vụ Trăm Hoa Đua Nở, đảng Cộng Sản bao giờ cũng nắm đằng chuôi, ai dại thử thò tay nắm lấy lưỡi dao! Từ 1945 đến nay đảng Cộng Sản Việt Nam đã bao lần thay họ đổi tên, bày chánh sách này lại vẽ chánh sách khác, sớm đầu tối đánh còn người dân nào tin tưởng nữa?

Giả thử nếu đảng Cộng Sản Việt Nam cởi trói cho khoa học xã hội thật, và phe đổi mới trong đảng thắng thế nắm được trọn chánh quyền, thì liệu tình hình có khoa học hơn và tiến bộ hơn không?

Căn cứ vào lời những người đòi cởi trói mạnh miệng hơn ai hết, Nguyễn Khắc Viện, Trần văn Giàu, và cả người tân tòng như Lý Chánh Trung, thì chúng ta còn bi quan hơn nữa. Vì chính những vị đi hàng đầu đó cũng tỏ ra không có thái độ khoa học, không có lối suy nghĩ khoa học. Thái độ đích thực khoa học đòi hỏi người tìm tòi phải bắt đầu việc tìm tòi với tinh thần khách quan, cố gạt bỏ cái thành kiến, xúc động tình cảm của mình. Đọc lại các bài phát biểu của các vị trên sẽ thấy họ không muốn khách quan.

Trần văn Giàu là người nhiều tuổi đảng nhất trong bọn. Trong bài phát biểu, ông nói: "Điều trước tiên là chúng ta phải khẳng định... là chỉ có con

đường đến với chủ nghĩa Mác-Lê nin mới đẩy xã hội phát triển..." và mục tiêu của ông là: "Ta theo chủ nghĩa Mác-Lê nin nhưng với điều kiện là ta phải phát triển nó thì mới bảo vệ được." Trong lời phát biểu này, Trần văn Giàu đã làm đúng cái việc mà ông ta chỉ trích: lấy chánh trị trùm lấn khoa học. Chưa bắt đầu nghiên cứu khoa học nhưng đã định bắt công việc nghiên cứu chỉ là để bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lê nin. Tôn thờ chủ nghĩa Mác-Lê nin, vậy thì không nên than phiền khi nhà nghiên cứu lịch sử phải tìm đủ cách chứng minh xã hội cổ Việt Nam theo "phương thức sản xuất châu Á," và có chế độ nô lệ, đúng xê-na-ri-ô của Marx. Làm như vậy cũng không khác gì mấy mục sư Mỹ bảo thủ nới phải nghiên cứu sự tiến hóa của các chủng loại để chứng minh quyển *Sáng Thế Ký* trong Kinh Thánh là đúng. Trần văn Giàu tỏ ra có thái độ của một nhà khoa học. Thái độ phản khoa học đó là do lòng tôn thờ một chủ nghĩa. Như khi Trần văn Giàu nói ông sợ rằng "... không còn chủ nghĩa xã hội nữa... thì không còn lý tưởng gì để dạy cho thanh niên." Việc cởi trói, theo ông Giàu, cuối cùng chỉ là "cho phép mọi người nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê nin có phần tham dự vào việc phát triển nó." -- (Xin được chia phần?)

Thái độ của một đảng viên kỳ cựu như vậy, nên một người lớp sau như Trương văn Tiên cũng không hơn gì: "nhiệm vụ khó khăn của Khoa Học Xã Hội ngày nay (là): khôi phục lại trong lòng quần chúng niềm tin yêu đối với chủ nghĩa xã hội." Nhắc lại: Tin, Yêu.

Ở các nước Tây phương nếu có một nhà khoa học nào tuyên bố rằng "nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là chứng minh lý thuyết X là ưu việt, là bảo vệ niềm tin yêu với Y, là để dạy lý tưởng Z, v.v." thì chắc hẳn ai cũng cười mà coi đó là hạng lang băm. Tiếc thay ở Việt Nam những người "trí thức tiến bộ" nghe vậy mà không ai cười.

Nguyễn Khắc Viện đã từng ở Pháp nhiều năm nên không viết những câu chướng tai như thế. Tuy nhiên, Nguyễn Khắc Viện cũng từng bày tỏ một thái độ tin tưởng tuyệt đối của một đảng viên. Trong những năm gần đây ông nhiệt liệt cổ động gạt bỏ chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi mà đề cao chủ nghĩa quốc tế, đặc biệt là hợp tác với Liên Sô. Về kinh tế ông chủ trương phải thông thương với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Sô, chứ không phải các nước tư bản ở gần như Hồng Kông, Nhật Bản. Ông đề nghị hợp doanh với Liên Sô và để người Liên Sô quản trị xí nghiệp cho mình. Về chánh trị, ông vẫn ôm lấy ảo tưởng là trong chế độ Cộng Sản, nhà nước sẽ tự động tiêu vong, đúng Xê-na-ri-ô của Marx. Đồng thời ông cũng lại quyết liệt đòi phải dùng bạo lựcvà bộ máy nhà nước để thực hiện chuyên chính vô sản, theo sách vở Lê nin (11). Ông Viện quê ở Hà Tĩnh nhưng chắc gần đây ông không có dịp đi coi nhà nước vô sản ở tỉnh Thanh Hóa, như ông Giàu. Ông Viện tự mâu thuẫn vì niềm tin vào chủ nghĩa Cộng Sản. Cũng như ông tin tưởng rằng: "Liên Sô đi trước chúng ta... nên tinh thần quốc tế vô sản của họ cao hơn của chúng ta." (Giống một thi sĩ viết "Trăng Trung Quốc tròn hơn trăng nước Mỹ"). Mặt khác cái nhìn của Nguyễn Khắc Viện về khoa học xã hội cũng rất chật hẹp. Ông chỉ nhấn mạnh đến các kỹ thuật nghiên cứu và điều tra về xã hội, hơn là khoa học xã hội thật sự. Vì chỉ thấy địa hạt kỹ thuật, nên ông chủ trương cần dùng các môn học này như là khí cụ để dò đường giúp cho các người cầm quyền .mà thôi "khoa học xã hội phải đi trước, tìm tòi, nghiên cứu, điều tra... để rồi đề xuất ý kiến, phương án để lãnh đạo có cơ sở mà xác định đường lối, chủ trương" (Cải tổ bộ máy).

Những tín đồ nhiệt thành của Mác-Lê nin có thái độ phi khoa học như trên cũng dễ hiểu. Đến Lý Chánh Trung là người tân tòng mà cũng có thái độ "đặt kết luận trước khi khảo sát" thì hơi lạ. Khi đề nghị phải viết lại sách dạy chủ nghĩa Mác-Lê nin, Lý chánh Trung nhận rằng: "những lý luận của chúng ta, nhất là về kinh tế chánh trị, nó hết sức cũ, những cuốn sách đó bây giờ đọc rất buồn cười" Ông đã nêu thí dụ lý thuyết nới "chủ nghĩa tư bản bần cùng hóa tuyệt đối giai cấp vô sản", đối chiếu lý thuyết đó với thực tế ở tin các cô thợ Đại Hàn "bị bóc lột mỗi tháng lương chỉ có 400 đô la. Lý Chánh Trung viết: "Ngay như một cán bộ cao cấp nước ta mà hưởng 400 đô la thì mừng đến chết." Đáng cười thật, nhưng cũng đáng khóc nữa.

Điều lạ là Lý Chánh Trung không cười, mà lại có thái độ rất nghiêm trang, khi đưa các đề nghị như phải dạy cả triết học đông, tây, trước và sau Mác "... để thấy cái ưu việt của Mác-Lê nin". Rồi lại đề nghị phải khảo cứu lịch sử các phong trào cách mạng trước Mác, cũng là để "thấy cái ưu việt của chủ nghĩa Mác." Bàn đến việc nghiên cứu vấn đề dân tộc thì cũng là để có "một lý thuyết tổng quát về dân tộc trên cơ sở của chủ nghĩa Mác-Lê nin" Tóm lại nói gì thì nói Lý Chánh Trung nhất định nới "tính cách ưu việt" của Mác-Lê nin như người ta ôm chặt lấy cái nón trên đầu mình. Phải nói rằng người đọc cũng rất buồn cười. Chắc chính ông Trung cũng cười thầm.

Thái độ về nghiên cứu khoa học xã hội của các vị trên không khác gì chuyện một anh đang đêm lom khom tìm tòi dưới chân cột đèn điện. Có người hỏi anh tìm chi? Trả lời: tìm cái chìa khóa. -- Anh mất hồi nào? Ở đâu? Trả lời: mất ở trong nhà, dưới gậm giường. -- Vậy tại sao anh lại tìm ở đây? -- Thì bởi vì ở trỏng cúp điện tối thui à, ở ngoài này mới có đèn sáng!

Cái cột đèn đó là chủ nghĩa

Mác-Lê nin mà cái chìa khóa bị mất là khoa học xã hội.

Hai mặt của chủ nghĩa Mác-xít

Nếu chúng ta hiểu những sai lầm cơ bản phát xuất từ chủ nghĩa Mác-Lê nin, thì chúng ta sẽ hiểu được tại sao những tín đồ của chủ nghĩa đó lại nói chuyện khoa học với tinh thần phản khoa học như vậy. Nhất là trường hợp những tín đồ đã hy sinh cả cuộc đời sống chết cho huyền thoại Mác-xít, hay đã nhúng tay vào máu, giết chết bao mạng người vì huyền thoại đó.

Huyền thoại Mác xít không phải chỉ tiêm nhiễm vô các nhà trí thức Cộng Sản Việt Nam, mà tất cả các học giả Cộng Sản khác. Nói như Raymond Aron, Mác xít là chất ma túy của giới trí thức này. Triết gia Mác xít nổi tiếng Lukacs chẳng hạn. Ông viết rằng: "Hãy giả thiết, cho tiện lý luận, rằng các cuộc nghiên cứu gần đây chứng tỏ tất cả các luận đề của Marx đều sai lầm. Ngay cả khi có chứng cớ về sự sai lầm đó, những người mác xít chính thống nghiêm chỉnh... vẫn không phải từ bỏ chủ nghĩa chính thống của mình... Tính cách chính thống là dựa vào phương pháp. Đó là niềm tin khoa học rằng duy vật biện chứng là con đường đi tới chân lý..." 12

Đọc Lulacs người ta không khỏi tự hỏi tại sao một nhà "khoa học" có thể tin tưởng mãi vào một phương pháp nghiên cứu, trong khi đó cũng thú nhận rằng tất cả các kết quả khi dùng phương pháp này đều đưa đến sai lầm. Đó là một thái độ trái với tinh thần khoa học, nó hoàn toàn có tính cách tôn giáo. Thái độ tín đồ này khiến người Mác xít sẵn sàng phủ nhận những sự thật hiển nhiên nhưng trái với tín ngưỡng của họ. Khi nào chính người công nhân ở các nước không chấp nhận đảng Cộng Sản vì đảng không đáp ứng nhu cầu của công nhân, người Cộng Sản vẫn có thể lý luận bằng cách tung ra những lý thuyết và ngôn từ trừu tượng. Họ sẽ nói rằng công nhân chỉ thấy "nhu cầu giả" (False needs theo Hebert Marcuse) (13), "ý thức giả" (False consciousness của Lukacs) (14). Ý niệm bị lạm dụng nhiều nhất là con người bị tha hóa (alienation) luôn luôn được người Mác xít dùng để phủ nhận những sự thực nào không hợp với tín ngưỡng của họ.

Lề lối suy nghĩ đó cho thấy chủ nghĩa Mác đóng vai một tôn giáo, ít nhất cũng bằng địa vị của Tống Nho ở nước ta thời Minh Mạng, Tự Đức. Học giả Lê Thành Khôi đã than: "Trước là *"Khổng Tử viết"*, nay thành: *"Mác đã nói"*, hay *Lê nin đã nói"*, hay *"Đảng đã nói." (15) và Nguyễn Khắc Viện cũng nhận định từ năm 1979: "Nước ta hiện nay ở một tình cảnh phần nào giống như thời Tự Đức." (16)*

Điều khác biệt là Nho giáo không có chủ trương độc quyền về tư tưởng (Thiên hạ đồng qui nhi thù đồ) cho nên ngay trong thời Tống Nho cực thịnh, các tư tưởng Phật, Lão vẫn được tự do truyền bá. Vì vậy Nho giáo không lập "đảng tiền phong của giai cấp học trò" để đi "tiêu diệt kẻ thù của giai cấp." Nho giáo có tính cách nhân bản vì đặt con người lên trên lý thuyết trừu tượng (Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân -- Luận Ngữ) nên trọng cái gì gần với lòng người, tránh quỷ thần, trừu tượng.

Ngược lại, chủ nghĩa Mác là một tín ngưỡng bao biện muốn chi phối tất cả các hoạt động của con người và của xã hội. Nghiên cứu khoa học là một hoạt động đã bị chi phối. Ai cũng biết tấn thảm kịch trong ngành sinh vật học ở Nga khi Lysenko được Staline sủng ái và các lý thuyết sai lầm của ông ta cản trở sự tiến bộ khoa học ở Liên sô suốt ba chục năm. Nhà Sinh Vật học Vavilov, lỗi lạc nhưng có ý kiến khác với Lysenko, thì bị đầy đi chết ở Siberia. Vậy còn ai dám nghiên cứu một cách độc lập?

Chủ trương bao biển và thái độ phản khoa học đó là vì trong tư tưởng của Marx có hai mặt. Một là ý muốn bắt chước các khoa học tự nhiên, muốn nghiên cứu xã hội loài người theo lối đó để tạo thành một khoa học, tìm hiểu sự thật khách quan. Hai là ý muốn hành động, thay đổi xã hội. Mặt thứ nhất đưa tới lý thuyết tất định (determinism) của Marx về lịch sử sự phát triển xã hội con người, từ thời nguyên thủy đến thời Cộng Sản trong tương lai; cùng với các phân tích kinh tế thô sơ trong *Das Kaspital.* (Tư bản luận). Mặt kia là chủ trương hành động để xây dựng thiên đường vô giai cấp, chờ nhà nước tự giải thể. Nói một cách khác, trong tư tưởng Marx có ý hướng làm khoa học lẫn với ý hướng làm chánh trị. Và chánh trị quan trọng hơn, như câu nói nổi tiếng của Marx trong di cảo *Luận đề số 11 về Feuerback: "Các triết gia trước giờ chỉ giải thích thế giới, nhưng điểm quan trọng là phải thay đổi thế giới".*

Giải thích là vai trò của khoa học. Thay đổi xã hội là vai trò của chánh trị. Những ai đọc Max Weber bàn về vai trò của khoa học xã hội đều biết hai công việc đó có những qui tắc, phương pháp, và tiêu chuẩn thẩm lượng khác nhau.

Người trí thức vừa có óc phân tích thông minh, vừa có bầu máu nóng, dễ ghiền thứ ma túy của Marx. Họ là những nhà "Trí thức sốt ruột." Sau đó, vì tôn thờ chủ nghĩa nên thần phục lãnh đạo, họ sẽ thành "Trí thức xách cặp".

Vì bầu máu nóng muốn xây thiên đường vô sản nên Marx tìm mọi cách chứng minh rằng cái thiên đường đó là sự tiến hóa tất nhiên của lịch sử. *Das Kapital* được viết với lòng tín ngưỡng chứ không phải với óc khoa học. Những lý thuyết gia sau Marx cũng vì lòng tín ngưỡng nên tìm đủ cách "sửa

sắc đẹp" cho lý thuyết của Marx, mỗi lần lý thuyết bị thực tế phủ nhận.

Trong *Das Kapital* quyển 1, Marx đã mượn những lý thuyết thô sơ của Adam Smith và Ricardo để khẳng định rằng giá trị kinh tế của mọi phẩm vật là do sức lao động dùng để sản xuất ra phẩm vật. Các kinh tế gia sau Adam Smith đã tiến tới nhận định rằng giá trị kinh tế định bởi mức khan hiếm của phẩm vật, và nhu cầu người muốn mua (cung và cầu). Nhưng Marx đã lỡ chủ trương thuyết "giá trị-lao động" rồi. Phải ôm lấy thuyết đó vì dựa trên đó mà ông trình bày thuyết "giá trị thặng dư" và giải thích tại sao có "tư bản bóc lột", và "bần cùng hóa giai cấp vô sản". Trong *Das Kapital* quyển 3, Marx sửa lại rằng các phẩm vật được trao đổi dựa trên giá trị sản xuất chứ không phải giá trị lao động. Marx phải đổi giọng vì ngay lúc đó ai cũng đã thấy rằng nếu thuyết giá trị lao động đúng thì kỹ nghệ nào dùng nhiều nhân công, ít máy móc (labour intensive) chắc phải có lời hơn kỹ nghệ dùng ít nhân công, nhiều máy móc (capital intensive). Mà sự thật không phải như vậy.

Lý thuyết "bần cùng hóa giai cấp vô sản" của Marx dùng để biện minh bạo lực cách mạng. Thuyết này thì ngay từ thời Marx còn sống đã bị sự thực phủ nhận vì đời sống công nhân có cải thiện. Tới đầu thế kỷ 20, các lý thuyết gia, như Kautsky, đã phải sửa lại, đổi "bần cùng hóa tuyệt đối" thành "bần cùng hóa tương đối". (Nhưng Lenine và Staline thì vẫn khư khư nói bần cùng hóa tuyệt đối.) Thuyết kinh tế của Marx về tích lũy tư bản tiên đoán rằng các hình thức sản xuất "tiền tư bản" sẽ biến mất, chỉ còn các đại xí nghiệp, và số xí nghiệp lớn cũng càng ngày càng ít đi. Từ đầu thế kỷ 20 sự thực đã chứng tỏ các tiên đoán đó sai lầm. Những "tiên đoán" của Marx như về sự sụp đổ của chế độ tư bản, về thời điểm và địa điểm của cách mạng về sản cũng đều lầm cả.

Nhưng trước khi có người vạch ra các sai lầm hiển nhiên đó, thì một phong trào chánh trị đã bùng lên đòi cách mạng thế giới, tôn thời Marx làm thần tượng. Trên ngọn cờ đỏ người ta vẽ búá liềm chứ không ai viết một câu nào về lý thuyết "giá trị-lao động." Đã lỡ cho lỡ luôn, họ mang hình ảnh một xã hội lý tưởng vô giai cấp vẽ thành cõi Thiên Đường. Họ tiên đoán xã hội tư bản sẽ sụp đổ, cũng giống như các tín đồ thiên chúa giáo thời thế kỷ thứ nhất tin ngày tận thế sắp tới. (Ý của Camus, *L'homme révolté).*

Tóm lại, hai ý hướng trong hệ tư tưởng của Marx -- muốn làm khoa học, lại muốn làm chánh trị -- đã đúc khuôn ra một thái độ không khoa học chút nào, mà chỉ có chất tôn giáo.

Thái độ phản khoa học đó đã "bần cùng hóa" trí thức người Mác xít. Dỉnh trệ, lạc hậu là do đó mà ra.

Ý thức hệ và kinh tế học

Công trình nghiên cứu quan trọng nhất trong đời Marx là về kinh tế học, trong giai đoạn mà môn học này còn rất thô sơ. Những tác phẩm khác của ông đều là các luận đề triết học, các bản tuyên ngôn chánh trị. Do ảnh hưởng của Marx và Lenin nền kinh tế Sô Viết là nền kinh tế tập trung hoạch định và tập sản hóa. Từ lúc mới cầm quyền người Sô Viết đã thấy cách làm kinh tế đó không chạy, Lê nin đã thử thay đổi. Phải có chánh sách cai trị sắt máu của Staline mới tránh khỏi hỗn loạn. Nhưng từ đầu thế kỷ, nhất là khoảng 1930, đã có những nhà kinh tế nghiêm chỉnh tìm cách thay đổi lý thuyết kinh tế Sô viết ngõ hầu vẫn giữ được các tín điều của Mác-Lê nin. Oskar Lange đã đề nghị các mô hình toán học để "Bộ sản xuất" có thể căn cứ vào đó mà hoạch định ngõ hầu đạt được hiệu năng của một thị trường cạnh tranh tự do.

Nhưng vì nền kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa vẫn bế tắc trầm trọng mãi nên từ các thập niên 1950 mới có các đề nghị cải tổ ở Đông Âu, mà sau này thực hiện ở Hung ga ri, Nam Tư, v.v.

Nhưng các cuộc cải tổ trên đều không tiến xa được khi đụng ý thức hệ. Trong các nước Cộng sản, những tín điều không ai được chạm tới là tập sản hóa, bãi bỏ quyền tư hữu, và trung ương hoạch định, hệ quả tất yếu của chuyên chế vô sản.

Ngay cả khi những cải tổ cục bộ chứng tỏ có kết quả tốt, như việc cho tự do sản xuất và trao đổi ở quy mô nhỏ thuộc nông nghiệp và công nghệ ở Hung ga ri, thì vấn đề "quyền tư hữu các phương tiện sản xuất" cũng không được nêu lên. Nghĩa là trong thực tế người ta càng ngày càng bỏ Mác-Lê nin nhưng trên lý thuyết thì không dám nói vậy. Kinh tế gia thượng thặng của Hung ga ri, Janos Kornai đã nói: "Một bí quyết của phép lạ kinh tế gia thượng thặng của Hung ga ri là điều này: Nếu người dân được phép làm việc, họ sẽ sẵn lòng làm hết sức". (17) Nhưng các tác phẩm của Kornai không được giới kinh tế học chính quyền ở Hung chấp thuận vì không theo cùng một lối nghiên cứu. Viết về cải cách kinh tế ở Tiệp khắc Václav Klaus thuộc Hàn Lâm Viện Khoa Học Tiệp Khắc (Prague) công nhận "có quá ít công trình khoa học" nghiên cứu về bản chất của hệ thống kinh tế hiện tại cũng như các giải pháp cho nó. Các kinh tế gia Tiệp không chịu thấy sự khác biệt giữa sách giáo khoa có tánh cách lý tưởng hóa và thực tế. (18) Trong một bài báo khác năm 1980 Klaus cũng phê bình rằng việc dựng mô hình kinh toán học (econometric modeling) không phát triển được vì thiếu sự phát triển về lý thuyết kinh tế. Vì sự đè nén

của ý thức hệ nên các bài nghiên cứu của nhà kinh tế Mlcock ở Tiệp khắc sử dụng kỹ thuật "Game Theory" chỉ được truyền tay dưới dạng bản thảo. Những bài của Mlcock chống lại huyền thoại về hoạch định trung ương và tính chất toàn năng của đảng (thuật lại theo Klaus, 1989) cho nên trở thành một "khoa học kinh tế chui".

Tình trạng ý thức hệ trùm lấp khoa học xã hội đưa đến thái độ giả trá và hèn nhát rất đáng thương. Các người mệnh danh là nhà khoa học phải nghĩ một đằng, nói một đằng khác. Vì vậy nên mới có nhận xét của một nhà kinh tế ở Budapest Hung ga ri, Lazlo Csaba: "Trái với điều tin tưởng thông thường ở Tây Phương, ý thức hệ *không* là cản trở chính của những cải cách quan trọng (Csaba nhấn mạnh). Di sản của thời Staline là ý thức hệ trở thành một dụng cụ và bị coi thường. (19) Một câu chuyện do nhà kinh tế Alec Nove kể lại tiêu biểu cho sự trạng đó, ông đi Moscow gặp và thảo luận với các cố vấn kinh tế của điện Kremlin. Sau cuộc nói chuyện ông nhận xét rằng các đề nghị cải tổ của họ có vẻ theo chủ thuyết duy tiền tệ (monetarist) hơn là mác xít, chắc là Marx sẽ không thể nào đồng ý. Họ trả lời: "Đừng lo, nếu những đề nghị này mà thành công, sẽ gọi nó là Mác xít" (20).

Chỉ có ở Trung Quốc, một nước lớn và còn tự hào về nền văn hóa lâu đời, mới có người đủ tự tin và can đảm nói rằng Marx đã chết hơn trăm năm rồi các vấn đề của cuối thế kỷ 20 (ngày hôm sau *Nhân Dân Nhật Báo* (6-12-1984) sửa lại "các vấn đề" thành "tất cả mọi vấn đề.") Một viên chức cao cấp Trung quốc cũng nhận xét rằng Karl Marx chưa bao giờ có kinh nghiệm cai trị một nước tân tiến (20). Hiện nay nhờ thái độ tự tin đó mà hàng trăm ngàn sinh viên Tàu được gởi đi học ở các nước Tây phương, nhất là Bắc Mỹ, về đủ các ngành, kể cả khoa học kinh tế và khoa học quản trị. Giả thử chỉ một nửa số đó trở về nước thì dân Tàu vẫn còn lời chán.

Vì điều quan trọng mà họ học hỏi được không phải chỉ là những tổ chức, cơ chế, kỹ thuật ở Tây phương. Điều quan trọng hơn là họ thấm nhuần lề lối nghiên cứu và suy luận khoa học, không nô lệ vào một chủ nghĩa, một giáo điều nào.

Trong khi đó các nhà trí thức ở Việt Nam vẫn ngụp lặn trong "biển Thánh, rừng Nho" như thời Minh Mạng, Tự Đức, chỉ thay "Thánh, Nho" bằng Mác, Lê.

Những nhà trí thức Mác xít, như Nguyễn Khắc Viện chẳng hạn, sẽ tự bênh vực bằng luận điệu nói rằng không có khoa học xã hội nào có thể độc lập với ý thức hệ. Luận điệu đó có một phần sự thật. Nhà khoa học xã hội ở nơi nào cũng chịu ảnh hưởng của khung cảnh nơi mình sống, nhất là khung cảnh trí thức, học thuật, tư tưởng. Biết như vậy không có nghĩa là người nghiên cứu khoa học chịu thua, nhận làm đầy tớ cho một hệ tư tưởng. Ở các xứ tự do, các nhà khoa học thuộc mỗi ngành tổ chức các hội tự trị để những người trong cùng ngành chuyên môn thẩm lượng và phê phán công trình của nhau. Tiêu chuẩn để thẩm lượng không phải là các kết quả của việc tìm tòi có phù hợp với một tư tưởng chỉ đạo hay không (dù là một tư tưởng được tất cả mến yêu, tôn trọng) nhưng tiêu chuẩn phải là coi công trình tìm tòi nghiên cứu có đúng phương pháp khoa học hay không. Phương pháp khoa học là thước đo giá trị các kết quả nghiên cứu. Vinh dự của một nhà khoa học là khi nào được các đồng nghiệp cùng ngành chuyên môn thử lại diễn trình nghiên cứu của họ và tìm ra các kết quả tương tự. Không ai phải chờ coi có được giáo hội ban phép lành không, hay một nhà quyền quý có mời mình đi ăn không.

Gần đây có một giáo sư ở đại học Miền Tây Ontario -- Canada công bố kết quả cuộc nghiên cứu của ông, theo đó ông thấy người da vàng thông minh hơn người da trắng, người da trắng hơn da đen. Cả nước Canada giận dữ phản đối ý kiến kỳ thị, phân biệt màu da đó. Nhiều người kể cả Thủ tướng tỉnh Ontario, đòi cách chức ông ta ra khỏi đại học.Ông viện trưởng đại học từ chối. Một giáo sư nổi tiếng, ông Suzuki gốc Nhật, lên tiếng đả kích tác giả bài nghiên cứu trên. Nhưng lý do chính ông nêu lên là bài nghiên cứu đó dùng các phương pháp sai lầm, phản khoa học -- mặc dù ông Suzuki cũng chống lại ý kiến phân biệt màu da như hầu hết mọi người có học khác. Kể câu chuyện này chúng ta mới thấy tội nghiệp cho Lý Chánh Trung khi ông mở đầu bài nói chuyện của ông bằng lời cảm ơn đảng, và sau đó hỏi: "Nhà khoa học xã hội có quyền phạm sai lầm mà không bị quy chụp này nọ không?"

Mặc dù chúng ta biết nhà khoa học xã hội thế nào cũng chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng và khung cảnh trí thức nơi mình sống; nhưng chúng ta phải tạo nên một khung cảnh cởi mở trong đó các ý kiến khác nghịch, dù là ý kiến rất trái tai, đều được tự do nêu ra. Sai lầm duy nhất mà nhà khoa học có thể bị chỉ trích là sai lầm trong phương pháp nghiên cứu. Chúng ta không thể vì biết khoa học xã hội có thể bị ý thức hệ ảnh hưởng mà từ bỏ khoa học và chủ tâm lấy ý thức hệ làm thước đo cho việc nghiên cứu khoa học. Cũng giống như khi bàn chuyện nước uống. Giả thử ai cũng nói nước ở đâu cũng bị ô nhiễm cả. Nhưng cái đó đâu phải là lý do để ta đem làm dơ nước trước khi uống?

Tánh cách giáo điều của chủ nghĩa Mác xít tạo nên thái độ phản khoa học. Nhưng chủ nghĩa Mác còn tác hại cho việc nghiên cứu khoa học hơn nữa, vì đảng viên Cộng Sản cứ phải suy tôn nó là một chủ nghĩa khoa học. Vì suy tôn Mác xít là "chủ nghĩa xã hội khoa học" nên người ta thờ nó làm mẫu mực

và không còn được tìm hiểu thế nào là phương pháp suy luận khoa học nữa. Vì nếu biết căn bản lối suy luận khoa học là gì thì tự dưng người ta sẽ hiểu Mác xít không có chút tánh chất khoa học nào ráo trọi.

Chủ nghĩa Mác không khoa học

Karl Marx thừa hưởng kiến thức của thời đại ông ta. Đó là thời kỳ phôi thai của khoa kinh tế học, và các môn khoa học tự nhiên cũng vẫn còn chập chững, dù đã có tiến bộ.

Trong khi các nhà kinh tế như Adam Smith, Ricardo tìm hiểu về đời sống kinh tế, hiện tượng phát triển kinh tế với một số ý kiến dè dặt, thì Marx và Ang ghen đã vội vàng nhảy vào kinh tế học với niềm tin rằng có thể bắt chước cách lý luận của khoa học tự nhiên vào môn kinh tế, một khoa học xã hội. Khởi thủy Marx là một triết gia có ý hướng cải cách xã hội, pha trộn triết học Hegel, Feuerbach, chủ nghĩa xã hội Pháp, và kinh tế học Anh để cổ động giai cấp vô sản lật đổ chế độ tư bản *(Các bản thảo kinh tế và triết học, 1844)*. Từ phạm vi triết học, Marx nhảy sang địa hạt kinh tế để tạo cho niềm tin của ông một màu sắc khoa học. Ông là một nhà văn giỏi, trình bày khéo léo, có đầu đuôi, nên thuyết phục được nhiều người. Kể từ đầu thế kỷ 20 thì các luận đề về kinh tế của ông đã hiển nhiên lỗi thời hoặc sai lầm. Các kinh tế gia Mác xít cũng phải từ bỏ các luận đề kinh tế của Mác. Từ đó các môn đệ của ông chỉ đào sới trong các tác phẩm thời còn trẻ của Marx để tìm cách chữa chạy cho chủ nghĩa về mặt triết học mà thôi. Họ bỏ khoa học, trở về siêu hình học.

Thuyết duy vật lịch sử của Marx là một đóng góp quan trọng, ảnh hưởng cả những người không theo Marx. Ông thấy rằng đời sống vật chất, đặc biệt là phương pháp sản xuất là yếu tố quyết định các yếu tố xã hội cũng như tâm thức con người. Nói rằng đời sống kinh tế có ảnh hưởng rất lớn đến sinh hoạt tinh thần thì chắc ai cũng công nhận là có phần đúng, nói chung. Nhưng quả quyết rằng "phương pháp sản xuất là yếu tố quyết định duy nhất" thì người có tinh thần khoa học phải dè dặt nghi ngờ.

Sở dĩ Ang ghen gọi chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa xã hội khoa học, để đối chọi với chủ nghĩa xã hội không tưởng của các nhà cải cách Pháp, là vì hai lý do. Lý do thứ nhất là các lý luận của Mác khoác bộ áo thực tế, vì ông đã đưa ra các sự kiện và biện pháp cụ thể. Nhưng gán cho tính từ "khoa học" là một chuyện lạm dụng. Sự lạm dụng đó bắt đầu từ sự hiểu lầm thế nào là cách suy luận khoa học. Những trang lý luận của Marx về thuyết Duy Vật Lịch Sử rất là ngắn ngủi so với các sách của ông. Những sự kiện ông nêu lên có tánh cách văn chương chứ không phải khoa học. Đến khi ông tiên đoán về tương lai thì nếu đúng tinh thần khoa học những điều tiên đoán đó phải được sự thật nghiệm chứng. Các tín đồ của ông không bao giờ bỏ thời giờ nghĩ đến chuyện đó. Họ chỉ thấy các nhà tư tưởng như Fourier, Owen, Saint-Simon... chỉ vẽ ra một giấc mơ về cái xã hội trong đó không ai có quyền tư hữu để hết kẻ nghèo người giàu. Marx cũng ôm giấc mơ đó nhưng lại tìm cách lý luận và chứng minh (bằng văn chương) rằng cái xã hội trong mơ này sẽ tất yếu thành hình vì chính Marx đã tìm ra định luật tiến hóa khách quan của lịch sử. Điều thứ hai khiến Marx được coi là không mơ mộng, không tưởng là ông đã hô hào giai cấp vô sản phải dùng bạo lực để dọn đường cho giấc mơ đó thành sự thật, chứ không phải cứ ngồi chờ và mơ mộng hão.

Coi chủ nghĩa Mác là một chủ nghĩa khoa học chứng tỏ trình độ ấu trĩ trong hiểu biết về cách suy luận khoa học. Ngành triết lý khoa học (Philosophy of Science) từ thế kỷ 19 sang thế kỷ 20 đã tiến triển rất nhiều. Vào thời của Marx các khoa học Vật lý, Hóa học có thể đưa ra một đề án (proposition) rồi làm thí nghiệm, đo lường để thấy mệnh đề đó được chứng nghiệm. Do đó kết luận rằng đề án nêu trên là một hiểu biết khoa học.

Lối suy luận trên có giá trị ở phạm vi nhỏ, cụ thể, với các hiện tượng có thể đo lường trực tiếp. Thí dụ như đo khoảng cách di chuyển trong động lực học, đo lường phản ứng vài chất hóa học v.v.

Nhưng khi khoa học đi vào các phạm vi lý thuyết hơn, tổng quát hơn, với các hiện tượng không thể đo lường trực tiếp mà chỉ có thể đo lường hệ quả của nó, thì lề lối suy luận trên có giá trị rất hạn chế. Từ khi vật lý lượng tử (Quantum) ra đời thì ngay cả khoa vật lý học cũng trở nên khiêm tốn hơn, lìa bỏ lối suy nghĩ xác suất (probabilistic). Một đề án gọi là khoa học không còn do tính chất "khả dĩ kiểm chứng" (verifiability) của nó nhưng là do tính chất "khả dĩ phủ nhận" (falsifiability) (21). Những lý giải quan trọng từ Stuart Mill tới Karl Popper và sau này Whitehead đã đổi lối suy luận khoa học, nhất là về khoa học xã hội. Theo Popper, để giải thích các hiện tượng ta có thể đưa ra một giả thuyết, rồi tìm cách kiểm chứng giả thuyết đó bằng sự kiểm chứng giả thuyết đó bằng sự kiện. Nếu các sự kiện cho thấy kết quả đúng như điều mà giả thuyết trên tiên đoán với một xác suất lầm lẫn nhỏ, thì ta kết luận rằng giả thuyết trên có thể dùng được như một hiểu biết khoa học. Nhưng biết đâu có ngày người khác sẽ tìm ra sự kiện phủ nhận giả thuyết đó. Khi đó, một giả thuyết khác sẽ được nêu lên, và lại đem ra kiểm chứng. Sự tiến bộ của khoa học là do các giả thuyết sau lần lượt thay thế các giả thuyết trước đã bị

phủ nhận với một xác xuất cao.

Một thí dụ giản dị để các độc giả không chuyên môn tiện theo dõi. Chúng ta có thể nêu lên một giả thuyết: Ông X là một người nghèo. Theo đường lối "khả dĩ kiểm chứng" thì chúng ta có thể nêu lên các chứng cớ: Ông X nhà cửa chật chội, quần áo rách rưới v.v. và kết luận rằng đề án trên là một giả thuyết đã được kiểm chứng.

Với đường hướng "khả dĩ phủ nhận" thì chúng ta chỉ có thể coi đề án trên là chưa bị phủ nhận mà thôi. Biết đâu sẽ có lúc người ta tìm ra rằng ông X có một chương mục lớn ở ngân hàng, khi đó ta sẽ phải nêu một giả thuyết mới về ông X, thay thế giả thuyết cũ.

Khi chúng ta coi lại các đề án trong chủ nghĩa Mác xít thì thấy hầu hết các tiên đoán rút ra từ Mác xít đều bị thực tế phủ nhận. Cứ tiếp tục gọi Mác xít là một chủ nghĩa khoa học thì không còn cách nào hiểu khoa học là gì nữa.

Điều đó ở ngoài nước Việt Nam ai cũng biết và không cần nói ra làm gì. Rất tiếc là những vị trí thức tiến bộ ở trong nước Việt Nam không nhìn thấy, hoặc không dám nhận là đã nhìn thấy điều đó. Nếu họ cứ tiếp tục thờ phụng tín ngưỡng Mác-Lê nin, mà lại đòi hỏi phải tự do nghiên cứu khoa học xã hội, thì dù đảng Cộng Sản có cởi trói, khoa học xã hội cũng không đi xa hơn được. Chỉ còn mươi năm nữa chúng ta sẽ vào thế kỷ 21. Đến bao giờ người Việt Nam mới được đi vào thế kỷ 20?

Cởi trói đi về đâu?

Đòi hỏi cởi trói cho khoa học xã hội ở Việt Nam đã bắt đầu từ năm 1981, khi Nguyễn Khắc Viện dâng kiến nghị bảy điều, mà điều thứ sáu là "Xây dựng một nền khoa học xã hội xứng với vai trò nghiên cứu, đề xuất vấn đề, chứ không phải chỉ để minh họa những chủ trương ở trên." Tới cuối năm 1988. Lý Chánh Trung lại đặt câu hỏi "Chủ nghĩa Mác-Lê nin có nhất thiết phải là nền tảng, và cái khung, là định hướng của tất cả các bộ môn hay không?" và "Tiêu chuẩn của sự thật trong khoa học xã hội là gì... hay là vẫn coi kinh điển Mác-Lê nin là tiêu chuẩn duy nhất?" Ở bên ngoài, Lê Thành Khôi cũng đặt câu hỏi về "ba khái niệm cơ bản của hệ tư tưởng Mác xít" là "cái sống định cái giác ngộ", đấu tranh giai cấp", và "chuyên chính vô sản" để thấy khi mang các khái niệm trừu tượng đó bắt sự thật phải rập theo thì thất bại là chuyện hiển nhiên. Trong phạm vi sử học, Lê Thành Khôi cũng phân tách rằng xã hội Việt Nam thời cổ không thể coi là xã hội phong kiến, và mô thức sản xuất châu Á (mode de production asiatique) của Mác-Ang ghen không hề có ở Việt Nam như điều các sử gia trong nước cố chứng minh cho phải đạo. (22)

Cũng như các nông dân ở Hung ga ri và ở Trung Quốc, khi được phép tự do làm việc họ sẽ hết sức làm việc; những người được phép suy nghĩ cũng sẽ dùng óc suy nghĩ.

Câu hỏi là: liệu tình hình ở Việt Nam có thuận lợi cho sự cởi trói và sự suy nghĩ để khoa học xã hội phát triển hay không?

Có rất nhiều lý do để trả lời là không.

Thứ nhất là lãnh đạo. Ở Hung, Liên Sô, Trung Quốc, cải tổ kinh tế hoàn toàn là do lệnh trên ban xuống. Lãnh đạo cởi trói nhưng vẫn giữ chặt giây thừng, để khi cần là siết lại. Những người cầm đầu đảng Cộng Sản Việt Nam vốn là những người thực tế, không phải lý thuyết gia. Họ nắm được quyền là nhờ kinh nghiệm chỉ huy quân sự, thủ đoạn tổ chức chánh trị. Họ đang ở tình trạng phải giải quyết các vấn đề cấp bách nên không thể có thời giờ quan tâm đến các chuyện xa xôi như khoa học xã hội. Họ có thói quen coi tất cả là phương tiện phục vụ cho chánh trị, nghĩa là cho việc nắm quyền của họ. Liệu các công trình nghiên cứu đích thực khoa học có giúp họ củng cố quyền bính không?

Thứ hai là người trong nghề. Đội ngũ những người làm công tác khoa học xã hội đều được huấn luyện theo lối kinh viện. Họ làm việc trong các ngành ít tính chất khoa học thực nghiệm nhất, như là triết lý Mác xít, sử học và văn học. Những người đi học ở Liên Sô và Đông Âu thì cũng chỉ học được một số kỹ thuật nghiên cứu chứ không hy vọng học đâu được tinh thần và phương pháp khoa học. Các ngành quan trọng như kinh tế, quản trị, xã hội học thì vẫn không có gì. Tinh thần giáo điều và tín ngưỡng Mác xít là trở ngại lớn nhất khiến họ không biết cách đặt những câu hỏi thích đáng, không biết đặt câu hỏi đúng thì làm sao có thể tìm tòi đúng.

Thứ ba là định chế, khoa học xã hội phát triển nếu những người cùng ngành có thể tự tổ chức và tự thẩm lượng lẫn nhau, không bị chánh trị hay tôn giáo chi phối. Không những họ có tự do và độc lập về tổ chức mà còn phải tự do lập nhiều tổ chức để cạnh tranh lẫn nhau và trao đổi với cả thế giới. Ở một nước tự do có nhiều hội kinh tế, nhiều hội về tâm lý học, nhiều hội về kế toán học, vân vân. Trong các nước Cộng Sản đó là điều không thể hình dung ra nổi. Chỉ khi nào đảng Cộng Sản từ bỏ vai trò của nó thì những trở ngại về định chế mới vượt qua được. (Khi ở Sài gon bàn đến việc lập nhiều đảng để cạnh tranh nhau, trên báo *Sài gòn Giải Phóng* đã có đề nghị lập thêm một đảng Cộng Sản!)

Sau cùng là tài nguyên. Việc nghiên cứu khoa học xã hội cũng tốn kém, mà kết quả thực tế thì rất khó đo lường, có khi rất xa vời. Trong tình trạng nghèo nàn ở Việt Nam liệu có ai muốn đầu tư vào việc thay đổi định chế, đào tạo nhà chuyên môn theo lối suy nghĩ

mới hay không? Người cầm quyền trong đảng không nhìn thấy những lợi ích xa, nhưng chỉ lo các hậu quả tai hại gần. Tai hại trước mắt là những lời phê bình, chỉ trích chế độ mà sự phát triển của khoa học xã hội thế nào cũng đưa tới. Sẽ không ai muốn đầu tư một cách phí phạm như vậy.

Nói đủ các lý do, nhưng tựu chung vẫn là lý do chánh trị. Trần Văn Giàu đã thấy sự lạc hậu của khoa học xã hội ở Việt Nam là do đảng Cộng Sản. Nhưng ông chỉ thấy đó là do cách lãnh đạo của đảng. Tìm đến nguồn gốc sâu xa hơn nữa, thì chính sự có mặt của cái đảng đó trên đất nước Việt Nam là nguyên nhân của tình trạng lạc hậu, không những trong khoa học xã hội, mà trong đủ các thứ khác. Chứng cớ? Chỉ cần so sánh Việt Nam ngày nay với Đại Hàn, Đài Loan, Tân gia Ba, cũng như người ta vẫn so sánh Tiệp Khắc với Áo quốc, Lithuanie, Estonie với Phần Lan, Thụy Điển.

Một nửa nhân loại bị mang làm thí nghiệm cho chủ nghĩa Mác-Lê nin hơn nửa thế kỷ rồi. Đến lúc phải ngưng.

Một câu chuyện hài hước rất ý nghĩa có thể kết luận bài này. Hai người Nga hỏi chuyện nhau:

- Theo anh thì chủ nghĩa Cộng Sản do một nhà triết học hay một nhà khoa học đặt ra?

- Tôi nghĩ đó là một nhà triết học.

- Tôi cũng nghĩ vậy. Vì khi một nhà khoa học chế ra cái gì thế nào họ cũng phải đem thử bằng chuột trước đã chứ!

VƯƠNG HỮU BỘT

Chú thích:

1- Lý Chánh Trung "Thử tìm giải pháp cho một môn học mà thầy không muốn dạy, trò không muốn học", báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* 13-11-1988, Sài gòn. Bài này do Quang Vĩnh ghi lại lời Lý Chánh Trung bàn về việc dạy chủ nghĩa Mác-Lê nin.

2- Trần văn Giàu, "Nguyên nhân chủ yếu của sự lạc hậu về Khoa Học Xã Hội là do sự lãnh đạo của đảng", *Tuổi Trẻ*, 27-10-1988, Sàigòn. Do Quang Vĩnh ghi lại.

3- Nguyễn Khắc Viện "Tiếp xúc và tiếp nhận chủ nghĩa Mác", *Tổ Quốc*, tháng 5-1988.

4- Nguyễn Hiến Lê, *Hồi Ký* tập 3, *Văn Nghệ*, 1988, California, USA.

5- Nguyễn Khắc Viện, Phỏng vấn của Vĩnh Xương và Bình Minh, *Đất Việt*, 8-1988, trang 44 -- Montréal, Canada.

6- Winiecki, Jan, *Gorbachev's way out*, CRCE, 1988, London, England. Ông Winiecki là một giáo sư kinh tế học hiện làm việc ở Ba Lan.

7- Nguyễn Khắc Viện, "Làm tốt công tác thông tin hai chiều" *Nhân Dân*, 16-3-1980.

8- Trích từ "Những bài học đau xót của Khoa Học Xã Hội Việt Nam" của Trương Vân Tiên, *Sài Gòn Giải Phóng*, 15-11-1988.

9- Trương Vân Tiên, bài đã dẫn.

10- Nguyễn Khắc Viện, "Khoa Học Xã Hội để làm gì?" *Nhân Dân*, 1-6-1988.

11- Nguyễn Khắc Viện, "Bàn về Dân Chủ", *Tổ Quốc*, 2-1988.

12- Lukacs, G., *Lịch Sử và ý thức giai cấp*, bản Anh ngữ *History and Class Consciousness*, London: Merlin Press, 1971 -- trang 1.

13- Marcuse H *One Dimensional Man*, London: Abacus 1972, trang 19-20.

14- Lukacs, G, Sách đã dẫn, trang 50.

15- Lê thành Khôi "Về Ba Khái Niệm", *Đoàn Kết* Paris, 5-1988, trang 22.

16- Phỏng vấn, báo *Đoàn Kết*, Paris, tháng 11, 12-1987.

17- Kornai, J., "The Hungarian Reform process: visions, hopes, and reality" *Journal of Economic Literature*, tháng 12-1986, trang 1706-07.

18- Klaus, Václav, "Socialist Economies, Economic Reforms and Economists: Reflection of a Czechoslovak Economist", *Communist Economies*, số 1, 1989, trang 91.

19- Csaba, L., "Some Lessons from Two Decades of Economic Reform in Hungary", *Communist Economies*, 1-1989 trang 23.

20- Theo Franak Chapelle trong bài tựa cuốn *Marxian Utopia* của Neven Sesardíc, CRCE, London 1985.

21- Popper, K.R, *Logik der Forschung (lô gích của việc khảo cứu) xuất bản lần đầu năm 1934 ở Vienna, Áo quốc. Đã dịch ra nhiều thứ tiếng.*

22- Lê Thành Khôi, Histoire du Viet Nam, Paris: Sud Est Asie, 1981, trang 130 và 137.

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

NGÔ CHÂU VĂN

BẮT ĐẦU HẠ BỆ HUYỀN THOẠI HỒ CHÍ MINH

Có hai huyền thoại cộng sản Việt Nam nhất định ôm giữ. Một là thần thánh hóa Hồ Chí Minh, đổ mọi sai lầm, hủ bại cho đồ đệ của Hồ chứ không nhận rằng mọi thối nát, suy sụp trên đất nước Việt Nam là do Hồ Chí Minh gây ra tất cả. Thứ hai là huyền thoại Chống Mỹ Cứu Nước, không chịu nhận rằng cuộc chiến tranh 1960-1975 là do miền Bắc gây ra nội chiến Nam-Bắc, làm chết bao nhiêu mạng người dân một cách vô ích.

Huyền thoại thứ hai đã đổ vỡ từ ngay sau khi người miền Bắc vô chiếm miền Nam và thấy dân miền Nam sung sướng, tự do hơn họ nhiều. Nhất là bây giờ Cộng Sản Việt Nam lại đang xin Mỹ trở lại, quỳ lạy, van xin đủ cách.

Nhưng chúng nhất định bảo vệ huyền thoại "Bác Hồ". Khroutchev, Gorbachev có thể chửi Stalin thậm tệ nhưng vẫn giữ Lênin để biện minh cho vai trò của đảng Cộng Sản. Một số sử gia ở Liên Sô đã bắt đầu khơi ra những tội ác của Lênin.

Ở Việt Nam chưa ai dám công khai kể tội Hồ Chí Minh. Nếu có thì cũng hết sức bóng gió, như Nguyễn Huy Thiệp trong truyện ngắn "Kiếm Sắc: và "Vàng Lửa". Khi bọn lãnh đạo hội nhà văn Cộng Sản nhận ra, chúng bèn đập ngay. Nhưng chúng không dám kể tội Nguyễn Huy Thiệp một cách công khai, vì nếu kể công khai tức là nhận rằng có người văn nghệ đòi hạ bệ Hồ Chí Minh.

Trong truyện ngắn hai phần này Nguyễn Huy Thiệp lấy hình ảnh Nguyễn Ánh để nói về Hồ Chí Minh. Nguyễn Du là người văn nghệ sống dưới chế độ Cộng Sản. Trong đoạn thứ hai, "Vàng Lửa," Nguyễn Huy Thiệp phải mượn lời một người Pháp ở Việt Nam vào thời Gia Long để chửi Hồ Chí Minh qua nhân vật Nguyễn Ánh.

Đây là hình ảnh Hồ Chí Minh-Nguyễn Ánh:

"Nhà vua là một khối cô đơn khổng lồ. Ông đóng trò rất giỏi trong triều đình. Ông đi ra đi vào, ra các mệnh lệnh, chấp nhận sự tung hô của bọn quần thần. Ông là người cha nghiêm khắc của lũ con ích kỷ, dần độn. Là người chồng đáng kính của các bà vợ tầm thường... Ông biết ông đã già, với bọn cung tần mỹ nữ trẻ đẹp ông bất lực. Ông biết rõ cái triều đình thiển cận ông dựng lên, biết rõ quốc gia mình nghèo đói. Ông luôn lo sợ bởi quyền lực nắm trong tay, nó lớn ngoài sức chứa một con người..."

Đây là hình ảnh Nguyễn Du-Văn Nghệ sĩ:

Một hôm, Lân vào nghỉ ở một quán trọ ven đường, thấy có một người cốt cách hiền lành, dáng điệu bồn chồn đang ngồi uống nước chè suông. Hai người nói chuyện. Lân ngạc nhiên thấy người này trong trẻo lạ lùng, tâm hồn sạch như nước ở núi ra.

Liên hệ giữa Nguyễn Du (văn nghệ sĩ) với nhân dân Việt Nam, và nền văn minh Trung Hoa (tượng trưng cho Cộng Sản thế giới bây giờ) qua con mắt François, người Pháp:

Ông ta (tức Nguyễn Du) có sự thông cảm sâu sắc với nhân dân. Ông yêu nhân dân mình. Ông đại diện cho nhân dân ở phần u uẩn nhất, trữ tình nhất nhưng cũng đáng thương nhất. Vua Gia Long không đại diện cho ai, ông chỉ chịu trách nhiệm với mình. Đây là điều vĩ đại nhưng cũng dễ tiện khủng khiếp. Nhà vua có cách nhìn thực tiễn với chính từng khắc tồn tại của bản thân như thế cũng là của dòng họ, của quốc gia, của dân tộc. Ông biết xót thân ông. Nguyễn Du thì khác, Nguyễn Du không biết xót thân. Ông thông cảm với những đau khổ của các số phận đơn lẻ mà không hiểu nổi đau khổ lớn của cả dân tộc. Đặc điểm lớn nhất của xứ sở này là nhược tiểu. Đây là một cô gái đồng trinh bị nền văn minh Trung Hoa cưỡng hiếp. Cô gái ấy vừa thích thú vừa nhục nhã, vừa căm thù nó.

François so sánh Nguyễn Du (Văn nghệ) với vua Gia Long (Hồ Chí Minh)

Nguyễn Du sống dân dã, ông hồn nhiên chịu đựng sự nghèo túng cùng nhân dân. Ông không đứng cao hơn họ, không hưởng thụ cao hơn họ, và như

thế, ông hoàn toàn không biết làm chính trị. Tất cả đời sống vật chất của ông do những hoạt động cù lần mang lại, năng suất thấp, chỉ thỏa mãn những nhu cầu tối thiểu. Lòng tốt của ông là thứ lòng tốt nhỏ, không cứu được ai. Vua Gia Long thì khác. Ông khủng khiếp ở khả năng dám bỡn cợt với tạo hóa, dám mang cả dân tộc mình ra lường gạt, phục vụ cho chính bản thân ông.

và mô tả cuộc gặp gỡ giữa hai bên:

"Nhà vua nghe tôi một cách lơ đãng. Tôi có cảm giác ông bị nặng tai nhưng không phải. Ông không coi Nguyễn Du ra gì, hoặc có thể ông coi Nguyễn Du là một con ngựa giống tốt trong cả đàn ngựa, lợn, bò, gà mà ông chăn dắt. Ông bảo: "Trẫm có biết người ấy. Cha nó là Nguyễn Nghiễm. Anh nó là Nguyễn Khản". Tôi thấy nhà vua hiểu sự bất lực của ông đối với đời sống nghèo khổ, và những trì trệ của dân tộc ông.

Đoạn chót của truyện "Vàng Lửa" tả đoàn người đi đào vàng, giống như cảnh quân Việt Cộng sang đánh Cam bốt. Nguyễn Huy Thiệp đưa ra ba đoạn kết khác nhau để độc giả tự ý lựa chọn. Câu kết luận rất rõ nghĩa.

Triều Nguyễn của vua Gia Long lập ra là một triều đại tệ hại. Chỉ xin lưu ý bạn đọc đây là một triều đại để lại nhiều lăng.

Người đọc ở Việt Nam không ai không nhớ đến "Lăng Bác", kiến trúc duy nhất của thời đại Hồ Chí Minh còn để lại. Nguyễn Huy Thiệp có thể mất mạng vì câu văn "đột kích" này.

NGÔ CHÂU VĂN

CHUYỆN BANG GIAO MỸ - VIỆT NAM

NGUYỄN HỮU CHUNG

Trong 14 năm qua, tôi được đọc và nghe ít nhất 101 lời giải thích vì sao miền Nam Việt Nam mất vào tay Cộng sản. Nói chung thì những lời giải thích nầy gồm hai loại: loại một đổ lỗi cho người Việt Nam, loại hai đổ lỗi cho người Mỹ. Không muốn làm một kẻ ba phải, nhưng tôi thấy ai cũng có lý, từ một ký giả tới một nhân viên CIA viết sách để đánh lạc dư luận (disinformation), từ một Hoa thương ở Chợ Lớn cho tới một nhân sĩ chuyên nghề chống Cộng.

Cái lỗi của người Việt Nam không phải là đề tài của bài nầy.

Bài nầy cũng không nói về cái lỗi của người Mỹ, chỉ xin bàn về lý do hành động của người Mỹ, 14 năm trước và hôm nay.

Mười bốn năm trước, nghĩa là những chuyện xảy ra trong những năm cuối của cuộc chiến, vì tôi cũng không muốn bàn đến hành tung của người Mỹ trước đó, ở những thời điểm quan trọng khác như giai đoạn 1963-67, 1954, 1945 v.v...

Năm 1975, người Mỹ bỏ Việt Nam Cộng Hòa vì 2 lý do: chiến lược và phản bội.

Về chiến lược, động lực hành động của họ là sự phát hiện những mâu thuẩn sâu xa giữa Nga và Tàu, giữa Tàu và Việt và giữa Việt và Miên. Những sự mâu thuẩn đó làm các nước nầy kình chống lẫn nhau tạo một thế thăng bằng, bảo đảm sự an ninh của vùng Đông Nam Á mà không cần sự có mặt quân sự của người Mỹ. Chiến lược đắp đê, be bờ khởi xướng trong những năm 1950 bởi ngoại trưởng J.F. Dulles và Tổng thống Eisenhower không còn cần thiết nữa. Người Mỹ an tâm rời khỏi Nam Việt Nam, và họ đã làm năm 1972. Điều đó không có gì đáng trách. Nhưng rút quân khỏi Việt Nam là một chuyện phản bội là một chuyện khác.

Trong chuyện phản bội có hai sự việc khác nhau: thứ nhất là sự phản bội của đồng minh Mỹ đối với Việt Nam Cộng Hòa, thứ hai là sự phản bội của một số người Mỹ đối với nước Mỹ. Về sự phản bội thứ nhất thiết tưởng không cần phải nói vì ai cũng biết và rất nhiều người đã nói. Điều đáng nói nhưng chưa ai nói là sự phản bội thứ hai, và chính nó cũng là nguyên nhân của sự phản bội thứ nhất.

Trên nguyên tắc, khi chiến tranh chấm dứt thì Mỹ phải bồi thường cho Bắc Việt khoảng 3 tỷ đô la và viện trợ tái thiết để củng cố miền Nam khoảng 1 tỷ mỗi năm, trong nhiều năm. Ở xứ Mỹ, ngân sách do Quốc hội nắm. Vào khoảng 1975 thì mỗi năm Quốc hội biểu quyết một ngân khoản ngoại viện chừng 3 tỷ. Trong số nầy, Việt Nam Cộng Hòa lảnh 500 triệu viện trợ kinh tế và hơn 1 tỷ viện trợ quân sự. Phần còn lại chia cho các nước khác, trong đó xứ Do thái được khoảng 300 triệu. Xứ Do Thái sống nhờ phần lớn vào sự đóng góp của dân Do thái khắp thế giới. Kissinger và cộng đồng Do Thái ở Mỹ muốn thu hồi số tiền 1 tỷ rưỡi chi cho VNCH mỗi năm để viện trợ cho xứ Do Thái. Muốn được vậy, không phải chỉ có rút quân Mỹ khỏi Việt Nam, mà phải dứt bỏ Việt Nam Cộng Hòa, bỏ theo cái kiểu 1975, không thương tiếc, không dây dựa. Bỏ, không có nghĩa chỉ xách quần đi, mà phải tiêu diệt, khi ra đi, tinh thần chiến đấu của miền Nam và mang theo những phương tiện chiến đấu.

Người Do Thái ở Mỹ chỉ chiếm chừng 3% dân số, nghĩa là khoảng 7-8 triệu người. Nhưng họ hiện diện khắp mọi nơi, nắm những địa vị then chốt trong guồng máy chánh phủ. Quan trọng hơn, họ nắm trong tay những định chế tài chánh (financial institutions) và bộ máy truyền thông đại chúng (mass media). Nói một cách nôm na, họ có nhiều tiền và làm chủ nhiều đài truyền thanh, truyền hình và báo chí. Họ đã thực hiện chiến dịch của họ một cách khoa học và tỉ mỉ. Hồi đó nhiều người lầm tưởng rằng các phong trào phản chiến là do gián điệp Nga yểm trợ và các hyppies, các anh trốn lính lảnh đạo. Phong trào phản chiến ở Mỹ, từ đầu tới cuối, do người Do Thái, trực tiếp hoặc gián tiếp, lảnh đạo. Ai có trí nhớ tốt, ngẫm lại sẽ rõ. Ai không có trí nhớ, vào thư viện đọc lại mấy tờ báo cũ (điển hình là New York Times) thì sẽ rỏ. Dùng tiền và ảnh hưởng, họ chi phối Quốc hội. Dùng bộ máy truyền thông, họ đã bi thảm hóa chiến tranh, mỗi ngày đưa đến tận các gia đình Mỹ hình ảnh những người lính Mỹ bị thương, rên siết, những thây ma chết sình v.v., khiến dư luận Mỹ phát nôn khi nghe nói đến chiến tranh. Tệ hại

hơn, họ phóng đại những thối nát của Việt Nam Cộng Hòa, chánh quyền tham nhủng, quân đội hèn nhát v.v., tạo cho người Mỹ ấn tượng rằng Việt Nam Cộng Hòa đáng bị bỏ rơi, rằng Việt Nam Cộng Hòa là một con bịnh ung thư ở thời kỳ chót, sống thêm ngày nào tốn tiền nhà thương ngày ấy. Họ đã rất giỏi, trời còn giúp họ, bởi vì sau khi hiệp định Paris được ký kết thì Tổng thống Nixon bị mất chức, và một củ khoai Ford, được đặt vào ghế Tổng thống. Kissinger tự do hoành hành. Ông ta dùng những hoạt động ngoại giao để đưa dư luận hướng về Âu châu và Trung đông, để bỏ quên Việt Nam. Ông được sự hỗ trợ tích cực của Polgar (vô tình, cũng là một người Do Thái, được bổ nhiệm đến Sàigòn năm 1972), chỉ huy trưởng cơ quan CIA ở Việt Nam. Ông nầy làm những phúc trình tình báo lệch lạc để gạt Quốc hội. Màn kịch cuối cùng do những người này diễn là cuộc viếng thăm Việt Nam Cộng Hòa vào tháng 2-1975 của một phái đoàn dân biểu Mỹ do Bella Abzug, dân biểu New York (vô tình, cũng Do thái) hướng dẫn. Bà nầy rất tài. Tôi có gặp bà ta. Không cần về Mỹ để làm phúc trình nọ kia, bà cung cấp cho đạo binh truyền hình và ký giả theo bà những hình ảnh vừa khôi hài, vừa nham nhở của Việt Nam Cộng Hòa, qua các cuộc viếng thăm, chất vấn v.v. Đó là một chiến dịch đầu độc vô cùng tinh vi. Tháng Ba, Việt Cộng tấn công, tháng Tư Việt Nam Cộng Hòa tắt thở, dư luận Mỹ không một chút tiếc thương, Kissinger ngạc nhiên (!), lên án (!) Bắc Việt vi phạm hiệp định Paris. Chính Hà nội cũng đã lọt vào bẫy, không thể đòi bồi thường chiến tranh nữa vì đã vi phạm hiệp định Paris. (Hà nội lúc đó đang say máu, có biết gì. Bây giờ chạy theo Mỹ lạy lục xin vài triệu mới thấy cái nhục). Kết quả cuối cùng của chiến dịch của những người Do thái là hiệp định Camp David. Ai Cập và Do Thái chia nhau mỗi năm hơn 2 tỷ đô la, phần lớn tiền lấy từ ngân khoản trước dành cho VNCH. Cả vú lấp miệng em! Ai cập là kẻ thù mạnh nhất của Do Thái ở Trung Đông, mỗi năm xè tay lảnh tiền Mỹ, đã trở thành bạn của Do Thái.

Câu chuyện Mỹ - Việt Nam Cộng Hòa năm 1975 không phải chỉ là một sự phản bội của Mỹ đối với đồng minh mà còn là sự phản bội của một số công dân Mỹ đối với quốc gia Mỹ. Với những sự vận dụng của những người nầy, nước Mỹ trước 1975 như một người đàn bà say rượu, ai muốn cởi quần thì cởi. Nhưng sau 1975, tỉnh lại, họ thấy nhục. Việt Nam là cái nhục lớn nhất của dân tộc Mỹ, kể từ ngày lập quốc. Cái nhục ươn hèn, cái nhục phản bội. Dân tộc Mỹ đâu có tệ như vậy. Nhưng họ sẽ phải mang cái nhục đó trong suốt dòng lịch sử của họ vì những công dân phản trắc.

Đó là chuyện 1975. Chuyện 1989, khi nước Mỹ quyết định bang giao với Việt Cộng thì họ không phản bội ai cả, có chăng là phản bội với cái hồn ma Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng đó không phải là vấn đề người Mỹ lưu tâm. Họ hành động hoàn toàn vì lý do chiến lược. Đó là vì cái thế thăng bằng ở Đông Nam Á mà họ thấy hồi 1975 bây giờ sắp sụp đổ. Có vài nhà báo nói chuyện với tôi cho rằng việc Mỹ bang giao với VC nằm trong thỏa thuận chung giữa Nga-Mỹ, trong đó có việc Nga rút khỏi Afghanistan, Cuba rút khỏi Angola, Việt Cộng rút khỏi Miên, ngược lại Mỹ ngưng viện trợ cho đám Contras ở Nicaragua, giảm viện trợ cho đám loạn quân ở Nicaragua, bang giao và ngưng phong tỏa Việt Cộng v.v... Điều này có phần đúng vì ta đang ở trong bối cảnh của một cuộc hòa điệu thế giới mà Nga, Mỹ đã dàn xếp. Nhưng lý do chánh trong quyết định của Mỹ là sự sụp đổ gần kề của Cộng sản Việt Nam. Sự phá sản về kinh tế tới mức cùng cực, sự chia rẻ trầm trọng trong guồng máy lãnh đạo, sự bất mản của những phần tử trong quân đội khiến hổn loạn có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nhưng ai sẽ là kẻ hưởng lợi trong sự sụp đổ của VC? Chắc chắn không phải là Mỹ. Cũng không phải là những người Việt đồng minh củ. Những người này, xét cho cùng, vẫn hăng say chống Cộng nhưng họ không có một tổ chức có sức mạnh khả dĩ có thể trở về nắm lấy tình hình khi có nội loạn ở Việt Nam. Một cuộc nội loạn gây sụp đổ chính quyền Hà Nội chỉ có lợi cho Trung quốc, vì chỉ có Trung quốc mới có vị thế địa dư, có phương tiện, có nhân sự tại chỗ để áp đặt một chánh quyền do họ kiểm soát. Một chánh quyền VN do Trung quốc kiểm soát sẽ đẻ ra một chánh quyền ở Cao Miên cũng do Trung quốc kiểm soát. Cả bán đảo Đông dương sẽ do Trung quốc kiểm soát, và cái thế thăng bằng 1975 không còn nữa. Các nước Đông Nam Á sẽ lâm nguy. Đã tới lúc Mỹ phải nhảy vào để cứu Việt Cộng, vì quyền lợi của họ. Nói Mỹ là nói đến các nước đàn em của Mỹ ở Á châu, và ta không ngạc nhiên khi thấy Nam hàn, Nhật bản, Đài loan, Nam dương nhảy vào giúp Việt Cộng.

Nhưng giúp là một chuyện. Giúp tới mức nào và bọn Cộng sản Hà nội có nhờ đó mà đưa dân tộc Việt Nam ra khỏi cảnh khổ nhục hay không lại là một chuyện khác.

NGUYỄN HỮU CHUNG
89/04/19

Nói chuyện với NGUYỄN ĐỒNG SƠN

DÂN ĐÁNH THÌ THẮNG

HOÀNG KHỞI PHONG *thực hiện*

"(Nhưng), cũng nên cảnh giác mà đừng lầm tưởng là có đổi mới thực sự...Vì sau khi hoàn tất việc chấn chỉnh và cải tổ bộ máy của họ (Gorbachev, Nguyễn Văn Linh...) thì đâu cũng lại vào đấy."

NGUYỄN ĐỒNG SƠN

Xe ngừng ở trước cổng một khu nhà biệt lập, có cổng sắt chạy tự động theo ký hiệu điện tử của chủ nhà ở bên trong, thấp thoáng qua song cửa, những khóm hoa muôn màu nổi trên những thảm cỏ xanh, những lối đi xi măng dẫn đến từng căn nhà.

Cánh cửa mở ra, chúng tôi bước lọt hẳn vào cái thế giới êm ả đó, chúng tôi tiến đến một căn nhà mà trong đó chúng tôi sẽ gặp một người, dường như ông còn trẻ, giữa cái 40 và 50, ông là đại diện cho một nhóm người thật xa lạ với cái ngôi nhà ông sẽ đón chúng tôi, và ngay cả những người trong ngôi nhà đó, họ ở đó nhưng có lẽ không sống tại đó, bởi vì sống không phải chỉ có ăn, ngủ, đi làm, có hơi thở, có nhịp đập của trái tim. Có lẽ nói cho đúng họ SỐNG ở đó, nhưng HỒN ở nơi khác. Người mà tôi sẽ gặp, sẽ phải phỏng vấn, tranh luận , con người có rất nhiều dư luận xoay quanh. Bởi một lẽ ông ta đại diện cho Mặt trận Kháng chiến. Cái địch mà đoàn thể ông nhắm là tranh đấu chống chế độ Cộng Sản cầm quyền ở Việt Nam, chống lại bạo quyền để đưa dân tộc đến chỗ tự do, độc lập, no ấm, đòi cho được cái quê hương đã không nhiều gấm vóc lại còn bị chiến tranh tàn phá suốt hai thế kỷ, cái quê hương đó dường như đã quên với một số người sau 15 năm sống no đủ nơi xứ người. Chỗ ông tạm trú dường như quá xa với điều ông muốn đòi, nó có vẻ hơi nghịch lý nữa, nhưng dường như đời sống lại chấp nhận những điều nghịch lý. ông tên là Nguyễn Đồng Sơn có lẽ đây cũng là một cái tên hiệu ông chọn để làm một số việc chứ không phải tên trên khai sinh do bố mẹ đặt. Ông là một người Việt như hàng triệu người Việt khác đang lưu vong khắp năm châu, mang danh tính như Huy, Hùng, Bản, Đệ, Xoài, Mít, Ổi... nhưng ông khác với những danh tánh vừa kể ở chỗ ông tự chọn cái không bình thường là không bằng lòng với cái vật chất ông có thể có trong tầm tay, ông với xa về phía trước muốn góp một bàn tay lật đổ bạo quyền ở cách ông hơn 10 ngàn hải lý, muốn đem cho 60 triệu người còn kẹt ở quê nhà mỗi ngày thêm vài chén cơm, đòi cho được cái tự do tối thiểu của mọi con người. Một cách khác muốn làm được điều đó ông phải tham dự trò chơi quyền lực, do cái trò chơi quyền lực này, trên sân chơi của ông với những người chiến hữu ông là người tốt, có khả năng; với những người không chọn cùng một con đường mặc dù cùng một cái địch thì ông là một người xấu, nguy hiểm. Hãy bỏ cái tốt có khả năng, và xấu, nguy hiểm sang một bên. Tôi là một nhà văn cũng mơ ước điều ông mơ ước, tôi không dính dự gì đến đoàn thể của ông, nhưng ông dính dự đến ước mơ của tôi, của nhiều người khác, của 60 triệu người ở quê nhà, của cả triệu lưu vong (tôi lạc quan và nghĩ rằng tất cả mọi người lưu vong đều muốn về khi hoàn

cảnh cho phép). Do sự dính dự của ông vào giấc mơ của nhiều người trong đó có tôi, và hoàn cảnh cho phép, tôi muốn được nói chuyện với ông về việc thực hiện giấc mơ này, cũng do tư cách nhà văn một cách nào đó tôi mong được gửi đến các độc giả của tôi về những toan tính, dự định của một đoàn thể đang làm tốt hoặc xấu cái ước mơ chung. Với độc giả tôi tự hứa sẽ vô tư tuyệt đối, khách quan tuyệt đối, không để một chút cảm tính nào chi phối trong cuộc nói chuyện này, tôi cũng mong có dịp được nói chuyện với những nhân vật khác, đoàn thể khác đang dính dự đến ước mơ chung của mọi người và hy vọng những cuộc nói chuyện này sẽ giúp độc giả nhìn thấy rõ và chọn lựa đúng cách thực hiện ước mơ chung. Dưới đây là nguyên văn buổi nói chuyện của tôi: Nhà văn Hoàng Khởi Phong và ông Nguyễn Đồng Sơn, vụ trưởng vụ kế hoạch của Mặt trận Kháng chiến. Và bài viết này không phải dành riêng cho tờ Thế Kỷ 21, bất cứ ai nếu cần phổ biến đều có thể trích đăng, sử dụng, bởi tầm ảnh hưởng của nó không liên quan đến một số người, cũng không phải là trò chơi văn chương, nó liên hệ đến quyền lực, chính trị, tiến xa hơn nữa sẽ có máu và người chết. Xin mời bạn đọc đi thẳng vào nội dung của cuộc nói chuyện.

H.K.P: Tôi đến đây với hai tư cách: Một là nhà văn thì độc lập, thứ hai là giúp cho tờ Thế Kỷ 21, *như cái tên của tờ báo là phóng tới tương lai, tới thế kỷ 21. Nghĩ tới thế kỷ 21 tôi xin hỏi anh sau 15 năm lưu vong anh, và Mặt trận do anh đại diện nghĩ gì và làm gì cho đất nước, cho con người Việt Nam cả bên này cũng như bên kia bờ biển?*

N.Đ.S: Nếu có thể "focus" lại tôi nghĩ là mình có nhiều cách để nhìn vấn đề của mình và góp một phần nào đó vào câu trả lời. Có thể tôi diễn đạt tâm tư của cá nhân mình, có thể với tư cách đoàn thể. Diễn tả làm sao cho người nghe hiểu được cái ý của mình hay của đoàn thể mà mình đại diện? Tôi có nói gì bây giờ người ta cũng nghĩ tôi là người của Mặt trận... Diễn tả chuyện đó với hy vọng người nghe thấy nó hợp lý và đúng thì có thể giúp cho đoàn thể đến gần quần chúng hơn. Trong trường hợp ngược lại, bị quan một chút thì người nghe phát hiện được mình dốt, tối thì cũng được nghe ngược lại là vấn đề không phải vậy, nó khác...Nếu không. nói ra quần chúng sẽ không biết mình nghĩ gì? Làm gì? Muốn gì? Đúng? Sai? Cho đến giờ này, cũng không có ai nói thẳng ra điều mình nghĩ, mình muốn. Hoặc nói cho vui vẻ cả thì cứ tha hồ tuyên bố, tuyên bố thì đâu có ai cấm? Hay ngược lại thì dùng ngay những tiêu chuẩn dao to búa lớn để triệt hạ lẫn nhau mà thực tế chẳng ai hiểu mình muốn gì.

Trở lại cái câu hỏi của anh; tôi có ba cách nhìn giống như hồi nãy anh dẫn lời anh Nguyễn Mộng Giác nói trong buổi gặp mặt với thân hữu của tờ *Thế Kỷ 21.* Nhà văn Nguyễn Mộng Giác phát biểu tờ báo mang tên thế kỷ 21, nhưng tôi e rằng độc giả của nó có nhiều người còn ở thế kỷ 19, đại đa số chúng ta ngừng lại ở thời điểm 1975. Tôi e rằng cái tên này có đi quá xa không? Phù hợp không? Tụi tôi nhìn có thể từ ba thời điểm khác nhau. Bị quan một chút thì chúng ta thấy là mình chưa giải quyết được những vấn đề của đất nước trong giai đoạn thế kỷ 19. Và gần như chúng ta bị mất hẳn một thế kỷ vừa rồi, bị lụn bại trong những vấn đề thừa hưởng lại của lịch sử, cái giai đoạn khốn nạn nhất là giai đoạn cai trị của thực dân Pháp, mình chưa ngoi khỏi đó đã lãnh ngay một trận chiến kinh hoàng nhất. Trong khi thế giới, với vận hành của vũ trụ, đã đi tới thế kỷ 21 mình còn đang loay hoay với những vấn đề còn sót lại của thế kỷ 19.

Cách nhìn một: vấn đề canh tân đất nước và vấn đề độc lập của dân tộc chưa giải quyết xong. Việt Cộng đưa ra một giải pháp, cái giải pháp dẫn đến ngày hôm nay: đất nước mình lạc hậu nhất và lại không có chủ quyền.Việt Cộng rõ ràng là chẳng có chủ quyền gì nhưng nó dựng được một lá cờ trông có vẻ độc lập, nó cướp được chính nghĩa và huy động được dân chúng, nhiều người đi làm những công việc mà họ tưởng đó là Cách mạng. Nhưng tất cả đều không phải thật, chỉ có vẻ giống thật thôi.

Cách thứ hai: nhìn vào thời điểm này, tôi xin lấy thí dụ về Lebanon rồi mình khai triển ra, quy chiếu với những điều xảy ra ở vùng Đông Nam Á, tôi không nói là nó hoàn toàn tương đồng. Tôi dùng nó như là một thí dụ. Năm 1975 khi chúng ta bị thảm họa Việt Cộng chiếm cả nước, thì có một vùng khác ở Trung Đông là quốc gia Lebanon, cũng có biến cố lớn xảy ra là cuộc chiến tranh nhiều phe phái của họ. Đến nay 15 năm đã qua, Lebanon bị tan nát, mỗi một quốc gia ở chung quanh giúp súng đạn và cả bánh mì cho một thành phần nào đó đánh nhau. Nếu hỏi người Lebanon biết gì về Syria, Do Thái, Anh, Pháp, Mỹ, Nga sô, có lẽ họ không biết gì nhưng thực tế tất cả quốc gia đó đều chi phối, dính đến sự tan nát của Lebanon. Trở lại với Việt Nam, nếu mình không giải quyết được vấn đề cốt tủy là Cộng Sản Việt Nam,, mình cứ nghĩ là làm thế nào để cho những quốc gia khác trên thế giới giúp đỡ mình, thì có thể sẽ có những người Việt Nam cầm một cái cờ do một thế lực ngoại quốc dúi vào tay nào là Trung Cộng, Thái Lan, Mỹ, Liên Sô, Nhật Bản... mỗi anh đều có đằng sau một anh khác giúp, giật dây, yểm trợ. Giải quyết vấn đề trong tinh thần đó sẽ đưa đến tình trạng là vào thế kỷ 21, cả vùng Đông Nam Á phát triển lên, nhưng nó khoanh vùng trở lại: Anh Việt Nam cứ ở trong nước của anh, chém giết lẫn nhau tha hồ,

miễn là anh đừng có đi gây chiến, xuất cảng bạo lực chiến tranh sang các nước khác. Trong nội bộ Việt Nam các anh thích thì cứ chém giết thỏa lòng. Bước sang thế kỷ 21 dân số của Việt Nam có thể lên tới 80 triệu, trung bình mỗi năm tăng 1 triệu rưỡi người, Việt Cộng làm gì thì làm nó không thể kiểm soát được vấn đề gia tăng dân số, còn thế giới thì họ sợ 80 triệu người Việt đó đoàn kết, sẽ mạnh lắm. Thế giới sẽ sẵn sàng giúp chúng ta chém giết lẫn nhau trong phạm vi quốc gia của chúng ta. Còn họ làm việc khác của họ, thí dụ như phát triển kinh tế chẳng hạn. Đó là cách nhìn thứ hai tức là dùng một thí dụ có thật đang xảy ra ở Trung Đông để thấy cách của quốc tế chi phối một quốc gia khác. Cái đó mình không muốn.

Cách nhìn thứ ba: Là cách nhìn ngược lại thế kỷ 21, nghĩa là mình muốn gì cho quốc gia mình ở thế kỷ 21 và nếu như vậy thì mình sẽ phải làm gì? Có lẽ cách nhìn này tích cực hơn và cụ thể hơn. Mình muốn thế kỷ 21 nước mình không có chiến tranh, người dân được sống thanh bình, tự do, no ấm, trong một xã hội chấp nhận quy luật dân chủ, người dân được tự do làm ăn sinh sống, bị chi phối bởi chính trị càng ít càng hay. Trong hiện tại nếu muốn đạt được điều đó thì mình phải hất được cái tảng đá Việt Cộng trên đường đi. Bằng mọi giá phải giải quyết vấn đề Việt Cộng. Cái thứ hai phải canh tân lại con người. Cái đó quả là một vấn đề không dễ, tại vì nó liên quan đến tư tưởng, đến văn hóa, đến sự hấp thụ giáo dục của mỗi cá nhân, rồi tập quán xã hội, không kể đến cái hậu quả bi thảm nhất mà thực dân Pháp để lại sau một thế kỷ xâm lăng và cai trị Việt Nam. Nó làm cho dân Việt học được quá nhiều tính xấu của giai đoạn này và giữ lại cho tới hiện nay cộng thêm với hậu quả chính sách của Việt Cộng ngày nay, cũng như những băng hoại gây ra do chiến tranh... Tất cả những thứ này quyện lấy nhau, vô hình chung tạo cho nhu cầu canh tân con người một sức đối kháng mãnh liệt. Cho dù còn Việt Cộng hay không, để có thể mưu cầu một đời sống thanh bình, thịnh trị thì chúng ta phải đi đến một cuộc Cách Mạng (ngập ngừng trước khi dùng chữ Cách Mạng và tự giải thích sự ngập ngừng là dùng chữ này nó lại dao to búa lớn dễ hiểu lầm).

Cái lối suy nghĩ cũ sẽ làm cho cái vận hành của xã hội bị trì trệ, có thể không giống như điều mình mơ ước và quy định trong hiến pháp. Có khi mình phải đổ máu để đạt được cái việc bầu cử người lãnh đạo, cũng như có một bản hiến pháp. Cái hiến pháp đó cũng không cải tiến được xã hội nếu mình không thực sự "canh tân" mỗi con người. Nó đã trễ nhưng phải giải quyết cả hai việc một lượt.

H.K.P: Tôi đi từ cái thí dụ của anh về vấn đề Lebanon để đưa ra một câu hỏi: Hãy trở về với đất nước chúng ta, và nhìn lại cách quốc tế chi phối và giải quyết Lebanon, nếu chúng ta không có sẵn một con đường do chính bàn tay, khối óc, lòng hy sinh quả cảm của chính chúng ta, thì các đại cường lại trợ giúp cho mỗi phe nhóm một ít súng, một ít gạo, bánh mì rồi chúng ta lại chém giết lẫn nhau. Không cứ gì đại cường, những quốc gia lân bang của chúng ta do vị trí địa dư cũng có tầm ảnh hưởng tới cuộc tranh đấu của chúng ta đối với bọn Cộng Sản như Thái Lan chẳng hạn. Tất cả các quốc gia vừa kể đều có thể lợi dụng cuộc đấu tranh này, và làm cho chúng ta không "focus" vào mục tiêu chính của chúng ta là bạo quyền Hà Nội. Tôi có một cảm giác đau buồn là dường như chúng ta chưa có cơ hội trực diện hẳn với Cộng Sản, chúng ta đang còn bận tâm tranh đấu lẫn nhau. Xin anh cho ý kiến về điểm này.

N.Đ.S: Tôi xin dùng một chữ tuy chưa hoàn toàn chính xác nhưng có lẽ dễ hiểu hơn là những "mâu thuẫn" của mình. Bộ phận của chúng tôi đương nói chuyện lã bộ phận ở hải ngoại. Và ở hải ngoại này chúng ta bắt buộc phải có những va chạm, nó làm cho chúng tôi phải nhìn thấy rõ cái thực tế: những gì mà chúng tôi đang gặp trở ngại. Tôi dùng một chữ hơi văn nghệ là những bóng ma của quá khứ nó đổ lên trên hiện tại của chúng ta, có nhiều lúc mình phải đạp lên đó để đi tới tương lai là mình gặp đụng chạm rồi. Về vấn đề này chúng tôi nhìn nó bớt cách mạng mà thận trọng chính trị, cũng như hết sức tế nhị, để tránh tình trạng ngộ nhận, đố kỵ. Ngược lại ở trong nước, những anh em chúng tôi nghĩ khác, họ không gặp những ông chính trị gia ôm cặp táp bự, mặc quần áo đẹp, đứng ở trong hội nghị hay bên lề hội nghị hay là kiếm được dăm ba anh chính khách xoa đầu, vỗ vai, vuốt ve. Họ không phải băn khoăn về những hoạt động chính trị (chữ chính trị trong ngoặc kép, với ý nghĩ xấu... của danh từ này). Họ đối diện với Việt Cộng, và họ nhìn thấy người dân đối phó với Việt Cộng trong đời sống hàng ngày. Do đó cách nhìn của anh em trong nước khác, và ngay trong tổ chức chúng tôi sự liên lạc giữa trong và ngoài nước phải thường xuyên để anh em bên nhà biết những khó khăn, những vấn đề của chúng tôi bên ngoài. Trong nước họ không thể tưởng tượng được là ngoài này chúng ta lại còn phải tốn công để giải quyết những việc vòng ngoài như vậy, họ đối phó hàng ngày với bạo quyền khốn nạn của Việt Cộng và nêu câu hỏi: Tại sao chúng ta không tập trung lực lượng lại để lật đổ bạo quyền Cộng Sản. Tại sao lại có sự đụng chạm vậy? Thực tế ở ngoài này nó khác. Thành ra điều anh nghĩ là mình cứ phải xoay trở, đối phó với nhau đó chỉ là thực tế ở hải ngoại mà thôi. Đó là nói dưới nhãn quan của Mặt trận

chúng tôi. Còn đối với quảng đại quần chúng ở Việt Nam bây giờ họ đâu còn biết ông tướng này, ông tướng nọ, ông chính trị gia này, ông chính trị gia khác đâu? Họ đang đối phó ngập mặt với Việt Cộng.

H.K.P: Tôi xin trở lại cái thí dụ Lebanon một lần nữa. Đối với Lebanon hiện tại, cách mà các quốc gia dây máu ăn phần đã quá rõ, mỗi phe nhóm được yểm trợ súng đạn bởi một quốc gia, còn dân Lebanon mỗi ngày cứ mỗi chết. Một mặt khác theo những sách báo, ấn loát phẩm được Mặt Trận phổ biến, tôi thấy được một điều rõ nét là Mặt Trận đang mở một hình thái đấu tranh có tính quân sự. Anh quan niệm về đấu tranh quân sự như thế nào? Có gì mâu thuẫn giữa cái thí dụ của Lebanon, và cái đường lối của Mặt trận khi thực hiện quá rõ nét một hình thái đấu tranh quân sự? Lại nói về đấu tranh quân sự, chúng ta không thể không để ý đến yếu tố võ khí, phương tiện, tổ chức quân đội... Anh có thể cho độc giả biết qua những nét chính của Mặt Trận về phương diện đấu tranh quân sự không?

N.Đ.S: Từ tháng Sáu năm 83 đến tháng Giêng năm 88 tôi giữ trách vụ vụ trưởng vụ tuyên vận ở hải ngoại. Từ đầu năm nay tôi giữ phần kế hoạch. Hôm nay anh đặt câu hỏi này thì rõ ràng trong năm năm giữ trách vụ tuyên vận sự làm việc của tôi nó bết, nó chưa có hiệu quả tốt! Cách đây hơn một tháng ở Vancouver, anh Hải Triều của tờ *Lửa Việt* có phỏng vấn tôi ngay trước đồng bào. Tôi biết anh Hải Triều ở một đoàn thể khác...

H.K.P: (cười) Tôi xin lỗi ngắt anh một nửa phút để minh xác một điều tôi đến đây với tư cách nhà văn độc lập, cái đó có trước tư cách liên hệ với tờ Thế Kỷ 21, *và tôi không ở trong bất cứ một đoàn thể nào. Tôi nhắc lại tôi là nhà văn độc lập.*

N.Đ.S: ... Cái đó có thể là "back ground" của anh Hải Triều, anh đưa ra bảy câu hỏi, có một câu tờ *Lửa Việt* có đăng nhưng cách anh Hải Triều *edit* nó không được rõ. Anh nói là bạn bè của anh ở trong nước gửi thư chỉ có xin quà thôi, nhưng anh ấy có một người bạn viết cho anh ấy nói đừng gửi 5lbs quà về mà gửi cho anh ấy khẩu súng. Anh Hải Triều cho rằng bắt buộc phải có một giải pháp quân sự và tại sao Mặt Trận không làm việc đó? Trong khi đó anh lại đặt cho chúng tôi một vấn đề khác. Nói cách khác, có nơi Mặt Trận được phê bình là không có hoạt động quân sự rõ rệt, có nơi thì lại phê phán là Mặt Trận chủ trương dùng quân sự là chính. Nếu có những ấn tượng như vậy nơi đồng bào, thì chúng tôi phải chịu trách nhiệm... Anh có vẻ như không thỏa mãn với giải pháp quân sự thuần túy?

H.K.P: Tôi chỉ nhìn Mặt Trận qua cái có thể nhìn, cụ thể là những tờ báo, những quyển sách cho tôi thấy rõ các anh đang lập một trận chiến nặng tính cách quân sự, nhưng anh lại đưa ví dụ về Lebanon, cũng như anh đã trình bày ngoại quốc sẽ sẵn sàng giúp chúng ta tha hồ chém giết trong phạm vi đất nước chúng ta, đừng xuất cảng chiến tranh sang nước khác. Tôi thấy có sự mâu thuẫn giữa hai điểm này.

N.Đ.S: Khi anh hỏi tôi đồng thời anh làm tôi nghĩ ngược lại tôi phải xét lại cái hiệu năng của tờ *Kháng Chiến*. Phải chăng nó làm người đọc có ấn tượng chúng tôi quá nghiêng về phía quân sự? Trong khi đó các đoàn viên của chúng tôi được học tập thật kỹ cái căn bản chủ trương của Mặt Trận là coi đấu tranh chính trị là chính, đấu tranh quân sự là phụ. Đó mới là chủ trương thật sự của chúng tôi. Đối với người quan tâm như anh mà nghĩ vậy thì tờ *Kháng Chiến* đã làm không đủ nhiệm vụ của nó. Những hình chụp tróng báo kháng chiến có súng ống, có võ trang... cái đó chỉ là một bộ phận của chúng tôi thôi. Tôi nhắc lại Mặt Trận không chủ trương quân sự là chính. Chúng tôi không mù quáng đến độ nghĩ là không có súng đạn cũng có thể đánh được Việt Cộng. Tôi biết là phải có súng đạn, phải có bạo lực. Nhưng điều chính là nếu vận động người dân lật đổ chế độ đó mà chỉ nghĩ đến súng đạn không là hỏng. Người kháng chiến quân của chúng tôi là người chiến sĩ đấu tranh toàn diện. Cái khó của tổ chức hiện nay là làm sao cho các kháng chiến quân bớt đi phản ứng có tính cách quân sự, nhưng gia tăng phản ứng có tính cách chính trị...

Bây giờ tôi lấy một thí dụ khác: Đó là vấn đề của Căm bốt, trong hội nghị bán chính thức cách đây một tháng, có 12 phái đoàn, trong đó có sáu phái đoàn của ASEAN, bẩy là Việt Cộng, Cộng Sản Miên có bốn phe, một do Việt Cộng dựng lên của Heng Sarim và ba anh còn lại. Vấn đề của Căm bốt sẽ ít tính chất quân sự hơn Lebanon, trên nguyên tắc công pháp quốc tế Việt Cộng kéo quân qua thì phải kéo quân về, để lại bốn phe của Căm bốt tự giải quyết với nhau. Họ sẽ giải quyết với nhau như thế nào khi thực tế còn cả hơn một triệu rưỡi người Việt Nam do Việt Cộng gài ở lại, đó là một số đông hơn 1/4 dân số Căm bốt sau vụ thảm sát của Pol Pot. Phản ứng sinh lý của một dân tộc sau một tai ương do con người tạo nên này, đẩy dân Căm bốt đến chỗ muốn bù đắp con số thiệt hại về nhân mạng, do đó họ cố sinh sản để bù đắp, họ dựng vợ gả chồng, kết hôn để có con. Một bộ đội đóng ở Miên bây giờ có khi hai, ba, bốn vợ. Trong hiện tại bốn phe đang tranh luận, đặng để tìm được một giải pháp chính trị trước tiên là Việt Cộng phải rút. Việt Cộng cũng đã đóng quân ở Lào, nhưng tại Lào Việt Cộng không phải rút vì chính phủ Lào mời Việt Cộng qua, còn ở Căm bốt Việt Cộng tự động kéo qua, bây giờ phải rút về. Giải pháp có thể tìm được trong 5 năm, 10 năm. Trong 5 năm, 10 năm nữa thực tế chính

trị biến đổi, có thể phe của Heng Sarim biến đi như Mặt trận Giải phóng miền Nam đã biến đi khi hết vai trò. Thay vào đó là một phe khác là của Việt Cộng, đó là những người Việt Nam Cộng Sản bây giờ lấy quốc tịch Miên, tên Miên, vợ Miên.Điều quan trọng là Thế giới không cần, họ đã tìm ra giải pháp cho Miên. Họ chỉ cần giải pháp, chứ họ không cần biết đến cái hậu quả của giải pháp. Đứng trên lập trường dân tộc thì một người Miên thật sự yêu nước chắc không thể chấp nhận giải pháp này. Do đó nếu chúng ta chỉ muốn giải pháp do quốc tế tạo ra và áp đặt lên chúng ta, chúng ta sẽ có được những nguyên tắc mà thôi, chúng ta sẽ đạt được những giải pháp nửa vời, những giải pháp không thể giải quyết được một điều nào cả. Do đó giải pháp của chúng ta phải do chính chúng ta đòi hỏi, gây dựng và giải quyết tự cội rễ, tự căn bản. Chúng ta đã có kinh nghiệm về những bài học của giải pháp do quốc tế dựng nên. Bài học chót là giải pháp hiệp định Paris 1973. Giải pháp đó cần cho quốc tế, chứ không đủ cho Việt Nam.

Đã có người hỏi chúng tôi: Nếu quốc tế đưa ra một giải pháp như một chính phủ nhiều thành phần Mặt Trận có tham gia không? Thí dụ những thành phần thân Mỹ bên này, của Cộng Sản bên kia... Đó là lối suy nghĩ về vận mệnh đất nước trên bàn cờ quốc tế và cố tìm cách để trở thành một con cờ của quốc tế. Cách này dứt khoát không chấp nhận được.

H.K.P: Cứ giả dụ quốc tế đang cố tìm một giải pháp cho Việt Nam đó là giải pháp của quốc tế. Trong trường hợp chúng ta những người Việt Nam không chấp nhận được những giải pháp nửa vời này, chúng ta phải làm gì? Rõ hơn Mặt Trận sẽ làm gì trong trường hợp đó?

N.Đ.S: Dường như cộng đồng Việt Nam đang xôn xao với những diễn tiến chính trị từ quốc nội cũng như quốc ngoại. Nào là bang giao Mỹ-Việt Cộng, nào là đổi mới, cởi mở ở trong nước. Biết đâu chừng sẽ có một chính phủ mở rộng ra với sự tham gia của vài ba phe khác nữa, Việt Cộng sẽ chấp nhận một hình thức đối lập nào đó, chấp nhận vài ba khuôn mặt có vẻ chống Cộng, nới tay với văn nghệ sĩ... Liệu mình có chấp nhận được một chính phủ như thế không? Có nhiều người vẫn giữ những suy nghĩ chính trị đó.

H.K.P: Con số này không ít.

N.Đ.S: Chính những cái đó là một trở ngại lớn cho một giải pháp căn bản của người Việt Nam. Bởi một lẽ khi quốc tế đã đưa ra một giải pháp để chúng ta ngồi lại, quốc tế sẽ phủi tay, rút đi. Còn lại là chúng ta lại rớt xuống vực một lần nữa và chúng ta xoay trở thế nào, với một vài nhân vật tham chính trong những chức vụ hết sức khiêm nhường nếu không muốn nói là làm cảnh giữa một guồng máy đầy những gian manh, xảo trá, lọc lừa, và nếu cần uống máu người không tanh đó của Việt Cộng. Còn một điều chúng ta cần phải lưu ý. Đó là lòng dân ở trong nước mới là yếu tố chính. Hải ngoại chúng ta chỉ là những yếu tố phụ mà thôi. Khi người dân không đồng ý ông này là của nước này đưa về, ông kia là của nước kia đưa về, để đưa vào bàn hội nghị thì dân chúng vẫn làm cái việc của họ. Thêm một điều nữa không khí chính trị ở đây và thực tại chính trị ở Việt Nam thật khác xa nhau. Quốc nội mới là chính.

K.H.P: Anh đã trình bày Mặt Trận chủ trương đấu tranh chính trị là chính và đấu tranh quân sự là phụ. Anh có thể cho tôi một vài nét đơn giản của hình thái đấu tranh chính trị với Cộng Sản?

N.Đ.S: Tôi xin anh cho phép được phát biểu một điều. Khi tôi nói ra điều này tôi biết là tôi sẽ lãnh đạn, sẽ gặp những khó khăn, phiền phức, nhưng tôi thấy cần phải nhắc lại một câu nói của một bà già ở trong nước. Xin nhớ cho đây chỉ là một bà già. Bà ta nói: "*Trận này lính đánh thì thua, dân đánh thì thắng.*" Phải chi tôi có một chút background quân đội như anh thì tôi đỡ vất vả khi nhắc lại câu nói của bà già này! Cái đó chính là quy luật của trận đấu tranh do Mặt Trận chủ trương. Do câu nói này tôi nhắc lại lời chiến hữu Đặng Quốc Hiền: "Biến đổi một người lính thành một kháng chiến quân khó vô cùng". Những điều này sẽ làm không vui một số các cựu tướng lãnh, cựu quân nhân. Nhưng sự thật vẫn là sự thật. Nhất là kẻ nói ra là tôi, một người chưa có một ngày ăn cơm nhà binh trước khi nước nhà sụp đổ.

H.K.P: Bước sang lãnh vực chính trị, bất cứ ai quan tâm đều không thể không để ý đến một hiện tượng đó là sự thay đổi đường lối, chính sách trong lòng khối Cộng. Từ Nga, sang tới Trung Hoa, Đông Âu, khắp nơi trong thế giới Cộng Sản họ rêu rao, phô bầy, mời mọc Tây Phương ghé mắt tới sự thay đổi này. Chính khối Cộng đã có những thay đổi mặt ngoài, sự thay đổi này đôi lúc khá ngoạn mục như ở Ba Lan mới đây cho bầu cử quốc hội. Chính khối Cộng tự thấy nếu không thay đổi cái thể chế đó có thể sụp đổ.

Trở lại với Việt Nam, chúng tuyên bố cởi mở, thay đổi, rồi Việt Kiều cứ ùn ùn kéo về nhà, những thay đổi này nhiều khi chỉ làm dầy những giấc mơ, những hy vọng hão huyền và làm cho nhiều người trong hàng ngũ chúng ta bị mê hoặc, tưởng rằng giấc mơ đang thực hiện lần lần mà lơi đi cái quyết tâm chống Cộng. Anh có thể cho độc giả, quần chúng biết những cập nhật hóa của Mặt Trận đối với những thay đổi mặt ngoài của Cộng Sản ở Việt Nam không?

N.Đ.S: Trước tiên tôi xin trở lại một điển hình là hiến pháp của Nga Sô dưới thời Staline. Nó quy định được bầu cử kín. Không phải Gorbachev là người

bầy ra việc này."Glasnost" chỉ là **danh từ mới cho giai đoạn mới.** Những điều chúng ta thấy xẩy ra trên đất nước chúng ta nếu không có tiền lệ mới tinh, nóng hổi của Gorbachev thì có lẽ chúng ta sẽ nhìn khác hơn. Những thay đổi ở Nga và ở Đông Âu, trong quỹ đạo Cộng Sản, chúng làm cho người ta có ấn tượng là Cộng Sản muốn thay đổi, hay ít ra muốn thu bớt sự bạo tàn đi. Nếu đồng bào bị ấn tượng như thế thì có thể người ta sẽ thấy chúng tôi cực đoan. Chúng tôi nói chủ nghĩa Cộng Sản ở Việt Nam không thay đổi mục tiêu của nó. Nó sẽ không thay đổi cái **căn bản** của nó, nghĩa là **Cộng Sản hóa** xã hội Việt Nam.Hiện tượng chúng ta đang thấy không phải là hiện tượng mới, tuy nó có tầm vóc lớn hơn, trầm trọng hơn so với các tiền lệ trước trong suốt 70 năm lịch sử của ý thức hệ Cộng Sản. Do đó chúng tôi không tin, chúng tôi không tin Công Sản đang có những thay đổi từ căn bản. Trường hợp Trung Quốc có khác hơn một chút. Tôi nghĩ là chúng ta không có đủ thời giờ hôm nay để đi vào trường hợp của Trung Hoa. Tất cả những tổng bí thư mới của đảng Cộng Sản Nga hiện nay đều có một tiến trình tiến tới việc nắm giữ quyền hạn tương tự nhau: Không được đụng vào Lenin, ở Việt Nam thì không được đụng thẳng vào Hồ Chí Minh). Nhưng họ cùng đồng ý với nhau là phải tạo ấn tượng là có thay đổi lối suy nghĩ, phải cho phép người dân một số quyền hạn tối thiểu. Cái này đã có từ thời Staline chứ không phải Gorbachev. Bây giờ chúng ta nhắc tới Staline và hình dung đó là con người khát máu nhất của nhân loại, nhưng không một ai để ý đến chi tiết bên cạnh sự khát máu mà Staline thực hiện với sự khoái trá hân hoan, Staline là một chính trị gia lão luyện. Nó đã làm những việc ngoạn mục trong thời của nó. Kể từ Staline tới nay, Gorbachev là một kẻ có thủ đoạn chính trị cũng ngang tay, cỡ tầm vóc của Staline. Về mặt kinh tế Gorbachev tạm ngưng việc áp dụng cái ý thức hệ máy móc của Cộng Sản, để cho guồng máy kinh tế có được một sự vận hành tương đối thoải mái, cũng như để giải quyết sự bế tắc, ngưng trệ của kinh tế trong khối Cộng Sản. Về văn hóa, họ chấp thuận cho người dân nói tới những **sự thật** mà **mọi người dân đã biết.** Trước đây nếu những người cầm bút nói lên điều này thì sẽ chịu bao cay đắng, còn bây giờ mọi người được phép nói. Nhưng có cái gì mới đâu? Có khác là trước kia người ta đề cập đến một cách lén lút, âm thầm, bây giờ người ta được nói thả dàn **những điều họ đã biết.** Hiện tượng cường hào ác bá người dân đâu cần đến các ông Nguyễn Mạnh Tuấn, Nguyễn Huy Thiệp nói. Cả nước đã biết. Có điều những thời điểm này là những thời vàng son của các văn nghệ sĩ, lúc đó họ sẽ được xoa đầu, vuốt tóc, dân chúng chiêm bái như những người hùng. Có một điều cay đắng là dường như những người hùng này được đảng Cộng Sản chỉ định, hé cửa, dàn xếp cho họ có cơ hội nói lên những điều đã cũ, công khai, minh bạch những điều trước kia chỉ được nói thầm, nói lén. Mặt trái của vấn đề là những kẻ lãnh đạo mới muốn hướng dẫn quần chúng tìm ra được một kẻ thù, dồn sự bất mãn của cả nước vào một kẻ thù vu vơ nào đó. Nếu có chiến tranh, kẻ thù dĩ nhiên là địch quân. Nếu trong thời bình thì phải có một thành phần, giai cấp nào đó phải làm dê tế thần. Hiện nay cán bộ, và đảng viên đang đóng vai trò con dê này, thôi thì tại guồng máy quan liêu, bao cấp v.v. để dồn sự căm hận của dân chúng vào họ. Chúng ta chỉ ở bên ngoài của cái vòng lẩn quẩn này, ở bên ngoài của cái vòng thảm kịch đó và chúng ta thở ra một cách nhẹ nhõm. Ngày xưa nó bóp cổ mình gần chết bây giờ nó mới nới ra một chút. Ngày xưa nó ăn cướp của mình con bò, bây giờ nó dịu dàng ăn cắp một con heo. Chúng ta đứng ở ngoài vui mừng cho sự tiến bộ, cởi mở này là vì con bò, con heo đó không phải của chúng ta, cái cổ được nới ra đó không phải là cái cổ của chúng ta. Tất cả những hiện tượng đó có công dụng của nó, làm cho chúng ta ở ngoài này tin, và nghĩ rằng bọn Cộng Sản tự nó thấy bế tắc nên muốn thay đổi, phải chấp nhận một số biện pháp về kinh tế mà nó lấy của Tư bản chủ nghĩa. Chuyện này cũng đã xẩy ra vào năm 78, 79 Cộng Sản nới ra rồi lại xiết chặt vào những năm kế tiếp và bây giờ (86 trở đi lại nới tay lại). Vắn tắt trở lại: **Chúng tôi không tin có sự thay đổi căn bản,** mặc dù công nhận có những sự **thay đổi về phương pháp.**

Nếu mình không giải quyết được cái gốc nghĩa là không bứng được Cộng Sản ở đất nước của mình thì những hiện tượng này sẽ còn tái diễn. Cái chu kỳ xiết chặt, và cởi mở này sẽ liên tục cho tới khi chúng thành công hoàn toàn trong việc thực thi những mục tiêu của chúng đã đề ra.

Vấn đề còn lại là của chúng ta, hay khác đi phần cập nhật hóa nhu cầu chính trị anh nêu lên trong câu hỏi. Về căn bản ta không thể phủ nhận đòn của Cộng Sản có hiệu quả, trong giai đoạn vừa qua chúng tôi mất nhiều anh em nhất, bị khủng bố, bắt bớ. Cái đó chẳng báo nào ở đây nhắc tới. Chúng ta chỉ chăm chăm nhắc tới những điều chính bọn Cộng Sản tiết lộ, như Đoàn Khuê, Mai Chí Thọ chẳng hạn, hai tên này nói ra mình mới biết nó tăng cường kiểm soát các xã ấp để tránh việc xây dựng, phát triển cơ sở của kháng chiến. Do đó cái mặt thô bạo của chúng được ém nhẹm đi, nhưng cái mặt cởi mở được phô bầy như những đóa hoa đầy hương sắc. Đó là thực tế, tỷ lệ cán binh Cộng Sản đào ngũ có giảm, tỷ lệ bộ đội Cộng Sản đi theo Mặt

Trận của chúng tôi cũng giảm so với mấy năm trước 1986.Ở ngoài này đại đa số chúng ta chỉ nhìn thấy mặt nổi có cái hoa hồng, còn mặt chìm với những khó khăn, nguy hiểm thì chúng tôi là một trong những tập thể phải hứng chịu anh em trong nước mà dường như không có người chia xẻ.

Còn chế độ Cộng Sản chúng sẽ thay đổi thế nào? Đây mới là điều quan trọng: Quan niệm cá nhân của tôi là nếu trong vòng 5 năm nữa mà chúng ta không lật đổ được bọn Cộng Sản thì nó sẽ mua được mười năm nữa. Nghĩa là xê xích trong thời điểm 2000, bước vào thế kỷ 21 mọi sự sẽ lại khó khăn hơn. Nguyễn văn Linh có thể già mà chết, nhưng sẽ có Nguyễn văn Linh khác, và đất nước chúng ta vẫn rách nát như thế, tang thương như thế, chúng ta vẫn phải chém giết nhau trong lòng quốc gia chúng ta mà thôi.

H.K.P: Anh có nghĩ là con số 15 năm anh vừa đề cập tới có lạc quan quá không? Tôi nhắc lại anh nói 5 năm nếu không lật đổ được thì Cộng Sản có thêm 10 năm nữa để củng cố. Tôi bi quan và cộng luôn hai thời khoảng lại. **Liệu trong 15 năm sắp tới, người Việt Quốc gia có lật nổi thế cờ không?**

N.Đ.S: Trong 5 năm tôi kể là từ 86 tới 91. Trong thời điểm này nếu chúng ta không làm được gì thì Cộng Sản sẽ củng cố được thêm 9, 10 năm nữa tức là đến năm 2000, 2001. Tôi muốn nói với anh là 5 năm tôi kể đó là tôi nhìn bi quan, chứ không lạc quan đâu. Nếu không giải quyết vậy thì trong 5 năm tới cái xác suất 15 năm đó đất nước vẫn nằm trong tay bọn Cộng Sản khá cao.

H.K.P: Tôi bi quan hơn anh. Trước tiên hãy nói về cuộc nói chuyện này, tôi không muốn coi đây là một cuộc phỏng "thuần túy" vấn của một nhà văn độc lập với một người hoạt động đại diện cho một đoàn thể chính trị, như thế chúng ta phải nhìn nhau dưới một cái vỏ nào đó. Tôi muốn coi đây như là cái có để độc giả thầm lặng có một cái nhìn, cái nhìn này bao gồm cả phần sâu của cá nhân anh hay tôi. Trở lại điều bi quan của tôi. Tôi không có cơ hội để trực tiếp nhìn thấy những gì diễn tiến nơi quê nhà. Năm nay tôi 46 tuổi, trước tôi một thế hệ, những người trên dưới 60, có một lúc nào đó tôi chán họ không phải từ bây giờ mà từ 20 năm trước. Họ để lại cho chúng tôi một cơ đồ tơi tả quá. Bây giờ tôi nhìn lại các em thua tôi một thế hệ, dường như họ chán chúng tôi hơn nữa. Bởi cơ đồ tuy có tơi tả nhưng dã mất luôn khi thế hệ chúng tôi kế tục. Tôi bi quan bởi lẽ giữa chúng tôi và thế hệ đàn anh tuy có sự bất phục nhưng không bị dứt rời. Còn bây giờ lớp trẻ mới lớn ở bên này dường như phần đông họ quay lưng lại với quá khứ, họ dửng dưng với lịch sử, đôi khi họ dửng dưng với chính họ nữa. Vả lại thực tế bên này, vật chất chi phối con người ta quá nhiều và con người cũng có quá nhiều cơ hội để tạo dựng một đời sống an nhàn sung túc.Những xe cộ, nhà cửa, những thú vui làm cho thế hệ trẻ mỗi ngày mỗi xa cái nguồn cội. Nhìn về quê nhà, tuổi trẻ trong nước có những khó khăn khác.

Tôi không có điều kiện để quan sát tuổi trẻ ở quê nhà. Anh có thể cho tôi biết những gì liên hệ đến vấn đề này. Tôi có cảm giác ở đây là **tuổi trẻ sẽ phóng tới thế kỷ 21 và không cần để ý tới bất cứ thứ gì?**

N.Đ.S: Có phải chúng ta đang nói chuyện về nước Việt Nam? Chúng ta không nói chuyện về cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại. Ở hải ngoại tôi chia sẻ với anh những suy nghĩ đó. Sự thê thảm không chỉ ngừng ở chỗ đó. Tại sao năm 1989 này có những thanh niên Việt Nam ngồi trong những phòng thí nghiệm của những viện Đại học lớn, tìm tòi giải quyết những vấn đề kỹ thuật của các quốc gia đã phát triển, thì đồng thời ở trong nước cũng có những người thanh niên Việt Nam khác đang giải quyết những vấn đề khác. Họ đang chờ các thế hệ đi trước chỉ vẽ cho họ cách giải quyết các vấn đề của họ. Ở đây tuổi trẻ không nói tới ông Lý Thường Kiệt, nhưng ở trong nước loay hoay xoay trở để khỏi phải đi Căm bốt, tuổi trẻ họ có những cách phản kháng của họ. Họ tìm cách bất tuân, đánh trả Việt Cộng, đó là chuyện hàng ngày của họ. Đó là đời sống của họ, và họ đã từng nghe đến cách của ông Trương Công Định khi xưa đánh Pháp ra làm sao, và họ có cảm giác gần gụi với ông Trương Công Định... Do đó họ gần gũi với hoàn cảnh đất nước, họ quen thuộc với lịch sử hơn. Họ có lẽ biết đến cái sức mạnh của dân tộc hơn tuổi trẻ ở bên này. Cái sức mạnh này không phải là súng đạn của người Việt Nam sản xuất ra, nó là trí tuệ của cả dân tộc Việt Nam trải suốt chiều dài lịch sử.Tôi đồng ý với anh về sự bi quan khi nhìn tuổi trẻ ở đây, nhưng tôi lạc quan khi nhìn vào tuổi trẻ ở quê nhà.

H.K.P: Hồi nãy, anh có nói đến một khía cạnh khá đặc biệt trong xã hội cộng sản, đó là vai trò của văn học trong những giai đoạn chuyển tiếp ngụy trang đổi mới, anh có thể khai triển cho rõ thêm về vấn đề này?

N.Đ.S: Đây là một vấn đề khá phức tạp và cũng tế nhị trong hiện tình của nước ta với màn kịch đổi mới của Việt Cộng. Nói chung, một trong những quy luật chung khá phổ biến trong thế giới cộng sản là khi một Tổng Bí Thư mới lên nắm quyền, họ có một số nhu cầu cụ thể cần giải quyết. Thứ nhất là tạo ấn tượng có đổi mới, khai mở một vận hội mới. Muốn vậy, phải lấy lòng dân, bằng một số biện pháp giải tỏa, cởi mở. Nhu cầu thứ hai là thanh lọc hàng ngũ trong bộ máy đảng và nhà nước để đưa những người của mình vào thay thế nhân sự của thời kỳ trước. Họ giải quyết bằng cách vận

dụng chính tầng lớp trí thức văn nghệ sĩ, cho họ được một số tự do nêu lên một số vấn đề trước đây vẫn bị cấm đoán hạn chế. Qua một "phong trào cởi mở", mà Gorbachev gọi là "Glasnost," Stalin và Nguyễn Văn Linh gọi là "phê bình và tự phê", họ tạo ấn tượng là có đổi mới, và xả bớt nỗi căm phẫn của dân chúng, và hướng sự bất mãn vào những thành phần đảng viên mà Tổng Bí Thư mới cần loại bỏ. Sau khi đã củng cố quyền hành ngay trong nội bộ, thì đâu lại vào đấy. Nhưng, trong giai đoạn giao thời đó, trí thức và văn nghệ sĩ thấy Tân Tổng Bí Thư gần mình, cần tới mình, và họ nghĩ rằng sẽ nương vào nhu cầu này mà tranh đấu được cho những nguyện vọng -- có thể là to tát, có khi rất cục bộ của họ. Đây là thời kỳ vàng son, trăm hoa đua nở, thời của những sáng tác bị cấm đoán lại được lưu truyền. Thời mà Krutchev cho phép xuất bản một số sáng tác bị cấm của Solzhenitsyn, hay Gorbachev gọi điện thoại nói chuyện phủ dụ Sakharov. Thời mà Nguyễn Văn Linh nói đến "cởi trói văn hóa"... Chúng ta ở hải ngoại phải nương vào hoàn cảnh này giúp cho các văn nghệ sĩ trong nước đánh tới luôn, cho vụ "lộng giả" của Việt cộng bị "thành chân". Nhưng, cũng nên cảnh giác mà đừng lầm tưởng là có đổi mới thực sự, có một cơ hội giúp cho Nguyễn Văn Linh thành công để triệt hạ những phần tử Việt Cộng đáng ghét khác. Vì sau khi hoàn tất việc chấn chỉnh và cải tổ bộ máy của họ, (Gorbachev gọi là "perestroika", Nguyễn Văn Linh gọi là cải tiến quản lý, chống tệ quan liêu bao cấp, chống cường hào ác bá, v.v...) thì đâu cũng lại vào đấy. Trong phạm vi buổi mạn đàm hôm nay, tôi nghĩ là mình khó có thể trình bày dài dòng chi tiết hơn.

H.K.P: Từ những nhận định trên, anh cho biết ý kiến về vai trò của văn nghệ sĩ trong hoàn cảnh hiện tại?

N.Đ.S: Tôi không dám có ý kiến là văn nghệ sĩ ta phải làm thế này, hay nên làm thế kia. Thực ra, chúng tôi trông đợi chính giới văn học nghệ thuật Việt Nam nêu rõ cho đồng bào thấy là chúng ta phải làm gì. Tuy nhiên, như một người Việt Nam tỵ nạn, tôi cũng có một vài ước mơ đối với lãnh vực văn học nghệ thuật của chúng ta. Thứ nhất chúng ta không quên vai trò và trách nhiệm, hướng dẫn dư luận của giới cầm bút, giới làm văn hóa báo chí. Khi đã nói đến trách nhiệm hướng dẫn, chúng ta mong là ý thức trách nhiệm sẽ đòi hỏi chúng ta có ý thức cảnh giác, để lượng định cho đúng tình hình. Không lạc quan sai lầm mà tưởng là "mặt trận văn hóa đang làm chế độ thay đổi", rồi có khi vội nghĩ đến nhu cầu hòa giải hòa hợp như một vài người đã đề xướng. Nhưng, chúng ta cũng không nên bi quan mà nghĩ là chế độ Việt Cộng hoàn toàn chủ động trong những kế hoạch trá ngụy của nó. Sự thật nằm đâu đó ở giữa và đòi hỏi nhiều cách khai thác và đối phó khéo léo. Đó là trên đại thể. Trong một địa hạt cụ thể khác, tôi ước mơ là giới cầm bút ở hải ngoại theo dõi thật sát tình hình trong nước, quan tâm đến những diễn biến thực tế trong nước, và cố gắng suy nghĩ và sáng tác cho cả quần chúng trong nước chứ không chỉ cho một thành phần càng ngày càng thu hẹp ở hải ngoại. Tôi nghĩ rằng đây là cách hay nhất để giòng văn học nghệ thuật của hải ngoại vẫn gắn liền và là một phần không thể tách rời, cô lập hay phủ nhận được của giòng văn học nghệ thuật Việt Nam. Còn làm sao để những sáng tác của chúng ta có thể tới được đồng bào trong nước, tôi nghĩ là có một số vấn đề về phối hợp, kỹ thuật và tổ chức cần giải quyết. Nhưng, ít nhất chúng ta hãy cố suy nghĩ là chúng ta có nhu cầu sáng tác cho cả đồng bào trong nước và góp phần giải quyết vấn đề của dân tộc, căn bản ở trong nước, hơn là chỉ nghĩ đến việc sáng tác và phát triển được số độc giả hay quần chúng thưởng ngoạn của chúng ta ở ngoài này. Bước đầu tiên, tôi xin dè dặt nêu đề nghị, là chúng ta cần thấy ra nhu cầu tôi gọi là "quốc nội" đó đã. Sau đó, chúng ta mới thấy ra những vấn đề và tìm cách giải quyết những vấn đề này. Tôi mạn phép lạm bàn về một lãnh vực khá tế nhị, với tất cả sự chân thành, xin anh đón nhận cũng với tinh thần đó.

H.K.P: Sau chót anh N.Đ.S, anh còn điều gì muốn nói thêm.

N.Đ.S: Không còn gì ngoài việc cám ơn *Thế Kỷ 21* và anh đã dành cho tôi cơ hội được xuất hiện trước bạn đọc.

HOÀNG KHỞI PHONG

thực hiện

HOÀNG XUÂN SƠN

Trăng Vàng

Trăng vàng trên đỉnh ngọn cau
Sáng choang một giải cầu ao hẹn hò
Về nhà theo ngọn suối khe
Về khóc một trận đầm đìa tủi, thương.

Ai là chủ khảo trường Hà Nam khoa Đinh Dậu (1897): NGUYỄN KHUYẾN hay CAO XUÂN DỤC?

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Trước khi vào chính đề, tôi xin nói qua về Trường Hà-Nam, Khoa Đinh Dậu và Cao Xuân Dục.

Trường Hà Nam khác trường Nam Định ở điểm nào?

Triều Nguyễn có tất cả 8 trường, sau rút lại còn 5 là: Gia Định, Thừa Thiên (Quảng Đức), Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Nam.

Trường Hà Nam là hai trường Hà Nội (Kinh Bắc) và Nam Định (Sơn Nam) hợp thí ở Nam Định sau khi trường Hà bị lính Pháp chiếm, phải đóng cửa từ năm 1882. (Khoa cuối của trường là khoa Kỷ Mão, 1879)

Năm 1884, sĩ tử hai trường này phải vào Thanh Hóa hợp thí, nên gọi là "Khóa Thanh". Lý do: trường Hà bị đóng cửa, trường Nam bị đốt từ năm 1883. Lý do khác: sĩ tử Bắc Hà nổi loạn chống Hòa ước Giáp Thân (Patenotre, 1884).

Đến 1886, vua Đồng Khánh mới cho hai trường hợp thi ở Nam Định, lấy tên chung là "trường Hà Nam". Từ đó, nhân vì loạn lạc, thành lệ hợp thí ở Nam cho đến khoa cuối là khoa Ất Mão (1915). Dựa vào đấy, ta có thể đưa ra hai nhận xét:

1) Tú Xương không thể viết hai câu thơ sau đây trước năm 1886:

"Được gần trường ốc vùng Nam Định,

Thua mãi anh em đám Bắc Hà!"

Điều này có thể "bổ ích cho những ai biên khảo về Tú Xương.

2) Nguyễn Tuân trong "Báo oán" đặt khoa cuối của trường Hà Nam vào năm Mậu Ngọ (1918), thực ra đấy là khoa cuối của miền Trung (và đây là một trong những "kỳ thị" của triều Nguyễn đối với sĩ tử Bắc Hà).

Như vậy "trường Hà Nam" dùng để trỏ vào đám sĩ tử thuộc vùng Hà Nội và vùng Nam Định (1), còn "trường Nam Định" trỏ vào cái trường xây bằng gạch ngói ở ngoại thành Nam.

Theo Trần văn Giáp, và một số người khác, thì trường Nam xây ở làng Năng Tĩnh. Chính ông Giáp đã đến thăm tận nơi khi trường "chỉ còn chơ vơ cái nhà Thập Đạo (2)". Nhưng Tú Xương, trong bài "Phú Hỏng thi" viết khác:

"Năm vua Thành Thái mười hai,

Lại mở khoa thi Mỹ Trọng."

Vậy thì trường nằm ở đâu, Năng Tĩnh hay Mỹ Trọng? Nếu vào thời Lê hay Nguyễn sơ, trường thi còn bằng nhà tranh vách đất, sau mỗi kỳ thi phá đi để lấy chỗ trồng trọt, cầy cấy thì chuyện di chuyển trường không khó. Đằng này, từ 1845, trường Nam, theo chỉ thị của vua Thiệu Trị, được xây cất bằng gạch ngói theo mẫu mực trường Ninh Bắc (Thừa Thiên) chỉ trừ chỗ cho sĩ tử ngồi thì vẫn để đất trống, học trò vẫn phải mang lều chõng đi thi như xưa. Trường bằng gạch thì không mối chốc phá đi xây lại được (trường Thừa Thiên có lẽ là ngoại lệ). Theo Ngô Vi Liễn hai làng Năng Tĩnh và Mỹ Trọng ở cạnh nhau, cùng thuộc tổng Mỹ Trọng, nên tôi tạm đặt trường nằm giữa hai làng này.

Khoa Đinh Dậu có gì đặc biệt?

1) Trước hết chúng ta có loạt ảnh của Salles chụp cảnh trường Hà Nam. Đây là những sử liệu rất hiếm và quý báu.

2) Nhà thơ Trần Tế Xương (hay Kế Xương) khoa này nghiễm nhiên đội danh "ông Tú" đi thi, dù chỉ là "Tú rốt bảng trong năm Giáp Ngọ (1894)".

Ai cũng biết Tú Xương "lảo đảo trường ốc" rất nhiều (tám khoa mà chỉ được "một tí Tú Tài quèn") và ngâm vịnh về thi cử cũng không ít, riêng khoa này chúng ta có ít nhất hai bài thơ, một vịnh "Chủ khảo Cao Xuân Dục" (sẽ nói đến sau và một vịnh cảnh đi thi:

"Nhà nước ba năm mở một khoa,

Trường Nam thi lẫn với trường Hà.

Lôi thôi sĩ tử vai deo lọ.
Ậm ọe quan trường (3) miệng thét loa.
Lọng cắm rợp trời, ông Sứ đến,
Váy lê quét đất, mụ dầm ra.
Nhân tài đất Bắc nào ai đó?
Ngoảnh cổ mà trông lại nước nhà!"

3) Toàn quyền Paul Doumer vừa ở Pháp sang nhậm chức, lần đầu chứng kiến cảnh thi của ta (và cũng là lần đầu trường Nam có một "quan Tây to" đến dự lễ Xướng danh và phát quà thưởng: đồng hồ vàng và bạc v.v...) Sau này trong hồi ký "L'Indo-Chine francaise" (Souvenirs) Doumer dành mấy tờ nhắc lại quang cảnh trường thi, nhưng vì không hiểu rõ nên viết nhiều điều sai lầm, chẳng hạn: sĩ tử vào trường được mang theo người hầu, trong khi thầy ngồi làm văn thì tớ nằm khểnh một góc đợi giờ sửa soạn cơm nước v.v... (có lẽ Doumer đã làm quan trường với Thí sinh? Doumer còn ở lại đến 1901 mới về nước, và được chứng kiến thêm khoa 1900 nữa ở Nam Định.

4) Không khí trường Hà Nam và thành Nam Định lúc ấy rất sôi nổi vì hai vấn đề:

- Chữ Hán sắp bị bỏ hẳn, chữ Quốc ngữ bắt đầu được thay thế và sĩ tử còn phải làm toán bằng con số Ả-rập nữa. Lúc ấy tinh thần ái quốc dâng cao, học chữ Quốc ngữ thường bị ngộ nhận là "vọng ngoại" và "vô sỉ" nên nhiều người không chịu học, bỏ thi. (Trần Quý Cáp thuộc số người hiếm, nhìn nhận ưu điểm của Quốc ngữ, gọi là "hồn trong nước").

- Nhưng sôi nổi hơn nữa là phong trào chống Pháp đang hăng của "Kỳ Đồng", tên thực là Nguyễn văn Cẩm, trẻ tuổi và thông minh nên được mệnh danh là "Kỳ Đồng". Vì chống Pháp, năm 1887 đã bị "gửi" sang học 9 năm ở Angers (Bắc Phi). Năm 1896 về nước, tiếp tục hoạt động và liên kết với Đề Thám nên đến 1901 lại bị đầy sang Tahiti (theo Nguyễn Tuân, sau thành bạn của họa sĩ Gauguin, một người ghét thực dân.)

Vì có vụ "Kỳ Đồng" nên Pháp chuẩn bị rất ngặt, phòng biến động: từ một tuần trước đã cho hai pháo thuyền Avalanche và Le Jacquin chĩa mũi vào trường thi dọa nạt. Doumer nói cứng rằng ông ta tin chắc không ai dám làm gì, bọn nổi loạn chẳng qua là hạng thi hỏng bất đắc chí, tuy vậy vẫn nên thị uy để cảnh cáo những phần tử con nuôi ý bạo động.

5) Khoa này tại trường Nghệ An, nhà cách mạng Phan Bội Châu, vì một lý do, không được nêu ra, đã can án "Hoài hiệp văn tự nhập trường, chung thân bất đắc ứng thi" tức là "mang sách có chữ viết vào trường, bị phạt cấm suốt đời không được đi thi" (sẽ nói thêm trong bài "Phạm trường quy")

Cao Xuân Dục

Tuy làm quan đến nhất phẩm và là một trong "Tứ Trụ Triều Đình", song có lẽ Cao Xuân Dục được ít người biết so với Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến.

Cao Xuân Dục (1842-1923), hiệu là Tử Phát, người xã Thịnh Khánh, huyện Đông Thanh, tỉnh Nghệ An, đỗ Cử nhân năm 1877, làm quan đến Học bộ Thượng Thư, hàm Đông Các Đại Học Sĩ (hàm = có trách nhiệm mà không ăn lương), tước An Xuân Nam.

Cao Xuân Dục có hai người con đỗ Cử Nhân và một người đỗ Phó Bảng (Cao Xuân Tiếu được cử làm Giám Khảo trường Hà Nam cùng một khóa với cha) và là nhạc gia Hoàng Tăng Bí.

Rất trọng việc học, ông đã xuất tiền thuê người chép lại những sách quý hiếm chia cho các con giữ mỗi người một bản lưu lại về sau. Chính ông cũng là tác giả hai bộ sách có giá trị: "Quốc triều Hương khoa lục" (chép tất cả các khoa thi Hương của tất cả các trường dưới triều Nguyễn) và "Quốc triều Đăng khoa lục" (chép các khoa thi Tiến sĩ triều Nguyễn).

Mặc dầu chỉ đỗ Hương thí, ông được cử đi chấm thi Hội mấy lần, và hay nâng đỡ học trò. Chính ông đã xin cho các Phó Bảng (4) được hưởng những quyền lợi như các ông Nghè. Khi ông làm Chủ khảo trường Hà Nam, Tú Xương đã vịnh ông như sau:

"Này này Hương thí đỗ khoa nào?
Nhân hậu thay lòng quan Thượng Cao!
Người ta thi chữ, ông thi phúc,
Dù dở, dù hay cũng được vào!"

Ai là Chủ khảo trường Hà-Nam khoa Đinh Dậu?

Theo ảnh của Salles thì Chủ khảo trường Hà Nam khoa Đinh Dậu là Cao Xuân Dục. Salles là một nhà nhiếp ảnh làm việc tỉ mỉ và có quy cũ, ban ngày chụp, ban đêm rửa ngay, sợ để lâu khí hậu nóng bên ta sẽ làm hỏng kính ảnh (lúc ấy chưa có phim). Hơn thế, Salles chua rất rành mạch không những "năm" mà cả "ngày, tháng" cùng tên họ, chức tước người trong ảnh, với đủ cả dấu sắc, huyền, hỏi vv. Trong loạt ảnh ấy có một chiếc chú thích là "Thân Trọng Koái, Giám Sát" (5) (có lẽ ngày nay ta viết là "Quới"?) chụp một người còn trẻ măng. Rắc rối là năm 1941, Trần văn Giáp cũng xử dụng loạt ảnh này trong tập san *Khai Trí Tiến Đức*, số 2 và 3, nhưng "Thân Trọng Koái" thì lại biến thành "Nguyễn Gia Thoại, Phó Chủ Khảo". Dĩ nhiên Trần văn Giáp biết nhiều về thi cử của ta, viết như thế hẳn có lý do, song Salles là một người làm việc nghiêm túc, biết tin ai? Tôi trông cậy vào cuốn "Hương Khoa lục" để tìm ra manh mối. Cuốn này không được phổ biến như cuốn "Đăng khoa lục" (đã được dịch ra Quốc ngữ) nhưng Trường Bác cổ

Viễn Đông (Ecole d'Extrême Orient ở Paris có một bản chữ Hán. Thật chẳng khác nào "sét đánh ngang tai" khi tôi tìm ra Khoa Đinh Dậu và thấy Cao Xuân Dục chép rằng ông là Chủ khảo khoa *1894* còn Chủ khảo khoa 1897 là *Nguyễn Khuyến!* Thế là vụ Thân Trọng Koái/Nguyễn Gia Thoại chưa dẹp xong lại nẩy ra vụ Cao Xuân Dục/Nguyễn Khuyến còn quan trọng hơn. Không lẽ Salles dự khoa 1894 mà lại chú thích lầm là 1897? Còn nếu dự khoa 1897 thì moi đâu ra được tên Cao Xuân Dục để đặt vào chỗ của Nguyễn Khuyến? Mà chẳng lẽ Cao Xuân Dục lại không biết mình làm Chủ khảo khoa nào?

Tiếc rằng bài thơ Tú Xương vịnh "Chủ khảo Cao Xuân Dục" không đề ngày tháng để giúp ta giải quyết chóng vánh vấn đề này.

Sau một thời gian loay hoay điều tra sách vở và "chứng nhân" không đi đến kết quả nào, tôi trở lại với mớ ảnh của Salles, thấy có một chiếc chụp cảnh lễ Xướng Danh chú thích "với sự hiện diện của các ông Doumer (Toàn quyền), Lenormand (Công sứ Nam Định) và Picanon (6)", như thế là Doumer có mặt khi Cao Xuân Dục làm Chủ khảo. Trong hồi ký, Doumer cho biết ông ta sang Đông Dương ngày 21/1/1897, Doumer có thể lầm khi tả trường thi, nhưng khi viết về sự nghiệp bản thân ắt không nhầm. Rõ ràng Cao Xuân Dục không thể làm Chủ khảo khoa 1894 được. Và người cha Thí Sinh Trần Tế Xương (hay Kế Xương) đỗ Tú Tài đội bảng chính là Nguyễn Khuyến.

Có thể vì Cao Xuân Dục chép lại tất cả các khoa của tất cả các trường nhiều quá nên lộn xộn, sơ xuất? Mà cũng có thể ông chỉ là tác giả phần đầu cuốn sách, phần cuối do người khác viết tiếp, vì nét bút hai phần khác nhau (theo thuyết này vì biết rằng "Đăng khoa lục" cũng có hai bản: bản đầy đủ đã được Lê Mạnh Liêu dịch ra Quốc ngữ, và ông Hoàng Xuân Hãn có giữ một bản chữ Hán thiếu mấy khoa sau.

Vấn đề "Ai là Chủ khảo" đã giải quyết, nhưng vẫn còn vụ Thân Trọng Koái/Nguyễn Gia Thoại phải "thanh toán". "Hương Khoa lục" chỉ cho biết khi Cao Xuân Dục làm Chủ khảo thì Nguyễn Gia Thoại làm Phó, nhưng không thêm chi tiết nào khác. Lại cũng vẫn nhờ một chiếc ảnh khác của Salles mà vụ này được "sáng tỏ". Trong một tấm ảnh chụp lễ Xướng Danh ở cổng Tiền Môn, các quan theo thứ tự phẩm trật ngồi ghế tréo chứng kiến, có ông ngồi đầu hàng bên trái, mặt để râu, bên cạnh cắm biển "Phụng Chỉ". Tất cả mọi sách đều chép "Khi Triều đình cử ban Giám khảo xong, ông Chủ khảo được ban lá cờ "Khâm Sai", ông Phó được lĩnh biển "Phụng Chỉ". Như vậy người có râu đích thực là Phó Chủ Khảo Nguyễn Gia Thoại không còn nghi ngờ gì nữa, và khuôn mặt ông không giống Thân Trọng Koái một tí nào, tức là Thân Trọng Koái vẫn là Thân Trọng Koái.

Vì sao Trần văn Giáp lại chú thích như thế? Có lẽ thấy Salles "quên" không chụp riêng ảnh ông Phó Chủ khảo mà lại chụp riêng những hai ông Giám Sát cho nên ông Giáp nghĩ: bớt một ông Giám Sát chắc không ai lưu ý chú để thiếu ông Phó Chủ Khảo quan trọng như thế thì có điều bất tiện, nên ông "mượn tạm" ảnh Thân Trọng Koái, xóa tên thật đi và điền "Nguyễn Gia Thoại" vào. Với ông, đây chỉ là một chiếc ảnh "tượng trưng" cho ban Giám Khảo đủ bộ, còn đích thực là ảnh chụp Thân Trọng Koái hay Nguyễn Gia Thoại thì đối với bọn hậu sinh chúng ta không quan hệ gì. Dĩ nhiên đây chỉ là một giả thuyết.

CHÂN QUỲNH, Tài liệu rút trong "Khoa Cử ở Việt Nam" (sắp in)

Những sách tham khảo chính:

- Đại Nam Thực Lục Chính Biên, bản dịch của Viện Sử học, Hà Nội, 1962-78.
- Paul Doumer, - L'Indo-Chine francaise, (Souvenirs). Paris: Vulbert & Nony, 1905, 392 tr.
- Ngô Vi Liễn, Nomenclature des Communes du Tonkin. Hà Nội: Lê văn Tân, 1928.
- Nguyễn Tuân, Chuyện Nghề, Hà Nội: Tác phẩm mới. 1986, 235 tr.
- Trần văn Giáp, "Lược khảo về Khoa cử Việt Nam", Khai Trí Tiến Đức Tập san số 2 và 3. Hà Nội, Janvier-Juin 1941, tr. 41-88.

CÔ GÁI SAI GON

NGUYỄN MINH

Để thủ vai Kim, cô gái Sài-gòn, nhà sản xuất Mackintosh đã chọn hai cô đào...Phi Luật Tân, cô Salonga (trái) và cô Wilson (mặt).
Đào Phi đóng vai gái Việt, hát tiếng Anh cho khán giả Ăng Lê thưởng thức, kể cũng độc đáo!

Một bức hình thời sự chụp cảnh một bà mẹ Việt Nam dúi đứa con vào đôi tay của một nhân viên hãng hàng không sau khi Saigon vừa thất thủ đã gây xúc động cho hai anh Alain Boublil và Claude-Michel Schonberg, đôi nhạc sĩ đã từng viết nhạc và lời cho vở kịch nổi tiếng "Những kẻ khốn khổ" (Les Misérables). Mối ám ảnh vì bức hình kia đã khiến hai anh ngồi xuống viết một nhạc kịch mang tên "Cô gái Saigon" (Miss Saigon.)

Tháng Giêng năm 87, hai nhạc sĩ trên đã tiếp xúc với nhà sản xuất 42 tuổi Cameron Mackintosh, người từng tạo thành công rực rỡ qua các nhạc kịch "Hồn Ma tại Hý Viện" (The Phanton of the Opera), "Mèo" (Cats), và "Những kẻ khốn khổ." Mackintosh chịu ngồi nghe cuốn băng 45 phút bản thảo của một đoạn trong vở "Cô gái Saigon" rồi chỉ vỏn vẹn nói "Để tôi suy nghĩ đã." Anh băn khoăn là phải. Đem chủ đề của một cuộc chiến tàn khốc lên sân khấu dưới hình thức nhạc kịch sẽ được khán giả đón nhận ra sao? Liệu có ảnh hưởng gì đến tiếng tăm của anh được xây dựng bằng những thành công liên tiếp đi trước hay chăng? Thế nhưng vài hôm sau, Mackintosh đi gặp Boublil và Schonberg rồi nói: Tôi đồng ý. Chúng ta hãy thực hiện nhạc kịch này."

Đây không phải là câu chuyện mới lạ gì. Nhạc kịch "Cô gái Saigon" cảm hứng từ nhạc kịch "Hồ Điệp Phu Nhân" (Madame Buterfly) của Puccini, chỉ có thời gian và địa điểm là thay đổi. Màn được kéo lên với cảnh Saigon vào đầu năm 1975, Kim, một cô gái bán bar ngây thơ từ nhà quê lên thành thị kiếm sống sau khi cha mẹ bị chết vì chiến tranh. Nàng gặp Chris, một thủy quân lục chiến canh gác tòa Đại Sứ Mỹ. Chàng và nàng yêu nhau tha thiết ngay từ khi gặp gỡ nhưng hoàn cảnh không cho cuộc tình được trọn vẹn. Và câu chuyện sẽ kết thúc bằng nét bi thương, đúng theo truyền thống của các nhạc kịch opera.

Được Mackintosh bật đèn xanh thế là Schonberg và Boublil cắm cúi sáng tác đến mùa hè 87 thì hoàn tất trọn vẹn nhạc kịch. Tháng 11, 1988, bộ ba lên đường cùng nhà đạo diễn 35 tuổi Nicholas Hytner mà Mackintosh chọn để giao phó thực hiện "Cô gái Saigon." Họ đi khắp thế giới để tìm người thủ vai chính, cô gái mang tên Kim trong vở kịch. Họ muốn khám phá một tài

HÀ THÚC SINH

Điều Ước

Lũ trẻ

Dăm thằng bé nhăn nheo như núm giẻ
Suốt cả ngày rình lượm giấy cầu tiêu
Điều ước lớn là làm sao tất cả
Ăn phải ruồi và đau bụng thật nhiều

Cô gái

Cha tù chết mẹ và anh mất tích
Sau mười thu cô bé đá mười lăm
Điều ước lớn là làm sao cô được
Đi ra ngoài đủ đồ lót bên trong

Thanh niên

Thân ngựa hồng và tâm của phượng hoàng
Ôi thế giới sức tưởng chạy nghìn vòng
Điều ước lớn là làm sao thoát được
Bọn xá làng lưới nghĩa vụ vừa giăng

Và tôi

Ba mươi điều **sau bẩy quả** *xét rằng...*
Tôi đọc Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền
Điều ước lớn là làm sao thêm được:
Cấm trị người bằng gia giảm miếng ăn!

(Trích *Hòa Bình Việt Nam và tôi*-- sắp xuất bản)

năng mới. Mackintosh nói: "Vai Kim đòi hỏi nhiều điều kiện hơn cả vai Jean Valjean trong vở "Les Misérables" nữa. Chúng tôi cần một cô đào nhiều tài, nhiều sức khỏe mà lại có tiếng hát, hình vóc thật là Á Đông."

Họ tìm mãi mà không chọn được ai. Anh Hytner nói: "Các cô ở New York và Los Angeles đẹp tuyệt nhưng giọng hát không được." Dĩ nhiên là cô gái Saigon không thể có giọng Mỹ đặc.

Đến Hawaii, họ tìm ra cô Chloe Stewart, một cô gái 3 dòng máu Ái Nhĩ Lan, Trung Hoa, và Đại Hàn, đẹp và hát hay, nhưng chỉ mới 15 tuổi, không đủ sức để thủ vai chính đầy nặng nhọc.

Phái đoàn đến Manila và họ tìm được không những một, mà đến hai cô Kim. Cô hơn 100 cô gái Phi Luật Tân đến thử diễn xuất; đủ cả, thảo chương viên điện toán cho đến nha sĩ. Hai cô được chọn để thủ vai Kim là Lea Salonga, 18 tuổi, ca sĩ chuyên nghiệp từ năm lên 9. Cô thứ hai tên là Monica Wilson, bạn của cô Salonga, cũng 18 tuổi và là con gái của một dân biểu Phi Luật Tân. Cô Wilson học về môn kịch nghệ tại Đại Học Philippines.

Đầu năm nay, cả 2 cô Kim đều đi Luân Đôn để thử diễn xuất lần chót trên sân khấu hý viện Hoàng Gia tại Drury Lane. Đêm 20 tháng 9, đêm khai mạc, cô Salonga sẽ hát trong vai chính và cô Wilson sẽ giữ vai phòng hờ. Người yêu của Kim, anh chàng Chris, hiện nay chưa chọn vai đóng. Chiếc trực thăng trong câu chuyện sẽ bỏ Kim ở lại hiện vẫn chỉ là một mô hình ở trên bàn. Nhưng hai phần ba số vé của những buổi trình diễn trong 6 tháng đầu đã bán hết. Toàn ban còn sáu tháng để tập dượt. Anh Mackintosh tiết lộ: "Để tái tạo cảnh Saigon thất thủ trên sân khấu sẽ có những hình ảnh bi tráng nhưng câu chuyện thật ra chỉ vây quanh độ 6 nhân vật mà thôi."

Saigon chết tức tưởi trong tâm hồn người Việt. Cái chết được Hollywood khai thác để hốt bạc. Bây giờ đến lượt "cải lương Ăng Lê" chiếu cố. Thật 14 năm qua rồi, vẫn chưa được cho để yên. (th)

(Tài liệu: Newsweek, April 3, 1989)

TRUYỆN CỔ TÂN THỜI

MÚA LÂN

TAM TRƯƠNG

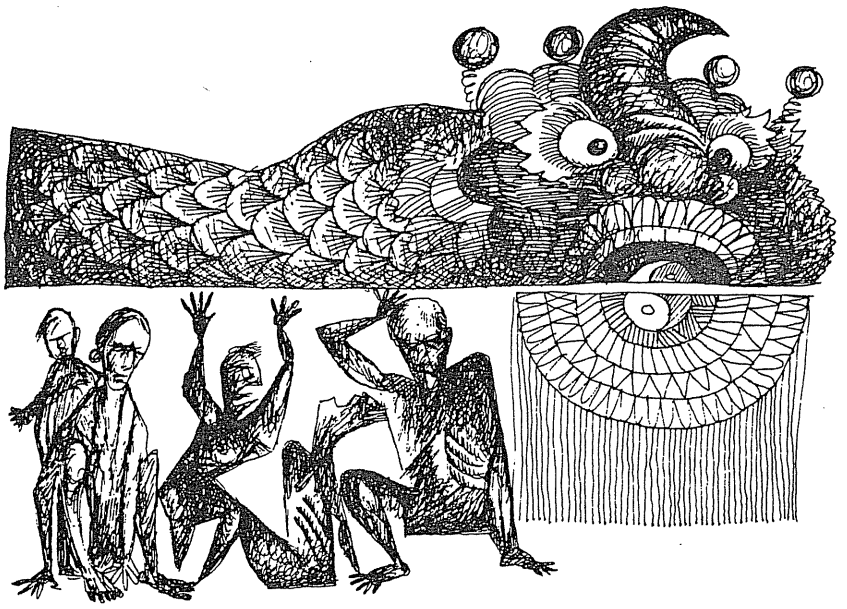

Ngày xưa... ở một vùng đồng bằng nọ, bao quanh có đủ cả: núi non, sông suối, phong cảnh hữu tình, non nước doanh xuây, có một nhóm dân hiền lành yêu thương nhau, xúm xít họp thành làng. Một bọn thương lái nọ lâu lâu ghé qua, thấy dân thật thà thì kiếm cách lân la ở lại, nói là giúp đỡ dân làng mà thực ra chỉ muốn bắt Làng chịu dưới sự điều khiển theo ý mình muốn. Dân bực lắm mới hè nhau dùng gậy gộc tính đuổi bọn lái buôn đi.

Trong làng có một anh nọ tính tình lanh lợi, ham chuyện mưu mẹo, lang thang xa nhà, vượt mấy suối mấy đèo thì gặp một bọn người làm nghề pháp sư ở một nơi thật xa làng. Bèn lân la làm quen, thố lộ hoàn cảnh khốn khổ, cùng tham vọng mình. Lão đầu đảng pháp sư, tên Xích, thấy anh kia nhanh nhẩu thì thương, nói rằng: Nếu quả thật dân anh hiền lành như lời anh, đời anh từ nay sướng rồi đấy. Muốn vậy phải triệt để nghe lời ta, cùng biết xử dụng bửu bối mới được. Đoạn, vào buồng trong mang ra một cái đầu Lân, nhảy nhót múa Lân cho xem. Đầu Lân rung rinh xanh xanh đỏ đỏ, anh nọ mê mẩn tâm thần, Pháp sư mới nói: Chú thì ta thấy người hoạt bát, ta yêu lắm, bụng ta coi như con. Nay ta đã có cái đầu Lân to để múa cho dân ở đây xem mà kiếm sống được rồi, chú cầm cái này về, làm bửu bối nơi quê mà múa... Đoạn ghé tai nói: Nhưng phải biết theo kế hoạch mà làm... như vầy... như vầy... mới đắc thắng công thành.

Anh nọ nghe ra, về làng, gặp ai cũng mơn trớn bảo: Dân mình phải đoàn kết nữa thì mới đuổi được bọn thương lái đi. Đoàn kết thì dân vẫn đoàn kết từ xưa, cho đến khi dân cùng nhau đuổi được bọn lạ mặt, anh nọ nhận xằng rằng: Tụi ta nhờ cái bửu bối này mới thắng giặc, từ nay chịu khó thờ đầu Lân, thì nhà nào cũng ấm no: của cải như khí trời, cảnh vật như thần tiên, người người như thánh hiền. Bèn đem đầu Lân ra múa, lơ lửng giữa hư không. Dân xem, lấy làm lạ. Anh láu cá, tên Cáo, lại bảo rằng: Từ nay ai là dân, đều là chủ bạ.Còn việc làng, nên sắp đặt chức việc, chức việc chỉ được quản lý thôi. Còn Cáo tôi sẽ chỉ giữ việc chỉ đường cho Làng. Nghe vậy, dân bùi tai. Cáo lập tức kết nạp được mươi anh con trai làm thủ hạ thân tín, rồi ngày ngày cùng nhau họp kín, bàn bạc rằng: Vua quan ngày xưa chỉ vì ăn trên ngồi chốc không khéo nên mới lúc hưng lúc bại. Có quyền mà tự mình bảo vệ quyền mình là kém. Phải được chính bọn bị bóc lột bảo vệ cho, mới thập phần khả thủ. Bọn ta ngồi cao hưởng thụ, phải lấy kín đáo làm nòng cốt. Đây là điều lệ, do cha nuôi ta dặn bảo:

Ngồi trên đầu dân, nên làm dân ngu mới được họ dung dưỡng đời đời. Cho nên chuyện làng, cấm tiệt bọn làm việc làng được bàn tán, ý kiến gì. Còn bọn dân thì kệ nó. Chức chỉ đường mới là chức lớn nhất.

Dân càng ngày càng vất vả, làm không đủ ăn, chỉ vì trong làng có con thịt nào mập mạnh, đàn em Cáo bắt đem đi cúng đầu Lân cả. Cáo ra khẩu hiệu "Yêu Lân là yêu Làng, yêu Làng là yêu Lân". Nên dân nuôi được con thịt nào thì đồng ý rủ nhau đem cúng Lân. Cáo còn dạy đàn em rằng đồng bọn ăn trong bóng tối sung sướng với nhau, có dư thừa cũng đem đi đổ, mới đúng nguyên tắc hộ khẩu. Ai nấy tưởng bọn chỉ đường sống đạm bạc lắm.

Dân thấy Cáo múa Lân khéo, càng tin là đời sau con cái mình, cả làng mình sẽ được no ấm, đỡ bị nạn thương lái bắt nạt, cứ cắn răng nhẫn nhục mò cua bắt ốc, đào rễ cây ăn, không tơ tưởng gì thịt cá. Bọn chức sắc, thì hãnh diện được húp nước cháo, hoặc ăn súp nấu bằng móng bò, sừng bò, lông bò... tự coi là may hơn người không làm chức việc. Lâu lâu dân thì thào, vì ngày càng khổ. Cáo đi gặp pháp sư hỏi kế. Đêm khuya thanh vắng, tính toán suy lường, pháp sư giảng:Dân càng thiếu ăn, tụi ta càng mạnh, vì sao? Nó không đủ đồ ăn cho nó, sao mà nó nuôi con nó được? Con nó ta bảo bọn chức việc nhận làm con nuôi, cho ăn, cho nghe văn thơ tán tụng bọn ta, kính ngưỡng đầu Lân, lớn lên ai nói gì chúng cũng vẫn yêu ta, yêu Lân.Bọn chức sắc được ăn cháo loãng còn mừng hơn bọn phải ăn rễ cây nên cố giữ đặc ân. Trên đời không gì to quyền bằng kiểm soát được miếng ăn, ý nghĩ người ta. Nắm được quyền lớn như thế, không gì sướng bằng. Vậy thì cái đầu Lân này chú cứ đem ra mà múa khi nào có đứa nào thấy nghi ngờ gì. Cáo bảo Pháp sư: Thật cám ơn anh. Em lấy gì đền đáp được?Pháp sư bảo: Ta dư ăn dư để rồi, nếu chú trung thành với ta, cứ thề là khi chết sẽ đi gặp ta là đủ tỏ lòng thành kính. Tụi ta được nịnh là một đời hi sinh cho Làng, cần được khen ngợi thêm nữa. Vua chúa ngày xưa đứa nào mà chả thích khen, huống gì ta. Còn chú, chú mày cũng được như thế, mình tự khen mình không bằng người khác khen mình, về bảo bọn chức sắc làm thơ tâng bốc ta lưu bố trước, rồi chú sau. Đàn bà con gái được làm thơ tâng bốc còn thích muốn chết nữa là tụi mình.

Cáo về làng, mặt hầm hầm, đàn em sợ lắm. Gạn mãi, Cáo nói ra ý của Pháp sư. Thế là lệnh bí mật truyền xuống: Bọn chức sắc rủ nhau làm bài hát dậy con nít, đại ý nói trẻ yêu Cáo đến nỗi đêm ngủ nằm mơ cũng thấy Cáo, còn con nít trong nôi mới tập nói đã bập bẹ hai tiếng: Xích... Xích... là tên của pháp sư. Dân nghèo, có lần tỏ thắc mắc là trâu bò dê làng nuôi, con nào cũng béo mà dân chả được miếng nào. Cáo bảo, phải nuôi Lân. Vì yêu Lân là yêu làng mà. Ban đêm thắp đèn mờ mờ, nguyên con bò để trên bàn thờ, thế mà đầu Lân nhảy múa một hồi là chỉ còn trơ lại có đuôi, lông, với móng bò, thịt xương đi đâu mất hết. Dân xôn xao. Pháp sư nghe chuyện, bảo Cáo: Che mắt dân cho khéo! Dân thương Làng, bắt nó hi sinh cho làng thì nói khéo là nó nghe. Hứa với nó đủ điều, thời gian trôi qua càng lâu càng tốt. Tụi thiếu nhi lớp sau cảm được đặc ân từ bọn chức việc, nghe bọn chức việc dạy bảo từ khi mới đẻ, nghe hát nghe thơ tán tụng bọn ta, lớn lên tăng thêm lòng kính thành, sẽ tự kiểm thúc chỉ coi chú là thần tượng, rồi mai sau chú già yếu chết đi sẽ được xây lăng bốn mùa cúng tế nữa, như cả bọn ta vậy. Kế hoạch mà áp dụng đồng tâm, sẽ nơi nơi bành trướng khắp mặt đất, rốt lại chỉ tụi ta là hưởng thôi, kết anh em cha con với nhau, đứa nào biết thì sung sướng đời đời.

Đến ngày tụi đàn em của Cáo, là Cú, thấy Cáo chết, bắt dân đào đá hoa cương, đem kính lồng trên xác Cáo, rồi mang đầu Lân ra múa. Xúm lại khóc như gì cho dân hoang mang. Lâu ngày đầu Lân xác xơ, ai cũng thấy cả. Thấy lộ liễu, Đàn em Cáo (là Cú), lại đến xứ Pháp sư hỏi kế. Pháp sư kế vị bảo: Khó gì, lấy giấy bạc, giấy bóng lòng kính mà dán lên đầu Lân. Dĩ nhiên nó khác trước chứ không giống như cũ, nhưng mà các chú phải biết, đầu Lân, sừng Lân, niềng, khuôn vẫn là cũ thôi mà.

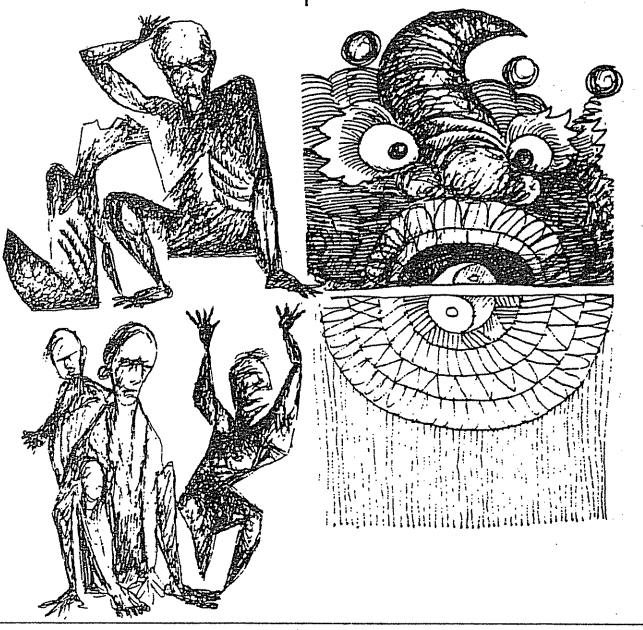

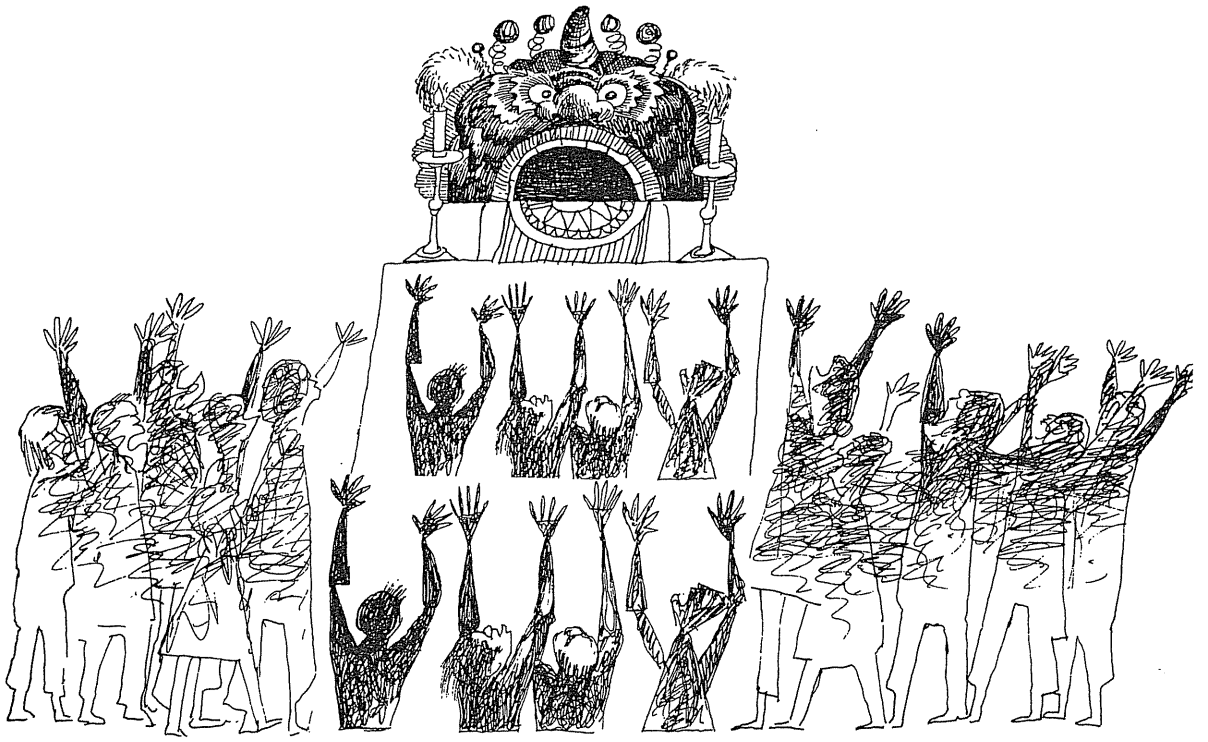

Bấy giờ trong làng có một số người bực mình cãi nhau với bọn chức sắc. Dân nghe Cú rủ rỉ là có đám người không yêu Cáo, không yêu lân. Không yêu Lân tức là không yêu Làng, không yêu Làng là không yêu dân. Vậy dân đảm đương hãy đánh đuổi bọn đó nó đi nào. Thế là trong làng xảy ra lủng củng nội bộ. Phe bị buộc là không yêu dân phải vượt suối mà đi. Đi mà lòng buồn lắm. Ai cũng oán Lân, oán Cáo, nhưng thương dân, thương làng. Riết rồi tiếng chửi tục nhất là rủa nhau là "đồ con Lân".

Tuy nhiên trong xui có hên, bọn vượt suối đi đến một thung lũng lạ, cây cỏ xanh tươi, thú vật khỏe mạnh, ăn nên làm ra. Bọn Cú trong làng nghe tin, biết dân tự sanh mến ưa nhau, tương kế tựu kế, chiều chiều bắt dân làng ra bờ suối hát ca dao, hò sa mạc, kể truyện cầu tre, trăng nước trong làng... làm dân bên kia suối ngẩn mặt ra nghe. Dân ở ngoài làng có lúc đâm ra ngợ lẫn nhau, có người buồn buồn bảo nhau là bọn Cú Cáo không tin được, sao nghe nó nói làm chi.

Lại có người bảo Làng là của chung, dân đang đói khổ... ai mà chả thương. Chiều chiều phân vân, nghe văng vẳng bên kia suối la hét: Yêu làng là yêu Lân! Yêu Làng là yêu Lân! Rồi cái đầu Lân dán giấy xanh đỏ đi đầu đám rước, lũ con nít gầy guộc xanh xao chạy theo sau vui đùa. Dân bên kia suối, nhiều người thấy ma cảnh mà không biết làm sao. Dành lôi Lân ra mà rủa xả.

Bọn Cú cười: Chúng nó vẫn còn dại. Danh là bề ngoài của sự thật. Lân chỉ là dụng cụ tụi mình đội lốt, trộm danh khi đời, thế mà còn hưởng sự sung sướng, có quyền hành gấp ngàn lần người. Bọn con nít cuồng tín sống với tụi ta bao lâu rồi, đã được dạy theo ý ta, lớn lên chỉ biết chúng ta, chỉ bảo vệ chúng ta. Đời nào ta sụp đổ được. Còn bọn bên kia suối nếu nó tấn công bọn ta, ta bảo dân là chúng tính làm cho Làng điêu linh. Bọn nào vượt suối về, ta bảo là chúng về giúp Làng, giúp Lân... thế là đủ chúng chia rẻ nhau.

Có mấy người biết mưu bọn chúng, lộn ruột, đem chuyện ma cảnh vạch rõ ra từ chút. Dần dần ai cũng hiểu cả. Về sau, dân làng xót xa nhau hơn, gầy lại được lòng truy tiến, hết còn nghi kỵ nhau, chức việc cũng thương dân nghèo, dân nghèo thương chức việc, dân ngoài làng thương dân trong làng... vì họ cùng buồn khổ cả. Rồi đến một ngày yên tịnh trầm lặng, dân nghèo trong làng cùng dân bên ngoài làng thấy rằng họ túc căn đã đủ, hết bị đầu Lân mê hoặc cùng nổi sợ hãi ác tính của bọn Cú một cách vô lý đến mù quáng như bấy lâu, họ đâm phì cười thấy sự cạn cợt của họ xưa kia, khi ai nấy cùng tỏ ngộ như thế rồi, họ tự lực đốt đầu Lân, giật lăng Cáo.

Lúc ấy bọn Cú đã già lắm rồi, dắt díu nhau trốn sang xứ bọn Pháp sư. Bọn Pháp sư cũng bị dân xứ ấy đuổi đánh, cả đám lang bạt đi đâu không rõ.

*

* *

Nhưng mà chuyện ấy lâu lắm mãi sau này mới xảy ra.

TAM TRƯƠNG

CƯỜI MỘT MÌNH

NHÃ CA

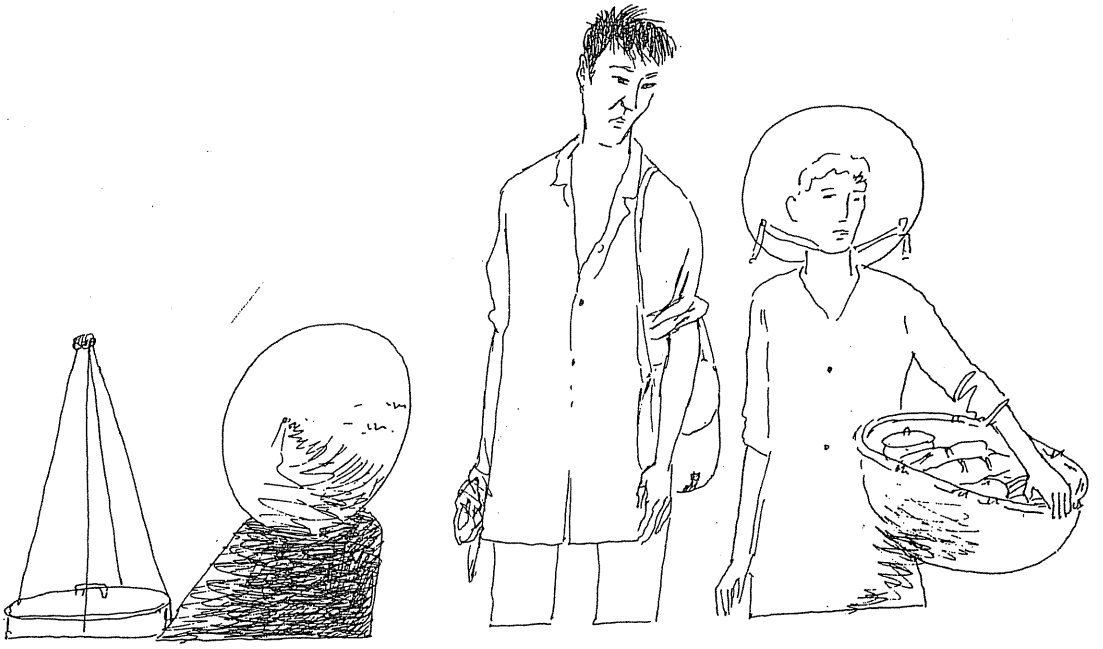

Hình như anh đã ngủ một giấc thật dài. Đã thiệt. Lúc đầu, tiếng ồn ào trên xe, tiếng mấy bà đi buôn chí chóe cười đùa, ăn quà, làm anh cứ giật mình đôm đốp. Rồi tất cả, bỗng hòa lẫn, chìm dần, rì rầm như tiếng sóng vỗ. Và anh như mê đi. Anh có mơ thấy gì không? Tuyệt nhiên chẳng nhớ.

Bây giờ anh lại tỉnh táo quá. Còn đói bụng nữa. Lúc qua ngã Ba thành, ôm cái vòng ngoài của Nha trang, xe dừng lại. Mọi người tràn vào mấy cái quán. Thật đông vui. Mấy chị đi buôn, có lòng, kéo anh theo. -- Ăn cái gì đi. Muốn ăn gì thì ăn. Chúng tôi đãi. Lạ quá, anh ăn không nổi. Anh uống tới hai ly cà phê đá. Thứ chất nước này thật là kỳ lạ. Nó làm cho ruột gan anh như dãn ra. Rồi anh bỗng thấy người thiếu thăng bằng. Hai tay nhẹ quá, lưng thẳng quá. Thói quen hằng ngày của anh, lúc nào hai cánh tay cũng kéo dài ra vì sức nặng, và lưng phải còng xuống một tí, cho thế đứng dễ dàng. Đúng ra thì phải sung sướng với sự rũ bỏ chứ nhỉ? Anh lắc đầu hoài. Mấy chị đi buôn hàng chuyến trên xe đò vây lấy anh. Họ hỏi, anh trả lời. Toàn chuyện học tập. Anh nói như cái máy, và anh quên ngay anh nói gì. -- Kinh khủng. Dễ sợ. Những tiếng than của họ bắn thẳng vào tim anh, ngập lên những vết thương đã chi chít, không còn cảm giác nữa. Có lúc đang trả lời gì đó, anh bỗng lặng câm. Anh thoáng thấy bộ đồ vàng. Cán bộ. Kỷ luật. Anh phải vận dụng nhớ cái lịnh tha đang nằm trong túi áo. Anh đưa tay lên, áp mạnh tay vào túi trái. Tờ giấy xếp làm tư nhắc: Có.

Hai tên công an, lạ, trên một chuyến xe đò nào đó. Họ vào quán, cũng như anh thôi. Nhưng sao máu trong thân thể anh thấy mất tự do lưu thông? Anh phải nhắc anh nhiều lần: Không, mày được tha. Mày tự do rồi mà. Nhớ lúc qua trạm gác đầu tiên, hai ba công an từ trạm đi lại, nhìn nhìn một dọc xe đò. Lúc họ bảo mọi người xuống để soát xe. Anh cố dằn, vậy mà cũng giật nảy mình một cái. Một tên chăm chăm nhìn anh, hất mặt:

"Trốn trại hả? Coi giấy tờ."

Chữ trốn trại làm anh tưởng như tim ngừng đập. Nhưng tới câu coi giấy tờ thì anh nở rạng sự vui mừng. Anh mau mắn trình cái lệnh tha. Gớm chưa, chỉ một tờ giấy với cái mộc đỏ, nó còn hơn cả thần chết với lưỡi hái, định đoạt số mệnh con người.

"Mấy năm?"

"Dạ... mười."

Anh định nói: Dạ báo cáo cán bộ. Đúng bài bản trong trại. Nhưng anh cũng chợt nhận ra, cái trại học tập kinh khiếp, đã lui vào một vị trí trong đầu anh rồi. Tên công an cười cười, lững thững bỏ đi. Kiểu cười đó, bao năm, anh thường thấy trên mội bọn cán bộ trại.

Mấy người buôn hàng chuyến trên xe, có một chị còn trẻ, tinh quái cứ làm như nhà báo, phỏng vấn anh. Anh đã trả lời gì nhỉ? Không, anh chỉ mỉm cười, lắc lắc cái đầu. Dạo sau này, anh có thói quen hay lắc lắc cái đầu như thế. Sau những

giờ lao động không thấy mặt trời mặt trăng, anh lắc lắc cho đỡ mỏi. Cái đầu vẫn nằm đấy. Bên trong, nó không còn nguyên vẹn. Nhưng nó vẫn nằm ở đấy.

"Cái anh này, lắc đầu, cười hoài. Chắc nhớ vợ, nghỉ tới phút gặp bã, cứng chân, đi hết nổi rồi phải không?"

Một vết chém nữa. Đâm. Nhưng bật ra liền tức thì. Những vết thương đau sẵn đẩy nó ra vội vàng. Mày hết chỗ đứng. Cứng chân? Chị đàn bà này trắng trợn đấy chứ. Anh nhìn chăm chăm vào người chị. Mắt. Mũi. Môi. Xuống ngực. Dưới lớp vải, gò ngực chị căng lên. Anh cố vận dụng để thức dậy cảm giác. Hoàn toàn mù mịt.

"Coi cái bộ anh nhìn, tui biết là anh chỉ muốn bay về với bả. Phải hôn?"

Anh quay lại nhìn chị đàn bà. Lúc này chị ngồi cách anh hai hàng ghế, lại phía ngoài, sát ngay lối đi chất đầy hàng hóa. Nét mặt tếu giỡn trong quán cũng cất đi rồi. Chị đang tính toán gì mà mặt mũi thộn ra đến xấu xí. Anh nhìn chăm chăm, rồi khi chị bắt gặp, anh nhe răng ra cười.

"Gần tới thành phố rồi đó, ông Ngụy."

Anh gật đầu. Ra vẻ biết. Thật ra anh có còn nhận ra đâu là đâu. Xe đã bắt đầu dừng lại nhiều nơi cho khách xuống. Chị ta giải thích cho anh. Thủ Đức rồi. Xa lộ kìa. Và tự nhiên, thật bất ngờ, cái tiếng Ông Ngụy của chị cũng đã dính cứng vào anh rồi.

Hầu hết mấy bà đi buôn đều xuống xe ở xa lộ. Tài xế muốn xe không vào thành phố cho đỡ rắc rối. Mấy chị đàn bà, bảo nhau từ bao giờ, dúi vào tay anh một món tiền.

"Anh... anh Ngụy, cầm lấy đi. Tụi tui đi buôn chớ chồng con tụi tui cũng ở tù như anh thôi. Để anh có tiền xe về nhà."

Một chị:

"Chúc anh về nhà sum họp vui nghe."

"Này anh gì... anh Ngụy ơi, về gặp bả cũng từ từ nghen. Biết sức mình sức người một tí, kẻo..."

Chị tiếp một tràng cười dài. Rồi tiếng máy xe xóa lấp. Anh nhìn lại bên đường. Chẳng còn mấy chốc nữa tới thành phố. Kìa những mái nhà hai bên xa lộ. Điện bắt đầu sáng. Nhà cửa, xe cộ đã loáng loáng trước mắt anh. Đầu xa lộ. Anh nhìn ra. Ngã ba Hàng sanh đây rồi. Anh ngợp lên, quán đâu mà mọc như nấm. Dọc hai bên, quán bánh mì, thịt quay san sát. Mấy con vịt quay cứ ngậy lên, mời gọi. Kìa miếng thịt quay, nó vàng đỏ tới thế kia à? Anh nhìn kịp cả từng ngụm khói bốc lên ở nồi nước xúp khi xe ngang qua một hàng hủ tíu. Không những nhìn kịp, mà anh còn thoáng hít kịp một cái mùi thơm ngon đến mê tơi. Nhưng ít oi quá, nó lưng chừng, nó càng làm ruột gan anh cồn cào thảm hại. Xe tấp vào một bãi đất lớn. Bến xe gì đây? Anh cũng chẳng biết. Nhưng mọi người đã rộn rịp khiêng đồ, lên xuống. Anh nghe tiếng rao báo ầm ĩ.

"Báo đây. Báo đây. Trước mua đọc sau bán. Báo đây. Mỗi tờ lời hai xu, nếu biết dán bao. Báo đây báo đây."

Lẫn trong tiếng rao báo inh ỏi, một giọng đàn ông trầm trầm cất lên:

"Bánh tét đây. Bánh tét đây. Bánh tét đây là bánh tét nhân mỡ. Bánh tét nhân mỡ là bánh tét đậu xanh. Bánh tét này là bánh tét Hàng sanh. Bánh tét ăn vào, thôi thì tôi thú thật. Bánh toàn hành không có mỡ có nhân. Xin bà con cô bác mua ăn thử. Ăn xong rồi cứ chưởi cứ rủa..."

Anh há hốc mồm nhìn. Người đàn ông leo lên tận xe, định chìa mời anh mua. Nhưng hắn cũng đã nhận ra, cái vẻ mặt, bộ quần áo của anh rồi. Hắn gật gật:

"Anh cũng đồng nghiệp với tôi đấy. Tôi về trước anh hai năm."

Hắn quay đi, rao tiếp. Anh nhìn theo. Chiếc quần hắn vá chằng chịt không thua gì bộ quần áo của anh. Hắn gầy không thua gì anh. Trông hắn cũng tàn tạ, mệt mỏi quá, nhưng sao cái giọng hắn cứ lanh lảnh vậy nhỉ.

Rồi chợt nhận ra, chỉ còn một mình anh ngồi trên xe, và bác tài đang ngoái lại nhìn. Anh lật đật xách cái túi vải nhẹ tênh. Bước xuống xe, loạng quạng như người mất thăng bằng. Cái sức nặng của núi rừng, của lao động, của nhọc nhằn đã rời khỏi vai anh, tay anh. Và giờ thì nhẹ quá, anh lại hụt hẫng, như rơi, rơi xuống như thế nào? Sẽ mắc vào cành cây, sẽ một bãi đất hay vực thẳm. Anh hoàn toàn không hình dung được. Đói. Vẫn là cái đói tàn nhẫn dày vò. Như mười năm qua, hằng ngày anh phải vật vã với nó. Món tiền trại phát để đi đường, mua vé xe không đủ. Anh đã phải nán lại hai ngày ở bến xe Qui nhơn, và được mấy bà đi buôn xúm lại lo cho. Bây giờ, với món tiền đang có, anh cũng có thể vào cái quán bên kia đường, ăn tô hủ tíu. Ôi, sẽ ngon biết bao nhiêu. Đã thèm biết bao nhiêu. Bữa cơm đầu tiên một mình ở thành phố cũ. Với cái lệnh tha nhắc hoài trong túi trái. Tự do. Nhìn lui lại: Cái địa ngục có thật trên trần gian. Kinh hoàng quá. Nhưng còn một nơi nữa, chắc cũng khủng khiếp không kém. Nơi đó, anh sắp sửa nhìn thấy đây. Mà phải nhìn cho tận mắt. Đã có lúc, trong rừng sâu với mớ vắt, muỗi, rắn rít. Anh mang hết tàn lực gửi vào búa tất cả sự thịnh nộ chém sa sả vào thân cây. Kiệt lực đi. Chết đi. Vậy mà đâu có chết nổi. Anh hất cái túi nhẹ hẫng lên vai, cắm cúi bước. Anh phải tới đó.

Cũng gần như là chuyện đời xưa rồi. Anh nghĩ. Nếu được thả về, anh sẽ mỉm cười với bất cứ người nào anh gặp.

Ghê gớm chưa? Chừng đó năm mà sống được trở về. Thật là một điều kỳ diệu. Hắn sắp

gặp vợ con hắn. Kìa, coi mắt hắn, như đã đứng trước cửa thiên đàng. Mọi người ai cũng gửi cho anh cái ánh mắt nói lời như thế. Anh cảm thấy, cái hình dáng mà bao năm tù đầy đã làm cho xấu đi, bỗng nở ra một vẻ đẹp khác, cái vẻ đẹp mà sự tàn bạo và số phận phải đã chịu thua. Kể cả thần chết cũng bến lẽn dấu đi cái lưỡi hái đã mòn. Rồi còn gì nữa. Phố phường có thay đổi không? Đẹp hay xấu ra? Có gì là cần thiết. Điều cần thiết là căn nhà anh sẽ trở về. Vợ anh, người đàn bà dịu hiền đó, sẽ ngất đi, sẽ nhảy vào lòng anh? Sẽ cười? Sẽ khóc? Và hai đứa con. Trời ơi, nó đã lớn tới cỡ nào? Mặt mũi, tính nết của vợ chồng anh, lấp lánh đầy trong giọng nói tiếng cười của chúng.

Nhưng bây giờ, bằng ngọn lửa trắng toát đã thiêu rụi hết. Anh nuốt tiếng thở dài vào bụng. Đã quen nuốt như thế. Nuốt điều buồn khổ như nhai nuốt thức ăn tưởng tượng. Cái anh chàng đạp xích lô nói nhiều quá. Hỏi nhiều quá. Còn vừa đạp xe vừa đùa giỡn. Với một chiếc xích lô khác. Với một người đi xe đạp sát xe. Rồi như để cái miệng không buồn quá, người đạp xe ư ử hát. Đầu óc anh bận bịu, mà tai anh vẫn nghe. Bài hát nào mà lạ hoắc vậy: *Anh đi đâu về mà dầu máy dây tay... la la là la... Vui gì mà vui thế? Rồi còn cười một mình...* Bài hát dài lắm, mà nó chỉ lọt vào tai anh có chừng đó câu. Vui gì mà vui thế? Rồi cười một mình...

Ở đâu ra vậy, anh mới nghe lần đầu trong đời mà. Có vậy mà anh ngạc nhiên hoài. Thì anh đã bứt sự sống mười năm rồi còn gì. Chúa, chỉ bị đóng đinh khoảnh khắc trên thập tự giá. Còn anh, anh bị đóng đinh trên núi cao. Không chết, không sống. Vất vưởng.

"Anh bạn. Được tha về không vui sướng sao. Anh héo hắt vậy."

"Tôi chưa quen. Tôi còn lạ hoắc."

"Này giờ, thấy phố xá ra sao? Thay đổi hén."

"Tôi chưa kịp nhìn."

Anh trả lời thành thật. Mắt anh vẫn mở, phố xá loáng loáng hai bên. Những dãy đèn sáng. Người ngợm xe cộ đông đúc. Đêm của Sài gòn muôn đời vẫn vậy. Nhưng rõ ràng anh chưa ngó, chưa ngắm, chưa nhìn. Thỉnh thoảng, có tiếng chuyện trò của một nhóm thanh niên nam nữ băng qua. Anh hoảng hốt, ngợp người vì nghe được những tiếng nói khác. Trẻ, vui, không chút e dè, hoảng sợ. Anh đã phải nghe toàn một giọng, đều đều quá lâu năm.

"Lát, anh cho tôi xuống cầu Phú Nhuận."

"Bên này hay bên kia, cha. Xuống giữa cầu để nhảy xuống sao đây? Tui cá với cha, nhảy xuống đó, không chết vì chìm đâu. Mà sẽ chết vì ngộ độc. Mấy khúc sông đã trở thành những ổ vi trùng vĩ đại."

"Bên kia. Ngay chợ đó anh. Qua cầu rồi tôi xuống là được rồi."

"Thằng cha này quên ráo tiệt. Qua cầu, còn xa mới tới chợ."

"Không, qua dốc cầu được rồi."

Một chút gió phất qua mặt anh. Một mùi hôi thối tràn tới, ngộp thở. Rồi bỗng phụt. Tất cả ánh sáng kéo đi. Nhà cửa, cây cối, cả người đi đường nữa, nhoi trong bóng tối, hồ đồ, vờn vẫy. Một vài nháy lửa, như những đốm vàng, nhảy nhảy hai bên, dọi những hình bóng càng kỳ dị thêm.

"Mẹ nó. Lại cúp điện."

Anh nhớ tới một câu, nằm trong ký ức anh, mà ít khi anh dùng tới:

"Chắc là sự cố kỹ thuật."

"Cố cái con... Tháng có ba mươi ngày, tối thui hai chín ngày. Tiến nhanh là như vậy."

Anh rướn đạp, rồi thắng cái két. Chiếc xe như kéo giật lại, tưởng gần lật nghiêng.

"Quá dốc rồi cha. Xuống đi."

Anh vụng về nhảy xuống xe. Rồi vụng về lục cái túi vải. Chẳng biết bao nhiêu mà trả tiền đây. Lúc ở bến xe Pleiku, anh vét hết số tiền trại phát, đưa lên quầy vé. Anh đã được nghe một giọng cười diễu cợt: - Chừng này hả? Mới có nửa vé. - Học tập hả? - Xưa quá rồi, mấy cha lúc nào cũng xưng học tập để đi chùa vé. Đây sành cái mánh này quá mà. Anh ngạc nhiên tới sững người. Cũng có một cái nghề đóng vai học tập cải tạo giả nữa. Anh thật không hiểu.

"Thôi cất đi cha. Học tập về, tui không lấy tiền của anh đâu. Đãi anh chầu bia đó. Thằng này... Hắn ưỡn ngực: cũng lính Ngụy thôi. Chào anh bạn."

Vèo cái, chiếc xe vọt đi. Lẫn mất vào cái lố người ngợm xe cộ lố nhố trong vũng tối phía trước.

Anh bối rối làm sao. Miệng anh há hốc mở, như cái vực thẳm lòng anh mở toang hoác. Anh kiểm soát lại, chẳng còn chút nao nức nào. Anh dợm bước, đứng lại, rồi dợm bước. Khó khăn quá, mọi vật hình như đã đổi thay. Đúng là qua khỏi cầu, rồi đi bộ xuống phía chợ. Anh lại bước, từng bước bỗng thấp cao như khập khễnh. Lạ quá, xưa nay anh có đi đứng như vậy đâu? Tại vì tay chân đã nhẹ quá chăng? Trên vai trên lưng đã hất cái cục nợ nặng, anh mất thăng bằng? Đâu phải thế. Anh đã xăm xăm đi thẳng một mạch từ trại tù, ra đường cái. Cái đoàn sáu người được tha, hỏi đáp nhau vội vàng, chia tay leo lên các chuyến xe đón được. Anh đi thật thẳng mà, thật thẳng cho tới lúc leo lên chiếc xích lô lạ lùng, chẳng giống trước, cao nghều nghệu mà chênh vênh. Vậy mà từ lúc bước xuống, xương sống anh như bị đùn lại, anh hoàn toàn mất thăng bằng. Bởi một cảm giác thật mới mẻ, uể oải vừa đau đớn. Một trong những con hẻm này thôi. Anh đi quá xuống, rồi đi trở ngược lên. Tối quá, anh chẳng nhìn được con số. Mà hình như mọi sự cũng lộn xộn rối beng cả lên rồi. Làm sao có thể quên ngôi

nhà của mình được nhỉ? Nhưng mọi vật đã đổi thay. Những ánh đèn dầu le lói từ những căn nhà hắt ra chỉ làm cho nếp cũ càng đổi dạng. Một đứa bé nào đó, từ một căn phố nào đó, bỗng chạy vụt ra, đá một cái vào chân anh. Nó văng tục: Đéo mẹ, cái thằng đi đứng không có mắt. Anh nghe cái giọng đó đâm suốt qua tai, lơ lửng trong đầu. Giọng Bắc kỳ mới, anh nghe hoài ở suốt trại tù. Và chân anh lại khập khễnh hơn nữa.

Anh bước vào một con hẻm. Anh cố nhớ lại cái hình ảnh tưởng như in hoài vào đầu anh cho tới chết. Nhà thứ hai, có cây xoài. Nhà thứ ba có dàn hoa giấy. Nhà thứ năm, che kín mít loài mai tứ mùa. Rồi rẽ bên trái, hai căn nhà liền nhau, cửa sắt sơn màu vàng chói hệt nhau. Tới căn nhà của dì Mười, đất rộng, tiếp là căn nhà của anh. Có khoảng sân vuông vắn với hai cây vú sữa. Sát ngay cổng, bụi dạ lan hương chắc sum suê phải biết. Lát nữa, đứng ở ngoài cổng, anh sẽ hít được mùi hương. Nhưng mơ ước làm gì cơ chứ. Anh biết chắc chắn mọi sự đã thay đổi. Anh đoán mơ hồ, không vững chắc. Nhưng anh biết. Cuối cùng, chỉ có mẹ già của anh đi thăm nuôi. Suốt cả năm cuối cùng, vắng bóng bà luôn. Nhắn nhe mãi, vẫn bặt. Vợ một bạn tù lên thăm, nhắn vào cho biết, bà cụ đã bị lật xe, chết trong chuyến đi thăm nuôi anh lần cuối. Còn vợ, còn con? Bà cụ, mỗi lần nghe anh hỏi, lắc đầu: Thôi con cứ biết vậy. Mẹ còn sống ngày nào, mẹ đi thăm nuôi con. Lần sau cùng, mẹ anh cũng nhắc vậy, trong chuyến về, bà bị tai nạn.

Anh vấp phải một hòn đá, suýt té. Con hẻm tối thui, anh lần mò ngắm nghía từng nhà. Nhà thứ năm, không có một cây mai tứ mùa nào. Rẽ bên trái, hai căn nhà cũng liền nhau, nhưng làm gì còn cửa sắt. Với lại, nhà này trước kia có lầu, nay tầng trệt. Không, chiếc gác gỗ xinh lắm, thường ngày đi qua, anh còn thấy cánh cửa sổ mở, và cô bé ngồi học bài. Cô bé dễ thương quá chớ, lớn lên phải biết. Anh thường nghĩ vậy. Nhà bên cạnh, cũng có khu đất rộng, nhưng cái gì mà ngổn ngang lố nhố chật ních vậy. Những chiếc đèn dầu điểm từng khoanh, và nhiều đốm lửa lập lòe. Anh ngửi thấy cái mùi cà phê mà bao năm anh thèm ngất ngư. Vậy là không phải rồi. Anh trở ra lại.

Con hẻm tới, thì từ đầu, anh đã biết là không phải. Xuống con hẻm nữa, tất tả vài bước, anh lại lộn ra. Không, hẻm đầu thôi. Hai cây xoài anh còn nhớ mà. Cái nhà đó, có một nàng dâu xinh đẹp mà ông chồng cứ đi hành quân hoài. Trông chị nhí nhảnh tới độ mấy bà vợ phải phát đề phòng. Vợ anh thường dặn: Đi ngang nhà đó, anh nhớ nhắm mắt lại. Nhớ lời vợ, anh nhắm mắt, nhưng mở một con. Làm thế nào được, chị ta thích mặc áo cổ rộng, mà vải thì cứ mỏng dính. Anh trở lại con hẻm cũ. Lần này, anh không ngần ngại, bước xăm xăm. Chỉ tới lúc phải rẽ trái thì bước chân của anh có vẻ yếu dần, và khập khểnh trở lại.

Anh dừng hẳn bước nhiều lần để thở, dù vậy, anh vẫn cố không lấy tay đè lên ngực, phía trái tim. Và rồi, anh đứng trước căn nhà đó.

Anh cảm nhận rất nhanh. Chỉ còn có một cây vú sữa. Cũng chẳng còn bụi hoa dạ lan hương nào. Bên trong nhà có tiếng đàn lục huyền cầm vọng ra, rồi tiếng con gái:

"Bộ mày thất tình sao đèn đuốc tối thui không chịu thắp đèn, ngồi đàn tứng từng tưng ở đó."

"Thây kệ tui."

Có phải giọng con trai và con gái anh không? Thằng con trai, giọng vỡ ra rồi, và tiếng đứa con gái thật thánh thót.

"Mày cứ đàn ba cái nhạc *sun sun* đó, rồi đàng đúm với mấy thằng mặt mày tóc tai như quỉ sứ."

"Còn chị, suốt ngày chị đi đú đởn với mấy thằng phường đội. Thôi bà ơi, thân ai nấy lo."

"Thằng mất dạy."

"Đúng. Đây đâu có ai mà dạy."

Giọng người đàn bà quát lên:

"Hai đứa ở đó mà cãi nhau hả. Có đứa nào thắp đèn lên không? Coi cái cửa phía sau, chặn lại dùm. Cúp điện nó lẻn vào lấy hết hàng là đới."

Anh nhận ra ngay là giọng vợ anh. Tiếng nói đó, dù ở đâu, nói cách nào, lệch lạc tới mấy, anh vẫn nhận ra được. Anh lại thấy những vết thương tấy lên như gai nhọn mới châm thêm vào. Một ánh đàn như từ phía trong tỏa dần ra. Anh cố nhướng lên, nhìn vào bên trong căn nhà sâu thẳm, mong thấy được khuôn mặt một đứa. Nhưng cái ánh sáng heo hắt, vàng vọt đó không soi nổi một vật gì. Nó lung linh, chao đảo, lúc hiện, lúc khuất. Tiếng đứa con trai con gái lại cãi nhau, hầm hè. Rồi tất cả yên, và từ cửa sổ nhìn vào, một khoảng ánh đèn được yên, chấp chới một chỗ. Tiếng hai đứa, như sâu hơn, xa hút như lùi vào phía bếp. Anh ao ước, lúc này, vợ anh lấp ló ở cửa, tối thui anh vẫn nhận ra nàng thôi. Cái hình dáng quen thuộc đó, đã từng hằn lẫn vào da thịt anh, đã xiết chặt trong vòng tay anh. Đôi mắt không đen, nhợt một sắc nâu. Cái màu nâu pha trộn đó, đã chia sẻ một ít trong mắt đứa con gái. Đã gửi một ánh mơ màng trong mắt đứa con trai. Tóc nàng còn thả dài không hay đã cắt ngắn. Anh sợ những mái tóc ngắn. Một lần, vợ anh đã cắt đi. Anh bực bội, khó chịu suốt thời gian, tóc vợ dài trở lại. Anh đưa tay đặt lên chiếc cổng gài then bên trong. Vẫn cái then gài cũ do chính tay anh đã bắt vào khi sửa cái cửa.

Anh sẽ bước vào chứ? Vào đứng giữa căn nhà đó. Anh có thể nhìn rõ khuôn mặt từng người. Anh sẽ hỏi nàng một vài câu. Những câu hỏi mà anh đã định trước, trong nhiều năm qua. Rồi như thế nào nữa? Không, anh không định tha thứ. Cũng không phải, anh vẫn sẵn sàng tha thứ. Nào, có gì đâu, căn nhà cũ vẫn còn đó, vợ con mình vẫn còn đó. Nếu anh vào mà nàng bước tới, nàng nhào vào lòng anh. Mọi chuyện sẽ như chẳng có gì xảy ra. Nàng sẽ khóc. Anh cũng sẽ khóc nữa. Khóc không phải vì sự thống khổ gì, mà khóc mừng cho cái định mệnh khe khắt đã chịu lùi bước.

Lại tiếng đàn lục huyền cầm của con trai vọng ra. Nó lớn bao nhiêu nhỉ? Mười bốn. Con chị mười bảy. Ngày anh đi, đứa lên bảy, đứa lên bốn. Suốt bao năm anh cứ băn khoăn mãi một điều, nó chỉ chịu ngủ khi rúc trong nách bố, hay trên vai bố. Còn con chị, mười bảy. Đúng ở cái tuổi của nàng trước kia, ngày anh bắt đầu để ý đến cô hàng xóm. Nàng ở phía sâu trong con hẻm này thôi. Và ngày ngày nàng ra vào, anh đã ngắm nàng không biết chán. Đêm, những lần hẹn hò với nàng, anh thường phải leo qua cái cửa này để vào nhà. Và bây giờ thì bàn tay anh đang nắm chặt cánh cửa đó, chưa tính toán xong phải làm như thế nào?

Thế nào thì thế. Anh phải vào trong căn nhà của anh. Căn nhà của cha mẹ, mà sao mẹ lại bỏ đi, ở với bà chị nhỉ? Bà chị ruột, mới đây đã cùng chồng con đi ngoại quốc bằng giấy tờ bảo lãnh của đứa con trai đầu vượt biên. Anh sống được cũng do sự sắp xếp của bà chị, gửi sẵn, nhờ một người bạn, có chồng cùng ở chung trại với anh, lần nào đi thăm chồng, chị cũng gửi cho anh hai giỏ đồ tương đối khá. Tệ chưa, lúc về, anh đâu có kịp để hỏi thăm địa chỉ của bạn. Nhưng bây giờ đây. Phải quyết định chứ. Thẳng người lên, sửa bước chân không khập khiễng nhé. Anh chuẩn bị lay cửa.

Anh ngừng lại. Đúng lúc đó, một bóng người bước ra hiên. Anh mở lớn mắt. Trong vũng bóng tối lờ mờ nhờ ngọn đèn bên trong chiếu xéo qua, anh thấy một bóng người cao lớn. Không phải là nàng. Người đàn ông nào đó. Hắn còn mặc độc chiếc quần xà lỏn, phần trên ở trần. Hai tay anh buông thõng và anh lùi lại mé bên quán cà phê. Hắn. Tất cả. Cái lưỡi dao bén đã chặt đứt, nàng rời anh ra.

"Nóng quá em ơi. Ra đây cho mát."

Giọng nàng:

"Anh chờ em một chút. Em nướng con khô rồi đem ra anh nhậu lai rai chơi. Dám cúp điện luôn đêm lắm!"

Trong một phút, anh như mê đi. Mất hết cảm giác. Rồi như có một cái giật mình nhẹ, anh lại đứng vững vàng trên mặt đất. Rồi từ phía sâu, bên trong căn nhà, giọng thằng bé con anh, vang ra; cùng với tiếng đàn tíu tít:

Anh đi đâu về, mà tóc dày me
Lưng trần gió bể. Ôm đàn anh hát, rồi cười một mình. Vui gì mà vui thế. Là là lá la la...

Thằng bé rống lên. Tiếng đàn vấp váp vội vã theo nó. Vui gì mà vui thế. Nó cũng đang không vui chút nào. Còn lòng anh, như nát vụn ra, tan tành.

Lúc nãy, người xích lô cũng lảm nhảm bài này, nhưng anh nhớ lộn xộn. Còn lần này, chính giọng con anh, nên nó phóng thẳng vào đầu anh, vào tim anh. Vui gì mà vui thế? Anh lùi lại. Lùi lại, cho tới lúc anh quay người được, qua phút lảo đảo, anh lại khập khểnh quay trở ra.

... Rồi cười một mình. Vui gì mà vui thế? Là lá la la... Vui gì mà vui thế. Hơ hơ... Anh bật cười khan, rồi nước mắt dàn dụa.

*

* *

Anh đứng tựa thành cầu, nhìn xuống giòng sông đen như mực phía dưới. Cái mùi thối hoắc, theo từng làn gió thốc lên, no một bụng. Hít nữa đi. Hít nữa. Anh vừa hít vừa thở. Dòi bọ đang lúc nhúc rỉa rói da thịt anh. Đâm đầu xuống. Càng vui hơn. Anh sẽ chết vì ngộ độc chớ không phải vì chìm. Tiếng cười của người xích lô dai dẳng bên tai anh. Giọng nói của vợ anh, tiếng hát của con anh, pha lẫn, lùng bùng. Vợ anh thì: nhậu. Con anh thì vui gì mà vui thế. Rồi còn cười một mình. Nước mắt đâu cả rồi? Sao mất anh ráo hoảnh.

Rồi anh gượng lại được. Cứ phải gượng dậy. Anh đứng thẳng người, rồi như một người mới tập đi, anh bước những bước thận trọng, như sợ vấp ngã. Rồi lòng bỡ ngỡ, tò mò như một đứa trẻ con, anh bắt vào cái nhịp ồn của giòng xe cộ. Xe ở đâu mà nhiều thế? Người ở đâu ra mà nhiều thế? Hình như bao nhiêu người ở trong những căn nhà đèn đuốc lù mù đã đổ ra hết ngoài đường. Cũng còn những căn phố bán thức ăn, hiệu phở, chắc chắn như vậy. Mặc dù đèn lù mù, anh cũng nhìn được tấm bảng vẽ cái đầu con bò, bên cạnh một tô bốc khói. Rồi tiệm bánh cuốn, tiệm hủ tíu, những quán cà phê ở góc đường. Người ta ngồi choán hết lối đi. Thuốc lá phì phèo, gắn đầy những đốm lửa lên miệng. Chuyện nở như bắp rang. Cười. Người ta cười lớn quá, nơi những chiếc ghế ở một sạp hột vịt lộn, khô thiều khô mực. Nhậu vui quá. Chén chú chén anh, lè nhè. Vui gì mà vui thế? Tiếng hát của thằng con trai đập đập vào ngực anh, nhức nhối.

Anh cảm thấy trống rỗng, nếu không có cái đốm đỏ gắn vào miệng, anh sẽ hoảng hốt la lên, có thể còn múa tay múa chân nữa. Anh chênh vênh quá. Dừng lại một sạp thuốc, anh nắm cả xấp giấy bạc còn lại:

"Chị bán cho tôi gói thuốc?"

"Thuốc gì chú Hai? Hoa Mai, Tam Đảo. Du lịch. Sài gòn?"

"Thứ nào rẻ nhất, chị?"

"Hoa Mai đi. Trời đất nhiêu đâu. Này trả lại chú."

Anh vội vàng xin tí lửa, gắn một điếu lên môi. Chị bán thuốc lá nhìn anh, nói gì đó, rồi ném cho anh một hộp quẹt nhỏ xíu, còn chừng vài cây diêm. -- Bù cho chú, không có mấy xu lẻ thối đâu. Anh gật đầu, và anh ngạc nhiên, hình như anh gật đến bốn năm lần, dư thừa quá.

Anh đi mãi. Đến một khu phố, điện mới bật sáng lòa. Tiếng trẻ con reo lên. Lúc này anh mới thấy những dãy lầu cao. Nhà cửa vẫn còn nguyên vẹn như cũ, chỉ có xấu đi. Anh nhìn mọi thứ bằng con mắt chăm chú, tìm tòi. Căn nhà này, căn nhà này, toát ra cái gì rất thân thiện với anh. Cả con đường này nữa. Bật một cái. Không sai vào đâu. Con đường Duy Tân. Một bài hát cũ lập lại: Con đường Duy Tân cây dài bóng mát... Nơi con đường này, trước đây, và cả sau này nữa, vẫn mãi mãi là con đường tình tự của những cặp tình nhân. Họ đang đi trước anh, đi sau anh. Anh có thời cũng đã đi như thế. Ở góc tối, hình như khoảng này, đầu nàng đã tựa lên vai anh. Chút gió, chút lá me rơi. Anh nghiến răng, cắn dập cả điếu thuốc. Anh nuốt cả cái chất đắng lợn cợn sợi vào bụng.

Người ngồi, đứng, tựa trên xe đạp, ngồi trên xe Honda. Lẻ có, cặp có. Cái hồ con rùa quỉ quái đây mà. Tiếng nổ như của thời quá khứ vọng lại. Anh mở lớn mắt, nhìn phố xá đông vui. Cái hơi thở dài từ trong cổ anh cứ kéo mãi, anh cố nuốt nó xuống. Phải ngồi một chút. Anh ghé vào một công viên tối tăm, chẳng có chút ánh sáng nào. Anh thấy nhiều bóng người ngồi trên ghế, trên bãi cỏ. Anh tìm một chỗ trống. Anh đi lanh quanh, chẳng ai buồn ngó anh. Cuối cùng, anh tìm được một chỗ, hai cô cậu, anh nhận ra được cô gái ở mái tóc dài. Họ đứng dậy, rời ghế đá. Cô gái còn gài áo sống, cài lại hàng cúc tuột trước ngực. Cũng chẳng thèm để ý tới anh, hai người từ giã nhau, mỗi người biến một phía.

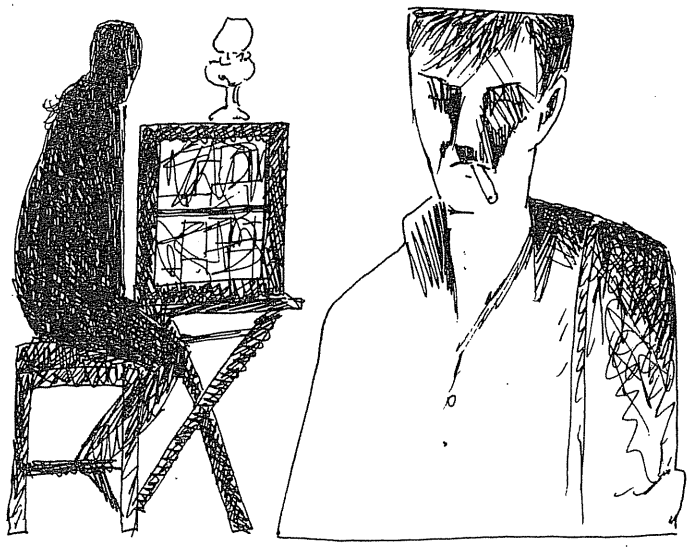

Anh ngửa người tựa lưng lên ghế, thở một hơi dài. Làm như tới lúc này anh mới được thở. Rồi anh lấy gói thuốc lá ra, gắn một điếu lên môi. Anh nhìn lên bầu trời. Vòm trời tối đen ở tít trên cao, qua cái màu đen đậm đặc của những tàng cây, anh nhìn thấy một vài vì sao lấp lánh.

Nếu tâm hồn anh không đen đúa, nặng nề, thì đây là giây phút tuyệt vời. Suốt mười năm ở trại, cảnh rừng núi mênh mông, nhưng chẳng bao giờ anh được phép ngắm bầu trời, mặt đất, cỏ cây. Mắt lúc nào cũng hoa lên vì đói, cả thân thể cùng linh hồn mệt nhoài. Và ban đêm, khốn khổ, chen chúc trong căn nhà chật hẹp, mỗi người vừa đủ một chỗ để duỗi mình nằm. Anh rít một hơi thuốc dài, để tập trung niềm đau đớn lại. Nhưng anh cũng không rảnh tâm để được một mình nữa. Anh chợt nhận ra vô số tiếng động ở chung quanh. Tiếng cười rúc rích, tiếng thở, tiếng cựa quậy, lèm bèm, cứ từ những vùng bóng tối loanh quanh. Anh bắt đầu nhận ra, trên bãi cỏ, trên ghế đá công viên, bao nhiêu bóng đen đang cựa quậy. Một giọng đàn bà léo nhéo ở bên tai anh:

"Anh Hai, phải kiếm em hông?"

Anh nhìn lên, bên anh ưỡn ẹo một thân hình. Giòng xe chạy ở phía đường rọi đủ một nửa khuôn mặt nghiêng của cô ta. Cô gái, chừng mười sáu mười bảy là cùng, nhưng người nhỏ thó và gầy còm. Anh chưa kịp nói gì thì cô gái đã ngồi xuống, vòng tay ôm lấy cổ anh.

"Năm chục. Anh đưa tiền trước đi, rồi..."

Anh chưa kịp cảm nhận được gì thì cô gái đã buông cổ anh, đứng phắt dậy:

"Thôi cha ơi. Cha hôi rình. Thúi hoắc."

Cô gái quay đi, cười khe khẽ:

"Hôm nay sao xui, gặp xì ke bụi đời hông à."

Từ phía bãi cỏ xéo chỗ anh ngồi, một tiếng lè nhè cất lên:

"Ê, mày đừng có động tới dân bụi đời nghe. Con đĩ ngựa. Mày chê chúng ông dơ, hôi. Vậy con đĩ chó nào hễ ế khách là gạ gẫm, năn nỉ: Rẻ mà hai chục, ba chục, đủ mua khúc bánh mì giấc khuya. Lâu lâu bọn bụi đời này cũng chi đẹp cho miếng da trâu thối hoắc của mày hà hà..."

Giọng cười gừ gừ như mắc ở cổ họng. Cô gái ngọt xớt:

"Chú Chín đó hả. Tưởng chú xỉn ở góc nào rồi chớ?"

"Tao xỉn chớ. Nhưng mày đi ngang qua, nội cái mùi của mày cũng làm tao tỉnh rớt tỉnh rơ nè."

Cô gái trôi mất vào trong vũng bóng tối dày phía trước. Anh cố lắng nghe coi cái giọng nói rất gần đó, phát ra ở đâu. Có đến mấy bóng cây san sát nhau, không biết từ sau lùm cây nào. Lại có tiếng léo léo bên tai:

"Cha ơi, chỗ người ta làm ăn kiếm cơm sống. Cha ngồi chình ình một mình chiếm chỗ là không được rồi."

Lại giọng một cô gái nữa. Mũi anh thoáng qua một mùi thơm như lá sả xào thịt bò. Rồi một bàn tay đẩy anh ra xa, và hai bóng đen đã ngồi xuống ghế:

"Anh à. Ở đây yên lắm, anh đừng lo. Tụi em biết cách làm ăn mà. Ăn chia sòng phẳng."

Cô gái thúc cái cùi chỏ vào mạng sườn anh:

"Đi chỗ khác dùm cha. Nói tử tế rồi đó nghe."

Cái giọng khàn khàn sau mấy bụi cây cất lên:

"Ngon lành quá hén. Mày muốn làm giường thì phải trả tiền. Sòng phẳng mà."

"Nữa, chú Chín Xỉn phải không? Sao giờ này chú chưa xỉn vậy? Được rồi, lát nữa chi đẹp, chú."

"Chi cho tao nè. Ghế này tao mua đứt rồi, nghen. Còn anh bạn ở đâu mới tới phải không? Trốn trại há? Thôi chịu khó quay mặt cho người ta làm ăn chút coi. Không việc gì mà phải đi đâu."

Nhưng anh không quay mặt, cũng không thể ngồi. Anh đưa tay tìm cái túi vải. Trong đó có bộ quần áo, bao thuốc còn gần nửa gói, vài cây diêm quẹt, ít tiền mấy người bạn hàng trên xe đò cho. Nhưng anh mò mẫm hoài không thấy. Rõ ràng mới đây mà. Anh mò quanh chỗ ghế ngồi. Giọng cô gái kêu lên nho nhỏ:

"Cái gì kỳ vậy? Thằng cha này ăn cớ há?"

Một bàn chân đạp vào mặt, anh gần như chúi dụi xuống. Giọng anh hớt hãi:

"Không, tui tìm đồ, đồ tui nó rơi, rơi đâu..."

"Cái gì. Đồ anh nó dính vào da, làm sao rớt. Coi lại đi cha nội."

Cô gái cười phá lên. Cái giọng khàn khàn sau lùm cây cười tiếp sức.

Anh đứng bật dậy, bước đi. Cái thân xác có chưa tới bốn chục ký lô của anh, sao mà nặng nề. Anh khập khiễng, lảo đảo. Anh đụng vào một thân cây. Anh bỗng đưa cả hai tay ôm choàng lấy thân cây và áp mặt vào đó. Anh cần có một chỗ để tựa. Rồi cái cơ thể của anh bỗng như sưng tấy lên một cảm giác buồn buồn. Anh rùng mình, muốn chảy. Anh đưa tay giữ cho giòng nước đang tuôn tuôn kia, vọt qua một bên để khỏi dội lại, ướt thấm người.

Anh tựa được người vào thân cây, cố thở đều đặn lại. Anh đưa tay lên túi áo bên trái. Anh vẫn còn sống được. Còn tấm lệnh tha. Vậy mà, lúc nãy, khi giòng nước tuôn tuột từ trong anh phun ra, anh có cảm tưởng khi giòng nước cạn, anh sẽ kiệt lực và rũ xuống, chết.

Chết. Thật là nhẹ nhàng, êm ái. Như một số bạn bè anh đã nằm xuống ở một góc trại học tập. Còn anh, xác anh không được chôn, mà được trở về. Về để làm gì nhỉ?

Trong tai anh, có gì đang lùng bùng. A tiếng hát của thằng con: Vui gì vui thế. Mà cười một mình... Cười một mình, cười một mình...

NHÃ CA

NGHĨA ĐỊA CỦA NGƯỜI SỐNG

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Khi tôi về đến đầu ngõ,cả khu Mã Lạng bỗng tắt điện bất ngờ. Tôi nghe tiếng người nói ồn ào ở rạp Quốc Thanh. Hồi sáng, khi chạy xe ngang, tôi thấy rạp dựng bảng đoàn kịch Kim Cương trình diễn vở *Dưới Hai Màu Áo*. Có lẽ khán giả đang bực mình vì vở diễn bị ngưng nên túa ra trong vòng cửa sắt hút thuốc, uống nước, tìm chút không khí. Tôi tắt máy xe, dắt bộ xuống con hẻm. Hai dãy nhà ngó mặt nhau trong đêm với những cánh cửa sổ như được mở đồng loạt khiến tôi có cảm tưởng là mình bị những cặp mắt vô hình dòm ngó, soi mói. Dựng xe ở hiên nhà, tôi ngạc nhiên thấy cửa không đóng. Phòng khách tối, nhưng bên trong, nơi được dùng làm phòng ăn và buồng ngủ, tôi thấy ánh sáng leo lét của một ngọn đèn dầu.

"Ảnh về đó kìa!" Tôi nghe tiếng Quỳnh nói. "Vô đây anh."

"Chào chú mày!" Tôi nghe tiếng nói của một người đàn ông, giọng cứng và lạnh.

Tôi đến cửa hông, dừng lại.

"Chào ông." Tôi trả lời, hơi bỡ ngỡ không hiểu người đó là ai.

"Anh Mười. Đây là anh Thăng, chồng em!" Quỳnh giới thiệu. "Anh Mười Tân, bữa trước em có kể anh nghe rồi!"

"Thưa anh." Tôi chào thêm lần nữa, bối rối.

"Đi đâu cả ngày bây giờ mới về, mậy?"

Bất ngờ, tôi nghe tiếng nói của Tuấn. Hắn ngồi trong ghế sát cửa sổ, mở ra sàn nước, nhưng vì ngọn đèn dầu không đủ ánh sáng, nên tôi không nhìn ra hắn.

"À, đi lăng quăng..." Tôi trả lời.

Ông Mười Tân vẫn ngồi yên, chỉ có đốm lửa đỏ trên đầu điếu thuốc sáng rực lên và dịu xuống từng lúc.

"Thời này không phải như hồi trước đâu, đừng có la cà theo bọn phản động, có ngày tù rục xương, chết không kịp ngáp!" Tuấn nói, vẫn cái giọng lên lớp.

Tôi đến chỗ Quỳnh nằm, bế con lên. Đứa bé trở mình khóc. Cả thân thể nó nóng hâm hấp. Tôi ôm con vào lòng. Thuốc men hồi này khan hiếm. Hoặc giả nếu có thì đã quá hạn kỳ, hoặc tủ lạnh mất hơi vì thiếu điện nên không giữ được dược tính.

"Tại sao xin nghỉ dạy?" Tân hỏi tôi một câu trống trơn.

Tôi ngồi xuống mép giường. Quỳnh đưa tay bế con.

Tôi chưa biết trả lời sao cho ông Mười Tân rõ. Tôi biết người đang nói chuyện với tôi là một đảng viên Cộng Sản, một cán bộ cao cấp của chế độ mới. Tôi cũng biết, theo như cách nói của Hiên, hiệu trưởng của nhà trường "cách mạng," Mười Tân là "thủ trưởng của thủ trưởng" của y nữa kia. Có lẽ, Mười Tân đã được báo cáo về trường hợp xin nghỉ của tôi, theo một cách nào đó như kiểu tờ trình của Hiên gửi lên Sở Giáo Dục Thành Phố mà Sự đã cho tôi một bản sao. Tôi không nghĩ là ông ta đang nói như một người anh họ của người đàn bà đang sống với tôi. Ông Mười Tân đang nói như chính cái chế độ của ông nói.

"Thưa anh,..." Tôi chậm lụt như chưa bao giờ chậm lụt, "tôi thấy công việc dạy học không thích hợp với tôi."

"Không thích hợp tại sao trước đây chọn nó?" Mười Tân tiếp tục hỏi trống trơn, giọng nhẹ nhàng.

"Chắc mày dạy cái môn triết lý *bá láp* này cũng hơn mười năm rồi phải không?" Tuấn chen vào, giọng đắc thế. "Duy Tâm! Duy Tâm! Hỏng hết!"

"Em không hiểu sao anh Tuấn hồi này nói năng lung tung quá!" Quỳnh đứng dậy đặt

con vào nội, vừa buông màn vừa nói, "Ở đời ai chẳng chọn lựa, chọn sai thì đổi, có sao đâu!"

Mười Tân không nhìn tôi. Ông vừa liếc mắt về phía Quỳnh vừa châm một điếu khác. Có vẻ ông là người hút thuốc nhiều.

"Em có biết là cái thái độ xin nghỉ việc của thằng Thăng trong tình hình củng cố và xây dựng chính quyền cách mạng là một thái độ mang ý nghĩa phản kháng chế độ hay không?" Mười Tân nói giọng nhỏ nhẹ mềm mỏng hơn, mặc dù nội dung không phải là như thế. "Vả lại," Mười Tân tiếp, "rồi tụi bây sẽ làm gì để sống trong những ngày sắp tới?"

"Em sẽ đi buôn bán như hồi má em còn sống!" Quỳnh trở lại giường, ngồi sát chỗ tôi.

"Hừ! Buôn bán! Chế độ này không có chỗ cho cái bọn con buôn cân thừa bán thiếu đâu. Bây giờ mà má còn sống, má cũng phải dẹp tiệm chứ đừng nói em!" Tuấn nói như một nhà cách mạng thứ thiệt.

"Chớ anh quên cái *bọn con buôn cân thừa bán thiếu* kia lâu nay nuôi anh ăn học nên người như thế này à? Chớ anh tưởng ba đang được tự do như anh với tôi, với anh Thăng à?" Quỳnh bất ngờ xẵng giọng.

"Quỳnh!" Tôi nắm tay vợ, chận không muốn cô nói nữa.

"Anh theo cách mạng hồi nào vậy?" Quỳnh tiếp tục nói, "bộ anh là con kỳ nhông sao đổi màu mau quá vậy?"

"Thôi, em!" Tôi choàng tay qua vai Quỳnh.

"Thì anh cũng để em nói với ảnh một lần cho ảnh biết chớ!"

"Thôi em." Tôi ôm chặt Quỳnh. Bàn tay tôi bóp bóp vai vợ. Tôi biết là mình không thể ngăn chặn được điều Quỳnh nói.

Khi mới quen Quỳnh, tôi không mấy rõ về gia đình cô. Tôi lấy Quỳnh chớ tôi đâu lấy gia đình của Quỳnh. Tôi chỉ biết Quỳnh có ông anh là Tuấn. Hắn là bạn học cũ của tôi. Khôn vặt. Láu cá. Ranh mãnh. Tuấn là đứa ưa gây mâu thuẫn giữa bạn bè, rồi làm ra vẻ người tốt đứng ra dàn xếp hòa giải đôi bên. Tôi chưa bao giờ gặp ba Quỳnh, ngay cả khi chúng tôi đã chung sống với nhau. Tuy vậy tôi biết rõ trong gia đình của Quỳnh, không một người nào muốn cô lấy tôi. Nhưng mọi người đều biết là không ai có thể ngăn cản được Quỳnh một khi cô đã quyết định, nên đành để mặc cô chọn con đường cô muốn đi.

Chúng tôi sống với nhau, dọn vào ở chung với nhau, vì thấy không còn con đường nào khác. Hãng hàng không Trung Hoa CAL cho Quỳnh nghỉ có lương vì lúc đó cô chờ ngày sinh, không ngờ tháng Tư đổ ập xuống, CAL cũng đóng cửa luôn và Quỳnh thất nghiệp. Nhưng làn sóng đỏ trước khi tràn ngập Saigon vào tháng Tư, nó đã cuốn qua miền Trung từ tháng Ba. Gia đình Quỳnh có một tiệm bán thuốc tây và trong cơn hỗn loạn, bọn hôi của đã dọn sạch thuốc men không còn để lại một thứ gì ngoài căn nhà trống. Ba Quỳnh sau đó bị bắt đi học tập cải tạo vì thuộc thành phần tư sản. Hơn nữa việc ông quen biết lớn trước Bẩy Lăm cũng làm ông mang thêm cái tội giao du "toàn bọn đầu sỏ phản động."

Mười Tân ngồi im lặng khá lâu, bập bập điếu thuốc trên môi. Tôi thấy ông hết nhìn Quỳnh lại nhìn Tuấn. Khi Quỳnh nói xong, mắt ông ngó xuống mặt bàn, những ngón tay ông gõ nhịp đều đặn trên thành gỗ. Tôi có dịp nhìn kỹ ông. Một mái tóc gần như đã bạc trắng. Một khuôn mặt nhô

xương. Hai con mắt vẫn còn sáng. Một vết sẹo lớn trên trán kéo xuống tận mắt trái chẻ ngang đường chân mày.

"Về trường hợp của chú," ông Mười Tân ngừng lại một lúc, "anh muốn nói ba của mấy đứa, việc học tập cải tạo là rất cần thiết. Đồng chí Bí Thư Tỉnh Ủy Phú Khánh là bạn của anh, nhưng anh không muốn can thiệp vụ này. Muốn làm việc lớn, người ta phải biết đặt tình cảm cá nhân qua một bên. Vả lại đối với cách mạng chú còn nhiều lợn cợn cần phải làm cho sạch. Chánh sách nhà nước là luôn luôn khoan hồng đối với những ai biết nhận ra lẽ phải..."

Tiếng nói của ông Mười Tân dịu mà mạnh. Tôi thấy rõ mắt ông tiếp tục chiếu thẳng về phía Quỳnh.

"Vậy theo anh Mười thì điều anh Tuấn nói là đúng hay sao? Buôn bán là một tội lỗi à? Cả cái thế giới này đều là tội lỗi hết trơn hết trọi sao? Còn mấy người trong sạch sống với ai?" Quỳnh nói trong tiếng khóc. "Ba ơi!" Tôi nghe tiếng cô gọi rất nhỏ. Đầu Quỳnh tựa lên vai tôi.

"Tất nhiên buôn bán không phải là một cái tội. Nhưng vấn đề là buôn bán như thế nào, buôn bán cái gì, ai buôn bán, buôn bán với ai, thì mới có thể nói là có tội hay không có tội. Dù sao tư sản đã là có tội. Nhưng thôi...," ông Mười Tân ngập ngừng, "chẳng lẽ anh phải nói là chính các em cũng nên đi học tập cho thông đường lối chính sách của Nhà Nước."

"Em đã vào sinh hoạt trong Hội Trí Thức Yêu Nước. Em tin là em đã hiểu rõ đường lối chính sách của Đảng và Nhà Nước," Tuấn nói chen vào giọng kể lể, "còn mày, Thăng, tại sao tao không thấy mày xuống Hội sinh hoạt với anh em?"

"Tôi à?" Tôi cố nhướng to mắt nhìn xem Tuấn nói với một vẻ mặt như thế nào, nhưng bóng tối đã cho hắn chiếc mặt nạ quá tốt. "Bộ anh nghĩ tôi xứng đáng là một người trí thức sao?"

"Đây không phải là lúc để cãi nhau." Ông Mười Tân ngừng gõ tay lên mặt bàn, lấy điếu thuốc ra khỏi môi. "Anh nghĩ là Tuấn chưa biết gì về chính sách Đảng và Nhà Nước của ta đâu. Chính mấy ông Chủ tịch và Phó chủ tịch của Hội cũng cần phải sinh hoạt nhiều mới nắm được đường lối chính sách của Đảng ta. Nhưng thôi...," đột nhiên ông Mười Tân đổi giọng, "hôm nay anh đến đây cốt là để thăm Quỳnh, để xem mấy đứa bây sinh sống ra sao. Anh mừng vì thấy Quỳnh không dính líu gì với chế độ ngụy, không phản động, không có nợ máu với nhân dân..." Ngừng lại một đỗi lâu, Mười Tân tiếp, "nhưng trường hợp Thăng tôi muốn nói một điều...," ông đổi giọng, bất ngờ xưng là *tôi*, tôi nhận rõ điều đó, "đời sống của Thăng là không tốt. Tôi biết rõ tên Lý, cha vợ trước của Thăng là một tay tư sản mại bản có cỡ. Tôi cũng có trong tay báo cáo đầy đủ về những liên hệ giữa gia đình Thăng và gia đình tên Phan, một trong mấy tay phản động gộc của ngụy quyền. Tôi không nghi ngờ hành vi của Thăng. Một người như cậu Thăng đây không làm được cái tích sự gì ngoài cái *thẩm mỹ học* của cậu đâu..."

Tôi không hiểu ông Mười Tân ám chỉ điều gì khi nói đến chữ *thẩm mỹ học*, "Tuấn có nói với tôi về đám bạn bè văn nghệ của Thăng. Thật tình, tôi không hiểu tại sao Thăng đi dạy học mà chỉ chơi với đám văn nghệ là thế nào? Toàn một bọn phản động đồi trụy. Dù sao tôi muốn nói với Thăng một điều: xã hội mới này không dung nạp kiểu cách sống phóng đãng đó đâu. Cải tạo lại nếp sống cũ là điều rất tốt!" Ông Mười Tân bất ngờ đứng bật dậy ngay khi vừa dứt câu, "Có lẽ tôi phải đi. Tôi có một buổi nói chuyện ở Thành đoàn."

Tuấn cũng đứng dậy theo ông Mười Tân. Tôi thấy Tuấn mặc sơ mi trắng bỏ ngoài quần, cái "mốt" khá thịnh hành sau ngày Ba Mươi tháng Tư. Tôi nhắm mắt cũng biết thêm là Tuấn đi dép râu.

"Tao phải theo anh Mười." Tuấn nói tự nhiên.

"Anh không cần nói tôi cũng biết mà!" Quỳnh mỉa mai. Cô đứng dậy kéo tay tôi, tiễn ông Mười Tân ra cửa.

Cả khu Mã Lạng vẫn còn chìm trong đêm Saigon thiếu điện.

Khi đặt chân xuống con hẻm, ông Mười Tân quay lại phía chúng tôi.

"Rất tiếc! Rất tiếc!"

Và ông quày quả bỏ đi. Tuấn lọt tọt theo sau. Ngay lúc đó, tôi thấy có hai bóng đen ở cuối ngõ hẻm đi nhanh tới, một người lách ra trước ông Mười Tân, và một người đi sau lưng ông. Như một yếu nhân của chế độ, Mười Tân được bảo vệ quá cẩn mật. Và bỗng nhiên chữ "*rất tiếc!*" của Mười Tân vọng lại làm tôi nổi da gà. Tôi hiểu ra những gì sẽ chờ đợi tôi.

"Thôi mình vào đi em!" Tôi ôm vai Quỳnh.

Tóc Quỳnh đã dài, khá dài. Tôi nghe mùi bồ kết tỏa ra từ mái tóc quen thuộc của người đàn bà đã chia sẻ cùng tôi da thịt. Hai tay Quỳnh vòng qua lưng tôi. Chúng tôi ôm lấy nhau quấn quít như ngày mới quen nhau. Tôi nghe tiếng âm nhạc bay trong gió. Có lẽ rạp Quốc Thanh đã có điện riêng và vở diễn lại tiếp tục. Chúng tôi hôn nhau, dưới một bầu trời đêm của Saigon đổi đời. Nhìn sâu vào mắt Quỳnh tôi như thấy lại tất cả cái khu phố nghèo nàn này. Bên tay trái tôi, sâu trong hẻm Mã Lạng này, trước kia chui rúc một số con người nghèo khổ, lợp nhà trên những nấm mồ vô chủ, giờ đây những con người còn cùng cực hơn chen chúc nhau trong những căn nhà che bằng những tấm tôn lổ chổ những đầu đinh tựa lên những tấm ván ép nát, cất tạm bợ trên những mồ mã không người thừa nhận. Mấy đứa bé con anh chị Sáu sửa xe đạp đầu hẻm, bụng ỏng ở trần chạy dưới mưa, lội bì bõm trong

nước đục ngầu bẩn thỉu, thứ nước vọt lên từ những ống cống thành phố. Chị Tư bán xôi, trốn từ vùng kinh tế mới về, không "hộ khẩu", sống bất hợp pháp trong một túp lều lưu động. Bảy Thẹo, du đãng chợ Cầu Muối, được thả ra sau ngày Saigon thất thủ, cũng đang chiếm một chỗ trong nghĩa địa của những người sống. Đầu hẻm là nhà một ông tên Tòng. Sau Ba Mươi tháng Tư, y sống bằng nghề bán tivi ra đi ô cát xét đủ loại. Người ta nói trước Bẩy Lăm, y [illegible] tốt nghiệp đại học [illegible] nhưng sống bằng nghề thi tú tài dùm. Mặc dù chỉ nhận tiền khi nào đương sự có tên trên bảng những thí sinh trúng tuyển, y cũng có một đời sống khá giả. Bây giờ y sống bằng nghề bán chợ trời. Y quen lớn nhiều cán bộ, từ cấp phường đến cấp quận, cấp thành. Y chả có bà con nào làm cách mạng, nhưng y biết cách mua những người cán bộ nào y cần mua, tất nhiên là có giới hạn thôi. Y nói muốn mua cán bộ nào "tôi chỉ cần đến nhà gắn cho hắn một cái tivi hay một máy cát xét bốn loa là xong." Tòng sống có phần thoải mái hơn xưa và hơn hẳn nhiều người. Bên cạnh nhà tôi là gia đình chị Tuyết, giáo sư trường Trưng Vương. Anh Bằng chồng chị là giáo sư đại học Khoa Học đi tu nghiệp bên Pháp trước Bẩy Lăm hiện đang làm giấy tờ bảo lãnh cho chị và hai cháu đoàn tụ. Chéo nhà tôi là nhà bác Kỳ, công chức Bưu Điện hồi hưu, bác Kỳ là người Hà Nội, vào Nam làm việc đâu từ những năm Bốn Lăm, gặp bác gái ở Mỹ Tho. Hai người có hai cậu con trai nói tiếng "Nam rặt" không pha chút giọng Bắc nào. Ngay đối diện nhà tôi là gia đình bác Tốt, nhân viên ngân hàng. Tên y như người. Bác Tốt không làm mích lòng bất cứ một ai trong cái xóm nhỏ bé này. Bên cạnh nhà bác Tốt là gia đình ông bà Ngô, chạy từ miền Trung vào. Cũng như bác Kỳ, ông bà Ngô có hai cậu con trai. Cả hai đều học trường Pháp. Đó là những thanh niên có chí và thuần hậu như cha mẹ. Quỳnh và tôi yêu nhất ông bà Ngô. Chúng tôi thương yêu hai ông bà như cha mẹ. Chúng tôi coi hai cậu trai như hai đứa em ruột mình. Và chúng tôi được che chở đùm bọc như thể mình là những đứa con được nuông chiều, nhưng vì đã lớn, được dựng vợ gả chồng nên phải ra riêng.

Đó là cái thế giới của Quỳnh từ khi cô về sống với tôi trong cái xóm nghèo nàn ổ chuột ngay giữa thành phố đầy những sự giầu có này. "Em thương cái xóm Mã Lạng này quá!" Nhiều lần Quỳnh nói với tôi khi chúng tôi dự tính dọn đi một nơi khác. Bởi vì mùa mưa Saigon luôn luôn là một cực hình của chúng tôi. Đang nửa đêm mà Saigon giáng một trận mưa thật to điều đó có nghĩa là cả khu xóm chúng tôi sẽ phải đồng loạt thức dậy, mở toang cửa ra, bước xuống giường và tát nước. Hôm nào đi xi nê, quên bỏ giầy dép lên kệ, coi như bữa đó nhà cửa lềnh bềnh những đồ vật giữa một biển nước.

Nhưng mà Quỳnh yêu cái xóm ấy. Tôi cũng vậy. Tôi yêu vô cùng cái khu phố nghèo khốn này. Căn phòng sang trọng trong nhà ông Phan làm sao bằng được căn nhà chung vách chung mái này khi chúng tôi có nhau.

Tôi ôm Quỳnh. Thân thể của một người đàn bà, sau khi sanh nở đứa con đầu lòng, tròn hẳn ra. Quỳnh rúc đầu vào ngực tôi:

"Em lo cho anh quá!"

"Đừng lo! Anh sẽ không làm sao đâu!"

"Em sợ những ngày sắp tới của anh!"

"Bao nhiêu bạn bè của anh, trừ một số đồng nghiệp, còn tất cả đều đã phải đi cải tạo hết. Anh được tự do không bị tù tội như thế này em còn lo sợ gì chớ." Tôi an ủi Quỳnh.

"Em sợ, dù em không hiểu mình sợ cái gì. Em không biết chính trị, không ưa chính trị, nhưng em biết anh và em, chúng ta không thích hợp với đời sống này, với cái xã hội mới mẻ đầy hoang mang này."

Quỳnh nhắc lại chuyện tối qua, khi cả xóm bị khích động bởi tiếng kêu la giữa khuya của căn nhà đầu lưng bên kia hẻm. Một phụ nữ và một thanh niên bị trói thúc ké dẫn về đồn công an. Cả hai không một mảnh vải che thân. Người ta nói công an đã xông vào nhà bắt khi hai người này đang làm tình, vì họ không phải là vợ chồng. Chế độ mới nhân danh đạo đức, bài trừ tệ đoan xã hội, nhưng người ta nói chính tên công an áo vàng theo tán tỉnh người phụ nữ kia không được, nên quyết tâm theo dõi tìm cách trả thù người đàn bà này. Quỳnh nhắc lại chuyện tuần trước khi tôi chở hai mẹ con đi bác sĩ bị một tên công an bắt tôi ngừng xe lại xét giấy, nạt nộ tôi vì ngoắc lại mà không ngừng xe. Nhưng khi ngừng xe trình giấy rồi, vẫn bị sửa sai vì sao dám đeo kính trong khi nói chuyện với người nhà nước. Chờ cho hắn ngưng nạt nộ, Quỳnh hỏi tại sao xét giấy chúng tôi, tên công an trả lời giản dị: "Bởi vì anh chị có vẻ ngụy quá!"

"Ngụy quá!" Đó là lý do đủ để chận xe một gia đình có con ốm phải chạy nhanh đến bệnh viện!

Tôi nghe hơi thở rất nhẹ của Quỳnh. Mùi bồ kết trên tóc Quỳnh tỏa ra thanh khiết. Tôi nhớ mẹ tôi. Mùi bồ kết thơm giản dị như cuộc sống bà, cuộc sống của một phụ nữ ít học nhưng trong sạch như bầu trời không một gợn mây. Trong lúc này, lòng tôi cảm thấy cần bà biết là chừng nào. Tôi nhìn lên bầu trời đêm không một ánh sao. Đêm Saigon im lặng đầy bóng tối. Tôi ước gì trời mưa một trận lớn thật lớn để được nghe tiếng gọi nhau của cả xóm ra tát nước.

Tôi không nhìn thấy chút ánh sáng nào trong cuộc sống của chúng tôi vào những ngày sắp tới.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

(Trích Người Đi Trên Mây II, sẽ xuất bản)

TUYẾT TRẮNG

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Futari mishi
yuki wa kotoshi mo
fukikeru ka

Tuyết mà hai chúngta
bên nhau cùng ngắm hồi năm ngoái
năm nay đã rơi chưa? (1)

Xuân gượng Tết mượn giữa mùa đông xứ người rồi cũng phải đi qua. Tới hôm giao thừa, Văn mang tôi đến dự một party đầu năm lại vừa là tiệc ăn tân gia của một gia đình người trong họ. Căn nhà lầu mới xây năm phòng ngủ rộng thênh thang không dưới giá ba trăm ngàn của một người mới giàu nổi, cầu thang gỗ uốn cong theo dãy hành lang dài thăm thẳm đi hoài không thấy tới.

Văn ghé tai tôi:

- Thấy giống gì không ?

- Cầu thang của anh nhà giàu Rhett trong Gone with the wind?

Văn kêu lên một tiếng Mỹ để tán thưởng tôi sao mà nói đúng ý chàng quá!

"Giới trẻ" qua lại trong phòng đẹp trai đẹp gái lồ lộ vẻ tràn trề sức sống của tuổi thanh xuân, y phục tóc tai mặt mày hầu hết chịu ảnh hưởng đậm đà của các phim bộ Hồng kông. "Giới mệnh phụ" gồm các bạn kha khá nạ giòng, vậy mà ăn mặc tóc tai lại hớ hênh bù xù hơn cả giới trẻ! Tấm lưng trần này thoa kem dồi phấn trắng muốt, bộ ngực kia được ngồn ngộn nâng cao khoe bày trong cái cổ áo cố tình khoét rộng ra... với gió mùa đông.

Văn khẻ giới thiệu thầm:

- Món này vừa mới được đi *chỉnh trang đô thị* về đó, nên cần được ra mắt bà con... *Chỉnh trang đô thị*? Không biết là gì à... sao mà chính hiệu con nai vàng nhà quê thế? à, là... nộp mạng cho mỹ viện *sửa sai* đó... Mà này, hôm nao nếu có dư tí tiền, em dám chơi trò này không?

Anh chàng hỏi câu này kẹt dữ! Nhưng hú hồn, chàng đưa mắt ngắm nghía vội tôi rồi tự trả lời liền liền:

- Nhưng thôi, em tôi thế này là đặng lắm rồi, ham chi đồ giả!

Bảo rằng mình không ham món *sửa sai* như các bạn kia là đã tự cho rằng mình tuy đã ở vào mùa xuân thứ hai của cuộc đời rồi mà vẫn còn đẹp, dù thực bụng mình biết mình chẳng đẹp

tí nào mà cũng thực bụng chưa bao giờ mơ mộng vì cái mục thẩm mỹ viện kia, tôi nhìn anh cảm ơn và bối rối một chút. Để đáp lễ câu khen tặng quá đáng của người:

- Em chỉ cầu mong suốt đời được "vừa mắt" anh thôi. Còn nếu dư tí tiền? Mình có lẽ mua sách hoặc đi du lịch có lý hơn!

Mãi nói chuyện riêng tư lăng nhăng chúng tôi như lạc vào một hành tinh xa lạ nơi đó đang xôn xao là ngọc ngà lấp lánh, thần tiên rạng rỡ vàng phơi ngọc chói ngời ngời. Tiên đồng ngọc nữ xôn xao trò chuyện, nhã nhạc xập xình, rượu quỳnh tương rót tuôn như suối... Văn và tôi bị dồn vào một góc thành hai kẻ người trần lẻ loi.

Ra đến cửa, trời đêm đã khuya, tuyết bay lấp lánh dưới vòm trời xám, một nửa bông tuyết nhẹ trắng sáng vương trên tóc chàng và nửa bông khác gài lên tóc tôi.

Có một thiên đường thực sự trên cao để làm quà cho các tín đồ lương hảo không? Có một thiên thai nào đó để hai chàng Lưu Nguyễn lạc bước chân trần nhưng rồi lòng trầm lại tơ vương vương vít? Về trời để nhớ tiếc trần gian và về với nhân gian để lại ngẩn ngơ vì một chiếc xe mây vừa khuất bóng? Tôi làm sao có thể đứng vững vàng trên hai chân, một chân vin với cõi trần, chân kia thì lơ lửng chạm tới thềm non tiên?

Văn là hạnh phúc là cõi tiên mở rộng thật sao, sao tôi còn ngại ngùng không trôi xuôi lao gấp tới êm ái trong vòng tay ấm áp của chàng?

Tôi khẻ gõ cửa và đứng im, rồi lại gõ cửa. Văn vẫn chờ dưới cầu thang nhìn lên lo lắng. Qua lần gõ cửa thứ ba thì có tiếng cạch khẻ, Văn yên tâm quay lưng ra xe. Lúc ban chiều, đi chơi, tôi vội nên quên đem theo chìa khóa cửa, tiệc tân niên đến hơn đến hơn 1 giờ sáng tôi về thì chắc các con đã qua được một giấc ngủ mê say.

Đứa con gái lớn ra mở cửa nhìn tôi sắc sảo, nghiêm trang, cái nhìn lạnh lẽo không cảm giác mà như đang khắt khe phán xét. Không nói không rằng, nó quay vào phòng nằm ngủ tiếp. Mãi lát sau vào, giường tôi kê đối diện với giường nó, tôi thấy nó vẫn chưa ngủ, trăn trở mãi không yên.

Tôi khóc thầm trên gối. Mẹ biết mẹ có lỗi với các con đêm giao thừa năm nay, mẹ đã bỏ mặc các con ở nhà một mình. Mặc dù thực sự thì tôi cũng đã làm một mâm cơm cúng lúc 4 giờ chiều sau khi đi làm về, lì-xì các con và nghe chúng chúc Tết.

Cu Út dành ra chúc trước để lảnh tiền lì-xì sớm:

- Chúc me... không có chết đâu!

Tiếng Việt của thằng nhỏ mới ở Mỹ hai năm đã bắt đầu lạng quạng.

Con gái lớn lúc nào cũng điềm đạm như già trước tuổi mười sáu:

- Chúc me được mọi điều ước muốn trong năm mới.

Mười sáu tuổi! Tuổi của học hành, yêu đương, mơ mộng, tuổi có cả một tương lai sáng người hứa hẹn, con gái tôi đang dự định, xây dựng những gì cho chính nó? Trời tuyết giá mùa đông phủ dày ngập đất cho tới khi nắng đỏ gắt gao, chúng tôi vẫn sinh hoạt bình thường với những bước đi nhọc nhằn của những người tị nạn mới lập thân trên một miền đất mới. Con gái tôi chăm chỉ lo học và chỉ say mê học bởi vì nó tự biết chỉ có một cách duy nhất đó mới giúp nó ngoi lên được trong cái xã hội lấy của đè người này. Nhưng có phải vì vậy mà nó xứng đáng để đại diện cho chính nghĩa có quyền đứng ra lên án và khinh bỉ tôi? Trong khi tôi tha thiết chới với giữa muôn trùng cô đơn nên đã lao đầu đến với một người?

Còn nhớ Văn kể chuyện:

- Hệ thống giáo dục ở Nhật kỳ lạ lắm! Trẻ con bên Nhật dù chỉ là trẻ con mẫu giáo, tiểu học muốn vào trường đều phải qua một cuộc thi tuyển rất gắt gao. Mùa nhập học, em biết không, nhiều chung cư phải giăng cả lưới an toàn quanh các cửa để cứu đám con nít thi rớt nhảy lầu tự tử!

Rùng mình, tôi so sánh để nhắc chừng con gái:

- Con thấy không, ở đây tị nạn nghèo cực như mình mà trường học Mỹ khơi khơi đầy dẫy thế này, bao nhiêu là cơ hội tốt để lập thân...

Con bé lặng thinh suy nghĩ rồi bỗng đột ngột hỏi một câu không ăn nhập gì với lời nhắn nhủ dặn dò:

- Có phải me vừa nghe bác Văn kể những chuyện đó, hồi thời bác du học bên Nhật?... Chuyện đời xưa đó mà, me hơi đâu mà lo...

Nó nói bâng quơ không hiểu có ngụ ý bóng gió gì không, nhưng tôi bỗng nghe choáng váng mà đành phải ngậm miệng! Tôi mà nói lại là thế nào con gái cũng có dịp nước mắt tuôn trào và trách móc tôi như nhiều lần đã xảy ra trước đó:

- Bây giờ trước mắt me chỉ có bác Văn và bác Văn thôi, mọi chuyện và suy nghĩ của me đều rập khuôn theo bác Văn hết, ba con và tụi con chẳng còn là gì hết cả!

Nó làm sao biết rằng từ lúc còn chung sống, mẹ nó đã là một người vợ bất lực không ngăn được chồng mình đắm đuối trong những trò vui thâu đêm suốt sáng! Lòng hoang mang, tôi sợ hãi: hay tôi đang tự bào chữa, tự đánh lừa tôi bằng cách định thổi phồng phóng đại những lỗi lầm mà có lẽ là bất cứ người đàn ông nào trên cõi đời này cũng đều mắc phải? Có phải là tôi là kẻ hoàn toàn trong sạch và vô tội trong khoảng đời cũ? Nếu số kiếp tôi là cứ sống mãi một mình với các con như lời tâm nguyện, nếu tôi không gặp Văn, liệu tôi có thay đổi bao điều suy nghĩ?

Vậy mà, tôi vẫn thường bị Văn chua chát giận hờn:

- Cả tháng nay anh không có dịp nào gặp em, đi chơi với anh một tối, em bị mặc cảm tội lỗi lắm sao?

Tôi nói vui một câu lấy hên đầu năm cho chàng yên dạ và cũng tựa như tự mình gắn bó một lời thề:

- Đầu năm hễ mình xuất hành với ai thì mình sẽ phải theo người đó suốt đời!

Văn tươi nét mặt lên trông rất trẻ con. Và chàng hớn hở:

- Vé đi Âu châu bây giờ hạ xuống chỉ còn có ba trăm. Anh nhất định để dành tiền, phải đi với em sang Paris để.. chúng ta thành thi sĩ!

Tôi ngần ngại:

- Này, đừng nói đi Paris... xui lắm, như cặp Jennifer-Oliver của Love Story! Hay ta đi Luân đôn...

Văn ồ lên tán thưởng:

- Ô! Luân đôn, thành phố tuyệt vời!

Những bậc thang bằng gạch đỏ đã khuyết mòn tự mấy trăm năm dưới bước chân của hàng bao thế hệ học sinh của trường Eton cổ kính, công viên Hyde Park và đám vệ binh của hoàng gia với áo đỏ, cầu vai vàng, nón đồng và gươm trần tuốt sáng loáng qua kiểu kể chuyện hấp dẫn của Văn nghe mới đáng mơ ước làm sao!

- Sau đó mình sẽ đuổi theo hải âu đáp tàu qua Paris, đến giữa lòng cầu rồi anh sẽ... ôm hôn em.

Tôi cám ơn những điều mơ mộng của chàng, nhưng mà ngượng lắm nên phải nói một câu diễu để "can" họ bớt:

- Dễ dầu gì, tôi cũng biết bập bẹ tiếng Tây, tôi sẽ... kêu cảnh sát bắt anh!

- Thì tôi sẽ nói với ông phú-lít tây là: tôi chỉ đang làm đám cưới với cô ấy!

Vậy là xong cái lễ cưới của *em và anh.*

Em và anh, phải đó, khi người ta mãi miết yêu nhau, em và anh chỉ toàn nói chuyện trên trời!

Mỗi tháng lãnh lương xong *anh* phải chia hơn hai phần ba số lương của mình để cấp dưỡng cho các con đang ở với người vợ đã ly dị và *em* mỗi khi nào có dịp đi chơi với anh thì trong lòng không ngớt lo lắng băn khoăn vì sợ không biết các con mình đang nghĩ gì về mình?

Chuyện của Văn ly dị đã lâu rồi, vợ Văn vẫn ở vậy tuy không thờ chồng nhưng vẫn một dạ nuôi con. Chàng tâm sự:

- Thật ra các con anh khôn lớn được cũng nhờ mẹ chúng nó. Tiền anh cấp dưỡng nào nghĩa lý gì so với công lao chăm sóc và sự hy sinh trời biển của mẹ chúng nó.

Tôi chợt như bị một cú đánh choáng váng vào đầu. Trên trái đất này, trên đất nước này, hiện có một người đàn bà trước kia đã từng yêu thương chàng nay tuy đã cùng chàng không còn sum họp nữa, bà ấy vẫn nghiêm trang ở vậy, lo lắng tận tụy đời mình cho các con. Còn tôi? Tôi là ai, một thứ đàn bà hư hỏng ích kỷ sao không chịu bắt chước người đàn bà ấy ở vậy quên mình để lo cho các con đã rất ngoan ngoãn của tôi? Có phải là ít nhất trên cõi đời này có hai người là vợ của chàng và con gái của tôi là những người có đủ thẩm quyền và tư cách nhất để miệt thị và lên án tôi?

- Em một thân một mình chạy trước lo sau chống đỡ mọi điều để đem được chúng sang đây, lo cho chúng đến như thế, em gặp anh và anh muốn tính chuyện lâu dài với em mà sao em cứ băn khoăn dằn vặt mãi, khiến cho anh sợ...

Trách nhiệm Văn rất rõ ràng đối với con cái: số tiền hằng tháng gởi đều đều qua một tấm check, vợ chàng vẫn thay được chàng để nuôi dạy các con. Nhưng tôi, ai sẽ thay thế được tôi trên cõi đời này để chịu trách nhiệm về chính con cái do mình sinh ra khi mà bố chúng không có ở đây?

Văn ơi, rõ ràng là em đã không đủ tiêu chuẩn để làm vợ anh, làm người tình hảo hợp của anh. Em còn cả cái gánh nặng, nỡ nào em tham lam trút gánh, lôi anh vào cơ sự rối bời của em sao?

Nhưng mà nói sao hết được tình tôi đối với Văn, vì tình tôi yêu chàng còn lớn hơn cả chính sinh mệnh tôi?

Văn không dằn được sự tức giận:

- Em im đi, đừng tìm cách bắt bẻ tôi những chuyện không đâu! Tôi như thế đó, tôi chấp nhận em hết mọi điều thì em cũng phải chấp nhận tôi như thế!

Chàng nói một tràng dài không nghỉ như tuôn ra cho hết nỗi tức giận:

- Em không chọc tức thì làm sao tôi nổi nóng lên được?

-... Tôi lo là lo đầy đủ, thăm viếng cho các con tôi, cũng như em lo cho các con của em, sao em lại tỏ vẻ công kích cấm đoán?

Lặng nghe Văn nhiếc móc tôi hình dung ra tôi hệt như một con đàn bà bần tiện đốn mạt trong cái tuồng hát xưa Phạm Công Cúc Hoa có một mụ mẹ ghẻ ganh ghét với con chồng nên đã ra tay ác độc hành hạ. Hay như mẹ con Cám hành con Tấm để cuối cùng bị trời phạt phải ăn ngay cái bàn tay của chính con gái mình. Khán giả sẽ hả hê, người coi sẽ tán thưởng khi trời hành những con mụ đàn bà độc ác ti tiện và nham hiểm kia!

- ... Anh mệt lắm rồi, không còn muốn nghe em nói gì nữa hết.

Chàng tự tay xô ập cánh cửa lại bít kín hết mọi đường giảng giải van lơn của tôi:

- Em không hề có ý nói động đến vợ con anh, ý em chỉ muốn nói là đến khi em về sống với anh mỗi lần anh đi thăm các con năm bữa nửa tháng, cha con vợ chồng anh sum họp vui chơi, em ở nhà sẽ buồn lắm, tủi lắm và nhớ anh lắm!

Tôi tưởng chàng sẽ dịu xuống để dỗ dành nhưng không:

- Anh hắt hủi bỏ bê gì em mà em buồn em tủi?

Tới nước này thì chàng càng quặn quẹo vặn vẹo:

- Em đừng đòi hỏi quá quắt đừng lấn tới bắt anh phải nhịn.

Văn đập mạnh vào tay lái đánh rầm một tiếng trong xe:

- Dù em có nói thế nào đi nữa, con tôi tôi không thể bỏ. (Trời ơi, câu nói nào của tôi có ý đốn mạt xui chàng trốn bổn phận đối với các con chàng?

Và do thói quen nghề nghiệp viết tranh luận, chàng dễ gì bỏ qua một cơ hội bằng vàng để đánh trả hầu bịt đường dư luận:

- Còn các con của em, em có dám bỏ chúng không?

Mỗi khi phừng phừng nổi giận Văn thường không thể dừng lại được. Làm sao, khi tôi chỉ muốn tỏ bày, nũng nịu một chút với Văn thôi, bảo là Văn đi xa dù chỉ một tuần hay dăm ba bữa tôi cũng không thể nào chịu nổi. Lòng muốn nói một câu cải lương mà miệng thì ngượng ngùng không thể nào mơ ra được:

- Em chẳng muốn rời xa anh chút nào, dù là trong một phút một giây!

Nhưng thôi giờ này *em và anh* đang bay là là trên mặt đất, chân họ đã chạm tới đất đen rồi và biết đâu đầu của họ đã đến ngày đang đập mạnh vào đất cứng đó!

Cả hai bừng tỉnh và đau xót.

Nếu phải xa chàng, tôi sẽ cười như khóc khi nghĩ đến kiểu chết của chàng samurai đưa mũi kiếm sắc lên tự đâm vào ruột cắt đứt bao tử mình một đường ngang rồi lại bình tĩnh một đường cắt dọc... Cố tình làm như vô ý, tôi nói lãng qua chuyện văn chương họa may cả hai có cùng bay lên trời được một lát nửa không:

- Mishima viết truyện hara-kiri ác liệt quá mà tả về tình yêu tính dục rất thoải mái kiểu Nhật bản cũng tuyệt vời, anh đã có xem nhiều về anh ta không?

Văn có vẻ hưởng ứng:

- Vậy mà rốt cuộc, người ngợi ca tình yêu toàn diện tuyệt vời đó lại là một anh chàng *gay*.

Lời bình luận như một tiếng than lại làm trầm thêm cái không khí *thời hậu chiến*. Sau có điều gì như gượng gạo giải hòa mà những vướng mắc chông gai thì vẫn còn nằm phơi trải dài ra đó.

Chúng tôi quay qua nói chuyện tài tử *gay* Rock Hudson, những tên *gay* khác kể cả những tên linh mục *gay*, lan man lại qua chuyện dịch AIDS thời đại:

Tôi buồn rầu thở sâu: có những người tự phong cho họ là "*gay*" vui vẻ, nhưng thật ra họ đã vui vẻ được mấy hồi, cuối cùng lại sa vào bế tắc tuyệt lộ do chính mình gây ra. Lại những kẻ khác, như tôi như chàng và có bao nhiêu người nữa trên đường tìm hạnh phúc, có đôi khi tưởng là mình đã với bắt được cái bong bóng xà phòng xanh đỏ đó, nhưng rồi... lại lạc lối, lại chẳng nắm được gì kể cả cái bong bóng xà phòng dễ vỡ nhất!

Tội nghiệp những con chim trốn rét lại lạc cả đường về!

Tuyết năm nay đã rơi chưa
Những bông trắng của năm xưa nghìn trùng? (2)

Tôi đang bay lơ lửng trên trời hay ở dưới đất hay đang sa vào một địa ngục tăm tối nào sau những lần cãi nhau với chàng? Thôi thế là đã hết cả những quán cà phê Paris-giống hệt-Sàigòn, hết cả bầy cừu của Appollinaire trôi đi dưới chân tháp Eiffel, hết cả Luân đôn với tháp chuông nhà thờ Big Bell rền rĩ trong suốt những buổi chiều sương mù. Tượng đá người thơ Byron ở đâu, xin đừng đợi nữa những người đoạn đành lỗi hẹn!

Nơi đây, ngoài cửa tuyết đang xuống dày và nặng. Câu chuyện của người chung quanh giống như năm ngoái vẫn kéo dài vang lên về mấy cách đầu tư tiền bạc dư dã, nhà cửa, địa ốc, business, nhảy đầm du hí ở châu Úc, châu Âu, tiền lãi nhà băng nay mấy chấm... lẫn lộn có những tên tuổi của những sòng bạc lớn ở Atlantic, Las Vegas hay áo quần son phấn thời trang. Những tấm lưng trần khêu gợi, những gò ngực được đẩy cao lồ lộ không át nổi đi những bộ mặt phấn son mệt mỏi của những tấm nhan sắc về chiều khi đêm đã khuya. Hai người bạn trẻ đang nói chuyện bằng tiếng Mỹ với nhau:

- Tao chẳng có thì giờ để đọc sách báo tiếng Việt cho nên tiếng Việt của tao bữa nay đang rụng gần hết đó!

- Ái chà, thiếu tiếng Mỹ mới lo Mỹ nó cười chó ai dư hơi đi lo chuyện ngược đời như ông?

Tạm dung! Phải chăng từ ấy chỉ có thể đúng cho một ít nào. Ở đây họ hạnh phúc thừa mứa, họ an cư lạc nghiệp quá và đoạn đành với quá khứ dễ dàng quá.

Nhưng biết đâu đấy được, màn kịch đang vén lên, các kịch sĩ nhà nghề đang ra sức thi thố tài năng. Đột nhiên, tôi như thấy rã rời. Phải chăng tôi như một thứ dây leo mất rễ, tung một cái đã xa khỏi nửa quả địa cầu nhìn quanh sao tứ cố vô thân, một sớm dây leo thấy mình đang bay lửng lơ trước gió, tôi chạy theo níu bám tay chàng như một điểm tựa an toàn để chặn cho mình khỏi bị cuốn hút theo đám cuồng phong đang nổi dậy chung quanh. Tôi có thể nào tự buông thả cho mình phóng đãng, làm một cành phong lan trước gió nay đáp vào cành này mốt lại bạ quấn với cây kia?

Vừa đau xót mỉa mai thương hại cái yếu đuối nhỏ nhen của mình, tôi vừa khát khao cái điểm dừng để chặn giữ cho mình đứng lại. Nhưng sao tôi lại cứ không ngớt tự dày vò dằn vặt chỉ vì tôi vội vã muốn dừng, sợ cho mình phải thành một thứ thú mẹ đi hoang, vừa đi vừa tự khinh bỉ mình vì vòng tay trìu mến của những đứa con đã không đủ sức giữ mẹ chúng lại.

Tôi nhất định phải tìm cho được Văn trong đám đông lần này vì sau lần cãi nhau dữ dội, chàng đoạn đành biến mất. Đàn ông họ thật nhanh, thật gọn, muốn là làm, hơi đâu mãi mãi lùng nhùng giữa một mớ bòng bong cái bát canh rau hẹ rối bời của tình kia nghĩa nọ của đạo đức phân vân, hơi đâu dặn mình hãy gượng nhẹ kẻo làm đau người này đụng tới người kia. Sao Văn không chịu hiểu không giúp tôi gỡ hộ tôi ra khỏi những mệt nhoài của vật vã quanh co!

Một giọng đàn ông ấm áp, cái giọng mũi quen thuộc mà tôi tưởng như hiu hắt tự một đời nào đã lâu lắm, đã xa rồi nhưng tôi vẫn nhận ra ngay, nhẹ nhè thì thầm sau lưng tôi:

- Năm nay tuyết lại rơi nặng rơi dày hơn năm ngoái...

Run run tôi nghiêng người len bước ra cửa vừa kịp lúc để tránh cái màn xập xình ôm vai cọ má đang bắt đầu trên mặt sàn trải thảm thêu hoa. Đi chầm chậm hồi hộp như đang đu dây đánh cuộc với Định mệnh Rủi May. Nếu còn một chút gì đọng lại trong lòng chàng sau gần một năm xa cách như có lần anh hứa với tôi:

- Dù phải chờ đợi em trong bao lâu, năm năm, mười năm để em ra cho khỏi mọi điều rối rắm anh cũng sẵn sàng chờ. Được sống với em dù chỉ là một ngày, với anh cũng là một đời hạnh phúc. Em xứng đáng để anh chờ đợi.

Tiếng tuyết rơi thánh thót ngoài kia hay tiếng của đôi bàn chân ai đang kịp bước nhẹ theo gót chân tôi? Tôi mơ hồ sợ hãi lắng nghe và làm sao lại nghi ngờ ngay cả thính giác của chính mình?

Một nửa bông tuyết hữu tình năm ấy đã rơi trên tóc chàng, một nửa khác đã gài lên tóc tôi... Tuyết theo gió đã tan thành sương khói, những sợi tóc vương tuyết năm nào chắc cũng đã rơi rụng xuống và đã có những sợi mới mọc thay. Như tôi với người, trên dòng nước trôi về hư vô, những cọng rong phiêu bạt hữu tình gặp gỡ, có lỡ làng xa cách và có tái ngộ trùng phùng phải không?

Tuyết trắng xóa vẫn phấp phới bay bay và bước chân anh đã theo kịp tôi khi tôi dừng lại bên ngưỡng cửa.

N.T.H.B

(1) (2) Hài cú của Matsuo Basho -- Bùi Bảo Trúc dịch

MAI THẢO

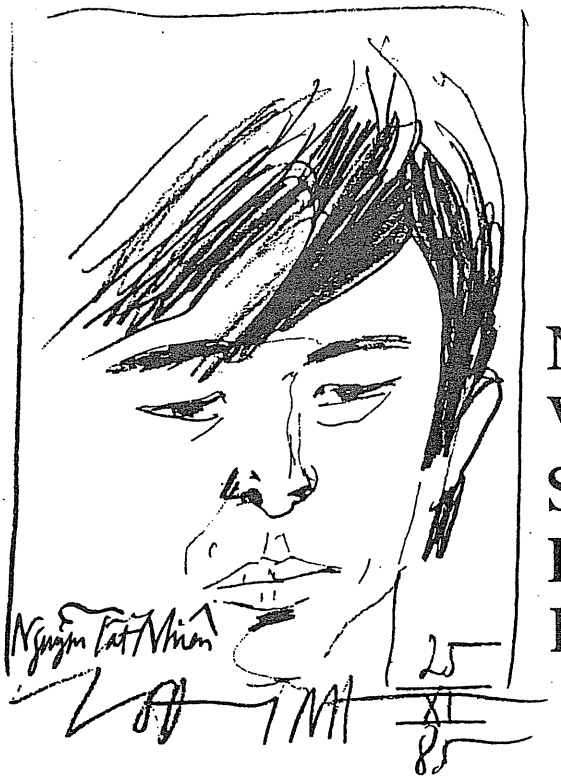

NGUYỄN TẤT NHIÊN VÀ SAU TÔI LÀ HỒNG THỦY

Giòng thơ phiêu lãng, trời thơ không trời, cõi thơ không cõi. Nơi mọi định nghĩa dung tục, thường hằng của thơ không còn được chấp nhận. Và mặt đất biến mất. Nơi con tằm ăn dâu nhả thơ tơ vàng, con bò nông của Musset mổ ngực lấy máu huyết mình nuôi đời khôn lớn, cây đàn muôn điệu của Thế Lữ, con chim ngậm suối của Xuân Diệu, hòn đảo giữa biển của Huy Cận, bấy nhiêu biểu tượng và vị trí tự nhận của thi sỹ nhiều thời đều không còn đúng nữa. Và thơ ở ngoài thơ.

Giòng thơ ấy đã có Bùi Giáng triệt hủy hết mọi trước sau. Đã có Phạm Công Thiện hết mọi trước sau nát bấy trong một địa chấn tan tành. Mới có nữa Ngu Yên, những vòng tròn chữ nghĩa vẽ thành những cầu vồng bất tận. Mới có nữa, Nguyễn Bá Trạc tiêu nhẫn hồn tính vào một thị trường chứng khoán thi ca thả nổi. Và vẫn có Nguyễn Tất Nhiên.

Vẫn. Nơi một vào thơ từ lâu. Précoce, rất sớm. Từ 20 năm trước trên chiếc xe thổ mộ Biên Hòa Sàigòn đã "tôi là giọt mưa, mưa trên tượng đá." Với tập Nàng Thơ trong mắt, năm1966, tập Dấu Mưa Qua Đất, năm 1968, Thiên Tai, năm 1970, tới tập Chuông Mơ, năm 1987, mưa Tất Nhiên mưa mãi không ngừng. Mưa Trên một tuổi trẻ xám, bệnh và buồn, chữ "xanh xao" luôn luôn dùng tới. Trên những hạnh phúc đã lọt hết qua mười ba kẽ ngón, khi tình yêu đã lọt rồi từ kẽ ngón đầu tiên. Trên một bản thể cắm mốc vào hủy hoại, nhiều lúc căng cứng và nổ tung thành những giận dữ và những chửi thề đời. Đến khản cổ. Đến vỡ toang lồng ngực. Và ngạo nghễ, trước ta không một ai. Và ngông nghênh, sau ta là hồng thủy.

Sự quân bình đã trở về với tập Tâm Dung vừa xuất bản. Sự quân bình như một thăng bằng sau nghiêng lệch choáng váng. Qua ý hướng kiếm tìm cho tâm hồn cuối cùng là những bóng mát và những giải nắng bình yên. Một dung chứa hiền hòa, thi sỹ nói vậy. Như hai vế của một lời thơ Chế Lan Viên: "mưa xưa tiếng khóc, vàng mai trận cười" thơ Nguyễn Tất Nhiên 1989 thôi mưa và đã nắng. Đã ôn đới lại. Đã lắng đọng xuống. Thơ thôi đập bàn. Thơ mở trang kinh. Thơ Ngài A Nan. Tâm dung mới ấy là một tâm dung thơ. Khiến vùng thơ bình nguyên của Nhiên bây giờ thơ hơn hẳn là vùng thơ không bình nguyên của Nhiên ngày trước.

M.T.

Thơ NGUYỄN TẤT NHIÊN

TÂM CHUNG

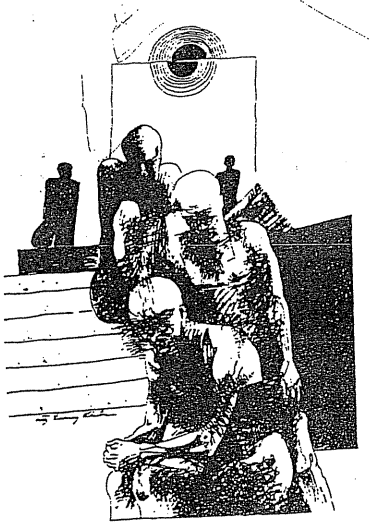

Cùng em cùng một khung trời
chung nghe sa mạc lòng người chuyển mưa
cùng em cùng một ngày mùa
chung nghe tình nước non chưa lối thề
cùng em ngàn dặm ra đi
chung nghe thiên lý dường về trong tim
cùng em sông hậu sông tiền
lia thia quen chậu tình hiền quen khăn
cùng em cửa mắt cài trăng
nhẹ tay phẩy bụi chung lòng như gương

vì em là lượng cửu long
bún khô vấn gạo nanh chồn, nàng hương
vì em là ngọt sông đồng
vàng chua bưởi mế vấn bông biên hòa
vì em là một mái nhà
anh thân tứ cố vấn ra người hiền
chim quyên ngồi đứng không yên
em xa cha mẹ buồn riêng một mình...

TÂM NGUYỆT

Từ gót sen hài em hút dấu
sầu tôi như lá thấn thờ bay
ví dù lá ngập đường em bước
lá cúng xin dừng bận gót ai...

từ mắt chia lòng sông cách núi
sầu tôi như bụi khắp không gian
ví dù bụi ố hoen màu trắng
bụi cúng xin dừng vương mắt xanh.

từ tóc bay xuôi dòng quá khứ
sầu tôi như bóng lặng lờ trôi
ví dù bóng đẳng đeo tròn kiếp
bóng cúng xin dòng tóc thảnh thơi.

từ hơi thở của không gian khác
sầu tôi như lịch nhẫn nha rơi
mỗi ngày thiên hạ hồn nhiên xé
lịch mới, như tờ-thương-nhớ-tôi!

từ hoa môi của bình minh khác
núi đồi vắng cả tiếng thông reo
chim thôi cười chúc mừng hoa lá
thành-phố-tôi già ho động cơ.

từ vỡ, lành trăng lồng bóng nước
từ em là nguyệt lộng dời sông
từ tôi là một dòng tâm nguyệt
sông có trăng cười sông xóa trăng.

Tuyên chiến với bọn giả hình

Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu

PHÙNG QUÁN

1.

Có những điều lẽ ra không nên nói thật
sự thật mất lòng!
ngạn ngữ lên ba anh, tôi đều biết
nhưng bởi chính anh là người cầm viết
chữ nghĩa nặng nghìn cân dâu phải chuyện dùa
có thể nào anh quên đi lòng trung thực
dấu mốc khởi đầu khi chọn nghiệp văn chương?

2.

Ở đây không có ai ngon ngọt nuông chiều
cũng không có ai cầm dao dọa giết
ngòi bút anh tuyệt đối tự do
nghĩ suy anh hoàn toàn độc lập

Anh có thể viết về tình yêu
thăng hoa hay phàm tục
anh có thể ca tụng chị ba cô tư anh năm chú sáu
hay phủ phục hôn chân nàng công chúa sắc nước hương trời
hay tôn kính vinh danh chàng hoàng tử phong nhã hào hoa
và nếu có chị me Mỹ về chiều làm nhịp tim anh rối loạn
hà cớ chi không bút mực hàng hàng?...

Anh có thể viết về chiến tranh
chiến tranh nhọc nhằn bốn nghìn năm lịch sử
chiến tranh qua phân ba mươi năm cộng sản tự do tư bản vô thần

Anh có thể viết về đất nước điêu linh
về trại tù trùng điệp
về "chuyện tử tế" * giữa người với người đã trở thành cổ tích, ngụ ngôn
về cướp biển
hảm hiếp
giết tróc
cuồng phong
về vùng đất tự do trong ước mơ những người ở lại
về những đôi mắt mỏi mòn tuyệt vọng sau lớp lớp kẽm gai trại cấm

Anh có thể viết về đời sống quanh anh
áo cơm tủn mủn
dất khách lạc loài
công ăn việc làm khó khăn tủi nhục
cội rễ gia đình bật gốc lung lay
tuổi trẻ bơ vơ không địa bàn định hướng
tuổi lớn nhọc nhằn hội nhập gian nan

Anh có thể luận bàn triết lý, đạo học cao siêu
những hiện sinh buồn nôn buồn mửa
những siêu nhân vượt thắng con người
những bi dát hư vô nhị nguyên thất thể
những thiền trang nho Lão lằng nhằng
hay những tiểu thuyết ba xu bốn cắc
tình tiết éo le ly kỳ rùng rợn
có nước mắt dầm dề
có ly biệt tang thương
có súng nổ đạn reo độc dược bỏ đời
có cậu ấm cô chiêu tóc dài da trắng
có lá me bay rợp lối ngập đường
có thu biếc hạ hồng đêm xanh chiều tím
dủ thứ linh tinh hạ cám thượng vàng

Anh có thể hô hào cứu nước cứu dân
tuyên dương anh hùng vị quốc
chặt đứt gông xiềng nô lệ bằng ngòi bút như gươm
nếu ai cướp bút mực tôi
tôi sẽ dùng dao khắc thơ lên đá!

Nói chung
anh có thể viết về tất cả mọi điều lớn bé
mắc mỏ rẻ tiền cao siêu hạ tiện
tất cả!
chỉ có một điều buộc anh phải nhớ
chỉ có một điều anh chẳng thể quên:
sự trung thực với chính mình, trước hết
và tiếp theo, người đọc, quanh anh.

3.

Thi văn đâu phải trò chơi chọn vần ghép chữ
Lòng trống không mà vẫn cứ gồng mình
chiếc thập giá văn chương
ai buộc anh phải vác?
không ai ngon ngọt nuông chiều
chẳng ai cầm dao dọa giết
hà tất gì anh tự trói thân?

Anh chửi bọn đón gió trở cờ
anh phỉ nhổ bọn giả nhân giả nghĩa
anh căm thù bọn hoạt đầu cơ hội
anh buồn nôn bọn thống trị chạy làng
lời văn anh như hịch cần vương
như bình ngô đại cáo
như vang vang tiếng thét diên hồng...

Nhưng đau xót thay phía sau những giòng thơ anh viết
những cuốn sách anh in
những bản nhạc anh làm
vẫn thấp thoáng điều gì tựa như bạc giả!
anh dối được mọi người nhưng đâu thể dối anh?

Đâu thể dối chính anh! bởi bàn tay đâu thể che kín mặt mình
khuôn mặt bơ phờ sau nhiều đêm thức trắng
những canh bạc đỏ đen
những lá bài đen đỏ
đá rút hết của anh chút chân thật cuối cùng
anh đang ngập sâu trong trò chơi biển lận
sự biển lận như cường toan
thấm dần từ bản thân anh thấm sang chữ nghĩa
sự biển lận hèn hạ của loài bò sát
sự biển lận dù được che dậy tinh khôn chồn cáo
vẫn lồ lộ nguyên hình!
chuyện tình yêu cưới hỏi vợ chồng nhà xe trương mục...
anh tính toán lố lời như gã lái buôn bần tiện
chuyện văn nghệ văn gừng thi ca nghệ thuật
anh soi mói lật ngửa lật ngang như tên do thái cầm đồ
chuyện bè bạn anh em quê hương đất nước
anh dằn do cân nhắc thiệt hơn như máy tính ngân hàng
lòng anh hẹp làm sao đủ chứa cái bao la của đất trời lồng lộng
tâm anh cùn làm sao hòa nhịp với tha nhân
anh đặt bày hào sảng trượng phu
anh giả vờ khi non cao khi trại binh khi quán cóc ven đường
ngất ngưởng men cay luận bàn thế sự
anh khóc tình yêu tình người tình anh em chiến hữu
nhưng đôi mắt láo liên
vành môi xám xịt
nhàn nhạt màu da trán bóng mày trơ
chiếc mặt nạ anh mang xem chừng quá nặng
hai là chắc anh tự vó trang đá thu hẹp tầm nhìn
(dụng cụ từ xưa chỉ dành cho loài ngựa
anh, kẻ dụng ngôn, đâu thể cầm nhầm!)
chả trách gì thơ văn anh nghèo nàn khánh kiệt
chúng tròn trịa cứng trơ đồng dạng vô hồn
những thương vay khóc mướn!
những giận dữ giả vờ!
những uất ức thù hằn ti tiện tiểu nhân!
Ôi những tấm bìa vẽ hình nhân múa rối
có thể nào được phép gọi: văn chương?!

4.

Có những điều lé ra không nên nói thật
Sự thật mất lòng
ngạn ngữ lên ba anh, tôi đều biết
nhưng bởi chính anh là người cầm viết
chữ nghĩa nặng nghìn cân đâu phải chuyện nhà
có thể nào anh quên đi lòng trung thực
dấu mốc khởi đầu khi chọn nghiệp văn chương?!

KHÁNH TRƯỜNG
(Tháng 5/1989)

* *Những chữ nét mảnh trong bài: thơ Phùng Quán*
* "*Chuyện tử tế*": *nhan đề tập phim phóng sự của Trần văn Thủy*

SÀIGÒN SẼ CHẲNG BAO GIỜ TRỞ MÀU LÁ ĐỎ

Hỡi em yêu dấu

ĐỊNH NGUYÊN

1

Tặng Nguyễn Đình Toàn

Hỡi Sàigòn thân yêu của ta, người không phải chỉ là nỗi buồn, là niềm xót thương, người đã rưng rưng trong ta, như một niềm đau của những kỷ niệm đã phai tàn của một thời quá khứ. Một thời để yêu. Một thời để chết. Một thời để nhớ lại. Một thời để quên đi. Người đã vang vọng trong ta, bằng tiếng gọi thầm thì, một đêm tuyết xuống, một sáng mù sương, một cơn mưa bất chợt. Người vang vọng trong ta, như cuộc tình đầu, không hoàn hảo vẹn tròn. Cuộc tình đầu nào, của chúng ta, cũng rất xa, cũng mù mịt như chẳng còn gặp lại. Nhưng Sàigon vẫn như cuộc tình đầu chẳng bao giờ có thể tàn phai. Dù em ở lại, giữa một Sàigon, không còn tên gọi, giữa một Sàigon, tất tả ngược xuôi, dối gian lừa dảo. Nhưng em cứ tin rằng, Sàigon chẳng bao giờ chết, bởi vì tiếng gọi thân yêu ấy, đã trong trái tim em, trong trái tim anh, trong trái tim của mọi người. Bởi vì, những hàng cây của Sàigon, sẽ chẳng bao giờ trổ màu lá dỏ, như màu bích chương, biểu ngữ. Tình Yêu, sẽ nuôi chúng mãi xanh, xanh như tình ta. Rồi những cơn mưa mùa hè vẫn đến. Những giọt mưa vẫn ấm. Ấm như giọt lệ, em đã khóc cho Sàigon một buổi phân ly.

Hỡi em thân yêu, anh muốn nói với em một điều, dù xiềng xích, cùm gông, cũng chẳng thể khóa được nụ cười, tin yêu, Sàigon, một ngày sống lại. Anh muốn nói với em một điều, đừng khô cạn những giòng nước mắt. Bởi vì nếu chẳng được khóc, những nỗi xót thương của tình ta, em hãy dành để khóc ngày nhìn thấy nhau lần nữa khi đi giữa Saigon không còn màu cờ đỏ.

2

Em ở lại với thành phố dọa dầy, với giòng sông buồn bã ra khơi, với mùa hè lá me non, chiều nặng giọt mưa kỷ niệm ngày nào của chúng ta xưa. Với hiên mưa, vội vã môi hôn, với bàn ghế trống không quán cũ. Tất cả tưởng đã như hư tưởng, đã phôi phai từ độ xa người, đã hôn mê như đêm tóc rối, đã nhạt nhòa, như sáng, chẳng soi gương. Em cứ ngõ rồi năm tháng sẽ đắm chìm nỗi nhớ, rồi dấu chân kỷ niệm khói sương che.

Em ở lại quạnh hiu, chờ đợi. Trong hương thơm của một đời dĩ vãng đã phai tàn, trong đêm hoang soi trăng trên vách, để tưởng mình có một bóng thân quen. Em ở lại cùng với ngọn đèn dường ngơ ngác khi góc phố đổi tên. Em ở lại với ngõ hẻm khốn cùng, đêm không ánh điện. Em ở lại với thành phố của chúng ta xưa, không còn tên gọi, không còn nụ cười đôn hậu, không còn ánh mắt yêu thương, không còn một chỗ, cho những kẻ yêu nhau, không còn cả một mái hiên, cho bầy sẻ cũ. Nơi chốn ấy, đã là chỗ qua đêm cho những con người vất vưởng, bị xã hội khước từ. Có đôi khi, em cứ tưởng rằng đang ở một kiếp khác. Một kiếp xôn xao oan hồn. Một kiếp lặng lẽ huyệt sâu.

Anh đã bỏ em đi, như ngày bỏ đêm, như trời bỏ nắng, như lá bỏ cành. Em còn lại gì đây? Chỉ còn những đêm mưa trên hàng cây hiu quạnh, chỉ còn những giọt lệ em dấu đi trong đêm đen mù mịt. Nhưng em chẳng trách anh làm chi. Sự chia lìa này, chẳng phải lỗi tại chúng ta, mà chỉ vì những kẻ bán buôn lịch sử. Em cũng muốn được nói với anh một điều, dù sao em cũng đã ở lại, ở lại để giữ gìn cho những kỷ niệm của chúng ta xưa, được hoàn hảo, vẹn tròn.

3

Sàigon của đời ta. Saigon của cơn mưa bất chợt mùa hè. Saigon của tháng tư đen tối. Saigon đã xa nghìn trùng mà vẫn gang tấc. Saigon đã thăm thẳm quá khứ nhưng vẫn nặng chĩu lòng người. Saigòn như vết thương đau trong đời ai lỡ muộn. Saigon như cõi êm đềm của khắc giây nhắm mắt xuôi tay. Saigon đã sống dằm thắm trong thương yêu của một thời quá khứ. Saigon cũng đã chết mòn mỏi sau bất chợt phân ly. Saigon của mẹ hiền xưa đã về cùng đất lạnh, không được nhìn đứa con lần cuối. Saigon của bạn bè xưa tan tác, tả tơi. Kẻ rừng thẳm lao tù, người dầu dường xó chợ. Saigon của người yêu dấu cũ đã khóc đến khô cạn những giọt nước mắt nhớ thương. Saigon như thế đó, cứ váng vất trong ta những nỗi đau bất chợt, cứ quấn quít xót thương, cứ bàng hoàng sợ hãi.

Người lìa bỏ Saigon bỗng đớn đau như bứt trái tim mình ném lại. Người ở lại Saigon chợt bàng hoàng như đi giữa những mộ huyệt đổi tên. Một lần đi khỏi Saigon, không phải chỉ là một lần cách biệt. Một lần đi khỏi Saigon là không còn mong gì thấy nhau lần nữa. Bởi vì mẹ già ta đã qua đời bạc hạnh. Chỉ còn cây bông vải dầu ngõ để tang. Bởi vì người yêu ta đã

thất lạc phương nào, giữa loạn ly của một ngày tháng tư lừa dảo.

Một ngày qua, Saigon lại sống qua được một ngày trong cơn ung thư mầu đỏ. Một ngày qua, em sống qua được một ngày trong chờ đợi hắt hiu. Và như anh thường nói, rồi ai cũng sống qua được đời mình cả. Em chẳng còn tình yêu, như Saigon không còn tên gọi. Nhưng có lẽ em chưa biết một điều.

Saigon cũng như em, sẽ sống qua được đời mình. Bởi vì dù người ta muốn gọi tên nào cho một con đường, một góc phố, con đường ấy vẫn là con đường chúng ta đã đi qua, góc phố ấy vẫn là góc phố chúng ta đã ngồi cùng nhau trong quán nhỏ. Người ta muốn nhuộm đỏ Saigon, nhưng thành phố vẫn xanh với những hàng cây, một thuở nào đón em tan học. Nhớ thương của người sẽ nuôi cho Saigon hy vọng hồi sinh, thủy chung kẻ ở lại sẽ giữ cho Saigon thoi thóp chẳng qua đời.

4

Hỡi những con đường học trò. Hỡi những tàn lá me xưa. Bây giờ chắc hẳn buồn như người em gái nhỏ. Bây giờ chắc hẳn buồn như Saigon cố nhớ tên xưa. Saigon bây giờ không chỉ buồn. Saigon đã chết. Saigon chỉ còn sống trong lòng người ra đi bằng những hoài niệm cũ. Saigon bây giờ chẳng còn chi. Có chăng chỉ còn những cơn mưa tháng tư bay trên màu cờ đỏ. Anh hỏi Saigon bây giờ có buồn không? Saigon không chỉ buồn, Saigon còn trầm mình trong những oan khiên. Trầm mình trong bóng tối, đêm chẳng ánh điện câu đưa về ngõ cũ. Tất cả những cánh cửa của đêm Saigon mở toang, thăm thẳm như nấm mộ chôn những hồn người, sau một ngày tả tơi, vất vưởng. Em chẳng còn được nghỉ về một Saigon thơ mộng của chúng ta xưa, của sáng Duy Tân cây dài bóng mát, của chiều Lê Lợi, cuối tuần quấn quít áo dài bay. Hy vọng về một Saigon sống lại trong em đã không còn nữa. Em cũng chẳng còn được như câu truyện cổ tích một lần anh đã kể, thuở mới biết tô son, vừa dủ yêu người. Câu chuyện hai con ốc sên đua dám một chiếc lá vàng. Khởi hành từ mùa thu. Đến huyệt đã sang xuân, và chiếc lá xanh trở lại. Em chẳng bao giờ, còn được như chiếc lá vàng kia, bởi vì chính em cũng không còn cả nước mắt để khóc cho đời mình xanh trở lại.

5

Quê hương tôi có những giòng sông, như mạch máu chảy trong thân thể. Quê hương tôi có những giòng sông đã một thời nuôi dồng lúa chín. Nhưng từ thuở giặc về, đất quặn mình đau, bao nhiêu giòng sông quê hương, chỉ để đem người ra biển. Tan tác. Chia lìa.

Trong mạch máu, những giòng sông vẫn chảy, nhưng chẳng còn hiền hòa như mẹ quê xưa. Trên những giòng sông của quê tôi giờ chỉ còn đêm thăm thẳm khôn cùng. Tiếng thầm thì của những giòng sông, chỉ là câu chuyện kể về những linh hồn chìm đắm khi sông chưa kịp đưa người tới biển.

Khi giặc về sông cũng mặn thêm, vì chứa đựng thêm bao nhiêu nước mắt. Khi giặc về đất cũng chật thêm vì bao nhiêu xác người vùi nông ngoài đồng vắng. Xin hãy khóc cho những giòng sông khi buổi chiều, tắt nắng, không còn câu hò êm ả như hàng dừa xõa tóc soi gương. Xin hãy khóc cho những giòng sông, đêm xuống, chỉ còn ngọn đèn dầu hiu quạnh, chiếc thuyền câu của người từ vừa được thả về.

ĐỊNH NGUYÊN

Đáy không

Em ở quê nhà mây có trắng
Hương đồng cỏ nội có ngây ngây
Phương trời mây trắng như tang mẹ
Anh vẫn qua đêm ly rượu cay

Thấm thoát mười lăm năm sắp sửa
Chút gì dọng cặn đáy lý không
Mỗi lần trở rét cây thay lá
Lại sợ lòng quên chút xót thương

Lại sợ âm vang từng mùa lạnh
Mưa buồn, mưa nhớ, mưa rưng rưng
Heo may về sớm cay trong mắt
Ngơ ngẩn, như vừa biệt cố hương

Ngày chạy theo ngày qua rất vội
Tháng năm duổi bắt áo cơm dư
Mười lăm năm nhỉ? em nào biết
Năm tháng buồn tênh chén rượu thừa

Mười lăm năm nhỉ? đời phiêu bạt
Đời cạn trong bình rượu đã khô
Dốc ngược bóng đêm trong đáy cốc
Hồ trường tan tác một trời thơ.

ĐỊNH NGUYÊN
30-4-89

NÓI CHUYỆN VỚI ANH VỀ THƠ THA HƯƠNG

NGU YÊN

Dòng thơ 54-75 đang chảy cuồn cuộn sung mãn bỗng dừng lại khập khựng, chia cắt, sau biến cố 30 tháng 4. Chớp mắt đã 14 năm qua. Tha hương đã đầy đủ tuổi tác, vóc dáng, sức lực để nối tiếp thành dòng thi ca hải ngoại.

Sắp bên cạnh thơ cũ, thơ mới, thơ tiền chiến, thơ 54-75, thơ tha hương có gì mới? Có gì lạ? Có gì độc đáo? Có gì hay? Hoặc chỉ là những lời thơ bộc phát tự nhiên theo yếu tính nghệ thuật: Ở đâu có con người, ở đó có thi sĩ.

Có gì mới? Trăng muôn đời được tượng trưng cho cái đẹp. Từ cổ điển cho đến hiện đại, văn thi sĩ đua nhau diễn tả muôn hình vạn trạng cái đẹp của vầng trăng. Từ đẹp âm u, huyền ảo cho đến đẹp là lơi rực rỡ. Trăng không có lúc nào xấu sao? Giữa bao nhiêu văn nhân thi sĩ xúc động vì trăng, họa hoằn mới thấy có người tả màu trăng bệnh tật như *Nguyễn Tuân* trong *Những Ngọn Đèn Xanh*.

Những cái cũ đã được thời gian và những tài năng đi trước chứng minh là đẹp là hay thì luôn luôn có lợi điểm vững vàng trong niềm tin của người thưởng ngoạn lẫn sáng tác. Đi theo những con đường đã trải nhựa, dựng cột đèn, thì chắc ăn hơn là đi lạc lõng vào nơi tối tăm chưa khai phá. Cái gì mới thường gặp sự chống đối, ghét bỏ. Lúc thơ mới thắng thơ cũ là vì thơ mới đoạt được chữ thời. Lúc ấy thơ cũ đang hấp hối. Luồn gió cải tân đang thổi phơi phơi trong lòng người. Thử nghĩ, nếu thơ mới xuất hiện vào thời Lê Thánh Tôn, thì sao?

Thơ tha hương không có gì mới. Chỉ là dòng nối tiếp thơ 54-75 ở một địa lý và thời gian khác. Đoạn cuối của dòng thơ 65-75 đang được đa số độc giả yêu thích. Nói một cách khác, thơ trước 75 bị cướp giật khỏi sự thưởng thức, không phải bị người yêu thơ bỏ rơi. Do đó, thi sĩ tha hương hăng hái tìm lại những gì đã mất. Về nguồn. Giữ thơm quê mẹ. Bảo vệ truyền thống thi ca. Cái cũ mất đi chưa tìm lại hết, có lòng đâu mà tìm cái mới. Điều nầy dĩ nhiên được độc giả tha hương ủng hộ nhiệt liệt. Không khí thơ như thế. Hình thể thơ đa số có vần, bảy chữ, tám chữ, lục bát... ít thơ tự do thể xuôi. Đề tài đa số thương nhớ quê nhà, chống cộng, thân thế tị nạn... ít thơ tình... hay. Điều này dễ hiểu. Nếu thơ không phản ảnh tâm lý, thì phản ảnh thứ gì?

Thơ tha hương đa số lại được khởi đầu bởi những thi sĩ đã có tên tuổi trước 75. Cho đến nay, những thi sĩ ấy vẫn là những ngôi sao dẫn hướng Nam Tào, Bắc Đẩu. Vẫn là những ngọn hải đăng trên dòng thơ hải ngoại. Thuyền mới lên đường, chạy đâu cho thoát?

Hãy thử đặt giả thuyết: Trong 14 năm qua, nếu có gì mới lạ xuất hiện trong thi ca, xuất hiện ở đâu? -- Đa số thơ xuất hiện ở báo và tạp chí, nhất là những báo chí văn chương được sự chú ý của giới thưởng ngoạn. Qua các chủ bút, đại đa số là những người đã có tên tuổi. Dọn một bữa ăn tinh thần lên chữ nghĩa mặt báo cho người đồng hương thưởng thức, thử hỏi nên lựa một tô bún bò Huế hay một tô bún chưa có tên gọi? Khoan nói đến một tô bún nấu bằng cọng spaghetti. Đã có mấy mươi năm hương vị quê nhà trong máu, lẽ thường tô bún Huế phải quyến rũ hơn. Chắc chắn là ngon hơn. Chắc chắn người nấu món bún vô danh không dại gì tái phạm. Một là dẹp tiệm. Hai là đi học nấu lại món ăn "Ngày Xưa". Kẻ cứng đầu chỉ còn có cách: một mình nấu một mình ăn. Hoặc nấu cho nhà hàng ngoại quốc.

Hãy thử xét một thí dụ về truyền thống của niềm tin trong thi ca. Phán rằng: *Phải có cảm xúc thật thì làm thơ mới hay*. Xin hỏi: Có cảm xúc nào là cảm xúc không thật?

Từ sớm đến tối, con người lúc nào lại không có cảm xúc. Ý tưởng và cảm xúc gắn nhau như hình với bóng. Thấy một đối tượng nghe một câu chuyện, tức thì nội tâm có ý tưởng và cảm xúc. Ý tưởng nào không có cảm xúc? Cảm xúc nào không có ý tưởng?

Một bài thơ gồm có bề ngoài và bề trong, mặt diện và chiều sâu. Mặt diện là thể thơ, lời thơ, văn phạm, kỹ thuật v.v... tóm lại là cách diễn tả. Chiều sâu là ý tưởng, kinh nghiệm, suy nghĩ... tóm lại là nhân sinh quan của tác giả. Cảm xúc chỉ là động cơ sáng tác. Cảm xúc đẩy cho chiều sâu bật ra bề mặt, cho ý tưởng bật ra ngôn ngữ thơ. Cảm xúc nhiều chưa

hẳn đã làm được thơ. Cảm xúc ít chưa hẳn đã không làm được thơ. Bắt đầu từ cảm xúc nhưng phải xem tác giả có diễn tả được tâm trạng ý tưởng và diễn tả như thế nào? đến mức nào? *Làm thơ, trước tiên, phải chăng là một nghệ thuật diễn tả bằng ngôn ngữ?* (Hiện nay, ở tây phương đã có những trường phái chủ trương diễn tả thơ bằng những ký hiệu truyền thông khác hơn là ngôn ngữ. Cho đến nay, loại spaghetti này vẫn chưa được thông dụng để nấu bún, dù ở những nhà hàng ngoại quốc có tiếng tăm.)

Thật hay giả nằm ở cách diễn tả, mức độ diễn tả. Cảm xúc đương nhiên là thật. Dù có tạo nên một cảnh tượng giả, thì sự tưởng tượng và diêu luyện cũng tạo nên cảm xúc thật. Có vậy, những văn gia lỗi lạc mới dựng truyện, tạo nhân vật mà độc giả vẫn say mê tưởng như là truyện thật. Dù là truyện hoàn toàn giả tưởng, hoang đường như *Hai Mươi Ngàn Dặm Dưới Đáy Biển* hoặc *Cô Gái Đồ Long*, đọc vẫn khoái điên người. Hãy nhìn xem các tài tử kịch nghệ xi-nê. Họ có phải là ăn cướp đâu. Họ không thật sự thất tình, nhưng nếu họ diễn xuất được tâm trạng, ý tưởng, cảm xúc của vai trò, họ vẫn lãnh giải thưởng tượng vàng Oscar. Nếu cho rằng nghệ thuật diễn đạt của mỗi bộ môn khác nhau, hãy xem thi sĩ Nguyễn Du.

Cảm xúc để làm thơ thường kéo dài được bao lâu? Một giờ? Một tuần? Một tháng? Một năm? Nguyễn Du đã dùng cảm xúc gì để sáng tác Truyện Kiều? Hay ông là một thiên tài độc nhất vô nhị có loại cảm xúc trường thiên bất tận? Truyện Kiều là một công trình nghệ thuật dày công phu và mất nhiều thời gian. Nếu Truyện Kiều là thơ vàng của ngàn năm bất tử, thì cảm xúc quan trọng sao bằng cách diễn tả?

Dĩ nhiên, cần phải có cảm xúc và ý tưởng, nhưng phải chăng: phải biết cách diễn tả thì thơ mới hay?

Cách diễn tả thì không liên

Nghĩ về thơ

CÁI NGÔNG TRONG THƠ

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Ngông là một phong thái có sức quyến rũ lớn trong cuộc sống cũng như trong văn học. Không hiếm người muốn khẳng định cá tính sắc sảo, độc đáo của mình bằng cách lúc nào cũng tỏ ra ngông. Đa số các trường hợp, cái ngông pha lẫn với kịch tính, trở thành kệch cỡm. Trong cuộc sống, thực sự ngông là điều khó. Thể hiện được cái ngông trong thơ mà vẫn giữ được chất thơ trong thơ lại càng khó hơn nữa.

Trong lịch sử văn học Việt Nam, Nguyễn Trãi là người đầu tiên tự nhận mình ngông:

— Bình sinh nhiễm được tật sơ cuồng
— Bần bệnh dư liên nhữ
Sơ cuồng nhữ tự dư
(Tôi thương bác nghèo bệnh)
Ngông cuồng bác giống tôi)

Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng tự nhận là mình ngông:

— Lão lai tự tiếu thái sơ cuồng
(Già đến, tự cười mình ngông cuồng)
— Bàng nhân mạc tiếu cuồng si khách
(Người bên cạnh chớ cười khách si cuồng).

Cả hai đều nói thật. Cả hai đều có tính tình cứng cỏi, ngang bướng, khinh bạc, vượt lên trên những quy phạm cứng nhắc và nghèo nàn của xã hội. Nguyễn Trãi thì *'lưng khôn uốn, lộc nên từ'*, coi phú quý như phù vân. Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng thế. *'Thế sự ngoài tai biếng nói năng'*. Gửi mọi tham vọng vào trong mây *'Áng công danh xem trễ nãi'*. Ném hết mọi lời đàm tiếu vào trong gió *'Mấy sự bên tai gió thổi phào'*.

Có điều, cái ngông của Nguyễn Trãi thì được vào thơ, hoá thành thơ. Cái ngông của Nguyễn Bỉnh Khiêm dường như vẫn đứng ngoài, đâu đó, trong cuộc sống. Thơ Nguyễn Trãi, từ cách nghĩ, cách cảm, cách nói đều có vẻ gì nghênh ngang. Thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, ngược lại, chỉ có sự hiền lành và đôn hậu.

Giữa thơ Nguyễn Trãi và thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm có nhiều câu ý giống nhau:

Nguyễn Bỉnh Khiêm :
Dữ lành miệng thế, mặc chê khen.
Nguyễn Trãi :
Sự thế dữ lành, ai hỏi đến
Bảo rằng, ông đã điếc hai tai.
Nguyễn Bỉnh Khiêm:
Đến chốn nào, vui chốn ấy
Dầu ta tự tại, có ai han
(han: hỏi han)
Nguyễn Trãi:
Thề cùng viên hạc trong hai ấy:
Thấy có ai han, chớ đãi đằng.
(viên: con vượn; hạc: chim hạc; han: hỏi han; đãi đằng: bắt chuyện)
Nguyễn Bỉnh Khiêm:
Thanh nhàn ấy ắt là tiên khách
Được thú, ta đà có thú ta.
Nguyễn Trãi:
Dù bụt, dù tiên ai kẻ hỏi
Ông này đã có thú ông này.

hệ gì đến thật hay giả, mà chỉ diễn tả tới hay không tới, đạt hay không đạt.

Bảo rằng thơ ở ngoài ngôn ngữ. Chỉ là một cách nói kiểu danh ngôn. Không có ngôn ngữ, thơ ở đâu? Dĩ nhiên, không phải lúc nào ý tứ thơ cũng lộ liễu theo cách hiện thực. Thơ phải qua ngôn ngữ. Tùy vào cách diễn tả mà trở thành tượng trưng hay biểu hiện, siêu thực hay chủ hình.

Đúng đắn nhất là thơ để thưởng ngoạn và sáng tác. Không phải để phân tích. Khi thơ đã bị khẳng định trong nhiều định nghĩa và nguyên tắc, thì phải xét xem: Thơ rộng hơn lòng người hay lòng người rộng hơn thơ?

Trên dòng tha hương, thơ hẹp hòi hơn lòng người.

Có gì lạ? 14 năm, dòng thơ khởi đầu bằng buồn hận uất ức, rồi dần dần về sau lại có lắm nụ cười. Có phải đây là tâm trạng của một người đi xa? Mới đi thì buồn nhớ quyến luyến quê nhà. Đi lâu, hưởng ứng với cảnh vật mới, những tưng bừng náo nhiệt sinh lòng vui vẻ?

Giải thích như thế khó đúng với tâm hồn thi sĩ. Những tâm hồn mong manh nhạy cảm. Run rẩy liên hồi với thương nhớ sầu bi. Chỉ cần một cơn mưa, một buổi chiều, một khuôn mặt hao hao giống người quen cũ, một tin nhỏ trên báo, một phút não lòng, cũng đủ làm cho thi sĩ quay quắt với kỷ niệm, với quê nhà. Có lẽ, thi sĩ là loại người tha hương cuối cùng, ngủ nằm mơ không thấy mình nói tiếng ngoại quốc.

Thế thì sao lại có nhiều thơ vui?

Năm thằng đứng tắm giữa trời
Ông buồn thì khá ông cười thì quê
Bây giờ hết cả trời mưa
Ta nhìn ta tắm thấy trơ trụi đời.
(Nhớ tắm mưa quê cũ -- Nguyên Sa)

Trong tất cả các trường hợp trên, giọng thơ của Nguyễn Trãi bao giờ cũng dúng dẳng, ngang ngạnh, cứng cáp hơn giọng thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm. Một chi tiết nhỏ khá thú vị: suốt thời cổ và trung đại, nếu tôi không nhầm, chỉ có một mình Nguyễn Trãi là tự xưng 'ông' trong thơ. Thời cận đại, hình như chỉ có một mình Tản Đà: "*Không đổ ông càng tốt bộ ngông*". Thời hiện đại, từ năm 1930 đến nay, không chừng lại chỉ có một mình Cao Tần:'*Mai mốt ông về có thằng túm hỏi*'.

Kể ra, trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm họa hoằn cũng có một vài tư thế rất mực ngang tàng:

Cửa trúc vỗ tay cười khúc khích
Hiên mai vắt cẳng hát nghiêu ngao.

Thời xưa, thế kỷ 16, mà có một dáng ngồi như thế, ngay trong thơ, quả là điều hy hữu.

Mãi đến thế kỷ 19, với Dương Khuê, tôi mới gặp lại cái dáng ngồi ngất ngưởng và ngạo nghễ ấy:

Mặc ai xe ngựa, mặc ai hèo
Ngồi tựa hiên mai vắt tréo khoeo.

Có lẽ khi làm bài thơ này, Dương Khuê nhớ đến Nguyễn Bỉnh Khiêm. Tư thế giống nhau: vắt chân chữ ngũ. Chỗ ngồi giống nhau: hiên mai. Chỉ khác ở chỗ: Nguyễn Bỉnh Khiêm thì hồn nhiên '*hát nghêu ngao*', Dương Khuê thì phóng dật '*vỗ tay đưa nhịp tính tình cao*'. Trước sau, Nguyễn Bỉnh Khiêm vẫn là một nhà hiền triết hơn là một người nghệ sĩ.

Nói đến những tư thế ngang tàng, không thể không nhớ đến Hồ Xuân Hương với dáng đứng lạ lùng, độc nhất vô nhị trong lịch sử văn học Việt Nam:

Đứng tréo trông theo cảnh hắt heo
Đường đi thiên thẹo, quán cheo leo.

Nguyễn công Trứ cũng ngông. Có lúc hành động ngông cuồng nhưng tâm tình trong trẻo, nhẹ nhàng, phơi phới vui:

Đạc ngựa bò vàng đi ngất ngưởng
Kìa núi nọ phau phau mây trắng
Tay kiếm cung mà nên dáng tử bi
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng.

Có lúc hành động ngông cuồng đi kèm với một tâm trạng cay đắng, kiêu bạc:

Xuống ngựa lên xe nọ tưởng nhàm
Lợm mùi giáng tước với thăng quan
Điền viên dạo chiếc xe bò cái
Săn tấm mo bưng miệng thế gian.

Cái đít của con bò cái được ví với 'miệng thế gian'. Độc địa quá, ông Nguyễn Công Trứ ơi.

Người ngông nhất trong làng thơ xưa có lẽ là Tú Xương. Tú Xương ngông trong tư tưởng:

Lúc túng toan lên bán cả trời.

Ngông trong dáng dấp:

Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông.

Ngông trong cuộc sống:

Cao lâu thường ăn quỵt
Thổ đĩ lại chơi lường.

Ngông trong cách nói năng:

Sao dám khinh mình, thầy đâu thầy vậy
Không biết trọng đạo, cô lốc cô lô.

Sau Tú Xương, có Tản Đà. Chưa chắc ngông hơn Tú Xương song rõ ràng là Tản Đà tự giác về cái ngông của mình hơn Tú Xương. Hơn nữa, ông còn có ý thức biến cái ngông của mình thành một phong cách văn học:

Nhớ đến chuyện xưa, thi sĩ đã không chọn cách diễn tả dày vò ray rứt mà khỏa lấp nỗi buồn vào một cảnh hài hước. Càng về sau, độc giả càng ít thấy nhà thơ Nguyên Sa mơ màng với những tà áo vàng như hoa cúc, áo xanh như lá sân trường, áo lụa làm trời nắng mát. Chỉ thấy ông yêu mến nụ cười:

Ta ngồi phế bỏ nội công
Ba trăm tỉnh mạch xuống không hết rồi
Thêm em gõ cửa bên ngoài
Lạnh tê yếu huyệt rồi đời nội công.

(Nội Công.)

Đến như nhà văn Mai Thảo. Một người nổi tiếng yêu thơ Xuân Diệu, Huy Cận. Yêu cái bàng bạc mênh mong có đất có trời. Vậy mà phóng bút lại lén cười tủm tỉm:

Đặt tay vào chỗ không thể đặt
Vậy mà đặt được chẳng làm sao
Mười năm gặp lại trên hè phố
Cười tủm còn thương chỗ đặt nào.

(Chỗ Đặt.)

Gần đây, tập "Thơ Viết Giữa Đường" Hà Thúc Sinh, dù không khí thơ lồng lộng những ân oán quê hương, những vất vả sinh kế, nhưng vẫn tràn ngập những nụ cười. Có khi khinh mạn. Có khi diễu cợt:

Ông Toại khuyên tôi: Muốn trẻ trung
Mỗi năm trừ một tuổi là xong.
Mình cười thầm nhủ không lâu lắm
Lại giữa sân mưa được tắm trường.

(Trừ Tuổi.)

Ngoài những "Hơi Thở Việt Nam", nhà thơ Luân Hoán còn thở nhiều hơi rất ngoạn mục. Mới đọc thấy tức cười. Sau đó lại thấy ngậm ngùi cho thân thế và đời sống:

Ước chi có con muỗi
Cho hút bớt máu buồn
Ước chi ai gõ cửa
Ta tặng đời ta luôn.

(Ngày qua ngày.)

Thơ lưng chất nặng, tay buồn rỗi
Bán áo mà mua giấy viết ngông.

Ngông trong cách xưng hô. Tự xưng là 'ông'. Như Nguyễn Trãi. Tự xưng là 'bác': '*Trời sinh ra bác Tản Đà*'. Ngông trong nỗi buồn: '*Trần thế em nay chán nữa rồi*'. Ngông trong mơ ước: '*Cành đa xin chị nhắc lên chơi*'.Ngông trong cách chơi: '*Chơi văn sướng đến thế thì thôi*'. Ngông trong cách làm thơ: '*Nằm meo cho tớ nghĩ ra văn*'. Ngông trong niềm tự hào: '*Trời nghe Trời cũng lấy làm hay*'. Ngông trong cách tán gái: viết thư xin hỏi con gái Ngọc Hoàng làm vợ. Ngông trong cách tự giới thiệu mình:

Thiên tào tra sổ xét vừa xong
Đệ sổ lên trình Thượng đế trông:
'Bẩm quả có tên Nguyễn Khắc Hiếu
Đày xuống hạ giới về tội ngông'.

Có vô số những biểu hiện ngông cuồng như thế trong đời cũng như trong thơ của Tản Đà. Cái ngông cuồng ấy làm cho Tản Đà trở thành người táo bạo nhất trong lịch sử văn học Việt Nam mấy chục năm đầu của thế kỷ 20: ông là người đầu tiên dám đem cái 'tôi' trần trụi của mình lên trên mặt giấy khiến ngay cả một người thuộc loại uyên bác và thông minh bậc nhất của thời đại lúc bấy giờ là Phạm Quỳnh cũng ngỡ ngàng, chê là chướng: '*Người ta, phi người cuồng, không ai trần truồng mà đi ngoài phố. Người làm sách cũng vậy, không ai đem cái thân thế mình ra làm chuyện cho người đời xem*'. Hiển nhiên là Phạm Quỳnh nói sai.

Thời 30-45, không có ai ngông. Hàn Mặc Tử đau đớn đến quằn quại, đến điên dại, nhưng không ngông. Chế Lan Viên giãy giụa, gào thét chán nản nhưng cũng không ngông. Ngông, may ra có Nguyễn Vỹ. Nhưng Nguyễn Vỹ ngông được có một lần. Vừa ngông vừa nghẹn ngào:

Dạo ấy chúng mình nghèo xơ xác
Mà vẫn coi tiền như cỏ rác!
Kiếm được đồng nào đi tiêu hoang
Rủ nhau chè chén nói huênh hoang
Xáo lộn văn chương với chả cá
....
Rồi ngủ một đêm mộng với mê
Sáng dậy nhìn nhau cười hê hê!

Thời kháng chiến cũng như mấy chục năm thi ca xã hội chủ nghĩa miền Bắc, không có ai ngông, thậm chí, không có ai ngang. Những người hơi hơi ngang, hơi hơi ngông đều đã chịu chung số phận với Phan Khôi, với Trần Dần, Phùng Quán...

Văn học miền Nam gian đoạn 54-75 thì có. Có hai người: Bùi Giáng và Nguyễn Đức Sơn. Cả hai đều ngông, hơn nữa, tận cùng ngông. Cái ngông của hai người đều quá lý trí và vì quá lý trí nên biến thành một thái độ hư vô trước cả cuộc đời. Nguyễn Đức Sơn lăng quăng líu quíu phá phách trong thơ:

Khi thấm mệt tôi đi luồn ra núi
Cuối chiều tà chỉ gặp bãi hoang sơ
Bước lủi thủi tôi đi luồn vô núi
Nghe nắng tàn run rẩy bóng cây khô
Chân rục rã tôi đi luồn ra núi
Hồn rụng rời trước mặt bãi hư vô.

Bùi Giáng không những phá phách trong thơ mà còn làm thơ như một sự phá phách:

Tôi gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ
Mỹ Thọ muôn đời là Lục Tỉnh hôm nay
Tôi gọi Sóc Trăng là Sóc Trắng
Gọi người sương phụ gái thơ ngây.

Thơ Bùi Giáng là ẩn ngữ, chập chùng ẩn ngữ. Phải vượt qua Mỹ

Vui vẻ hồn hậu nhất, phải nói đến thơ trong "Ngọn Cỏ Bồng" của Nguyễn Bá Trạc.

Cái gì quàn quại trong ta?
Cái gì còn lại chẳng qua cái buồn...

Này anh nói thật cho nghe:
Cái gì cũng được
Tôi chê cái buồn.
(Còn Cái Này Là Cái Gì?)
Ông trăng cười lưng lửng trời
-- Cười không phải lúc, ai cười với ông?
Ông trăng ngẩn mặt ra trông
-- Mày mà không thích thì ông không cười.
(Ông trăng trên xa lộ...)

Nếu phải kể ra cho đủ, e rằng phải viết một cuốn sách. Thi sĩ tha hương nào cũng có những ý thơ, bài thơ trào lộng. Những: Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn Mạnh Trinh, Hoàng Xuân Sơn, Hà Huyền Chi, Đặng thị Quế Phượng v.v... Mỗi người góp một giọng, khiến không khí thi ca hải ngoại rúc rích tức cười.

Thơ vui không phải là chuyện lạ. Trước đã có Hồ Xuân Hương, Trần Tế Xương, các Tú... Gần đây lại có Bùi Giáng, Nguyễn Đức Sơn. Nhưng chưa có thời kỳ nào mà các thi sĩ đồng loạt làm thơ vui nhộn như ở hải ngoại những năm về sau.

Người nghiêm khắc nhìn vào hiện tượng nầy không khỏi phật lòng. Ví như vừa mất mẹ, đầu còn tang chế mà con cái hí hửng nói cười.

Trách như thế là kẻ bàng quan. Người trong cuộc gẫm ra dễ hiểu.

Ở chỗ khác tôi không được rõ. Ở Mỹ, tôi thấy nhà văn Nguyễn Xuân Quang, trong truyện Bund, ví von rất đúng: *Mỹ là chỗ dương gian ở ngay ngoại ô thiên đường và cũng ở ngay ngoại ô địa ngục.* Gần thiên đường vì so với những nơi bị kềm tỏa dưới chế độ Cộng Sản. Gần địa ngục vì đời sống càng ngày càng bất an, đủ thứ nhức đầu, lo lắng, nhàm chán. Khi gặp nỗi buồn, chuyện bất đắc chí, muốn làm thơ kêu gào, thì thấy không ổn. So với những người đang bị giam cầm, tù đày, bạc phước ở quê nhà, những kẻ vượt biên thí mạng, những kẻ cùng quẫn ở đảo. Nỗi đau đớn ở đây là nỗi đau của nhà giàu đứt tay. Làm sao bằng ăn mày đổ ruột? Nhưng niềm đau, nỗi buồn ở đâu lại không có? Thơ tha hương bề mặt thì vui, bề trong thì buồn. Diện mạo hài hước mà chiều sâu ảo não.

Thơ vui của tha hương là nét vui của Charlot. Có một đời bi thảm mà ngày ngày hoạt kê dưới ánh đèn màu.

Cứ theo lẽ thường, làm thơ buồn dễ hay hơn thơ vui. Chọn cách diễn tả vui là chọn một thế sống: lấy buồn làm vui.

Đời khốn kiếp đã quảng ông xuống đất
Bôi mặt ông giống một tên hề
Tên hề diễu trong kịch buồn luân lạc
Sống qua ngày qua tháng rất u mê...

Trong bài *Trên Non Cao,* nhà thơ Cao Tần đã bắt đầu cho Thọ để đến Mỹ Thỏ và phải vượt qua Mỹ Thỏ mới đặt chân vào Mỹ Tho. Rất nhiều người tung hê hoặc tung hô Bùi Giáng ngay từ thành cửa của Mỹ Thỏ và Mỹ Thọ. Kể cũng hơi vội vã.

Sau năm 1975, trong nền thi ca hải ngoại, cái ngông vẫn là điều hiếm hoi. Cao Tần ngang tàng, chỉ ngang tàng chứ chưa ngông nghênh. Ngu Yên định ngông nghênh, tuy nhiên, cái ngông của Ngu Yên, cũng giống cái ngông của Bùi Giáng và Nguyễn Đức Sơn, lý trí quá. Và so với Bùi Giáng và Nguyễn Đức Sơn, Ngu Yên lại tỉnh táo quá, thành ra, nhiều lúc không thật.

Như vậy, làm thơ ngông rõ ràng không dễ. Muốn ngông, cần có bản lĩnh thật vững vàng, cá tính thật sắc sảo, tư tưởng thật dồi dào và, quan trọng nhất, phải thành thực.

Dĩ nhiên, trong thơ, không phải ngông mới hay. Nguyễn Du không ngông. Nguyễn Du rất nhẹ nhàng lầu lách nhưng lại làm vàng một cõi đìu hiu mênh mông trong lịch sử.

Mà cần gì phải cố làm ra vẻ ngông nhỉ? Phạm Công Thiện cực ngông trong văn xuôi nhưng lại hiền lành biết mấy trong thơ:

Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn
Cây khế đời cao trổ hết bông...

NGUYỄN HƯNG QUỐC
13-8-1988

Có gì hay? Thơ hay không mắc mớ gì đến mới và vui. Nhưng thế nào là hay? Cái gì đã được người ta công nhận là hay, cái đó đã có trước tự lâu rồi. Chỉ tại con người chậm mà thôi. Rắc rối hơn nữa, cái hay bên này núi khác với cái hay bên kia núi. Cái hay của thế kỷ 18 khác với cái hay của thế kỷ 20 và chắc là khác với thế kỷ 25. Vậy thì, người thường bận tâm với cái hay là người đi chậm, thích nhìn lui. Suy ra, khi có những yếu tố, nguyên lý đã được công nhận để định giá thơ hay, có nghĩa là, còn nhiều yếu tố, nguyên lý khác đang xảy ra mà người ta chưa kịp nhìn thấy.

Tôi nói dở. Anh nói hay. Anh nói tuyệt vời. Tôi nói thơ con cóc. Chỉ là những chuyện mưa nắng bên bờ. Còn dòng thơ đã chảy, đang chảy, sẽ tiếp tục chảy.

Khi nào người ta biết được thơ tha hương hay hoặc dở, có lẽ tôi và anh đã đi đời. Thôi, bận lòng làm chi?

NGU YÊN
tháng 4, 1989

VÀI GHI NHẬN VỀ TÌNH HÌNH VĂN HỌC TRONG NƯỚC

Bài nói chuyện của Giáo Sư NGUYỄN NGỌC BÍCH
tại Hội Nghị NAVAE, Chicago 1989

Trong hai ngày 6 và 7 tháng Mười năm 1987, Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh của Đảng CSVN đã gặp gỡ tại Hànội với gần 100 văn nghệ sĩ và "nhà hoạt động văn hóa," theo như bài tường thuật do P.V. đăng trong báo *Văn Nghệ* của Hội Nhà văn Việt Nam (1). Trong cuộc gặp gỡ mà Hànội cho là "lịch sử" này, người ta thấy có mặt các nhà văn Nguyễn Khải và Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng và Nguyễn Kiên, Nguyễn Đình Thi và Tế Hanh, Nguyên Ngọc và Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Trọng Oánh và Bằng Việt, Chính Hữu và Chu Văn ...; các "nhà hoạt động sân khấu" Dương Ngọc Đức và Tất Đạt, Lưu Quang Vũ và Tào Mạt, Phạm Thị Thành và Hồ Ngọc, Thanh Hương và Nguyễn Đình Nghi ...; các "nhà hoạt động âm nhạc" Huy Du và Phạm Tuyên, Ái Vân và Xuân Thanh, Hoàng Văn và Đàm Linh, Trung Kiên và Vũ Tự Lân ...; các nghệ sĩ tạo hình Nguyễn Tư Nghiêm và Phan Kế An, Đặng Thị Khuê và Dương Viên, Nguyễn Quân và Nguyên Thụ, Thái Bá Vân và Phạm Viết Hồng Lam ...; các kiến trúc sư Tạ Mỹ Duật và Trọng Chi, Hoàng Nghĩa Sang và Ngô Thúc Hoàng ...; các "nhà hoạt động điện ảnh" Trần Đắc và Hải Ninh, Trần Văn Thủy và Bùi Đình Hạc, Đoàn Lê và Lý Thái Bảo, Như Quỳnh và Đặng Nhật Minh ...; các nhà nhiếp ảnh Hoàng Tư Trai, Hoàng Kim Đáng, Đinh Ngọc Thông ...; cùng các "nhà hoạt động văn hóa" nổi tiếng Nguyễn Khắc Viện, Phan Huy Lê, Nguyễn Hồng Phong, Vũ Khiêu, Nông Quốc Chấn, Phan Hữu Dật ... Sở dĩ tôi xin được nhắc lại nguyên danh sách công bố trong bài báo nói trên để chúng ta có một khái niệm là cuộc gặp gỡ đã tập trung được những ai và ở mức độ quan trọng tới chừng nào, ít nhất cũng đối với những ai có thời giờ theo dõi tình hình văn nghệ và đời sống trí thức ở trong nước.

Một lý do nữa danh sách trên được liệt kê ra là để chúng ta được thấy ai được mời, ai không được mời, và trong số những người được mời thì ai được nhắc tới, ai bị bỏ qua. Điều này, khi nói về một xã hội cộng sản, bao giờ cũng rất quan trọng vì qua những lối liệt kê như trên người ta biết được (như trong câu tiếng Anh) "Who's in and who's out" trong lúc này. Thứ nhất là sự không có mặt hay vắng mặt của "các anh chị em ở miền Nam" mà tác giả P.V. cho là vì lý do "xa xôi." Thực ra, theo tôi nghĩ, lý do xa xôi chẳng qua chỉ là một cái cớ chứ nếu cuộc họp không hấp tấp, vội vã thì đã làm gì có sự chênh lệch đối xử giữa hai miền như vậy. Tóm lại, cuộc gặp gỡ là "sáng kiến" bốc đồng của Nguyễn Văn Linh -- một lần nữa chứng tỏ là giới lãnh đạo ở Hànội, sau khi "đổi mới" rồi, vẫn làm việc mà không cần hỏi ý kiến của ai, kể cả những người mà họ muốn làm việc với.

Thứ hai, như chúng ta sẽ có dịp thấy, có những người Huy Cận, Dương Thu Hương ... cũng có mặt nhưng lại không được nhắc tới trong danh sách, có lẽ mỗi người vì một lý do khác nhau. Huy Cận, chẳng hạn, là thuộc về cánh già, đang "rụng đài" nên bị "lũ trẻ con" chơi khăm, qua mặt: Đến Tố Hữu còn bay thì thử hỏi Huy Cận còn làm được gì, đó là chưa kể Đảng Dân Chủ của Huy Cận cũng lại mới bị xoá sổ sau hơn 45 năm cung cúc, tận tụy hầu hạ Đảng CS. Có lẽ cũng vì thế mà ta sẽ thấy Huy Cận có một nhận định rất hèn trong cuộc gặp gỡ nói trên. Còn trường hợp Dương Thu Hương, ta sẽ có dịp phân tích sau.

Tổng kết văn học từ 75: "Nghèo"

Sau hai ngày làm việc chung, chính Nguyễn Văn Linh đã có dịp tổng kết tình hình văn học ở trong nước như sau: "có lẽ, cho tôi tạm dùng một từ, tôi có cảm giác trong hơn mười năm qua (từ khi nước nhà thống nhất, cả nước đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội), so với hai

cuộc kháng chiến trước đó, thành tựu của văn học nghệ thuật của chúng ta còn *nghèo*. Trong hai cuộc kháng chiến, các đồng chí đã đóng góp rất nhiều, có tài rất nhiều. Nhưng mười năm qua thì không được như thế. Tôi nói *nghèo* là vì như vậy" (2). Bỏ ra ngoài nhận định có phần chủ quan của Nguyễn Văn Linh về những đóng góp của văn nghệ sĩ miền Bắc đối với "hai cuộc kháng chiến" (tức chống Pháp và chống Mỹ, trong ngôn từ của Hànội), ít nhất ta cũng có được một sự đánh giá tương đối trung thực về văn nghệ cộng sản trong 10-15 năm qua.

Chuyện gì đã xảy ra?

Năm 1987, tôi đã có cơ hội nhận định và phân tích về văn học ở trong nước từ 75 tại hội nghị hằng niên của Hội Á Đông học (Association of Asian Studies), một hội quốc tế của các chuyên viên về Á Đông học, nhóm họp tại Boston, Massachusetts. Tôi xin được tóm lược bài trình bày của tôi năm ấy như sau.

Trước hết, ở trong nước, từ ngày cộng sản lên hoàn toàn nắm chính quyền từ Bắc chí Nam chúng ta có ít nhất ba nền văn học:

-- Một nền văn học "chính thống" dưới mắt cộng sản, tức là nền văn học mà họ cho phép công khai, mà nhà nước đỡ đầu yểm trợ.

-- Một nền văn học "bia miệng" truyền khẩu như trong câu "Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ." Nền văn học này thường ngắn gọn, dễ nhớ, hoàn toàn bình dân, không có viết xuống mặt giấy và thường đả kích chế độ một cách kịch liệt.

-- Một nền văn học "ly khai" (dissident literature) không chấp nhận những luật chơi, những kiềm tỏa của chế độ. Nền văn học này là một nền văn học có chữ nghĩa, thường do những người ý thức cao độ, có thể nói là trí thức, là kẻ sĩ của thời đại, dựng nên. Nền văn học này có khi in ấn, có khi truyền miệng nhưng dầu gì thì cũng khác nền "văn học bia miệng" nói trên ở chỗ nó không vụn vặt, thường không thuần túy tiêu cực như nền văn học bình dân mà ngược lại, có tham vọng đặt ra những vấn đề lớn của thời đại. Nếu nó đối lập với chính quyền thì cũng là dựa lên trên những đối lập về căn bản, về tư tưởng, chứ không phải chỉ cười nhà nước vì thiếu điện, thiếu nước, thiếu vải, thiếu thông minh v.v.

Ngoài ra, ở ngoài nước chúng ta lại có nền văn học hải ngoại rất phồn thịnh và trong nhiều nghĩa có thể cạnh tranh một cách vững vàng và hùng mạnh đối với nền văn học gọi là "chính thống" ở trong nước. Và mặc dầu trên nguyên tắc thì bốn nền văn học đó không có một sự thông minh tự nhiên, trong thực tế thì nó vẫn có tuy tới một mức nào rõ ràng thì ta không có dữ kiện để mà biết một cách chính xác.

Chính vì sự giao lưu đó, mà phần lớn nằm trong tính cách "chui" (không phải chỉ có loại văn học không "chính thống" mới bị ở trong nước coi là "chui," sự thực ở hải ngoại, trừ phi ta là Việt kiều thân Cộng, nếu ta đọc hay theo dõi văn học cộng sản ở trong nước thường ta cũng phải cẩn thận vì dễ bị ngộ nhận hay hiểu lầm như là làm một việc gì mờ ám, có lợi cho đối phương -- điều hơi đáng tiếc!), mà ta mới thấy người cộng sản phải đặt lại vấn đề văn học như họ đã làm trong những năm qua. Nói cách khác, khi còn hai miền Nam Bắc hay những lần ranh chính trị rõ ràng (như ở trong khu và ngoài khu trong thời kỳ kháng Pháp hay ở trong cuộc chiến từ 59-60 đến 75) thì người cộng sản "ung dung" trong đường lối văn nghệ của họ. Mặc dầu đã cónhững sự chống đối (như vụ Nhân văn Giai phẩm từ 1956 đến 1958) hoặc những vụ ra đi, bỏ hàng ngũ cộng sản lẻ tẻ hơn (như việc Phạm Duy vào thành năm 50, như việc cụ Hoàng Văn Chí cũng bỏ hàng ngũ CS năm 1954 v.v.), những sự thách thức đó hoặc đã bị dập tắt hoặc đã bị người cộng sản "tảng lờ" đi, làm như nó không hề xảy ra.

Một thách thức không thể tránh né được

Lần này thì khác, sự thách thức của văn nghệ "chui" ở trong nước đã trở nên vô cùng mãnh liệt vì nhiều lý do. Thứ nhất, nó có một cơ sở quần chúng rất lớn rộng -- đó là cả 65 triệu dân ở trong nước. Thứ hai, nó có một nền tảng rất vững chắc, dựa trên một nền văn nghệ tương đối tự do của miền Nam trong 21 năm -- một nền văn nghệ mở ngỏ, giao lưu rất đều đặn với thế giới bên ngoài. Và cuối cùng, nó được nuôi dưỡng một cách đều đặn bởi những thất bại ê chề và chồng chất của chính quyền cộng sản trên mặt trận kinh tế.

Ta sẽ không có thời giờ đi sâu vào ba điểm tôi liệt kê trên đây. Tuy nhiên, tôi thiết tưởng điểm một và điểm ba không có gì mơ hồ và khó hiểu. Tỷ dụ, sự thất bại về kinh tế của CS, không những ở Việt Nam mà ở cả các nước đàn anh như Liên Sô và Đông Âu, thường là những đầu đề vô tận cho những nụ cười xám ở trong các nước đó. Cộng thêm vào đó sự đổi bại, hủ hóa, quan liêu, cửa quyền, bao cấp -- toàn từ ngữ Việt Cộng -- hiện đang lan tràn ở trong nước thì thử hỏi, người dân có cách nào khác hơn là "xả xú báp" bằng những nụ cười nhếch môi, khinh bỉ? Còn như khẳng định là cả 65 triệu dân chia sẻ những nụ cười xám này thì thiết tưởng ta không cần phải đi đâu xa. Cả một nền báo chí cộng sản ở trong nước đã phản ánh điều này trong những nụ cười chua của chúng, cả một nền lãnh đạo CS ở trong nước đã khẳng định sự mất niềm tin trên một quy mô chưa từng thấy, và sự thống nhất hai miền, sự tái lập giao thông giữa hai miền chỉ làm cho những tư

tưởng này được lan tràn nhanh hơn. Thậm chí, một vụ Tao Đàn sông Hàn cũng đủ làm rúng động cả nước (3). Chúng ta hãy nghe anh Trần Phổ Minh phân tích bài báo "Những nhóm 'Tao Đàn' trá hình" đăng trong báo *Nhân Dân* ở Hànội, số ra ngày 16-4-1985, thì đủ biết:

'Thông qua các nhóm thơ gọi là 'Tao Đàn sông Hàn', 'Tao Đàn phố Hội' (Quảng Nam - Đà Nẵng), "Tao Đàn sông Nhị', 'Hồng Đô thi các' (Hànội), 'Hội Hoa Hồng' (Nghĩa Bình), 'Thạch Động' và 'Nổi lửa Tao Đàn' (thành phố Hồ Chí Minh', 'Tao Đàn' Bình Trị Thiên, Phú Khánh, Hà Nam Ninh, Thái Bình, Vũng Tàu - Côn Đảo ... chúng âm mưu thực hiện ý đồ dùng thơ ca tuyên truyền phản cách mạng, tập hợp lực lượng để lôi kéo, kích động gây bạo loạn, chống đối Nhà nước ta.

'Sản phẩm của cái gọi là thơ ca của chúng thể hiện tư tưởng phục thù, phản cách mạng.'

Chi tiết quan trọng nhất trong đoạn báo dẫn trên là: phong trào chống cộng sản bằng thơ văn không chỉ phát triển mạnh mẽ ở Quảng Nam - Đà Nẵng hay vài ba tỉnh, thành ở miền Nam, mà chúng lan rộng ra cả ở miền Bắc. Ở Thái Bình. Ở Hà Nam Ninh. Nghĩa là ở cả nước. Như thế, có thể nói, từ năm 1975 đến nay, đây là một phong trào sáng tác tranh đấu duy nhất có quy mô toàn quốc. Ảnh hưởng của nó chắc chắn là vô cùng dữ dội và sâu sắc. Vẫn trích từ bài báo dẫn trên:

'Chúng liền tìm đến một số cán bộ, đảng viên ta mất cảnh giác, mời vào hội thơ để làm bình phong cho chúng hoạt động phản cách mạng. Chúng lợi dụng tính chất mặt trận của tổ chức mở rộng để ngụy trang, che đậy tính chất phản động bên trong. Theo chúng, số lượng thành viên càng đông, uy thế càng lớn. Nhưng trong chính sách cụ thể chúng phân biệt rạch ròi hai tính chất này: Những bài thơ phản động, điên cuồng chống phá cách mạng chỉ được nội bộ hẹp của chúng trao tay nhau bình đọc, học thuộc lòng theo kiểu truyền khẩu, chứ không chép ra giấy để chống sự điều tra của cơ pháp luật. Những bài thơ lập lờ hai mặt, ám chỉ, được trình bày trong hội thơ mở rộng thường có mặt cả một số cán bộ, đảng viên hoặc đại biểu một số cơ quan văn hóa, báo chí địa phương.

'Những hội thơ như thế được mở rộng và chúng hí hửng trước kết quả dày tội ác của chúng. Chúng sử dụng nhiều thủ đoạn tinh vi: dùng phấn viết thơ lên bảng để bình xong lại xóa đi, đánh máy bài thơ ra nhiều bản gửi đi nhiều nơi, chép thơ lên khổ giấy to, treo lên trong đám cưới như trang trí rồi dựng bên cạnh chụp ảnh, đặt ra những mẩu chuyện tiếu lâm phản động. Bề ngoài của tổ chức này là xướng họa thơ ca nhân dịp giỗ chạp, cưới xin, ma chay, uống trà ngắm hoa. Cũng có khi tổ chức ca hát những tác phẩm thời Mỹ-Ngụy ... Bọn cầm đầu các 'tao đàn', nhất là bọn ở Quảng Nam - Đà Nẵng, còn tích cực vận động cho các nhóm của chúng ra hoạt động công khai nhằm biến thành một tổ chức hợp pháp bên cạnh các tổ chức văn hóa, nghệ thuật của ta để thông qua đó hoạt động phá hoại tư tưởng. Thực hiện mưu đồ thâm độc đó, chúng không từ một thủ đoạn nào để lôi kéo, tranh thủ, kích động, kể cả những thủ đoạn mị dân. Trong quá trình hoạt động chúng luôn thay đổi địa điểm và phương thức hoạt động nhằm che giấu sự phạm pháp của chúng. Chúng nghiên cứu kỹ từ việc đề ngày tháng trong mối bức thư đến ngày tháng đóng dấu của các trạm bưu điện, ngày thư đến tay người nhận hòng đánh lạc hướng theo dõi của nhân dân và các cơ quan pháp luật. Chúng còn sử dụng cả thủ đoạn giấu tên, địa chỉ người sáng tác và người bình thơ.

Nội dung những bài thơ của chúng có thể chia làm hai loại chính:

-- Loại dả kích công khai, điên cuồng, trực diện chống đối cách mạng.

-- Loại dùng biểu tượng lập lờ hai mặt."

Nền tảng tư tưởng của sự chống đối

Thực ra, một mình nhóm "Tao Đàn sông Hàn" dầu như có lan tràn ra khắp nơi cũng không thể "đe dọa" được sự sống còn của chế độ. Một nhóm "Tao Đàn" hay một nhóm rộng lớn hơn, như nhóm Nhân văn Giai phẩm trước đây, sẽ không có ảnh hưởng gì nếu như nó không gặp một sự hưởng ứng rất rộng rãi, nếu có không gặp những tâm hồn đồng điệu, nếu nó không đánh vào những chỗ nhức nhối sẵn của đối thủ, và nói cho cùng, nếu nó không cợ những nền tảng tư tưởng thật vững chắc.

Và nền tảng tư tưởng đó ở đâu ra nếu không phải là từ trong 21 năm của một nền văn nghệ tự do mà ta đã thấy ở miền Nam, phát triển từ 1954 đến 1975? Ta không cần phải đặt hết niềm tin vào ông Võ Phiến với quyển *Văn học miền Nam: Tổng quan* (4) của ông, ta hãy trở về đọc một bài nhận định khá nổi tiếng tuy xuyên tạc và xách mé của Chế Lan Viên in ra vào năm 1985 (5). Đã đành là họ Chế viết không phải để xưng tụng miền Nam (ngược lại nữa là khác!) song y cũng phải thú nhận là ở miền Nam, khi Việt Cộng mới vào thành chúng gặp một rừng sách: "Sách tốt, sách hay, sách quý thì tôi mua được Tolxtoi ở đây, Tagore ở đây, thơ Đường ở đây ... Ở đây (cũng) có đủ thứ kinh, từ kinh Thánh, kinh Phật, kinh Coran, và các thứ triết học khác." (6) Đoạn khác, y cũng nhắc đến sách của "Freud và Thiền tông, Thần Tú, Bergson, và Kinh Dịch. Hiện sinh vô thần Ấn Độ và

Simone Weil v.v. Khổng Tử, Mặc Tử, Trang Tử Châu Á được đi từng cặp với chư tử phương Tây, từ Aristote đến Husserl. Cả Mác họ cũng không từ." (7) Hoặc nói về sự tự do tín ngưỡng mà y có ý chê bai, y cũng phải công nhận là đã có một cảnh tượng "bày ra vô vàn tôn giáo mới hay là cũ: Phật giáo, Phật giáo nguyên thủy, Hiếu nghĩa, Ngũ sanh kỳ hương, Công giáo, Tin Lành, Cơ Đốc, Phục lâm an tức nhật hội, Cao Đài, Hòa Hảo, đạo Dừa, Bà Hai ... Chừng ấy chưa đủ phong phú sao! Muốn chưởng có chưởng, muốn thiền tông có thiền tông, muốn yôga có yôga, muốn hiện sinh, cấu trúc, phân tâm gì đều có cả. Thực trên hành tinh này chưa ở đâu ... có một cửa hàng đa dạng, phong phú và thoải mái như vậy." (8) Bỏ ra những đoạn xấc láo, rõ ràng là Chế Lan Viên bị choáng ngợp bởi sự phong phú của sách vở miền Nam, cũng như gần đây Phạm Văn Bảy, một trí thức của CS gửi sang "trao đổi" trong một chuyến thăm viếng Hoa Kỳ, cũng đã bị choáng ngợp bởi rừng sách báo của người Việt hải ngoại.

Chính vì sự phong phú này của miền Nam mà từ 1978, Nguyễn Minh Châu, một nhà văn bộ đội của CS, cũng đã nhìn ra hết sự nghèo nàn của văn học miền Bắc. Trong bài "Viết về chiến tranh" đăng trong tạp chí *Văn nghệ Quân đội* (tháng Mười Một, 1978), Nguyễn Minh Châu đã viết: "Nhìn lại những tác phẩm viết về chiến tranh của ta, các nhân vật thường khi có khuynh hướng được mô tả một chiều, thường là quá tốt, chưa thực. Hình như tất cả những mặt tính cách đa dạng phải phơi bày trong đời sống thực thì lại có thể tạm thời giấu mình trên trang sách." (10) Nói cách khác, Nguyễn Minh Châu cho rằng tiểu thuyết viết về chiến tranh ở miền Bắc, trong cả hai cuộc "kháng chiến," đều có những nhân vật "anh hùng quá hóa phịa" Và như vậy thì làm sao so sánh được với chỉ cần một cuốn tiểu thuyết trung bình ở miền Nam, vì viết cho độc giả miền Nam mà "phịa," vẽ lên những "anh hùng" kiểu Nguyễn Văn Trỗi hay những "anh thư" kiểu Kan Lịch thì cả nước người ta cười thối ruột mất.

Điều nhận định của Nguyễn Minh Châu, tuy chỉ có vài dòng và được giấu giếm thật kỹ giữa một bài nói dông dài và lèm bèm, đã tỏ ra là một lời lên án thật khắt khe đối với toàn bộ văn học miền Bắc từ 1945 đến 1975 vì như ai cũng biết, dưới sự lãnh đạo của Đảng CSVN tất cả các văn nghệ sĩ ở miền Bắc đã phải dốc toàn lực vào trong các đề tài chiến tranh. Ta chỉ cần lấy một tác phẩm mà Hànội cho là tiêu chuẩn để giảng dạy về văn học Việt Nam cận hiện đại, quyển *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại* (2 tập) của Phan Cự Đệ, là đủ thấy đề tài chiến tranh đã tràn ngập tiểu thuyết miền Bắc đến độ nào. Từ *xung kích* của Nguyễn Đình Thi, viết trong thời kháng chiến

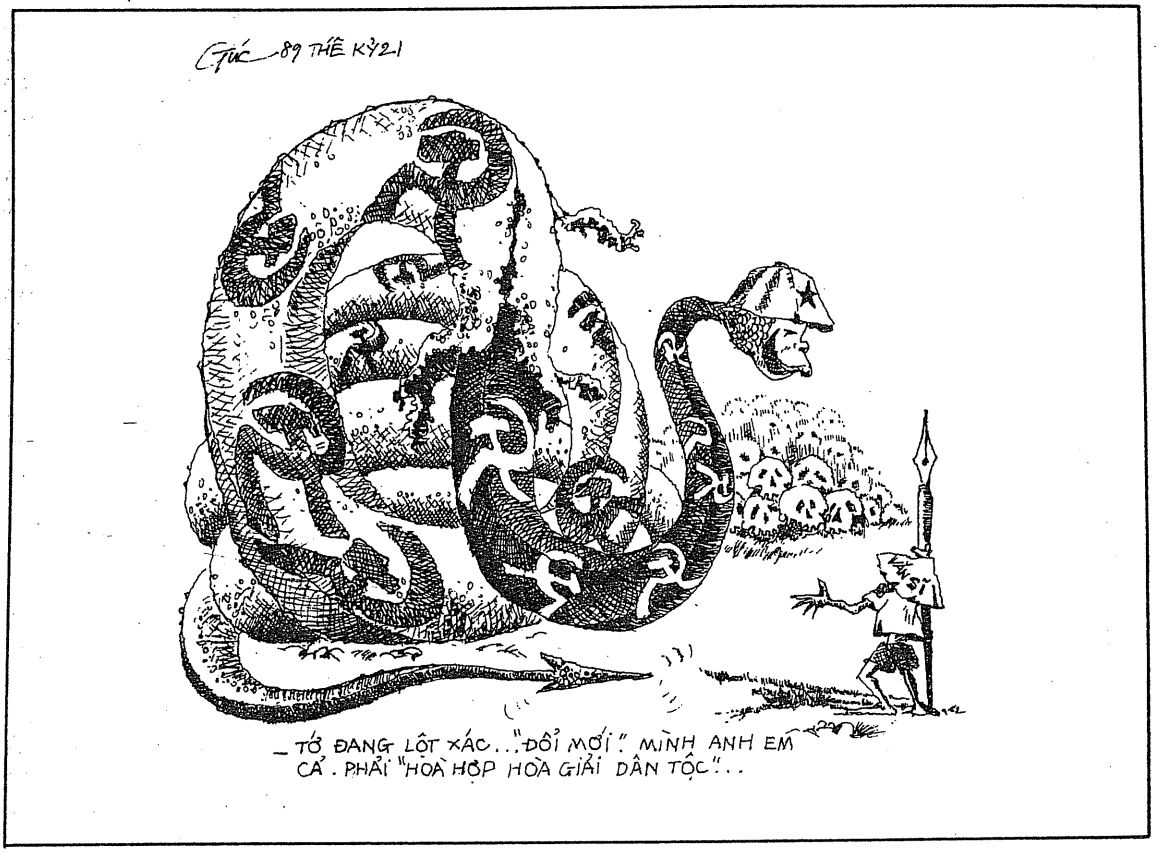

chống Pháp, qua *Đất nước đứng lên* (1960) của Nguyên Ngọc, *Sống mãi với thủ đô* (1961) của Nguyễn Huy Tưởng, *Phất* (1961) của Bùi Huy Phồn, và *Sóng gầm* (1961) của Nguyên Hồng, đến những tác phẩm được xem là của thời kỳ chống Mỹ như *Hòn Đất* (1966) của Anh Đức, *Gia đình má Bảy* (1968) cũng như *Mẫn và tôi* của Phan Tứ, *Ở xã Trung Nghĩa* (1969) của Nguyễn Thi, *Rừng U Minh* (1970) của Trần Hiếu Minh, *Đất Quảng* (1971) của Nguyễn Trung Thành, *Vào lửa* (1966) và *Mặt trận trên cao* (1967) của Nguyễn Đình Thi, *Cửa sông* (1967) của Nguyễn Minh Châu, *Kan Lịch* (1968) của Hồ Phương, *Đường trong mây* và *Ra đảo* (cả hai cuốn ra năm 1970) của Nguyễn Khải, *Vùng trời* (1971) của Hữu Mai và *Con đường mòn ấy* (1971) của Đào Vũ v.v., chúng ta có thể thấy được rằng đề tài chiến tranh càng về sau càng trở thành như một ám ảnh của các tác giả tiểu thuyết của miền Bắc -- loại hẳn ra ngoài những đề tài xây dựng đất nước, xây dựng xã hội chủ nghĩa mà ta còn thấy lác đác ở trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và nhất là trong giai đoạn 1958 đến 1960-62 (11).

Song nếu tràn ngập mà lại bị coi là "ấu trĩ" (Nguyễn Minh Châu viết vòng vo tam quốc như thế này: "Cho đến ngày nay những người viết chúng ta đã tiếp thu được những kinh nghiệm các nền văn học của các nước xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn ấu trĩ, không đến nỗi những người cầm bút vẫn còn nhìn nhận nhân vật anh hùng cách mạng như một siêu nhân, nhưng tại sao các nhân vật của họ rồi vẫn như thế?" (12) thì hiển nhiên là phải đau lắm! Khoảng hơn nửa năm đầu, không ai đả động gì đến nhận định này của Nguyễn Minh Châu nhưng rồi Hoàng Ngọc Hiến, một lý thuyết gia đào tạo ở Liên Sô, trên tuần báo *Văn Nghệ* số 23 ra ngày 9-6-1979 đã đích danh nêu tên cũng như bài báo của Nguyễn Minh Châu để ủng hộ quan điểm này (13). Chính trong bài báo này mà Hoàng Ngọc Hiến đẻ ra mấy chữ "chủ nghĩa hiện thực phải đạo" mà ông cho là đối lập với sự "chân thật" -- một điều tối hại đối với văn nghệ. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã phân tích cuộc tranh luận bùng nổ sau đó trong một bài nghiên cứu khá tường tận trong tờ *Văn Học Nghệ Thuật* (Bộ mới, số 1, tháng Năm năm 1985) nên tôi xin miễn nhắc lại ở đây. Riêng phần tôi, tôi chỉ xin được cập nhật hóa vấn đề bằng cách nhắc đến một bài phát biểu mới đây nhất của Nguyễn Minh Châu, bài "Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa" đăng trong *Văn Nghệ* số 49-50 ra ngày 5-12-1987. Nói cách khác, chín năm sau, ở trong một khung cảnh có "cởi mở" hơn, Nguyễn Minh Châu đã dám nói thẳng hơn: Đã đến lúc chúng ta đem chôn đi cái nền văn nghệ mà anh gọi là "văn nghệ minh họa."

Vì tất cả văn nghệ miền Bắc, và rồi trong cả nước sau khi Việt Cộng vào thành ở Sàigòn, là một nền văn nghệ "minh họa" cho nên theo Nguyễn Minh Châu, làm văn nghệ dưới thời cộng sản còn bị trói buộc hơn làm văn nghệ dưới thời Pháp thuộc (mà anh gọi trại đi là "thời tiền chiến ... trước cách mạng"): anh đã lấy điển hình Nam Cao để chứng minh điều này, anh cho rằng Nam Cao đã "rất thực, bao nhiêu lẽ đời, sự đời, bao nhiêu khuôn mặt người đời thực đến thế, Chí Phèo thực đến thế." "Chứ như đám chúng tôi," anh viết tiếp, thì vì "được chăm sóc chăn dắt kỹ lưỡng quá đi mất" nên sau "bốn chục năm nhìn trở lại, những nhà văn tiêu biểu của nền văn học phần đông nếu không phải là tất cả, đều có tì vết trong lịch sử đời cầm bút." Thậm chí viết giờ này lúc nào cũng phải "nghĩ đến né tránh, chế chắn, rào đón, đối phó. Có vẻ tuồng như mỗi nhà văn mỗi khi ngồi trước trang giấy là cùng một lúc phải cầm hai cây bút: một cây bút để viết cho người đọc bình thường, cho đời, một cây bút khác viết cho đạo, lo việc che chắn, viết cho lãnh đạo văn nghệ đọc." Kết quả là một sự mất mát to lớn nhất, tức là "từ đấy những nhà văn đánh mất cái đầu và những tác phẩm văn học đánh mất tính tư tưởng -- nghĩa là những tư tưởng mới và độc đáo mang tính khái quát cuộc đời của riêng từng nhà văn. Như một người đánh mất phần hồn chỉ còn phần xác, hoặc chỉ còn cái phần hồn do nhà nước bao cấp." "Văn chương gì," Nguyễn Minh Châu thốt lên, "mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nịnh? Hèn, hèn chứ? Nhà văn nước mình tận trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm mình hèn." Hệ quả đương nhiên của những sự trói buộc này là một sự mâu thẫn to lớn: "Chúng ta đã trói buộc lẫn nhau trong một thời gian hơi quá dài của mấy lớp người cầm bút trong khi đó lại đòi hỏi phải có những tác phẩm lớn. Thật là mâu thuẫn. Chả khác nào trói lại rồi bảo đố mày bay lên!"

Hậu quả khốc liệt của đường lối văn nghệ ấy là tuy "vừa qua chúng ta có in lại tuyển tập của các nhà văn đàn anh" song tổng kết có lẽ là một con số không đồ sộ. Sau khi nhắc nhở là "tất cả chúng ta phải biết lễ phép trước quy luật đào thải," nói cách khác là dù muốn hay không, thời gian cũng sẽ gạn lọc, đào thải những cái không hay, Nguyễn Minh châu cho rằng "những cái gì đích thực văn chương thì nó còn, không tái bản, không tuyển tập, báo chí không đề cao lên nó cũng còn, nó còn như đất cát, cây cỏ, như ca dao, tục ngữ, như cuộc sống bình dị và bền vững luôn luôn còn đó. Còn những gì phe phẩy, ướn ẹo hoặc cứ nhảy cẫng lên thì ngược lại, nó mất, cát sỏi lại trở về cát sỏi. Tôi đọc

những tuyển tập thấy rất tiếc cho những tài năng." Tệ hơn cả, Nguyễn Minh Châu lại còn khẳng định: "Không khéo những cái gì và những người mà lâu nay chúng ta kêu ca, lên án hoặc cố tình quên đi lại là những cái, những người còn lại, còn để lại."

Bắt đầu khách quan là phải dụng tới Đảng

Thật là một sự thẳng thắn chưa từng thấy. Song Nguyễn Minh Châu không phải là một tiếng nói cá biệt nữa. Giờ này, cả nước nói như thế. Ta chỉ cần trở về những nhận định của các văn nghệ sĩ tên tuổi ở trong nước trong hai ngày 6 và 7 tháng Mười 1987 khi gặp Nguyễn Văn Linh thì rõ (14). Hồ Ngọc, chẳng hạn, nói: "Vâng, văn nghệ ta nghèo, vừa nghèo vừa lạc hậu như đất nước ta hiện nay vậy." Vì nghề của anh là lý luận nên anh đem biện chứng pháp Mác-Xít ra phân tích, cho rằng văn nghệ và chính trị có "mối quan hệ thống nhất nhưng không đồng nhất." Vậy mà, theo anh, ở trong nước đã "đồng nhất, thậm chí *đồng hóa* văn nghệ với chính trị, coi văn nghệ là công cụ của chính trị ... biến văn nghệ thành vũ khí tuyên truyền, thành tuyên truyền." Nguyễn Khắc Viện thì cho rằng lý do chính của sự thảm bại trên mặt trận văn nghệ là "vì bị trói buộc." "Những người làm báo, viết văn, làm phim thường xuyên được nhắc nhở," Viện thú nhận, "Phải làm như thế này, không được làm như thế kia! Bị trói buộc bởi một loạt húy kỵ ... Lâu lâu lại nổ ra một vụ án: bài báo này, quyển sách kia, cuốn phim nọ bị kết án là 'xét lại,' là 'chống Đảng,' là 'có tính kích động' ... Mà thông thường bản án treo lơ lửng trên đầu ... một bản án chung thân, có khi còn hại đến cả con cháu ..."

Kịch tác gia Lưu Quang Vũ cho rằng sự khô kiệt của văn học nghệ thuật ở trong nước nằm ở chỗ trong suốt một thời gian đã có hiện tượng "chỉ cần một người suy nghĩ cho mọi người, một cái đầu tối cao suy nghĩ cho mọi cái đầu." Nguyễn Đăng Mạnh thì nói, có thời "lãnh đạo khinh bỉ sâu sắc văn nghệ sĩ. Mà con người bị coi thường, khinh bỉ thì tự nhiên thấy mình như cũng hèn kém, nhỏ lại." Nhà thơ Bằng Việt thì cho rằng "chủ nghĩa bình quân" đã tác hại vô bờ bến trong văn nghệ. "Hơi khúc mắc một tí là ta ngại 'có vấn đề.' Nếu văn học nghệ thuật không khơi dậy những 'vấn đề' thì có nó làm gì?"

Nhà văn Nguyễn Quang Sáng cho rằng "văn học nghệ thuật của chúng ta ... vốn đã nghèo lại càng nghèo" vì người lãnh đạo lại đánh giá nhầm lẫn: "Cái hay thì chê là dở, cái dở lại tưởng là hay, bốc lên. Càng hại!" Nói đến cái sợ của người văn nghệ sĩ làm việc ở trong nước, anh nói: "Sợ trên, sợ chung quanh và nỗi sờ sợ ấp ủ ngay trong bản thân mình ..." Mà hễ người nghệ sĩ còn sợ thì làm sao có sáng tác hay, nói gì đến "tác phẩm lớn!"

Nhà văn Nguyên Ngọc, tổng biên tập của báo *Văn Nghệ*, cơ quan chính thức của Hội Nhà văn Việt Nam, phủ nhận ý kiến hèn mạt do Huy Cận đưa ra cho rằng việc sai lầm trong văn nghệ chỉ là do "cấp địa phương." Anh đánh thẳng ngay vào cấp trung ương, cho rằng chính "hệ chính thống" đã tạo nên sự cản trợ lớn đối với văn học nghệ thuật. Anh cho rằng văn nghệ phải có chức năng "dự báo xã hội," mà đã nói đến dự báo thì không thể chỉ dự báo những điều tốt lành mà bỏ qua những điều không hay.

Bên cạnh những nhận định có tính cách nguyên tắc nói trên, Dương Thu Hương, một nhà văn, cũng đã có phát biểu nhưng không được báo chí Hànội ghi lại, có lẽ vì phát biểu của bà có tính cách cá nhân hơn. Bà không đặt vấn đề nguyên tắc mà lại đưa ra những trường hợp cụ thể của riêng bà để nói về những con người lãnh đạo văn nghệ "vô liêm sỉ" và "đê tiện." Rồi bà hạ một câu kết luận thật đanh thép: "Khi các cán bộ của Đảng tự cho phép mình đóng vai trò khủng bố, răn dạy văn nghệ sĩ và trí thức, khi họ không tìm được cách minh giảng cho luận lý của mình bằng lẽ phải mà bằng các phương tiện tận diệt văn nghệ sĩ và trí thức, thì họ sẽ chỉ tập hợp được những tên lính đánh thuê, những tên nô lệ ... Những kẻ đó không phải văn nghệ sĩ và trí thức chân chính mà là những kẻ ngụy trá văn nghệ sĩ và trí thức, thực chất là lớp công chức thuộc địa ... về nhân cách, rất xa, còn rất xa họ mới với tới vai những nhà nho thời trước." (15)

Như vậy, ta đã thấy là cuộc bùng nổ của giới văn nghệ sĩ ở trong nước không phải chỉ xảy ra vào ngày 6 và 7 tháng 10 năm 1987. Nó đã âm ỉ ít nhất cũng từ những năm cuối thập niên 70, đặc biệt là sau khi Việt Cộng vào thành ở trong Nam. Nói cách khác, tính cách chân thực của văn học miền Nam và mức phát triển của nó, vì được chung đụng với thế giới bên ngoài, đã làm cho nó vượt trội hẳn so với văn học miền Bắc, làm cho chính những độc giả ở miền Bắc, chính các đảng viên và bộ đội cộng sản đổ xô đi tìm đọc văn học miền Nam, vất bỏ xó nền "văn nghệ minh họa" của miền Bắc.

Đến đây, ta có thể trở lại dẫn Chế Lan Viên để thấy là văn hóa miền Nam và của người Việt hải ngoại đang làm cho bọn lãnh đạo văn nghệ ở trong nước nhức óc. Theo họ Chế, không riêng gì "các bài nhạc cũ ngóc dậy," "các quyển sách cũ" hồi sinh mà "theo các hàng hóa từ nước ngoài gửi về, theo các khách lạ đến chơi, theo các con đường thâm nhập công khai, bí mật, *hàng chục vạn* ấn phẩm độc hại ùa vào lãnh thổ ta. Một bản nhạc kích động tuần trước hát ở Nữu Ước, Pa-ri, hôm nay

đã được huýt gió ở đây. Cũng không phải văn hóa dưới dạng văn hóa, văn, thơ, nhạc, họa! Mà có khi là một cái áo trẻ em rất đẹp, đắt tiền, in cờ Hoa Kỳ. Một quyển tự điển Anh-Việt rất dầy, bìa vàng sọc đỏ ... Có khi là một cây bút máy v.v." (16) Thậm chí Chế Lan Viên còn tố, có lần công an tố bên Văn hóa thì bên Văn hóa lại tố ngược là chính các "đồn công an" sau khi tịch thu các văn hóa phẩm lại đem về nhà nghe rồi cho phổ biến. Vẫn biết là Chế Lan Viên đang đánh một trận hậu vì thấy phía mình thua quá (y đặc biệt tội nghiệp khi phải ngồi kể ra rằng phía cộng sản cũng có những sản phẩm văn hóa hay đấy chứ!) nhưng rồi y cũng nhìn ra rằng "cuối cùng (thì cũng) phải lấy những quyển sách thắng những quyển sách, những bản nhạc thắng những bản nhạc, những pho tượng này làm quên những pho tượng kia đi." (17)

Rõ ràng là Chế Lan Viên cũng phải công nhận là không thể lấy nước bọt ra mà đương đầu được với những tác phẩm cụ thể, những tác phẩm có giá trị! Có lẽ cũng chính vì thế mà thay vì tiếp tục "nói như Vẹm" kiểu họ Chế, các tác giả cộng sản mà có tự trọng ở trong nước cũng đã phải nghĩ đến việc phải có những tác phẩm đứng đắn để lấy "sách thắng sách, nhạc thắng nhạc" v.v.

Đó, theo tôi nghĩ, là những lý do khai nguyên của một nền văn học mới ở trong nước, ngay trong hàng ngũ các nhà văn cộng sản, có thể nói là bắt đầu bằng tiểu thuyết *Những khoảng cách còn lại* của Nguyễn Mạnh Tuấn, in ra năm 1980. Ở đây, Nguyễn Mạnh Tuấn đưa ra một hình ảnh đẹp của một cô gái Sàigòn tự ý thức để đi theo "cách mạng" đối chiếu với bà mẹ của cô thì chỉ biết phe phẩy. Tuy cuốn sách đã đành là phải cho phe "cách mạng" (CS) thắng rồi nhưng ít nhất ở trong đó, cũng có những đoạn mà phe "không cách mạng" nghe cũng không đến nỗi tệ, nói tóm lại còn ít nhiều chất thực. Sang đến *Đứng trước biển*, in ra năm 1983, thì Nguyễn Mạnh Tuấn bạo dạn hơn nhiều. Trong truyện, tác giả cho một người con viết thơ về cho bố, một người đi theo "cách mạng," như sau sau khi anh ta đã phải bỏ cuộc và vượt biên sang Mỹ. (18)

Thưa Ba, con lấy làm xấu hổ, tủi nhục khi các đồng chí của Ba chiếm đóng miền Nam, nhất là từ khi họ trở về 'lãnh đạo' Hợp tác xã Sao Mai. Con thực tình không nghĩ là Ba có thể có những người đồng chí như vậy, cũng không nghĩ rằng những người chỉ huy như vậy lại có thể dẫn đường cho một cơ quan, một đơn vị sản xuất thắng lợi. Họ ti tiện, dốt nát, và bần thỉu ngoài sức tưởng tượng của con. Con kinh ngạc lạ lùng, tưởng như đó không phải là sự thực. Bởi vì con nghĩ rằng một người đi làm cách mạng gần suốt đời như Ba thì ít ra Ba cũng phải có những bạn bè đồng chí như thế nào để cho Ba gọi là đồng đồng chí mà khỏi ngượng miệng và cúi mặt trước con cái hàng ngày ra vào làm việc với Ba.

Thực ra mới ban đầu, con kính nể và coi họ cao lắm ... nhưng mỗi một ngày trời qua con càng thấy họ tệ hơn những anh tư bản, Ba ạ. Nói về tật xấu thì bên nửa cân bên tám lạng, nhưng nói về sự xảo trá, bịp bợm được ngụy trang dưới lớp áo đạo đức cách mạng của Đảng thì anh tư sản phải thua xa rồi ...

Con mắc cỡ vì sự vỗ ngực tự hào cái 28 năm của Ba, mà theo con, đó là 28 năm cuồng tín và mê muội, nó chẳng đem lại cho Má con và cho con điều gì ngoài sự tủi hổ.

Có thể nói là so với *Những khoảng cách còn lại*, Nguyễn Mạnh Tuấn trong *Đứng trước biển* đã đi một bước đường khá xa khi anh đã dám đả kích trực diện vào một đám người, dù những người đó có thể là đảng viên đảng CS đi chăng nữa. Sang đến *Cù lao Tràm*, một cuốn tiểu thuyết bán 30,000 bản trong vòng vài tuần, Nguyễn Mạnh Tuấn còn mô tả toàn bộ đảng ủy ở một địa phương như một lũ "mafia" mà một người phụ nữ ở địa phương phải dầy công lắm mới đánh bại được. Như vậy, rõ ràng là đã có một sự tiến bộ rất lớn giữa những "siêu nhân một chiều" và do đó hoàn toàn giả tạo của tiểu thuyết chiến tranh của miền Bắc trước 75 sang đến những nhân vật của Nguyễn Mạnh Tuấn, trong đó những người nhân danh "Đảng" có thể rất hủ hóa hay cấu kết làm bậy. Nhưng ta phải nhớ là tiểu thuyết của Nguyễn Mạnh Tuấn vẫn còn mang nặng dấu ấn của một lối viết công thức với những con người cuối cùng vẫn là không thật. Thêm vào đó, những nhân vật thắng thế trong truyện của anh vẫn là những con người của "Đảng" -- nói cách khác, chỉ có Đảng CSVN mới có khả năng cứu vãn tình hình. Chính vì vậy mà sách của Nguyễn Mạnh Tuấn được chấp nhận một cách dễ dàng bởi chính quyền ở trong nước. Song cũng chính vì vậy mà, theo một nguồn tin gần đây, (19) Thu Bồn đã có dịp nhận xét là "Nguyễn Mạnh Tuấn là một thứ mánh khóe, ít làm ra đồ thật."

Cái mới nơi Nguyễn Mạnh Tuấn như vậy là có "mới" thật song vẫn nằm trong một giải pháp cộng sản cho đất nước ngày càng sa lầy. Nhận xét này có thể ứng dụng vào trong những trường hợp nổi tiếng khác nữa như cuốn *Đất làng* của Nguyễn Thị Ngọc Tú, hoàn tất từ năm 1976 nhưng mãi đến năm 1983 không khí mới đủ nới ra một chút để cho phép ra mắt độc giả; hoặc những vở kịch như *Nhân danh công lý* của Đoàn Hồng Giang hoặc ngay cả *Tôi và chúng ta* của Lưu Quang Vũ. Tất cả những tác phẩm loại này đều có những đoạn lên án thật gay gắt sự ù lì,

trì trệ, lạc hậu, tàn ác của một số nhân vật đại diện cho một cánh nào đó trong Đảng CSVN nhưng rồi cuối cùng, những con người chân chính đứng đắn vẫn được nhìn ra, được Đảng công nhận và cho thắng thế. Viết như vậy tức là cũng đã có những sự nhượng bộ khá lớn đối với thực tế rồi song nó vẫn gượng ép. Nhân vật chính của kịch *Tôi và chúng ta* của Lưu Quang Vũ, chẳng hạn, lý tưởng tới độ không những không giận một người bạn đã "cuốm" vợ mình mà lại còn gọi cả vợ cũ lẫn anh "phản bạn" kia về để cộng tác xây dựng lại xí nghiệp. Không những thế, cuối vở chàng lại còn sẵn sàng để cho công an còng tay mình vì chàng tin rằng chính quyền sẽ đủ sáng suốt để nhìn ra tấm lòng vằng vặc của chàng. Xem thế thì đủ biết những loại nhân vật đó khó tin đến độ nào! (Đặc biệt, để hiểu với cái nhìn của người trong nước, ta phải đặt ta vào chỗ của những độc giả thuộc các gia đình có người đi học tập, được hứa là chỉ đi "một tháng" rồi biền biệt không về trong nhiều năm thì thử hỏi ta có thể tin những loại tác phẩm như trên đến độ nào!)

Ấy vậy mà đâu phải các tác giả của các loại tác phẩm như trên được yên đâu! Trường hợp Nguyễn Thị Ngọc Tú là một trường hợp điển hình. Bà hoàn tất cuốn *Đất làng*, theo bà là từ năm 1976, thế mà phải đợi đến năm 1983 mới được in ra. Trong thời gian này, cuốn sách được đem ra duyệt đi duyệt lại nhiều lần, kể cả một lần rất sóng gió ở Hội Nhà văn Việt Nam. Bà được gợi ý sửa sang đoạn này đoạn kia rất nhiều lần song bà vẫn cố thủ lập trường không sửa đổi. Cuối cùng, một tên chính ủy gắt lên: "Chúng ta chỉ chấp nhận những tác phẩm hồng với những chấm đen chứ không thể chấp nhận được những tác phẩm đen với chấm hồng." (20) Tuy nhiên, bà đã khẳng định là tất cả những điều bà viết là hoàn toàn đúng sự thật 100 phần trăm, những điều mắt thấy tai nghe trong một hợp tác xã nông nghiệp, rằng bà không thêm không bớt một mảy may. Mãi cuối cùng, tác phẩm của bà mới được in ra mà không sửa chữa.

Ta có thể rút ra được những gì từ trường hợp *Đất làng* của Nguyễn Thị Ngọc Tú? Tôi cho rằng, trước nhất là có một sự khác biệt giữa năm 1976 và 1983, một đầu thì Việt Cộng mới thắng thế và không thể chấp nhận là họ có thể sai lầm được nhưng đến năm 1983 thì "anh hùng đã thấm mệt" và có lẽ cũng nhìn nhận ra là mình không còn đúng 100 phần trăm như xưa nữa. Đằng khác tới năm 83 thì thế giới đã cởi mở hơn nhiều và Đảng CSVN cũng không thể đi ngược lại được cái cái chiều hướng chung của thế giới đó. Thứ nữa, có cởi mở mới ve vãn được với Tây phương và nhất là Hoa Kỳ. Song cuối cùng, điều đáng chú ý nhất chính là câu nói của tên chính ủy trên đây. Nói cách khác, chế độ Cộng sản từ bản chất của nó chỉ có thể chấp nhận được tí ti phê bình (một vài "chấm đen") mà thôi chứ không thể nào chấp nhận nổi cả một tác phẩm, cả một toàn đồ đen ngòm được.

Con đường mới nhất: Đảng trở thành vô nghĩa

Mâu thuẫn đó xét cho cùng không thể giải quyết được. Thực tế đất nước thì đen ngòm (nói như báo *Đoàn Kết* gần đây thì là "cắm cờ đỏ cho toàn Châu Á" (21), thế mà đời văn nghệ vừa phải phản ánh thực tế vừa không được đen ngòm thì có đến thánh cũng không thể làm nổi! Chính vì thế mà từ năm 1986-87 trở đi, chúng ta thấy nguyên một lớp văn nghệ sĩ mới ở trong nước bắt đầu không coi Đảng CSVN ra gì nữa, bắt đầu xem đó là trở lực lớn nhất trên con đường tiến bộ của dân tộc.

Lớp người này phần lớn rất trẻ, điển hình là Nguyễn Huy Thiệp.

Bên cạnh Nguyễn Huy Thiệp cũng còn có những người như Trần Huy Quang, tác giả của truyện ngắn "Lời khai của bị can," Phùng Gia Lộc, tác giả truyện ngắn "Cái đêm hôm ấy ... đêm gì," Võ Văn Trực, tác giả bài "Tiếng kêu cứu của một vùng văn hóa," v.v. Điều đáng chú ý nữa là lần này, phái nữ cũng tham gia một cách khá sôi nổi. Trong những tác giả bị nêu tên để chỉ trích gần đây, ta thấy, chẳng hạn, có Ngô Thị Kim Cúc, Dạ Ngân, Phạm Thị Hoài (tác giả của truyện ngắn "Năm ngày"), Dương Thu Hương (tác giả tiểu thuyết *Bên kia bờ ảo vọng*) v.v.

Vì chúng ta sẽ không có đủ thì giờ trong phạm vi bài nghiên cứu này nói cặn kẽ về tất cả các tác giả nêu trên nên tôi xin được phép chỉ phân tích một tác giả tiêu biểu, đó là Nguyễn Huy Thiệp với một số truyện ngắn của anh.

Sinh năm 1950, tại Hànội, Nguyễn Huy Thiệp tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm vào năm 1970, khoa Sử. Anh đi dạy ở vùng Tây Bắc đến năm 1980 thì anh về làm kế toán viên cho Bộ Giáo dục. Ngay từ những tác phẩm đầu tay của anh, như truyện "Tướng về hưu" in trong báo *Văn Nghệ* vào cuối năm 1987, anh đã tức khắc trở thành một tên tuổi sáng rọi trên văn đàn ở trong nước. Ta hãy nghe một tác giả ở trong nước, NVB (Nguyễn Văn Bổng?), viết về anh: (22)

Nhắc tới đời sống văn học một hai năm lại đây, đặc biệt là văn học 1988, không thể không nhắc tới hiện tượng Nguyễn Huy Thiệp. Mà nói rộng rãi hơn thì sự có mặt của Nguyễn Huy Thiệp trên văn đàn đã góp phần làm cho đời sống văn học nước nhà thêm phong phú, thêm sinh động. Anh là ngọn gió hoang, là ngôi sao lạ đột ngột xuất hiện làm bạn đọc vừa sửng sốt, vừa phân vân ...

Tôi đọc và chú ý tới anh từ

khi anh cho in "Những chuyện bất tận ở thung lũng Hua Tát," nhưng phải đến khi truyện ngắn đặc sắc "Tướng về hưu" xuất hiện thì tôi (cũng như nhiều bạn đọc khác) mới dám bảo anh là người có tài và đến khi đọc "Con gái thủy thần," "Không có vua" thì thấy anh là người có tài thật. Truyện ngắn của anh có cái độc đáo là luôn luôn gây được ấn tượng mạnh, buộc người đọc phải suy nghĩ. Với bạn đọc, ngay cả với những bạn đọc khảnh tính và sành sõi văn chương, văn anh cũng không bị chuồi trượt bởi nó rất lạnh sắc, rất rát sạt. Mà cái chất lạnh sắc, rát sạt ấy không chỉ thể hiện ở câu chuyện, ở ý nghĩa câu chuyện mà còn thể hiện ngay cả ở lối viết, cách viết: ngắn gọn mà giàu lượng tin, tự nhiên, tưng tửng mà sâu sắc. Câu nói nào, tình thế chuyện nào, diện mạo nhân vật nào cũng đều đạt, đều ăn nhập; đạt và ăn nhập tưởng như là vốn dĩ sinh ra nó đã phải vậy.

"Tướng về hưu" là một truyện có lẽ có thật, ít nhất cũng trong cái nghĩa là những chuyện được mô tả ở trong đó đủ gần gũi với cuộc sống ở trong nước trong lúc này tới độ ai cũng nghĩ là thật. Đó là câu chuyện về một ông tướng đã vào sinh ra tử không biết bao nhiêu lần, đã từng chứng kiến không biết bao nhiêu cái chết hay những cảnh thương tâm ngoài trận địa, thế mà rồi về đến nhà nghỉ hưu thì không thể chịu nổi tâm địa, cách hành xử hay những quan niệm sống của người ở nhà ưu họ còn tỏ ra dã man, bỉ ổi hơn ở ngoài chiến trường nhiều! Chỉ cần một tỷ dụ: Một hôm, ông tướng khám phá ra con dâu mình vì làm ở nhà đẻ nên có rất nhiều bào thai bị nạo vét, cô ta thường đem về nhà để luộc nuôi chó bẹc-giê đem bán. Thấy việc làm kinh tởm và bất nhân quá, ông bố tìm cách trách thì thay vì lấy lấy đó làm xấu hổ, cô con dâu lại chỉ đi trách người làm là dốt nát quá, sao lại để cho bố chồng mình thấy. Chịu hết nổi, ông tướng bèn tình nguyện ra trận trở lại khi Trung Cộng sang đánh ở miền Bắc (tháng 2-1979) để rồi chết ở đó -- một cái chết mà có lẽ thanh thản hơn là chết ở nhà nhiều!

Sau "Tướng về hưu" (đăng trong *Văn Nghệ* số 24-25-26 ra tháng Bảy, 1987), Nguyễn Huy Thiệp có luôn một loạt truyện ngắn khác mà được người ta rất chú ý: "Không có vua" (*Đoàn Kết* ở Pháp đăng lại vào số Tết Mậu Thìn 1988 ra tháng Hai, 1988), "Con gái thủy thần," "Sông ơi chảy đi," "Muối của rừng" v.v. về sau được nhà xuất bản Tuổi Trẻ ở Sàigòn in thành tập truyện *Tướng về hưu* (tháng Giêng, 1988). Về văn cách của anh thì Thu Bồn cho là "một thứ Sê-khốp" của Việt Nam còn N.H. thì cho là có "ảnh hưởng một chút của Mác-kết, một chút F. Cáp-ca, một chút nào đó pha trộn của các tác phẩm lịch sử từ Tư Mã Thiên, Phan Huy Ích đến Ngô Gia Văn Phái." (23) Là một người viết mới vào nghề mà đã được so sánh như vậy, tôi thiết tưởng Nguyễn Huy Thiệp không có gì để xấu hổ cả. Văn tài sáng chói của anh đã quá rõ!

Chính vì thế, chính vì sau khi cả nước đã để ý đến anh rồi, vào giữa năm 1988 khi anh cho ra ba truyện ngắn "Kiếm sắc," "Vàng lửa" và "Phẩm tiết" thì Hànội đã uất ức quá mà phải có biện pháp kỷ luật đối với báo *Văn Nghệ*, cho rằng báo này khi cho in những truyện của Nguyễn Huy Thiệp và một vài người khác (như Phạm Thị Hoài) thì là "đã có những khuyết điểm và lệch lạc, trong đó có những lệch lạc nghiêm trọng." (Nghị quyết của Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam nhân hội nghị nhóm họp tại Hànội từ ngày 5 đến 9-9-1988, có trích đăng trong báo *Nhân Dân* số ra ngày 14-9-1988). Chưa hết, đến tháng 12-1988 thì Ban chấp hành Hội Nhà văn đã quyết định cách chức nhà văn Nguyên Ngọc trong chức vụ Tổng biên tập tuần báo *Văn Nghệ* (Quyết định ra ngày 2-12-1988). Và như thế là ta có thể thấy chấm dứt một giai đoạn "cởi mở" của chính quyền đối với văn nghệ ở trong nước. Sở dĩ ta có thể nói như vậy được là vì, một khi Nguyên Ngọc bị đánh văng rồi thì khó lòng mà ta có thể mường tượng là những cây bút như Nguyễn Huy Thiệp hay Phạm Thị Hoài sẽ còn được tiếp tục đăng trên *Văn Nghệ* hay tờ báo nào khác nổi tiếng ở trong nước.

Vậy ba truyện làm cho Nguyên Ngọc bị văng chức tổng biên tập tờ *Văn Nghệ* là những truyện như thế nào?

"Kiếm sắc" là chuyện của một kẻ sĩ đời xưa, tên Đặng Phú Lân, đi ra phò Nguyễn Ánh lên nghiệp bá. Khi theo về với Nguyễn Ánh, Lân đã tặng cho Nguyễn Ánh một thanh gươm quý ("kiếm sắc"). Nhưng mặc dầu Lân đã phò chúa tận tụy trong chín năm trời, ông chỉ cần làm một lỗi lầm trong vòng 100 ngày là Nguyễn Ánh ra lệnh chém đầu ông ngay, bằng chính cái kiếm mà ông tặng cho Nguyễn Ánh ngày trước. Đây hiển nhiên là Nguyễn Huy Thiệp ám chỉ đến những người như ở trong nhóm Nhân văn Giai phẩm, mặc dầu đi theo kháng chiến chín năm song chỉ cần một lỗi lầm là bị đem ra xử tội liền.

Sang đến truyện "Vàng lửa" thì tác giả nói đến vai trò của những sĩ quan cố vấn Pháp sang giúp rập vua Gia Long -- không khác gì những cố vấn Liên Sô vĩ đại ngày hôm nay bên cạnh Đảng. Nguyễn Huy Thiệp đặt vào miệng một cố vấn Pháp câu nói sau này để ám chỉ lối độc tôn chủ nghĩa của cộng sản (trước là Hồ Chí Minh thì giờ này là Nguyễn Văn Linh) từ trong bản chất đã không thể thành công được: "Ông biết rõ cái triều đình thiển cận ông dựng lên, biết rõ quốc gia mình nghèo đói," người kia nói với Gia Long.

"Ông luôn lo sợ bởi quyền lực nằm trong tay, nó lớn ngoài sức chứa một con người ..." Đến khi viên cố vấn Pháp khuyên răn Gia Long nên nhân đạo hơn thì Nguyễn Ánh (tức Gia Long) lại đáp lại rất thẳng thắn và tàn nhẫn: "Khanh chẳng hiểu gì. Vinh quang nào chẳng xây trên điếm nhục?" Để cho độc giả không thể hiểu lầm được là ông đang ám chỉ đời nay, Nguyễn Huy Thiệp kết thúc truyện "Vàng lửa" bằng câu: "Triều Nguyễn của vua Gia Long lập ra là một triều đại tệ hại. Chỉ xin lưu ý bạn đọc đây là một triều đại để lại nhiều lăng." (24) Chẳng trách những người đứng ở Lăng Bác cho rằng không thể hiểu nhầm được dụng ý khá tàn ác của Nguyễn Huy Thiệp!

Nếu hai truyện "Kiếm sắc" và "Vàng lửa" chỉ tả xấu về Gia Long Nguyễn Ánh thì truyện "Phẩm tiết" đem cả Gia Long lẫn Quang Trung Nguyễn Huệ, người hùng áo vải của Đảng CSVN, xuống hàng những con người rất tầm thường như chúng ta mà thôi. Câu chuyện kể cả Nguyễn Huệ lẫn Gia Long đều mê một cô gái tên Quách Thị Vinh Hoa, một người hiển nhiên là có nhan sắc rồi nhưng -- và đây là nét táo bạo, nét hiện đại, nét cởi trói hoàn toàn nơi Nguyễn Huy Thiệp -- cô còn được mô tả là có "nước từ âm hộ ... tiết ra thơm ngát như mùi hoa sữa." (25) Chúng ta sẽ rất sai lầm nếu chúng ta cho rằng dụng ý của Nguyễn Huy Thiệp chỉ là viết dâm thư. Ngược lại, ông cũng như một số nhà văn nữ (như Phạm Thị Hoài, chẳng hạn) dụng ý viết về những chuyện như làm tình chẳng qua là để muốn khẳng định cái giới hạn cuối cùng của hai chữ "tự do" trong văn nghệ. Thêm vào đó, nếu Nguyễn Huy Thiệp có dụng ý gì thì tôi cho đó chắc chắn phải là một sự giải kết của huyền thoại (demythologizing). Có lẽ anh muốn nói: Chúng ta đã sống quá nhiều bằng huyền thoại, người thì có huyền thoại Gia Long, người thì có huyền thoại Nguyễn Huệ, người thì lại có huyền thoại Hồ Chí Minh ... trong khi đó ngày nào ta còn sống bằng huyền thoại thì ngày đó ta còn tự lừa dối chúng ta và đi vào chỗ chết!

Một rừng bài phản đối nổi lên trong đó khen có, chê có, ủng hộ có, đả kích có, lại cũng có bài có cân nhắc nữa -- tỉ dụ như cho là Nguyễn Huy Thiệp rất có tài nhưng ông đã đi quá lố, một quan niệm mà chính một số người trong chúng ta cũng có thể chia sẻ được. Song cũng chính rừng bài này (26) đã dẫn đến biện pháp kỷ luật của Hội Nhà văn đối với tờ *Văn Nghệ* (tức là chính cơ quan của hội) vào tháng Chín 1988 rồi đến việc cách chức Nguyên Ngọc vào tháng 12.

Theo dõi trường hợp Nguyễn Huy Thiệp do đó là theo dõi để biết là sự "cởi mở" của Hànội thời Nguyễn Văn Linh có thể đi đến đâu. Để thấy rõ vấn đề, tôi xin đề nghị so sánh thái độ của một Nguyễn Huy Thiệp trong các truyện của anh với thái độ của một người như Nguyễn Khải, chẳng hạn, trong *Gặp gỡ cuối năm*, quyển tiểu thuyết thành công nhất của giai đoạn trước (cuốn này in ra năm 1982). *Gặp gỡ cuối năm* là một quyển về văn cách viết cũng rất tân kỳ vì cả cuốn truyện gần như không có chuyện mà chỉ có đối thoại trong vòng mấy tiếng đồng hồ của một đêm Giao thừa và những chuyển biến tâm lý của những người có mặt trong cuộc gặp gỡ đó mà thôi. Trong *Gặp gỡ cuối năm*, Nguyễn Khải đã đạt đến một trình độ khách quan rất đáng khen ngợi, nhân vật của anh thật đến độ người ta có thể nhìn ra được là anh đang tả những ai, những nhân vật cá biệt nào ở trong Nam ngày trước. Anh chỉ nhượng bộ có mỗi một điều, đó là cuối truyện anh cũng cho nhân vật chính chấp nhận ở lại Việt Nam, mặc dầu đó là một Việt khốn khổ. Chính sự nhượng bộ này đã làm cho Đảng chấp nhận được anh -- mà không chấp nhận được Nguyễn Huy Thiệp hay Phạm Thị Hoài.

Tại sao? Tại vì những tác giả sau này đã "lớn lên" rồi, đã sống qua cái giai đoạn mà còn có thể đặt niềm tin được vào Đảng CSVN. Đối với họ, Đảng CS đã trở thành vô nghĩa, một chướng ngại vật hạng bét, một thứ huyền thoại mà chúng ta cần mau mau giải kết! Làm như vậy, Nguyễn Huy Thiệp trở về được với dân tộc đã "nối vòng tay lớn" với những người như Hoàng Cầm, Nguyễn Chí Thiện, Nguyễn Mậu Lâm, Phùng Quán, Doãn Quốc Sỹ ... vốn đã không coi Đảng Cộng Sản Việt Nam ra gì từ mấy chục năm nay rồi.

Nguyễn Huy Thiệp là một người can đảm. Tôi ở đây cách nửa vòng địa cầu ca tụng anh nhưng cũng lo cho số phận của anh! Tôi chỉ nghĩ là một người với trí thông minh có thừa như anh thì chắc anh cũng đã nhìn trước được những hậu quả của việc làm của anh và trong thâm tâm có lẽ anh cũng đã chấp nhận trước rồi -- để đốt sáng một niềm tin bất diệt nơi con người Việt Nam bất khuất.

NGUYỄN NGỌC BÍCH
Springfield, Virginia
Ngày 16-3-1989

CƯỚC CHÚ

1. Xem bài "Hai ngày đáng ghi nhớ mãi" của P.V. đăng trong *Văn Nghệ* số ra ngày 17-10-1987.

2. "Đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh nói chuyện với văn nghệ sĩ," *Văn Nghệ* ngày 17-10-1987, trang 3.

3. Vụ này đã được anh Trần Phổ Minh phân tích khá cặn kẽ trong một số báo *Quê Mẹ* ở Pháp. Bài này, sau đó, đã được đăng lại thành lời tựa cho tập thơ *Nổi Lửa* của Nguyễn Mậu Lâm, một thành viên viên trong nhóm Tao Đàn Sông Hàn, cũng do Quê Mẹ in ra vào cuối năm 1988. Những lời trích dẫn ở đây là lấy từ bài tựa tập thơ *Nổi Lửa*.

4. Nhà Văn Nghệ ở California xuất bản năm 1986 và tái bản năm 1988.

5. Chế Lan Viên, "Văn hóa thực dân mới chết hay chưa chết," *Tạp chí Văn Học* số 5-6, 1985, trang 24-43.

6. Như trên, trang 35.

7. Như trên, trang 34.

8. Như trên, trang 35.

9. Theo tờ *Phụ Nữ Diễn Đàn* (Hoa Kỳ) số 61 Xuân Kỷ Tỵ 1989, trang 27, trích tờ *Tuổi Trẻ* số ra ngày 23-10-1988.

10. Nguyễn Minh Châu, "Viết về chiến tranh," *Văn nghệ Quân đội* tháng 11-1978, trang 112-113.

11. Xem bài "the Rugged Road to Socialist Realism" ("Con đường gồ ghề đi đến Hiện thực Xã hội Chủ nghĩa"), bài thuyết trình của Nguyễn Ngọc Bích tại Hội nghị Á Đông học khu Đông Nam Hoa Kỳ, tháng 1-1985.

12. Nguyễn Minh Châu, bài đã dẫn, trang 113.

13. Hoàng Ngọc Hiến, "Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua," *Văn Nghệ* số ra ngày 9-6-1979.

14. Tất cả những lời phát biểu dưới đây do các văn nghệ sĩ có mặt ngày 6 và 7-10-1987 ở cuộc gặp gỡ với Nguyễn Văn Linh đều được trích từ trong bài "Hai ngày đáng ghi nhớ mãi" (xem chú thích số 1).

15. Bài của Dương Thu Hương lần đầu được báo *Đất Nước* của Hội người Việt Nam (cộng sản) tại Cộng hòa Liên bang Đức đăng tải trong số 54, ra tháng 11-1987. Xem "Đôi điều suy nghĩ về nhân cách của người trí thức" do Dương Thu Hương đăng trong *Đoàn Kết*, báo của Hội người Việt Nam (cộng sản) tại Pháp, số 399, ra tháng 2-1988 (Tết Mậu Thìn 88).

16. Chế Lan Viên, bài đã dẫn, trang 24.

17. Như trên, trang 41.

18. Đoạn này cũng được nhà văn Xuân Vũ Lê Mỹ Hương trích dẫn trong một bài báo trên *Quê Mẹ* ở Pháp, Giai phẩm Xuân Bính Dần 1986, trang 56-57.

19. "Cái riêng hay là sự lạm dụng? Sự cách tân hay thủ đoạn gây chú ý?" bài của N.H. trong *Văn hóa Nghệ thuật* số ra tháng 9-1988, trang 4.

20. Xem Nguyên Chính, "Phong trào văn hóa phản tỉnh trong nước," số 5-86, trang 33.

21. *Đoàn Kết* số 405-406, ra tháng 9 và tháng 10-1988, trang 40.

22. "Cái 'được' và cái 'chưa được' trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp," bài của N.V.B. trong *Văn hóa Nghệ thuật* số ra tháng 9-1988, trang 4.

23. "Cái riêng hay là sự lạm dụng? ..." bài đã dẫn của N.H., trang 4.

24. Theo Mõ Bà, "Đập cho tan tành tất cả!" trong *Phụ Nữ Diễn Đàn*, số ra từ ngày 15-10 đến 15-11-1988, trang 67.

25. Quỳnh Cư, "Đọc 'Phẩm tiết' của Nguyễn Huy Thiệp," *Văn hóa Nghệ thuật* số ra tháng 9-1988, trang 5.

26. Gần đây, những bài phản đối hay phẩm bình Nguyễn Huy Thiệp thì nhiều vô kể mặc dầu đã có một tác giả (Ngô Vĩnh Bình trong bài "Hiện tượng và vấn đề" đăng trong *Giáo viên nhân dân* số ra ngày 23-1-1989) tính ra là chưa bằng con số 98 bài mà ông đã thu lượm được về cuốn *Cù lao Tràm* của Nguyễn Mạnh Tuấn. Tuy nhiên, chỉ để xin củ một tỷ dụ, nguyên một số báo *Văn nghệ Nghệ thuật*, "cơ quan của Bộ Văn hóa", số 17-18 ra tháng 9-1988, đã có tới năm bài mổ xẻ Nguyễn Huy Thiệp, chứng tỏ là anh đang bị "bề" hoặc người ta đang chuẩn bị cho anh ăn "bề hội đồng." Ngoài ra, *Tạp chí Cộng sản* cũng đề cập tới anh trong số ra tháng 11-1988.

---

* Tựa do Tòa soạn đặt

VÕ PHIẾN TOÀN TẬP

○ TÙY BÚT I	hết
○ TÙY BÚT II	$15.00
○ TRUYỆN NGẮN I	$13.00
○ TRUYỆN NGẮN II	$14.00
○ TIỂU LUẬN	$14.00
○ TẠP LUẬN	$14.00
○ TIỂU THUYẾT II	$15.00
○ VĂN HỌC MIỀN NAM	
□ TỔNG QUAN (tái bản)	$14.00
□ THƠ	sẽ in
□ TRUYỆN I	sẽ in
□ TRUYỆN II	sẽ in
□ KÝ, BÚT, KỊCH	sẽ in
○ TIỂU THUYẾT I	sẽ in
○ TẠP BÚT	sẽ in

Ngoài Hoa Kỳ mỗi cuốn thêm 1MK

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714)832-8445

PHỎNG VẤN TÁC GIẢ
'THÁNG BA GÃY SÚNG': CAO XUÂN HUY

NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*

Với nhân vật tự xưng ở ngôi thứ nhất, Tôi, Cao Xuân Huy đã tự kể lại đời mình trong những giờ phút đáng nhớ nhất, không phải của riêng một mình mà còn là của cả hàng triệu con chốt thí bị xóa bỏ một cách tàn bạo vào giờ thứ hai mươi lăm của cuộc chiến. Ở vị trí nhìn lại, tướng tá viết hồi ký, chính khách viết tự thuật, thì tại sao, những thằng lính ở tuyến đầu, những giàn trung đội trưởng, đại đội trưởng lại không có tiếng nói. Cái hùng tráng, cái bi thảm của Tháng Ba Gãy Súng có lẽ là của chung nhiều người, nên sự ra mắt của nó đã tạo thành những dòng chữ văn chương nhất một cách thật tình cờ.

Bây giờ, chúng tôi mời độc giả chia xẻ với Cao Xuân Huy những điều mà anh gọi là "những hằn dấu không thể nhòa phai".

LTS: Thế Kỷ 21 *trong số ra mắt có loan báo bài phỏng vấn nhà văn Cao Xuân Huy sẽ đi trong số này. Đây là những phát biểu xuất phát từ một tấm lòng tự kềm chế quá lâu. Đây là những ngõ ngách cực nhỏ trong tâm hồn của một nhà văn, đây là những sự thật một đời của một người lính được nói bằng những ngôn ngữ thật, không làm dáng văn chương, không ngụy tạo bằng những ẩn dụ, tất cả những gì ông phát biểu có thể thu gọn lại trong vài chữ: NÓI THẲNG, NÓI THẬT, NÓI HẾT.*

Do tính chất quan trọng của những câu hỏi, không phải là những câu hỏi lấy lệ, đây là những vấn đề hết sức nóng liên quan đến thái độ của những người đã cầm súng và những người đang cầm bút, Thế Kỷ 21 *thấy cần phải gởi đến những độc giả khắp nơi những suy tư, thao thức của nhà văn Cao Xuân Huy, ông dẫn chúng ta đi suốt một hành lang sâu thẳm, cuối cùng chúng ta chạm mặt một tấm gương và ở đó mỗi người chúng ta tự soi lại nhân dạng mình cũng như tâm trạng mình.*

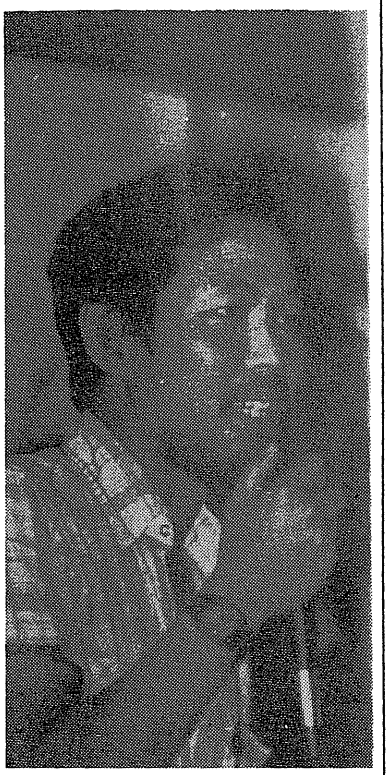

Nhà văn Cao Xuân Huy

Bài phỏng vấn này gồm người hỏi: nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh và người bị hỏi: nhà văn Cao Xuân Huy, trên nguyên tắc đã đồng ý dành riêng cho Thế Kỷ 21, *ngay khi hoàn tất không phải chỉ mình nhà văn Cao Xuân Huy, mà dường như tất cả bàng hữu ông bị cuốn đi trong cơn lốc của SỰ THẬT này, do đó nó đã xuất hiện trên một tạp chí bạn: Thời Nay số 5.* Thế Kỷ 21 *quyết định đi lại với mong ước nó sẽ tới tay nhiều người, nó soi tỏ nhiều điều.*

Thế Kỷ 21 *một lần nữa cám ơn nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh và nhà văn Cao Xuân Huy đã dẫn độc giả lên đường tìm kiếm và chạm mặt SỰ THẬT.*

NGUYỄN MẠNH TRINH: *Anh Cao Xuân Huy, anh có biết rằng Tháng Ba Gãy Súng được đón nhận rất nồng nhiệt từ phía độc giả. Một cách chủ quan, anh có nhận xét gì về trường hợp này?*

CAO XUÂN HUY: Khi những dòng chữ đầu tiên của Tháng Ba Gãy Súng đăng trên báo Đồng Nai, tôi không nghĩ và cũng không trông đợi một sự đón nhận nào cả. Một cách giản dị là chính tôi cũng không để ý gì đến chuyện thành công hay thất bại của nó. Cái lo lắng duy nhất của tôi trong thời gian ấy là làm sao có thể kiếm đủ tiền để nuôi cho nổi cái mồm của mình.

NMT: *Từ vị trí người lính bước qua nhà văn, anh nghĩ có dễ dàng không? (Nếu nghĩ rằng mang cuộc đời thực của mình dàn trải lên trang giấy một cách thật trung thực không hư cấu, văn chương sẽ hình thành, thì chúng ta sẽ có rất nhiều nhà văn. Nhưng thực tế, thì thật khác...!)*

CXH: Tôi đã là một người lính? Đúng. Tôi là một nhà văn? Điều này còn phải xét lại. Còn chuyện muốn bước qua nhà văn? Dễ ẹc. Cái chính là nhà văn như thế nào.

NMT: *Hồi ký? Tự truyện? Tiểu thuyết hồi ký? và cái gì gì nữa! Anh Cao Xuân Huy, anh có thể nói rõ về trường hợp sáng tác cuốn sách này?*

CXH: Tự truyện? Không. Tiểu thuyết hồi ký? Ông bạn đừng

chửi xỏ tôi chứ. Hồi ký là hồi ký, đứa chó nào cũng có thể viết hồi ký. Anh tướng một, hai, ba sao viết hồi ký, chị me Mỹ già, chị me Tây thải viết hồi ký, thằng cai tù viết hồi ký và thằng tù viết hồi ký, chính khách hết thời viết hồi ký, thứ nhẩy bàn độc viết hồi ký... Còn viết tiểu thuyết thì chỉ có nhà văn, đâu phải ai cũng viết tiểu thuyết được. Đã viết tiểu thuyết thì phải là nhà văn. Tiểu thuyết dù hay dù dở, tác giả của cuốn tiểu thuyết vẫn là một nhà văn, dù là nhà văn ông ẹo hay nhà văn làm dáng, nhà văn *bốc lửa* hay nhà văn *bốc hốt*, nhà văn *sea food* hay nhà văn *tra tấn*.

Hồi ký. Tháng Ba Gãy Súng là một đoạn hồi ký của tôi, và đã là hồi ký thì làm chó gì có sáng tác. Tiểu thuyết mới là sáng tác chứ. Nhưng thôi, bất bẻ nhau ba cái chữ này làm quái gì. Chuyện tôi viết cuốn sách này kể ra cũng hơi dài dòng. Tôi chỉ xin kể sơ.

Năm 84, khi vừa đến Mỹ, đọc trên một tờ báo Việt ngữ có câu tuyên bố của một ông tướng cũ: "Để mất nước là tội chung của mọi người, làm lớn thì tội lớn, làm bé thì tội bé". Anh nghĩ có tức điên lên không, mẹ kiếp, giặc chưa đến nhà *đàn ông* đã xách đít chạy mẹ nó mất, bỏ lại cái thân rắn dài dằng dặc quẫy đập, quằn quại, chống trả, tự tử, tù đày. Đã không biết nhục mà vẫn còn dám huênh hoang, mà vẫn còn dám tuyên bố, mà vẫn còn bè phái, vẫn còn tranh danh hão. Mà vẫn còn đòi làm *cái đầu rắn*. Đó là lý do tôi viết tập hồi ký này.

NMT: *Viết để giải gấm tâm sự? Hay phê phán người khác? Hay là một phản ứng của một lớp người cần có tiếng nói của mình? Với Tháng Ba Gãy Súng, theo anh, điều gì đúng nhất? Và có thể giải thích thêm cho độc giả.*

CXH: Tâm sự? Tôi làm quái gì có tâm sự. Phê phán người khác? Anh bạn, tôi là cái chó gì mà đòi phê phán người khác. Phản ứng của một lớp người cần có tiếng nói của mình? Tôi không đại diện cho một lớp người nào khi viết Tháng Ba Gãy Súng. Bực mình, bực mình thì "xả xúp bắp" cho hả, cho "sướng miệng" ấy mà, là đúng nhất. Tướng này chối tội, gộp chung những thằng bị đọa đày với mình để chia tội, tướng khác chưa vừa ý, còn khoe thiên chức của một ông tướng, kháng chiến mà không có tướng thì lấy ai chỉ huy. *Quan, tướng* phường tuồng như vậy vẫn còn quá nhiều, vẫn tiếp tục làm bẩn tai người nghe như vậy, vẫn làm thối tai những thằng *lính quèn* như vậy, vẫn làm hề như vậy, ông bạn có bực mình không, khi ông bạn cũng đã từng bị cái đám phường tuồng ấy bán ông bạn và đồng đội của ông bạn cho kẻ địch?

NMT: *Hư cấu? Văn chương? Anh có nghĩ hư cấu chỉ là gia vị hoặc sẽ thành chất liệu chính để hình thành văn chương. (Tôi không hỏi ở trường hợp tổng quát, mà chỉ xoay quanh Tháng Ba Gãy Súng...)*

CXH: Hư cấu? Tôi chưa hề là một người viết, tôi chưa hề muốn trở thành một nhà văn, tôi chưa hề nghĩ Tháng Ba Gãy Súng là một tác phẩm văn chương, tôi chỉ muốn kể lại một câu chuyện đã xảy ra, thay vì kể bằng mồm chỉ có một ít người biết, tôi đã kể bằng chữ viết để cho nhiều người cùng biết, và tôi chấp nhận tất cả những gì xảy đến cho tôi từ những điều tôi viết. Như vậy làm gì có hư cấu trong quyển sách này.

Văn chương? Sau khi viết xong, và nhất là sau khi in sách, tôi mới quen biết với các nhà văn, và tôi cũng mới được (hay bị?) gọi là nhà văn. Tôi không hiểu văn chương nằm ở chỗ nào trong quyển hồi ký này. Tôi xin lập lại nguyên văn một câu phê bình của nhà văn viết rất nhiều về lính là Nguyên Vũ: "Cậu viết rất có hồn, nhưng kỹ thuật còn kém", và tôi đành: "Tôi viết hoàn toàn không có kỹ thuật". Kể lại một câu chuyện thật đã xảy đến cho mình và đồng đội mình, như vậy mà cũng cần phải có kỹ thuật à? Như vậy mà cũng được gọi là văn chương à? Chẳng hóa ra làm văn chương khó - hay dễ - như vậy sao? Mà cho tôi xin hỏi thật một câu: "Văn chương là cái mẹ gì vậy?".

NMT: *Anh có đọc hồi ký của tướng tá viết về chiến tranh Việt Nam hoặc những bài phỏng vấn được thực hiện để "research" theo nhu cầu quân sự của Bộ Quốc Phòng Mỹ. Với anh, một người lính ở tuyến đầu, cái nhìn ấy ra sao? Và nghĩ gì về kết luận, "tất cả mọi người đều có tội". Nhất là một triệu quân dưới cờ Việt Nam Cộng Hòa?*

CXH: Ngay trong câu hỏi anh đã tự trả lời rồi, người anh em. Những ông tướng ông tá viết hồi ký hoặc trả lời phỏng vấn theo nhu cầu của Bộ Quốc Phòng Mỹ thì tại sao mình lại phải đọc, và mình đọc để làm gì, đọc để điên tiết lên à, mình có phải là Bộ Quốc Phòng Mỹ đâu. Mang *cuộc đời không thật* của mình ra khoe khoang trên giấy một cách có dụng tâm để làm một điều gì khác hơn là muốn nói đến sự thực. Thứ nhất, những điều viết ra *theo đơn đặt hàng* thì thật thế chó nào được. Thứ hai, những điều đó chỉ có dụng ý tuyên truyền cho một "ông chủ" nào đó theo *order*. Có quá nhiều người viết hồi ký, nhưng bao nhiêu người đã viết một cách trung thực và bao nhiêu người viết không trung thực. Tại sao không dám viết thật những sự việc đã xảy ra cho chính mình, cho chính dân tộc mình. Tại sao không viết về chính những lỗi lầm của mình. Tại sao không nhìn lại quá khứ thất bại chua cay của mình như một kinh nghiệm đau thương cần rút tỉa để sửa đổi. Một đoạn trong lời tựa của lần tái bản mới nhất *Không ai là không quay lại nhìn chỗ mình vừa ngã, và cũng không ai là không quay lại nhìn đống phân mình vừa thải. Ngã là lỗi của chính mình và phân có thối cũng là phân của mình, vậy mà tại sao cả chục năm nay vẫn không thấy ai dám quay lại nhìn cái lỗi đã làm cho mình ngã lên ngay cái đống phân của mình, mà chỉ có toàn những lời chửi bới và đổ lỗi cho người khác, can đảm lắm cũng chỉ dám nhận cái lỗi chung chung "lớn lỗi lớn, bé lỗi bé".* Người can đảm nhất là tác giả "Tôi Làm Tôi Mất Nước", cũng chỉ can đảm đến cái mức đủ để nhận cái tội "chung chung" vậy thôi. Tại sao lại chỉ viết vì nghề nghiệp cũ của một ngành lắm quyền hành và nhiều đặc ân đặc lợi nhưng lại ngu dốt chẳng hiểu một tí gì về công việc mình làm, về điều mình viết. Hay là coi người đọc bây giờ vẫn chỉ là cái đám dân ngu ngày xưa, mình nói sao họ biết vậy. Chắc chắn là anh đã đọc đoạn này của một ông tá Chiến Tranh Chính Trị: *Người Mỹ bỏ đất nước này ra đi.*

Dân chúng Sàigòn không muốn nhìn thấy tài sản của họ lọt vào tay giặc, cho nên rủ nhau xuống đường tạo thành một phong trào hôi đồ Mỹ vừa để chống Cộng sản, đồng thời cũng biểu lộ thái độ bất mãn với Đồng Minh đã nuốt nhanh lời giao ước. Anh nghĩ sao về sự *trung thực* này. Mẹ kiếp, ăn cắp là ăn cắp, ăn cướp là ăn cướp, hôi của là hôi của, đừng lồng vào hành động hôi của một lý tưởng *chống Cộng* như vậy chứ. Không sợ bọn Việt cộng nó cười cho à, và cả Mỹ nữa, chửi nó thì đúng rồi, nhưng nếu nó đọc nguyên văn câu này, chắc chắn là nó không tức đâu, mà nó chỉ *tức* cười thôi.

Còn cái vụ tất cả mọi người đều có tội. Đúng. Tất cả mọi người đều có tội. *Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách* mà. Cũng trong lời tựa của kỳ tái bản mới nhất: *Tôi nghĩ ngay đến một điều là những thằng đâm sau lưng chiến sĩ có tội, và những thằng chiến sĩ đưa lưng cho xếp mình đâm cũng có tội luôn.* Đấy, tất cả mọi người - đã là người Việt miền Nam, dù là *ăn bẩn*, dù là *ăn không bẩn* hay *không ăn bẩn* - đều phải là người có tội.

NMT: *Trong Tháng Ba Gãy Súng, anh có nhắc đến tên thật những cấp chỉ huy của mình, có người hèn, có người anh dũng. Và bây giờ, có người đã vắng mặt nhưng cũng có người hiện diện nơi đây. Giả sử có sự gặp mặt lại, câu chuyện sẽ ra sao nhỉ? (Xin lỗi, câu hỏi có tò mò quá chăng? Nếu không thích, cho qua luôn cũng được).*

CXH: Tò mò thì cũng có hơi tò mò đấy. Nhưng cũng chẳng có gì là thích hay không thích cả. Dĩ nhiên, nếu bây giờ tôi gặp những ông xếp cũ "ngon lành" thì hẳn phải là một điều thích thú lắm chứ. Còn nếu gặp lại những ông xếp hèn thì... cũng chẳng sao cả. Điều chính yếu là ông ta *đã* có hèn thật hay không. Kể ra thì cũng có phần hơi bất công, có người lúc nào cũng hùng, có kẻ lúc nào cũng hèn. Nhưng cũng có những người lúc này thì hèn và lúc khác lại hùng. Làm sao viết đầy đủ về một người được khi mà câu chuyện chỉ xảy ra trong một thời gian ngắn. Có một người gọi cho tôi từ bên DC than phiền là tôi đã quá nặng lời với một ông xếp. Tôi chỉ có thể trả lời là rất tiếc, nếu muốn, tôi sẽ thay đổi điều này khi nào tôi viết *hồi ký tiểu thuyết*, hoặc tôi viết để ca tụng vì *mang một món nợ*, như cái ông viết về những trận đánh sau cùng của Việt Nam Cộng Hòa ấy mà. Còn đây là một tập hồi ký, chữ hồi ký viết hoa và viết đậm, tôi không có quyền viết sai những sự việc đã thực sự xảy ra. Tôi, Cao Xuân Huy, tôi chịu trách nhiệm về những điều tôi đã viết trong Tháng Ba Gãy Súng. Muốn ra sao thì ra, muốn tới đâu thì tới. *Răng thì răng* và *mô thì mô*. Tôi không hùng, nhưng xin lỗi ông bạn chứ, tôi đếch có nghề *nâng bi*.

NMT: *Viết về mình, rất khó để trung thực với thói quen xấu che tốt nói. Còn anh, Cao Xuân Huy, thì thế nào? Có chịu chơi như những tiếng chửi thề dẫy đầy trong trang sách của mình?*

CXH: Chịu chơi? Sai rồi. Tôi không phải là một tay chịu chơi. Tôi chỉ là một thằng thích sự thành thật. Những mẩu đối thoại của lính, bất cứ là lính gì cũng đều có đệm những tiếng chửi thề, cho nên khi viết lại tôi đâu có *đạo đức* đến độ không dám viết ra. Tôi chỉ lập lại. Còn tục hay không là tùy theo người đọc. Và còn những tiếng chửi thề của chính tôi, tôi hỏi thật anh bạn, khi tức giận, anh bạn có chửi thề không, có văng tục không? Kể cả những người tự coi mình là đạo đức, khi tức giận có văng tục không? Hơn nữa, tiếng chửi thề tôi không cho là xấu, nó chỉ là một "hùng dũng từ". Một tiếng đệm của giống đực. Dĩ nhiên là đừng có lúc nào cũng cứ muốn chứng tỏ là mình *hùng dũng*.

NMT: *Lần in trước, những chữ chửi thề được viết tắt, lần tái bản thứ ba này, chữ chửi thề được viết rõ. Tại sao có sự sửa đổi ấy và dụng ý của anh trong công việc này?*

CXH: Tôi không định viết tắt những chữ chửi thề từ đầu, vì tôi không cho những tiếng ấy là xấu. Một vài trục trặc tôi không sửa chữa kịp. Lần tái bản này vì được đánh máy lại nên tôi điều chỉnh cho đúng chứ cũng chẳng có dụng ý gì cả. Ai lại đi viết tắt những tiếng làm cho mình "hùng dũng" hơn.

NMT: *Có người nói tìm thấy thơ mộng trong những chữ chửi thề trong Tháng Ba Gãy Súng? Anh có chia xẻ nhận xét ấy không?*

CXH: Ai vậy? Cầu mong người ấy là đàn bà.

NMT: *Anh Nguyễn Xuân Hoàng có viết Tháng Ba Gãy Súng là "những dòng chữ tưởng như dễ dàng...". Tại sao lại tưởng như? Hay anh viết không dễ dàng lắm như anh Nguyễn Xuân Hoàng nghĩ? Và anh còn có những dòng chữ nào tiếp theo, kể từ Tháng Ba Gãy Súng?*

CXH: Đừng ấm ớ chữ người anh em. Tại sao anh không hỏi anh Nguyễn Xuân Hoàng mà lại hỏi tôi điều mà Nguyễn Xuân Hoàng viết.

Chưa chắc là tôi sẽ có những dòng chữ khác sau Tháng Ba Gãy Súng. Vui thì viết, lười thì thôi, mà tôi lại khá lười.

NMT: *Chân dung người lính của anh hơi đen đúa, ba gai nhậu nhẹt trai gái tùm lum. Sao anh không bỏ bớt một ít tật xấu để gần với mẫu người lính của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị cho có "chính nghĩa" hơn?*

CXH: Anh có thích chụp cái mũ "chính nghĩa" lên đầu những tên đi hôi của không? Mẫu người "chính nghĩa" của chúng ta đấy phải không? Tại sao lại phải *trung thực* một cách ngon ơ như vậy. Tôi kể cho anh nghe một chuyện. Năm năm tù, tôi qua rất nhiều trại và qua rất nhiều tay coi tù. Hiền có, dữ có. Nhưng hiền hay dữ gì thì cách đối xử với tù cũng giống nhau vì cùng thi hành một chính sách và cùng đối trá như nhau. Có một tay cán bộ chính trị viên trại, coi chuyện hành hạ tù như một thú tiêu khiển, đúng ra là phải thù ghét tay này nhất, nhưng, ngược lại, tôi lại rất thích tên này chỉ vì tên này đã nói thẳng một điều mà những tên chính trị viên khác không dám nói: *"Các anh không có quyền khiếu nại gì cả, chúng tôi thắng và các anh là những thằng thua. Chúng tôi muốn thế nào thì các anh phải làm như thế".*

Anh có *hãnh diện* không khi thua chạy té đái vãi cứt ra lại được gắn anh dũng bội tinh, lại còn đi diễn hành chiến thắng?

Anh có *ngượng* không khi anh lên lon chậm hơn, anh ít huy

chương hơn những thằng tuy cũng là lính nhưng chẳng bao giờ cầm súng, chỉ cần biết cách *cầm bi* cho êm, cho nhẹ?

Mẹ kiếp, ba gai, nhậu nhẹt, trai gái tùm lum nhưng mà đánh giặc tận tình có "chính nghĩa" hơn hay những thằng tưởng như "gương mẫu" cả về quân phục lẫn tác phong nhưng chỉ chuyên môn bợ đỡ, đội trên đạp dưới, coi chuyện đi tác chiến là bị "đì", sợ hãi những thằng con ông cháu cha, coi vợ cả vợ bé các ông xếp lớn như cha như mẹ, coi con trai con gái xếp như cô cậu "chính nghĩa" hơn? Mà chính nghĩa là cái chó gì vậy? Ăn cây nào rào cây nấy vậy thôi. Chỉ tội nghiệp cho mình là phải ăn và phải rào cây vừa đắng nghét vừa chua lè, vừa khó nhai vừa khó nuốt.

NMT: *Tháng Ba Gãy Súng kết một cách bất ngờ? Có người nói đó là dụng ý của anh. Nhưng tôi, tôi hơi nghi ngờ cái tật lười của anh. Anh dám nói thật về chuyện ấy không nhỉ?*

CXH: Đúng, tôi rất lười.

NMT: *Đọc Hemingway, đọc Remarque, đọc Phan Nhật Nam viết về chiến tranh. Anh thấy thế nào? Từ vị trí người lính? Từ vị trí người cầm bút làm công việc văn chương? Và từ một người muốn đứng ở hai vị trí kể trên?*

CXH: Chiến tranh giống nhau. Sự cực khổ giống nhau. Nỗi kinh hoàng giống nhau. Sự sợ hãi cái chết giống nhau. Thằng lính giống nhau. Nhưng mỗi cuộc chiến một khác. Mỗi cấp chỉ huy một khác. Nhân vật của Hemingway và Remarque có những cấp chỉ huy không giống với cấp chỉ huy mà chúng ta đã có.

Còn Phan Nhật Nam, ông ta viết từ một cái nhìn ở nơi cao hơn chỗ ông ta viết. Và cao hơn chỗ tôi được biết.

NMT: *Hồi trước, Phan Nhật Nam lúc xuất bản Dấu Binh Lửa đã có Đỗ Quý Toàn đọc bài viết rất cảm động trên vô tuyến truyền hình và kỷ niệm ấy được nhắc nhở tới bây giờ. Còn anh và Tháng Ba Gãy Súng, cũng được nhắc nhở tới từ đài VOA, đài BBC, rồi Bùi Bảo Trúc, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác và cả tôi. Tôi chắc anh có những kỷ niệm về sự đón nhận ấy. Anh có thể kể cho độc giả nghe chơi.*

CXH: Tôi ngạc nhiên và xúc động khi ông Đỗ Đình Tuân, nhà sách Văn Khoa gọi đến cho biết có Nguyễn Xuân Hoàng vừa từ DC qua chơi, muốn gặp tôi để "nói dóc" với nhau. Tôi mà được nói dóc với nhà văn à? Tôi cũng thực sự xúc động khi chính anh, Nguyễn Mạnh Trinh, anh cho biết là đã viết và đọc cho nghe bài điểm sách anh vừa viết xong mặc dù lúc đó tôi với anh, chúng ta chưa quen nhau. Tháng Ba Gãy Súng mà cũng được điểm à? Và Bùi Bảo Trúc nữa, gọi từ DC qua hỏi sơ về tiểu sử để viết một bài đọc trên đài VOA. Sướng lắm chứ. Một thằng suốt thời gian cấp sách đến trường không bao giờ điểm luận, điểm Việt văn được đến trung bình, vậy mà vừa viết xong một quyển sách mỏng dính đã được nhiều người nhắc nhở đến, đã lắm chứ.

NMT: *Còn bức thư nào gửi từ Việt Nam qua đài VOA đến Bùi Bảo Trúc chuyển cho anh? Ly kỳ nhỉ.*

CXH: Một người con gái ở Sàigòn nghe đài VOA điểm quyển Tháng Ba Gãy Súng đã viết thư cho tôi, dĩ nhiên là địa chỉ người nhận là địa chỉ của đài VOA ở Bangkok. Đây là điều khiến tôi xúc động nhất. Một bức thư được gửi đi bất chấp sự nguy hiểm, bất chấp hệ thống kiểm duyệt của Cộng sản, và được gửi đi một cách cầu may chỉ để thăm hỏi người viết. Bức thư tôi nhận được từ Việt nam qua đài VOA quả là một điều... tôi không biết nói thế nào cho đúng với sự xúc động của tôi.

NMT: *Chất "lính" đã có trong sự diễn tả của Tháng Ba Gãy Súng, từ những câu đối thoại ngắn, gọn, hơi cộc cằn nhưng toát ra chất sống động. Điều đó, có phải là cố ý? Hay chỉ là một cách diễn tả đời sống như một phản ứng bình thường?*

CXH: Cố ý mẹ gì. *Có sao viết vậy người ơi.*

NMT: *Anh nghĩ ra sao về tình yêu? Và tình dục? Anh có nhớ đoạn viết về ngôn ngữ của bàn tay gỡ gạc trong cảnh chiến trường tàn khốc?*

CXH: Tôi nghĩ ra sao về tình yêu, tình dục? Anh hỏi bây giờ hay lúc bàn tay tôi còn mò trong poncho? Tình yêu là cái mẹ gì đối với một thằng lính tác chiến? - dĩ nhiên là loại trừ những tay đã có người yêu từ trước khi về Thủy Quân Lục Chiến. Anh thử nghĩ, mỗi năm được về phép bẩy ngày, thấy một cô gái chưa kịp làm quen đã hết phép thì yêu thế chó nào được, và con gái thành phố thời đó hầu như cặp kè với lính "thứ dữ" chỉ để đi bát phố, rước đèn chứ đâu phải để yêu thương. Có bao nhiêu người con gái đi yêu thứ người cả năm mới gặp một lần, rồi sau đó đợi "ngày mai đi nhận xác chồng" đâu.

Còn tình dục, cũng vậy thôi. Khi về phép thì kiếm *chị em ta*, còn khi ở hành quân thì... *với chị năm*. Để tôi kể anh nghe một chuyện. Năm 1974, đại đội tôi được một toán nữ ca sĩ Chiến Tranh Chính Trị đến hát giúp vui. Tôi không khoái cái trò này vì vừa tốn thời giờ vừa tức anh ách. Cả năm mới được thấy, nhưng chỉ được "nhìn" mà không được "làm gì" thì anh, anh có tức không. Vì phần "làm gì" thuộc *thẩm quyền* của các giới chức "có thẩm quyền". Tôi bị một cô ỏn ẻn cho phải phép chất vấn một câu: *Tại sao anh để râu?*. Câu trả lời: *Cả năm mới thấy đàn bà một lần, họa hoằn lắm mới có "phụ trội" như lần này, thành thử tôi phải để râu, khi nào thèm thì sờ cho đỡ nhớ.* Thành thử ra, với tôi, gỡ gạc được lúc nào hay lúc nấy. Chiến trường tàn khốc? Nhằm nhò gì. Chẳng may chết ngay lúc đó có phải *phí* của trời không.

NMT: *Ở vị trí người lính, vác nặng, đi xa, trực diện với chết chóc, anh có nghĩ gì về lý thuyết chiến tranh được dùng trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. (như cấp số đạn, như vũ khí thích hợp, như lề lối hành quân của quân lực tối tân dành cho một quân lực còn thiếu thốn ít nhiều phương tiện...).*

CXH: Quân lực Việt Nam Cộng Hòa có lý thuyết về chiến tranh? Tôi không tin điều này. Trong một tài liệu huấn luyện của cục Quân Huấn về chiến thuật, người ta đã dịch cả đoạn hướng dẫn lính cách ngụy trang khi băng ngang qua một cánh đồng... *tuyết*. Có bao

nhiêu thứ học trong quân trường áp dụng được ngoài thực tế chiến trường? Có bao nhiêu thứ "lệnh lạc" ban ra từ tận Bộ Tổng Tham Mưu mà không gây thêm khó khăn, cản trở sự nhậm lẹ cần phải có của thằng lính tác chiến? Anh có biết là có một thời gian dài chúng tôi, những thằng lính tác chiến của một đơn vị Tổng Trừ Bị đã phải lấy vải quần áo may thành những cái túi có thắt nút để *đựng* lựu đạn và thắt nút thật chặt? Anh có biết những thằng lính Thủy Quân Lục Chiến chúng tôi sử dụng rất thiện nghệ lựu đạn vì chúng tôi hầu như luôn luôn đánh cận chiến, vậy mà mỗi thằng chỉ được trang bị có hai quả lựu đạn, trong khi lại phải vác theo trên lưng một cấp số rưỡi đạn, con số đạn của một tay lính Mỹ to con và ăn uống không bị "mối, chuột" đục khoét? Trong khi chúng tôi chỉ cần chừng một nửa cấp số đạn *được ấn định trên lý thuyết*. Đạn thừa mứa chỉ làm nặng thêm lưng thằng lính, và lựu đạn lại không đủ để cho chúng tôi đánh đấm? Anh có biết súng cối cả 60 lẫn 81 ly hầu như chúng tôi không bao giờ "sài" tới mà vẫn phải nai lưng ra vác cho đủ cấp số được ấn định từ "tài liệu quân sự Mỹ". Anh có biết trực thăng tiếp tế, tải thương cho chúng tôi thì thiếu, trực thăng để chở gái cho các ông xếp nhẩy đầm thì thừa? Tướng sạch thì mất chức và tướng bẩn thì thăng quan. Những điều đó phải chăng là lý thuyết về chiến tranh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa?

NMT: *Hình như anh rất hãnh diện về binh chủng của mình cũng như những điều anh đã làm được trong khi mặc bộ quần áo Thủy Quân Lục Chiến. Thế mà, Tháng Ba Gãy Súng, toàn những cảnh đau thương thua bạc. Điều ấy có gì trái ngược với sự hãnh diện của anh?*

CXH: Chiến tích của Thủy Quân Lục Chiến đứng vào hàng đầu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Điều này không ai có thể chối cãi. Bọn Việt Cộng sợ nhất là Lính Thủy Đánh Bộ. Điều này cũng không ai có thể chối cãi. Vậy mà tại sao cả một lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến bị chừng một đại đội du kích Việt cộng bắt sống? Ai cũng thắc mắc điều này. Tôi, tôi là một thằng may mắn còn sống sót trong trận đó, tôi kể lại để mọi người thấy rằng những thằng lính Thủy Quân Lục Chiến chúng tôi không thua trận mặc dù bị địch bắt. Tôi vẫn luôn luôn hãnh diện là một thằng lính của binh chủng này. Đâu có điều gì là trái ngược.

NMT: *"Quặng mỏ của đời sống" đã kết đọng trong văn chương Tháng Ba Gãy Súng, điều ấy đúng. Nhưng có đủ để thành chữ viết không? Hay cần những xúc động? Những sức đẩy? Những dằn vặt? - Từ đời sống đã qua ở quê nhà và đời sống hôm nay ở xứ người - Theo anh nghĩ?*

CXH: Một cái ấn nút. Tất cả mọi hình ảnh bi hùng, tất cả mọi diễn biến của trận đánh đã in đậm trong đầu tôi như một cuốn phim. Sức đẩy? Không. Dằn vặt? Không. Xúc động? Đúng. Người ta đã bán đứng anh em chúng tôi. Vậy mà bây giờ, ở bên này, người ta còn huênh hoang nhiều trò, người ta còn tiếp tục làm hề, và người ta bắt chúng tôi chịu chung tội đã để mất nước. *"Làm mất nước là tội chung của mọi người, lớn lỗi lớn, bé lỗi bé"*. Chính câu này là cái ấn nút để tôi viết Tháng Ba Gãy Súng. Hình ảnh những cái chết anh hùng của đồng đội tôi, của bạn bè tôi đã bị bôi nhọ, bị bôi bẩn. Trường hợp tôi, anh nghĩ sao?

NMT: *Sau mười lăm năm lưu lạc, theo anh, văn chương Việt Nam ở hải ngoại hôm nay đã được thành hình chưa và có những đặc tính gì?*

CXH: Điều này anh nên hỏi những nhà văn.

NMT: *Giả sử nếu như có một lúc cần đến tay súng của anh, anh sẽ quyết định như thế nào?*

CXH: Tôi đã là một tay súng, tôi đang sẵn sàng ở vị trí của một tay súng. Nhưng, tay súng cho một "bè lũ con buôn" nào? Bị bán đứng một lần chưa đủ kinh nghiệm sao. Nói thì nói vậy thôi, tôi cũng vẫn đi tìm và hy vọng gặp được một "ông thầy".

NMT: *Anh nghĩ sao về danh từ những người viết "trẻ" hoặc những người viết "mới" xuất hiện sau 1975? Có nhận định nào về hiện tượng người viết sau 1975 xuất hiện đông đảo và nhiều nét đặc sắc của một thời đại mà họ đã sống, đang sống và sẽ sống?*

CXH: Người viết "trẻ" là người viết còn trẻ tuổi. Người viết "mới" là người mới viết. Có một điều rất *khó ưa* là người viết "trẻ" lại có nhiều tác phẩm "lão" luyện hơn những người viết "già". Và những người viết "mới" lại có nhiều người viết "trội" hơn nhiều người vẫn hợm hĩnh mình là người viết "cũ". Ý tôi muốn nói đến giá trị của bài viết mới là quan trọng, viết dở như cứt mà vẫn vênh vang là tao viết lâu rồi, viết ngửi không nổi mà vẫn tao có nhiều tác phẩm rồi. Anh có biết loại *văn nghệ chấp pháp* không, loại chữ nghĩa cứ như tra tấn người đọc của đám *công an văn nghệ* ấy mà. Anh viết có tra tấn người đọc hay không, chứ không phải là anh viết lâu bao nhiêu rồi, chứ không phải là anh viết nhiều bao nhiêu rồi. Nhưng, đồng thời cũng lại có một loại người viết mới, khi ra mắt sách phải đề trong thiệp mời là *ông bà bác sĩ*, có lẽ để tăng thêm giá trị quyển sách của mình chăng? Lại có người khi ra mắt sách chỉ đi mời bác sĩ và thương gia, không hiểu quyển sách có đắt giá thêm? Với một người cầm bút có liêm sỉ thì tổng thống cũng còn là đồ bỏ chứ huống hồ gì bác sĩ, thương gia. Cũng lại có những người viết mới lấy làm sung sướng khi được mấy *thằng con nít sống lâu* khen ngợi.

Ngày xưa, có nghĩa là trước 1975, tôi chắc cũng có rất nhiều người viết, và viết rất hay, viết hay hơn cả những người có bài được đăng, nhưng vì không thuộc phe nhóm, không thuộc "kể từ...", không chịu "hầu rượu" các tay "cai thầu" nên đã bị gạt ra khỏi làng viết "lách". Ngày nay, họ cũng đếch cần phe nhóm nào mà họ vẫn xuất hiện vì làm chó gì còn cái trò "đóng tem" của các ngài "thượng sĩ già" chữ nghĩa. Những người viết sau 1975 hiện diện đông đảo là vì vậy, họ can đảm hơn, họ có trách nhiệm hơn và họ ít màu mè hơn. Họ có rất nhiều điều để viết chứ không như những tay "sống lâu lên lão" đã khô cằn, đã thành những *ông bình vôi*.

TRỊNH Y THƯ

Nụ Hoa Đêm

Thương nụ hoa trong đêm âm thầm nở,
Không gian vỡ vụn dưới khói sóng xa mờ.
Riêng tư một cõi hao hao nồng nàn hơi thở,
Bóng dáng mê say. Chỉ muốn ôm chập lấy trời thơ

Đêm im tiếng. Lòng dậy đen niềm cô quạnh,
Rừng trảng xanh bống chốc như xa mù.
Đêm u tịch. Đêm cơ mầu lớp lớp,
Đêm ngừng lại cho giây phút thành thiên thu.

Ừ, vẫn hoài niệm, vẫn dợi chờ dòng thời gian miên viễn.
Ý tưởng nôn nao nước bạc dưới chân cầu.
Mộng mị? Không đâu, đá đôi lần cau mặt,
Giận mình cứ mơ hồ giữa hạnh phúc với thương đau.

Buổi khoác áo trắng sô thấy lạ lùng hụt hẫng,
Khói hương trầm nhẹ quá không đủ tỏ khúc nôi.
Cúi mặt. Bốn bề dường ngơ ngác,
Chẳng phải tha hương cũng lạc bước một đời.

Đôi khi vô cớ muốn thương dời khốn khó,
Muốn quay tìm chút ký ức ẩn giấu mịt mùng.
Lai lịch đó. Hay đã biến tan vào cuộc sống?
Nhân dạng soi gương thấy rất dối lạ lùng.

Trước mặt có bao giờ hạnh ngộ,
Những con đường nối tiếp những con đường.
Đập tay lên cánh cửa mênh mông. Chung cuộc,
Trời xanh. Tóc trắng. Mò mẫm tìm đường về cố hương.

Say dòng sữa đêm hay chan hòa mộng tưởng,
Thấy sống gần với giấc ngủ hôm qua.
Chân bước vô cùng. Mắt không rời vòm lá,
Âm thầm. Âm thầm. Ẩn hiện một nhành hoa.

TRỊNH Y THƯ

NMT: *Viết văn, nhậu nhẹt, bạn bè... hình như đó là thú vui của anh, có tiếng đồn rằng anh "ngầu" lắm. Vậy hư thực ra sao? Và tình bằng hữu, tình đồng đội... đã làm và tạo ra dư luận ấy?*

CXH: Viết văn? Hình như đó không phải là thú vui của tôi. Còn nhậu nhẹt, bạn bè? Chúng ta có nên đi nhậu với nhau một chầu chăng? Còn "ngầu"? Tôi không hiểu ngầu là như thế nào. Ngày xưa mẹ tôi mắng: *Mày sống cứ như cây dại giữa rừng, không còn thể nào uốn nắn được.* Như vậy có phải là ngầu không?

NMT: *Dự tính của anh về văn chương: viết một năm một cuốn sách hay hai hay ba... (lại đố vui để chọc!!).*

CXH: Viết cho vui, bao lâu xong thì xong. Tôi không có dự tính gì như điều anh hỏi.

NMT: *Anh Cao Xuân Huy, anh còn muốn thổ lộ điều gì thêm với độc giả mà tôi chưa kịp có mời(!?)...*

CXH: Chẳng có gì để tôi thổ lộ cả. Tôi chỉ chờ sau khi những câu trả lời này của tôi được phổ biến, bao nhiêu người sẽ chửi tôi và chửi như thế nào.

NGUYỄN MẠNH TRINH
thực hiện

MỘT TRĂM NĂM CÔ ĐƠN

PHẠM CÔNG THIỆN

I.

Sau sự ồn ào qua giải thưởng văn chương Nobel năm 1982, sau bảy năm cô đơn, không còn gì cô đơn hơn là đọc lại "*Một trăm năm cô đơn*" một cách cô đơn hơn nữa. Năm 1984, lần cuối cùng trở lại đất Pháp, ghé thăm lại người xưa, tình cờ khám phá ra rằng cô nàng để bản dịch chữ Pháp "*Một trăm năm cô đơn*" trên đầu giường; quyển sách nằm một cách cô đơn ở đầu giường giữa những ve lọ dầu thơm sang trọng, cùng phấn son thượng hạng ... Chắc chắn cô nàng chỉ dở đọc vài trang, rồi ngáp ngủ; nhưng cần gì đọc, quyển sách và nhan đề quyển sách có vị trí nhất định như phấn son, dầu thơm trang điểm. Quyển sách để đầu giường, nhưng muốn nói cái gì đó với người tình mới nào khác? Hay như muốn nói cái gì đó với tâm sự đêm khuya của chính nàng? Hay như một chút kỷ niệm chua chát nói lên quá khứ 13 năm mà cô nàng đã sống với người từ California trở lại viếng thăm cô một lần cuối cùng? Quyển sách để đầu giường ấy là một quyển tiểu thuyết trong tủ sách của người đàn ông từ California bỏ lại thành phố cũ ở đất Pháp; ông ấy đã đọc qua loa chừng chục trang đầu, chục trang giữa và

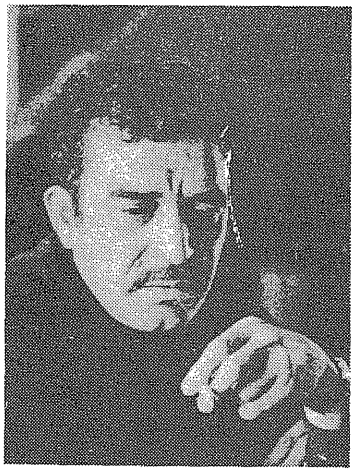

Nhà văn Gabriel Garcia Marquez

chục trang cuối trong bản dịch chữ Pháp và đã quên hẳn nội dung quyển sách. Năm 1983, ông trở lại nước Mỹ sau gần hai chục năm quên cả nước Mỹ; năm sau, trở về đất Pháp một lần cuối cùng gặp lại "*Một trăm năm cô đơn*" trên đầu giường của hoài niệm, rồi trở lại California ở luôn cho đến hôm nay và giựt mình chợt thấy bản dịch chữ Anh "*One hundred years of solitude*" trên đầu giường của mình. Ông đọc lại hai lần bản dịch chữ Anh, đọc lại một cách cô đơn 383 trang cô đơn trong bản dịch, và đọc lại một lần nguyên tác Tây Ban Nha "*Cien anos de soledad*" qua 448 trang cô đơn của nhà xuất bản Espasa-calpe ở Madrid, 1983. Tiếng Tây, tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha chạy nhảy tứ tung trong đầu lúc ngủ; và có khi nằm chiêm bao thấy trọn cả "*Một trăm năm cô đơn*" trong cơn mớ ấp úng - rất cô đơn ...

Một quyển sách nào đó bỗng nhiên trở thành một biến cố của đời người? Hay đời người nào đó bỗng nhiên trở thành một biến cố của quyển sách?

II.

Khởi đầu bằng một cái gì rất sáo. Không có gì sáo cho bằng mấy chữ "trăm năm" ("Trăm năm trong cõi người ta" ...). Không có gì sáo cho bằng mấy chữ "*bách niên cảnh*" của Trang Tử, cũng như "*bách tuế chi hậu* ..." của Kinh Thi.

Mấy chữ "trăm năm" đã là sáo, mà hai chữ "cô đơn" lại càng sáo hơn nữa, ngay cả trong chữ Pháp, chữ Anh, và chữ Y Pha Nho (*solitude, solitude,* và *soledad*).

Nhan đề quyển tiểu thuyết là sáo ngữ trong sáo ngữ.

Tuy nhiên, cố gắng tránh né sáo ngữ lại là một sáo ngữ vô

phương cứu chữa.

Gabriel Garcia Marquez là một thiên tài, và chỉ có thiên tài mới có đủ sức mạnh nguyên khí để sử dụng tất cả những sáo ngữ một cách thiên tài - một cách cô đơn, một cách một trăm năm cô đơn, một ngàn năm, mười ngàn năm, thiên thu cô đơn.

Sáo ngữ đẻ ra thiên tài và *xảo ngữ* đẻ ra các ngài phê bình văn nghệ, Hố thẳm Tư tưởng và Im lặng Hố thẳm đã nói như thế!

Mỗi một chữ Tây Ban Nha là một chữ sáo, bất cứ mỗi một chỗ nào trong tất cả tiếng nói chữ nghĩa của nhân loại đều là thế, trừ ra chữ Phạn (Sanskrit), nhất là thần chú, phù chú chữ Phạn. Gabriel Garcia Marquez đã hiểu như thế, cho nên quyển tiểu thuyết "*Một trăm năm cô đơn*" (*Cien Anos de Soledad*) đã được viết bằng ngôn ngữ Tây Ban Nha và chấm dứt im lặng bằng chữ Phạn - Sanskrit:

-- "... *trang cuối cùng của những bản thảo trên giấy da ...*" (trang cuối bản dịch chữ Anh *One hundred years of Solitude*, trang 383)

-- Nguyên tác Tây Ban Nha: "... *la última página de los pergaminos ...*" *(Cien Anos de soledad,* Espasa - Calpe, trang 447, dòng áp chót)

Bản thảo trên da giấy đã được viết bằng chữ Phạn, và nhân vật cuối cùng của "*Trăm năm cô đơn*" mới có đủ khả năng để đọc và hiểu được bản thảo chữ Phạn; Aureliano Babilonia, nhân vật cuối cùng, vừa đọc xong câu cuối cùng của bản thảo chữ Phạn thì tất cả đều sụp đổ đồng lúc: một cơn bão tố thổi đến và quét sạch tất cả. *Khi mình vừa đọc hiểu cái nháy mắt mà mình đang sống thì mình không còn là mình nữa.*

Con người là con đẻ của sáo ngữ và xảo ngữ; một trăm năm cô đơn hay một ngàn năm hay mười ngàn năm cô đơn cũng đều là những đứa con của sáo ngữ và xảo ngữ. Trong thoáng giây nháy mắt mà con người trở về đọc được và hiểu được Nguyên ngữ và Uyên ngữ (tiếng Phạn: Nguyên ngữ, Uyên ngữ, ngôn ngữ uyên uyên và nguyên uyên, ngôn ngữ của Hố thẳm) thì con người đã không còn là con người nữa và nhập một với Hố thẳm.

Dù có đọc đi đọc lại trăm lần quyển "*Một trăm năm cô đơn*" mà không thấy được "*trang cuối cùng của những bản thảo*" thì quyển sách vẫn phải được để ở đầu giường, giữa những ve lọ dầu thơm sang trọng, cùng phấn son thượng hạng. Rồi cũng có một người đàn bà làm thế, rồi cũng có một người đàn ông từ California trở về Pháp để ngó nhìn quyển sách ở đầu giường, rồi cũng có một người đàn ông giả vờ làm "phê bình văn nghệ" để viết về "*Một trăm cô đơn*" và khi dòng chữ cuối của bản thảo này vừa viết xong thì tất cả đều bị quét sạch đang lúc cơn bão tố tràn tới đồng lúc với mấy chữ cuối cùng của uyên nguyên ngữ. "*Một trăm năm cô đơn*" của người đàn bà ở đất Pháp, cùng với "Một trăm năm cô đơn" của người đàn ông từ California đã bị bôi sạch vĩnh viễn trên mặt đất.

PHẠM CÔNG THIỆN
California, ngày 24 tháng III, 1989

Thơ NGUYỄN HOÀNG NAM

Đôi Chân

nếu em có lỡ không dài
anh xin quỳ gối vừa hai mái đầu

nếu em có lỡ hơi ù
anh thương giò chả dậm dà quê hương

nếu em có lỡ hơi xương
anh lên cành trúc đông phương tọa thiền

nếu em có lỡ vòng kiềng
trung thu anh gọi lưỡi liềm là trăng

nếu em có lỡ hai hàng
đợi nhau vô cực một dòng thơ anh

nhưng em dừng ghét chân mình
dở hay cũng chỉ cái nhìn chủ quan
em mà cứ mãi phân trần
anh dành phải nhớ đôi chân khác nào...

Vừa Xảy Ra....Đang Nói Tới

* Nhà văn Nga nói về nước Nga cởi mở

Năm 1965, nhà cầm quyền Nga bắt giữ Andrei Sinyavsky, khi thấy các sáng tác của ông phổ biến tại Pháp với bút hiệu Abram Tertz; bạn ông Yuli Daniel, cùng hoạt động "văn hóa chui", cũng bị bắt, người lãnh án 6 năm khổ sai (Andrei Sinyavsky, người 5 năm (Yuli Daniel).

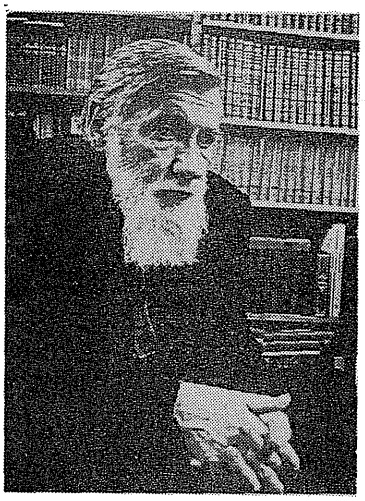

Nhà văn Andrei Sinyavsky

Năm 1973, Andrei Sinyavsky khi được hỏi ý kiến ra sao nếu ông được trở về sinh sống dưới nước Nga cởi mở. Ông xác định, ví nền văn minh Nga sô như một kim tự tháp được xây cất bởi những đá tảng khổng lồ, mà đỉnh cao nhất có một khoảng trống, trong đó chứa xác ướp Lênin. Cho nên, dù có chính sách *perestroika* hay không, bản chất văn minh Nga sô không đổi. Được ân huệ trở về Nga dự đám tang Yuli Daniel cùng vợ, ông có những nhận xét chua chát về chính quyền Nga. Nhận xét về chính quyền đã cho xuất bản Bác sĩ Zhivago của Boris Pasternak, ông bảo, "ừ, in sách dễ hơn là tăng gia sản xuất thịt dồi (salami) cho dân nhiều", bởi vì lãnh tụ nói gì thì nói, mức sống dân Nga vẫn... vậy. Còn việc bản thân ông có sẵn lòng trở lại quê hương không, ông trả lời: "tôi đã di cư khỏi Nga bằng sách của tôi mười lăm năm trước. Nay những sách ấy, những điều tôi viết, có được trở lại cố hương không, mới là quan trọng. Bản thân nhà văn thì sống ở khung cảnh địa lý nào, cũng có gì quan trọng. Chả phải Ernest Hemingway rời nước Mỹ sống ở Cuba, chả phải Graham Greene người Anh mà sống ở Pháp... đấy ư? Những người ấy có từ khước quê hương đâu nào?

* Sex

Sau khi tạp chí Mỹ Playboy tung ra những hình khêu gợi của đào lẳng số một Nga sô, Natalya Negoda (Playboy, May 89), đồng thời ở báo TIME (April 10-89) loan tin là tính dục đã chuyển hướng, cởi mở hơn sau bức màn sắt, thì người Mỹ, sau khi đã chán chê với các phong trào tự do, phong trào giải phóng tình dục, rồi phim X tràn ngập (74% khách thuê video đều thuê phim X) bỗng nhiên Tiến sĩ Ron Kirby, triết gia, dạy Triết, hành nghề tâm lý trị liệu đưa ra những lời phàn nàn về sự ràng buộc cuối cùng mà phim X vẫn chưa thoát ra khỏi được (The last Taboo, Playboy May 89). Ông phàn nàn rằng: Khán giả vẫn chỉ thấy được cảnh xác thịt, chứ chưa được thưởng ngoạn vẻ đẹp của tình ái qua thân xác. *Phim Sex phải giải phóng cho chúng ta những chật chội của đời sống.* Đấy là lời kết của bài viết rất ngắn, xúc tích và nghiêm trang của ông.

* Perestroika

Dimitri Vasilev, một lý thuyết gia xã hội Nga, nói về perestroika của Mikhail Gorbachev -- National Best Seller -- PERESTROIKA nhà xuất bản Harper & Row -- New York, $8.75, bìa mỏng) là "không có gì chắc và minh bạch trong tư tưởng cởi mở này cả". Người ta, thế giới bên ngoài, thế giới chư hầu Nga sô đang chú tâm theo dõi những hoạt động chính trị của Gorbachev, đang xôn xao về kế hoạch cởi mở -- mà có người dùng chữ Tân-bảo- thủ của chủ nghĩa Cộng sản -- thì ngay người Nga, nhận định về "đồng chí" của họ như vậy.

Perestroika!

* Đường hướng sáng tác

Tạp chí Tác phẩm Văn học do Nguyễn đình Thi chủ trương, số tháng 2-89, xuất hiện ít nét mới: Đặc biệt có truyện *hơi lãng mạn* của Nguyễn thị Ngọc Tú. Tiếc thay, khung cảnh truyện lại là ở ngoại quốc, tuy nhân vật là nhân vật Việt.Không biết bao giờ truyện lãng mạn được viết ra tuyệt đẹp, rất thật, mà xảy ra ngay trong nước, không có chuyện bắt nhân vật không suốt ngày ám ảnh về cái ăn cái uống, chỗ ở... như truyện ngắn Năm Ngày của Phạm thị Hoài, chả hạn?

Để các nhà văn bớt phải nói bóng gió, ngụ ngôn... (như Huy Bảo, Nguyễn Huy Thiệp...) Có lẽ chưa biết bao giờ! Chắc phải lâu lắm đường hướng sáng tác của các nhà văn đang sống dưới chế độ hiện thời mới có thể

chuyển được qua những ràng buộc để thành như những lời Tác phẩm văn học trích từ tạp chí Gramma, Cuba, nói về đường hướng sáng tác của các nhà văn trước Thế kỷ 21: "Ngôn từ phải phục vụ bên ngoài mọi sự đánh giá, đào lên cái bị che khuất, khoác áo cho cái không có hình thể".

* Hồng Hoa Lục Diệp

Bức tường dân chủ, cấm thành Bắc kinh: Ngụy Kinh Sanh là một trong những lãnh tụ sinh viên trẻ, nồng nhiệt trong việc lên tiếng đòi quyền sống, đòi thực thi nhân quyền, đòi ân xá chính trị phạm... với chính quyền Trung Cộng. Ngụy Kinh Sanh đã thảo ra những bản bích chương dán lên Bức tường dân chủ được dân Bắc kinh ái mộ tới mức cảnh sát xé bỏ, những người chép lại được, tạo thành các bản sao đem... bán cho người muốn đọc. Dĩ nhiên, Ngụy Kinh Sanh bị bắt, và chính quyền đem xử vào Thượng tuần tháng 4, chưa biết bản án chung cuộc ra sao. Đây là một vụ sôi nổi nhất, kể từ vụ xử Giang Thanh đến nay tại Trung hoa lục địa.

Tạp chí đấu tranh chính trị ở Hương Cảng, TRANH MINH, Tổng biên tập là Uông Huy dõng dạc lên tiếng bênh vực cho bị can Ngụy Kinh Sanh: "Vụ Ngụy Kinh Sanh là âm hưởng quan trọng của lịch sử Trung Hoa trong việc đòi Dân chủ... Tiếng nói của Ngụy Kinh Sanh phải được vang lên toàn thế giới trong việc phá vòng vây của chuyên chính... Đã 40 năm im lìm, nay người dân phải được cất tiếng".

* Lại Rushdie

Ngày 26 tháng Hai, tại thủ đô Pháp, Paris, ba trăm người Pakistan theo Hồi giáo đã biểu tình tuần hành lên án nhà văn Salman Rushdie (quốc tịch Anh, sinh ở Bombay), vì tác phẩm The Satanic Verses xúc phạm đến niềm tin thiêng liêng của họ. Điều ngạc nhiên là, Rushdie mới rồi (L.A Times, ngày 5/4/89) được các nhà văn... Nga ra tuyên ngôn bênh vực cho quyền tự do ngôn luận. Bản phản đối, ký tên, được đăng trên báo văn học Nga sô.

Biểu tình phản đối nhà nhà văn Salman Rushdie

* Gặp gỡ ngày cuối năm

Đôi khi, " lớn hơn cả đời sống" là những gì người ta thực hiện được bằng nghệ thuật và óc tưởng tượng. Nhân vật Đại tá trong bộ đội chiếm miền Nam vào tù thăm em -- một cựu chiến binh miền Nam -- đã có những đối đáp về các quan niệm trái ngược của anh em ruột thịt trước hiện tình đất nước. Và nhà văn Nhật Tiến đã "được" rất nhiều góp ý, lên tiếng quanh truyện ngắn Gặp Gỡ Ngày Cuối Năm này: Nhân vật của phe "kia", gọi là Cộng Sản Việt, xem ra lại hợp lý, rộng lượng, khách quan... hơn nhân vật thuộc phe ta, phe Quốc gia. Như vậy, xem ra Nhật Tiến đã dựng lên một nhân vật... không tưởng.

Nhật Tiến cũng được chú ý nhiều qua truyện dài mới xuất bản của ông "Mồ Hôi Của Đá", qua lối viết đương đầu với các vấn đề xã hội của ông. Các bài góp ý của Trần Xuân Tiên, Bùi Ngọc Đường, Đỗ Thái Nhiên, Diệu Tần.. xuất hiện gần đây, quả thật vẫn còn là vừa xảy ra, đang nói tới, làm sống lại không khí bàn thảo của sinh hoạt chữ nghĩa rất xây dựng. Xem ra, Nhật Tiến muốn đưa ra quan điểm "không chịu đồng hóa dân tộc với chủ nghĩa", ông muốn đẩy ra tia nhìn rằng bất cứ ai, thành phần nào, nếu đặt để mục tiêu dân tộc lên trên cùng, chắc hẳn nhìn nhận rằng đất Việt, dân Việt đang sa sút, suy thoái, điêu tàn... để, cải thiện đất nước phải là mục tiêu tối hậu.

Nhật Tiến chịu nhiều chỉ trích nhưng vẫn theo con đường ông đã vạch. Nhận chịu chút hiểu lầm, nhưng nhất định tiến lên. Vạch ra mục đích, ông quyết định viết: Quả thật tác giả Thềm Hoang, Chim Hót Trong Lồng... vẫn đầy tiết tháo, can đảm xứng đáng nơi một ngòi bút trước những rối ren của các ý kiến không đồng nhất.

V.H.Q ghi

* Có gì mới trong lòng chế độ?

Hơn 30 năm về trước tại miền Nam, một tiền đồn mới chinh phục được của "Thế Giới Tự Do", giữa cơn ngây ngất của nền tự do mới giành lại được trong tay của người Pháp và của cộng sản, người ta bàng hoàng hướng mắt về Budapest khóc những người chiến sĩ tự do Hung đã bị Hồng Quân Liên Sô đàn áp một cách trắng trợn và man rợ. Còn gì là công lý ở cõi đời này trước hành động hung bạo đó?

Thời gian có sức mạnh để xóa nhòa nhiều sự việc, nhiều hình ảnh. Nhưng không dễ gì xóa được tiếng nói của thơ.

Tạp chí Sáng Tạo vô tình đã ghi lại, mặc sự thách đố của thời gian, tiếng nức nở của những con tim tự do hãy còn trong trắng:

"Tôi còn gì nữa
Chúng đã giết Imre Nagy, Maleter và..."

Nhưng hai câu thơ được truyền tụng rất nhiều và có lẽ còn được truyền tụng mãi là:

"Hãy cho tôi khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest"

Các tác giả của những câu thơ ấy không ngờ rằng hơn 30 năm sau, những người dân Hung đã thôi khóc âm thầm để diễn hành trên các đại lộ của thủ đô Hung tưởng nhớ cuộc nổi loạn ngắn ngủi, nhưng rất anh dũng, chống độc tài cộng sản. Những người chiến sĩ Hung đã nằm xuống phải đợi cỏ mọc xanh mồ mới chứng tỏ được rằng cái chết của họ không đến nỗi vô ích.

Nước Hung ngày nay là một trong những nước cộng sản ở Đông Âu đã công khai đi tiên phong trong việc đa-nguyên-hóa chế độ, từng bước thực sự phục hồi các quyền tự do cho người dân.

Có gì thay đổi trong lòng các chế độ cộng sản như ở Hung, Ba Lan, Nga, Trung Cộng, Ý v.v..? Vì là những hiện tượng quá mới, quá bất ngờ nên những thay đổi này chỉ được dư luận phía tự do tiếp thu với lòng hoài nghi cố hữu. Lại một bước lùi biện chứng, như nhiều bước lùi trước đây tạo cơ hội cho trăm hoa đua nở để tiêu diệt hết. Rất có thể là thiểu số cầm quyền cộng sản vẫn ôm ấp thủ đoạn gian ác ấy. Nhưng lần này họ không còn thế chủ động để làm mưa làm gió lịch sử nước họ nữa. Tự do như một thứ rượu có men say, hễ uống vào thì phải say. Và cuộc thay đổi sẽ không thể bị giả tạo bị bóp nghẹt được nữa, dù chưa ai có thể ngay lúc này đoán trước bộ mặt tương lai của những chế độ cộng sản sẽ ra sao.

Đã Phát Hành Khắp Nơi

Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street,
Westminster, CA 92683

Tel. (714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

PAGODE saigon Gourmet Restaurant
7 Best Specialties & Seafood Delights

百樂餐室 特別 牛肉 七味

Quán Cây Dừa
tức BÒ 7 MÓN BÀ LÝ

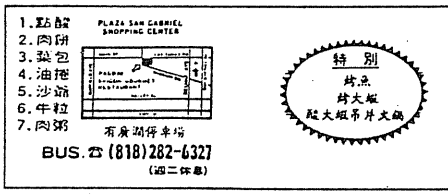

* Nhận Visa và Master Card
* Bãi đậu xe thênh thang
* Nhà hàng sang trọng và đẹp nhất Cali
* Món ăn Biển thật ngon miệng

ĐẶC ĐIỂM:

1.- Bò 7 Món ngon nhất California
2.- Cá lóc nướng trui không dầu ngon bằng
3.- Không khí trong lành, ấm cúng trang nhã tạo cho bạn niềm hãnh diện khi đãi bạn bè ngoại quốc, hay bạn hữu đến từ phương xa

710 W Las Tunas Dr # 7, San Gabriel
(818) 282-6327
(Góc Mission và Las Tunas, đối diện nhà hàng Việt Nam)

CHỮ VIẾT CỦA NGƯỜI VIỆT

PHẠM VĂN HẢI
VŨ THỊ DUNG

Chữ viết của người Việt ngày nay là chữ Quốc ngữ (thứ chữ được dùng để viết bài này). Chữ Quốc ngữ có từ thế kỉ 17, nhưng mãi tới đầu thế kỷ 20 mới được thịnh hành.

Trước chữ Quốc ngữ, người Việt cũng đã có một hệ thống chữ viết thường được dùng để ghi lại tiếng nói của người Việt. Đó là chữ **Nôm.**

Trước chữ Nôm, từ thủa xa xưa, khi người Việt chưa bị người phương Bắc (Tầu, còn gọi là Trung Hoa hay Trung quốc) xâm lăng, người Việt có một thứ chữ viết trông giống hình dáng con nòng nọc, nên sử Tầu gọi là **chữ nòng nọc.** (1) Vì muốn đồng hóa người Việt, người Tầu tiêu diệt chữ viết của người Việt.

Chữ nòng nọc, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ là ba hệ thống chữ viết của người Việt. Đã là chữ viết của người Việt, dù không biết đọc, nhưng nếu có người đọc dùm, bất cứ người Việt nào cũng biết đó là tiếng nói của mình.

Thí dụ, bài ca dao sau đây:

(Viết bằng chữ **Quốc ngữ**)

Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng, lại chen nhị vàng;
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh.
Gần bùn, mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

(Viết bằng chữ**Nôm**)

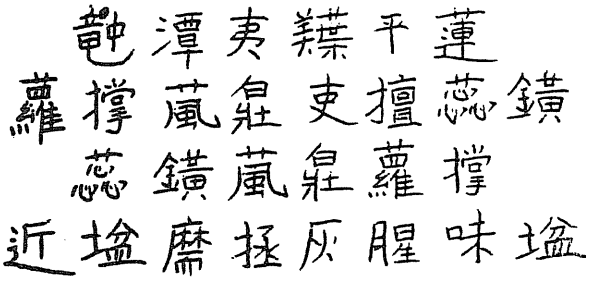

Ngày nay, hầu hết người Việt đều biết chữ Quốc ngữ. Nhưng rất ít người biết chữ Nôm. Nhiều người thấy chữ Nôm lại tưởng chữ Hán (chữ Tầu).

Sở dĩ có sự lầm lẫn, vì những người làm ra (sáng chế ra hay tạo ra) chữ Nôm đã dựa vào **chữ viết** và **âm Hán Việt** của chữ Hán (chữ Tầu). Chính vì dựa vào chữ viết và âm Hán Việt của chữ Hán để tạo ra chữ Nôm nên chữ Nôm và chữ Hán (chữ Tầu) trông giống nhau nhưng đọc lên nghe khác hẳn nhau.

Thí dụ, chữ Nôm và chữ Tầu trong một câu có chung một ý nghĩa "Tôi là người Việt Nam":

(Viết bằng chữ **Nôm**)

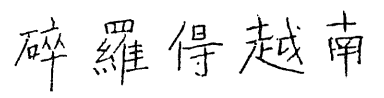

(Viết bằng chữ **Tầu**)

Sự giống nhau đó cũng tương tự như **chữ Quốc ngữ** và **chữ La Tinh.** Vì người làm ra chữ Quốc ngữ đã dùng những chữ cái của chữ La tinh, nên chữ Quốc ngữ, chữ La tinh và những chữ viết dùng chữ cái của chữ La tinh (như chữ Anh, chữ Ý, chữ Bồ, chữ Pháp) trông giống nhau; nhưng đọc lên, nghe khác hẳn nhau.

Thơ

NGÔ HUY

HỎI NGƯỜI

Năm nay pháo đỏ không?
Rượu hồng có còn rót?
Người uống biết có say?
Xuân xa xứ là mấy?

TỪ

Từ em tay nắm rất lâu
Môi hôn như đã nói câu giá từ
Em về biết có ưu tư
Anh về một thoáng tâm tư thật buồn
Từ em mộng ước như thường
Bao câu trao đổi đã nên cuộc tình
Từ em tiếng nói còn xinh
Từ em thôi cũng một mình vấn vương

Từ em từ giã một lần
Trong không như có còn âm tiếng cười.

HOA XUÂN

Hoa mong manh trong nắng
Gió lay động vườn đồi
Tình xa tít mù khơi
Mênh mang đến tận trời

Hương nồng bay khắp hướng
Trong không gian trầm hương
Tỏa lan mấy dặm trường
Càng xa càng nhớ thương

Hoa nào màu khoe khoang
Mối năm lại bàng hoàng
Màu hoa tình thắm thiết
Niềm nhớ vấn miên man

Hồn bay bổng theo hoa
Với phấn hương rất lạ
Ôi cánh mỏng kiêu sa
Thoảng bay trong gió lạ

Đông 88

Nói tóm lại, từ xưa đến nay, người Việt có ít nhất ba hệ thống chữ viết. Chữ nòng nọc có trước khi bị lệ thuộc người phương Bắc. Mất chữ nòng nọc, người Việt dùng chữ Nôm. Chữ Nôm trông giống chữ Tầu, nhưng đọc khác hẳn, người Tầu xem không hiểu, nghe lại càng không hiểu. Sau chữ Nôm là chữ Quốc ngữ. Chữ Quốc ngữ dễ học, dễ nhớ, dễ viết, dễ in hơn chữ Nôm. Dần dần chữ Nôm bị bỏ quên, chỉ còn chữ Quốc ngữ là phương tiện ghi chép trong mọi lãnh vực.

PHẠM VĂN HẢI
VŨ THỊ DUNG

陶唐之世越裳國獻神龜蓋千歲方三尺餘
背有科斗文記開闢以來堯命錄之謂之龜厤

(Đọc theo âm tiếng Hán Việt [HV]:
Đào Đường chi thế Việt thường quốc hiến thần quy cái thiên tuế phương tam xích dư bối bữu **khoa đẩu văn** kí khai tịch dĩ lai Nghiêu mệnh lục chi vị chi quy lịch)
(Nghĩa:
Vào đời Đào Đường (thế kỉ 24 trước Dương lịch), nước Việt thường biếu rùa thần, đã sống nghìn năm, lớn hơn ba thước; trên mai có chữ **nòng nọc,** ghi lại từ thủa khai thiên lập địa đến bây giờ. Vua Nghiêu ra lệnh chép lại, và gọi là lịch rùa.)
Tên sách: 通志 (HV: Thông Chí)
Tên người đứng đầu công việc tuyển chọn và biên soạn: 鄭樵 (HV: Trịnh Tiều, [1104-1162])
Cuốn này do nhà sách 新興 (HV: Tân Hưng) in lại và phát hành tại Đài Bắc (Đài Loan), năm 1959. Mấy dòng chữ này ở trang 36.
Số thứ tự theo Thư viện Quốc hội Mĩ (call number / Library of Congress): PLDS735. A2 T4 Vol.1.

Qua Các Tiệm Sách

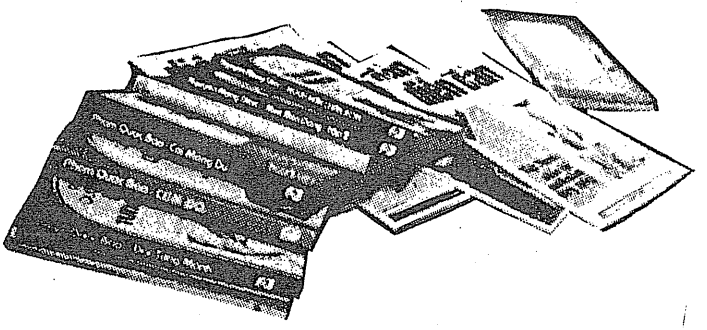

Nghiên cứu chữ Hán và Tiếng Hán Việt

Tập biên khảo có tham vọng dùng làm "sách nhập môn cho tất cả những người muốn tìm hiểu về ngôn ngữ Việt Nam" (trích "Thay lời tựa"), của Uyên Mặc Nhan Như Vũ Thế Ngọc, do East West Institute xuất bản, 1989, dày 336 trang, giá 15 MK.

Theo lời giới thiệu của chính tác giả, ông "ao ước viết một bộ sách tổng quát về lịch sử ngôn ngữ Việt Nam, một diễn trình lịch sử từ chữ Hán qua chữ Nôm, đến chữ Quốc Ngữ chúng ta đang xử (sử dụng) ngày nay." Hình như đây là cuốn đầu của bộ sách này.

Địa chỉ liên lạc:
2148 Carobwood Lane
San Jose, CA 95132, USA

Chân Dung 'Bác' Hồ

Phiếm luận "dài hơi" của cây bút thời danh Kiều Phong, đặt căn bản trên việc phê bình từng câu từng chữ cuốn "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch" (do chính Hồ Chí Minh viết, đội dưới tên Trần Dân Tiên).

Sau mười năm "tuyệt tích giang hồ," nhà phiếm luận Kiều Phong "xuống núi" kỳ này đưa ra một "chưởng 12 thành công lực," đánh... "Bác" nát thây! "Tác phẩm" của "Bác" qua kính chiếu yêu của Kiều bang chúa hiện nguyên hình một cú bịp lớn, vừa bỉ ổi vừa tức cười.

Tập sách được kết thúc bằng một bài "tạp ghi" của Võ Phiến viết từ 1968, có công lực như một bản cáo trạng, tố cáo âm mưu của Cộng sản, khiến người đọc (cả ta lẫn địch) phải... toát mồ hôi.

"Chân Dung 'Bác Hồ'" do Bất Khuất xuất bản, dày 164 trang, giá 10 MK. Liên lạc:
P.O. Box 64946
Chicaago, IL 60664-0946, USA
hoặc: P.O. Box 19555
San Diego, CA 92119, USA.

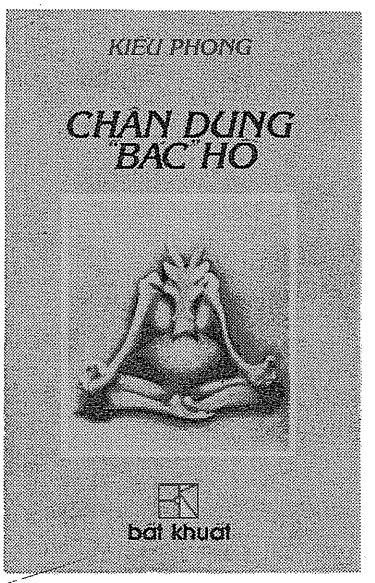

Trong quan tài buồn

Truyện dài xã hội chủ nghĩa của Nguyễn Ngọc Ngạn, Văn Lang xuất bản,sách dày 400 trang. Đề giá 19 Mỹ kim. Tổng phát hành Làng Văn, P.O. Box 310 Station W Toronto, Ont M6M 5B9, Canada.

Tác phẩm mới nhất của Nguyễn Ngọc Ngạn. Nguyễn Ngọc Ngạn là tác giả được nhiều người đọc nhất hiện nay. Trong Quan Tài Buồn dựng lại thời cải cách ruộng đất ở miền Bắc.

Hồ Xuân Hương

Nghị luận văn học của Dương Thượng Ngã, phụ bản và minh họa của Nguyễn Nhật Tân. Làng Văn xuất bản. Sách dày 160 trang. Giá 8 Mỹ kim.

Tập sách "muốn thử tìm hiểu uyên nguyên của sự việc, phân tích và đúc kết các tài liệu chứng minh thân thế mù mờ của người thơ, rồi đưa ra một giá trị đề nghị về nữ tác giả này".

Bản Đàn Thôn Dã

La Symphonie Pastorale của André Gide, Mai Kim Ngọc dịch. Làng Văn xuất bản. Sách dày 128 trang. Giá 6 Mỹ kim.

Ký

Tập bút ký của Nguyễn Hữu Nghĩa, Làng Văn xuất bản, sách dày 177 trang. Giá 8 Mỹ kim.

"Du Ký của Nguyễn Hữu Nghĩa có sức khua mạnh, dó không phải chỉ vì tác giả bay nhiều. Cái du của ông dã nhiều, cái cảm của ông lại tinh, cái ký của ông cũng tài." (Võ Phiến, Tựa)

Viễn Phố

Thơ Hoàng Xuân Sơn, Việt Chiến xuất bản. Bạt tranh: Võ Đình, Thạch Miên, Đinh Cường, Hoàng Xuân Sơn, nhạc: Hà Thúc Sinh, Phan Ni Tấn. Bìa và minh họa của tác giả. Sách dày 140 trang.

Hồi ký thơ

Thơ Phan Ni Tấn, Đỗ Quý Toàn dề bạt, tranh bìa Võ Đình phụ bản của Nguyễn Nhật và Võ Đình. Làng Văn xuất bản, sách dày 128 trang. Giá 8 Mỹ kim.

Trong bài "Đọc Phan Ni Tấn", nhà thơ Đỗ Quý Toàn nhận xét "khi viết về quê hương. Phan Ni Tấn có giọng trầm buồn. Nhưng không tuyệt vọng. Mà vẫn thiết tha. Rất nhiều khi dí dỏm."

Mười hai hoa cúc

Tập truyện của Ngô Nguyên Dũng, Văn Lang xuất bản, sách dày 268 trang. Giá 12 Mỹ Kim.

Ngô Nguyên Dũng, tên thật là Ngô Việt Dũng du học Tây Đức từ 1970. Hiện nay là chủ bút tờ *Măng Non* ở Tây Đức, và cộng tác với *Người Việt, Làng Văn* và *Văn Học*...

Báo Ức Trai (số 4, tháng 4,5,6 năm 1989)

Đây là một *nội san*, do Hội Ái Hữu Cựu SVSQ Đại Học Chiến Tranh Chính Trị biên tập và ấn hành.

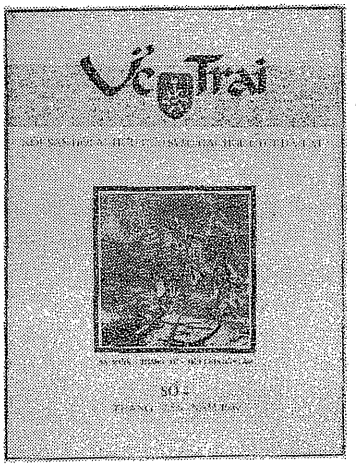

Vì là nội san nên số in chỉ có 300, và chỉ phổ biến trong hội viên và thân hữu. Nhưng tờ báo "chững chạc" về cả hình thức lẫn nội dung. Có thể nói, với lối trình bày trang nhã, hình vẽ đầy ý nghĩa, bài vở phong phú đưa ra nhiều cái nhìn khách quan, sâu sắc, *Ức Trai* là "niềm mơ ước của nhiều người mê đọc báo, và cả người mê làm báo."

Địa chỉ liên lạc:
Ức Trai
713 S. Shawnee Drive
Santa Ana, CA 92704
ĐT: (714)836-6838

Century 21
CALIFORNIA PROPERTIES
107 S. Harbor Blvd. • Santa Ana, CA 92704
Bus. (714) 775-3848 • Res. (714) 775-6802
Beeper: (714) 938-8410

• CÔNG TY ĐẢM TRÁCH CÁC DỊCH VỤ:
* Mua bán: Nhà, Condo,2-Plex, 3-Plex, 4-Plex.
* Bán: Apartment, Khu Thương Mại, Hotels, Motels, Đất Đai và Nông Trại.
* Thương lượng khế ước thuê cửa tiệm, kho hàng.
* Century 21 là một công ty lớn nhất nước Mỹ có đầy đủ các dịch vụ về địa ốc trong và ngoài nước.

ĐẶC BIỆT:
Giới thiệu Ngân hàng có lãi xuất thấp, lệ phí nhẹ, điều kiện dễ dàng để mua nhà, tái tài trợ và đầu tư rất nhanh chóng, hữu hiệu.

Ở XA XIN GỌI: (800) 882-6464

THERESA KIM VŨ
Realtor

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
NANCY A. POLLARD & ASSOCIATES
Bồi thường tai nạn xe cộ, cá nhân

MẪN PHẠM,J.D.
Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ
PARALEGAL
14172 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92643

(714) 539-1634
Bus. Hrs.: Mon. - Sat.: 10 AM - 6 PM

PHỤ TRÁCH:
* Phạm pháp, trộm cắp, say rượu lái xe
* Ly dị, phụ cấp, thừa kế, di chúc
* Thành lập công ty, hợp đồng, khế ước
* Thủ tục di trú, đoàn tụ ODP
* Thẻ xanh, nhập tịch, phiên dịch, thị thực

Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT
14841 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

Nhà Xuất Bản

XUÂN THU
P.O. Box 97
Los Alamitos CA 90720
(213) 430-3828

hân hạnh giới thiệu

HOÀNG ĐẾ NỘI KINH TỐ VẤN

Dịch Giả: *Nguyễn Tử Siêu*

Bộ Tố Vấn là một bộ sách rất có giá trị của giới Đông Y, dù các bực đại thánh đại hiền ở đời sau như các ông Biển Thước, Hoa Đà, Trọng Cảnh, Tôn Tự Mịch, Đào Hoằng Cảnh.v..v... cũng không vị nào có thể phát minh được hơn và vượt được ra ngoài phạm vi lý thuyết và thực nghiệm của Nội Kinh.

Vậy thời, đối với Nội Kinh, ta chỉ nên biết nó là hay, nó là có ích, ta cần phải học tập và nghiên cứu. Dịch sách đã là một sự khó, dịch sách thuốc lại càng khó hơn, dịch sách thuốc mà dịch đến Nội Kinh Tố Vấn lại càng khó bội phần. Tôi vốn già yếu, lại ở nơi thôn dã, rất ít văn hữu tụ hội, có thể nhờ đó để chất chính những lẽ phải trái... Vì tấm lòng yêu mến Đông Y, yêu mến Cổ học, và sợ nếu để chậm sẽ ít người chịu dịch, nên mạo muội dịch ra đây, chắc sự nhầm sót còn rất nhiều. Nếu được các vị cao minh chỉ giáo cho để cải chính về sau, thời không những riêng tôi, mà các hậu học về Đông Y sau này cũng được cảm tạ vô cùng.

Nguyễn Tử Siêu.

XUÂN THU
P.O. Box 97
Los Alamitos CA 90720
(213) 430-3828

CUỘC HÀNH TRÌNH ĐƠN ĐỘC

của Lý Tống

Tác phẩm về cuộc vượt biên đường bộ của người phi công Lý Tống bằng cách đi bộ, xe đạp, quá giang xe, băng rừng, lội sông, và bơi biển trên đoạn đường dài hai ngàn năm trăm cây số, trải qua những trại giam đày đọa, những cái chết giây phút cận kề trong đường tơ kẻ tóc, những trận đụng độ với bộ đội cộng sản, những bãi mìn nguy hiểm, những cuộc săn người mà anh là con mồi duy nhất, và cuộc đua bơi hai dặm vượt qua eo biển đầy cá mập giữa Mã Lai và Singapore. Trong mười bảy tháng trường phiêu bạt, Lý Tống vượt ngục tất cả các nhà tù tại Cao Miên, Thái Lan, Singapore. Cuộc hành trình ngàn dặm đơn độc đã được báo chí thế giới ca ngợi là độc nhất vô nhị và vĩ đại nhất trong trang sử vượt biên của thời đại.

Ngoài các báo Việt ngữ, cuộc vượt biên của Lý Tống, mà tính chất ly kỳ hấp dẫn của nó có thể so sánh ngang hàng với tác phẩm nổi tiếng *Papillon* của Henri Charrière, đã được đăng trên các tạp chí *Selection* (Pháp), *Das Beste* (Đức), *The Wall Street Journal, Time, Bangkok Post, The Straits Times*... và bằng 17 thứ tiếng khác nhau trên khắp thế giới cũng như được tường thuật trên đài *VOA* và *BBC*. Đặc phái viên Anthony Paul đã bay từ Hồng Kông qua Indonesia trực tiếp phỏng vấn Lý Tống để ghi lại những hành động can trường trong cuộc vượt thoát khỏi hỏa ngục đỏ với bài *Ly Tong's Long Trek to Freedom* đăng trên *Reader's Digest* số tháng 6 năm 1984, một nguyệt san có mười triệu độc giả trên khắp hoàn cầu.

XUÂN THU
P.O. Box 97
Los Alamitos CA 90720

Đón đọc

VIỆT NAM NHÂN CHỨNG

(1945—1975)

Hồi ký của *Trần Văn Đôn*

Đón đọc *VIỆT NAM NHÂN CHỨNG* để biết:

- *Những bí ẩn về vua Duy Tân với sự ủng hộ của Thủ Tướng Pháp De Gaulle trên đường về Việt Nam, sau Thế Chiến Thứ Hai,*
- *Những bí ẩn về cuộc tiếp xúc giữa ông Ngô Đình Nhu, cố vấn chánh trị của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Phạm Hùng, người lãnh đạo cuộc tấn chiếm miền Nam Việt Nam của Cộng Sản,*
- *Những bí ẩn về cuộc tranh chấp của các Tướng Lãnh sau ngày chánh biến 1-11-1963, chỉnh lý 30-1-1964, và tham vọng của các Tướng Nguyễn Khánh và Trần Thiện Khiêm,*

■ Tất cả đã được kể lại với những bằng chứng cụ thể qua ngòi bút chân thành của ông *Trần Văn Đôn*, nguyên Trung Tướng Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, nguyên Nghị Sĩ Thượng Viện Quốc Hội Đệ Nhị Cộng Hòa, một người đã từng tham gia và chứng kiến nhiều biến cố lịch sử cận đại từ 1945 đến năm 1975.

■ Đọc *VIỆT NAM NHÂN CHỨNG* để sống lại từng ngày của một giai đoạn lịch sử, để hiểu rõ hơn tại sao lịch sử lại xảy ra như thế, và để rút tỉa bài học lịch sử cho tương lai.

do Nhà Xuất Bản **Xuân Thu** ấn loát và phát hành

VIỆT NAM MÁU LỬA

Nghiêm Kế Tổ

□

Việt Nam đã là một lò lửa từ 1945. Ở đấy lửa cháy liên tiếp trong những năm dài, thiêu tàn sức sống của muôn vật, ở đấy những con người nối đuôi nhau dài vô tận: chết âm thầm, đau đớn.

Cuộc đổ máu ở Việt Nam đã trường kỳ nhứt, gay go nhất, huyền ảo nhất:

Trường kỳ, bởi vì người Việt Nam đã chống lại chế độ của người ngoại quốc từ thế kỷ nay.

Gay go, bởi vì đã có bao nhiêu anh hùng liệt sĩ Việt Nam phải bỏ mình và đã có ngay bao nhiêu mầm non của đất nước tiếp tục sự nghiệp đấu tranh.

Huyền ảo, bởi vì ở Việt Nam, lòng tin tưởng thường chọi nhau với tù đày, trí cương quyết thường chọi nhau với sức tàn sát, những cánh tay gầy thường chọi nhau với những súng ống tối tân...

Thực ra không phải người Việt Nam chỉ mới chiến đấu từ 1945, không phải chỉ mới nổi dậy từ khi mặt trận Việt Nam độc lập Đồng Minh thành lập. Người Việt Nam đã chiến đấu từ trước năm 1930 khi ở Việt Nam các đảng phái cách mạng thành lập, hơn nữa người Việt Nam đã chiến đấu từ lâu rồi, âm thầm chiến đấu, nối tiếp chiến đấu... Và còn chiến đấu cho đến khi nước nhà độc lập, nước nhà thống nhất, nước nhà tự do trong hòa bình tiến bộ, trong nhân loại thái bình.

XUÂN THU
P.O. Box 97
Los Alamitos CA 90720

HẸN NHAU Ở

BI/DA saigon

44, Avenue d'Ivry 75013 Paris
Centre Commercial Les Olympiades
Tel 45.84.04.85
(Sát nách Las Vegas, cùng từng lầu với Nam Á, Thúy Nga, Phượng Hoàng)

* NHƯ MỘT CHỖ DỪNG CHÂN

để hong ấm hiện tại lưu vong, để thắp sáng kỷ niệm Sàigòn, để hồi tưởng quê hương Việt Nam bằng hương vị đích thực của Mỹ Tho, Bến Tre, Biên Hòa, Lái Thiêu, Tân An...

* NHƯ MỘT CHỖ TÌM LẠI

để thưởng thức tất cả những gì đã thưởng thức sáng tới, trưa qua, chiều về ở vỉa hè, góc phố, quán chợ Sàigòn, Đa Kao, Tân Định, Thị Nghè, Phú Nhuận...

* NHƯ MỘT CHỖ NGỒI LÂU

để uống cà phê đá, nghe nhạc thính phòng và chiêm ngưỡng những đường bay của CƠ trên môi BI...

SAU HẾT VỚI TUỔI TRẺ VÀ
NHỮNG NGƯỜI TÌNH CỦA BI DA

Như một
chỗ thụt bi-da
lý tưởng
của Sàigòn thu nhỏ

Bộ chữ Việt Nam trên IBM PC & PS2

do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Computer tiếng Việt (1984) và Bộ Chữ Quốc Tế (1985)

Hệ thống Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường. VN Labs hiện là nơi duy nhất chế tạo Bộ Chữ Việt Nam có thể in các loại phototypesetters và Postcript printers, ngoài dot matrix và laser printers.

عربي

עִבְרִית

- Đầy đủ mọi áp dụng: viết văn, ấn loát, kế toán, thống kê, truyền tin, giáo dục, vv..
- Dùng trên hầu hết các loại IBM PC & PS2 với MDA, CGA, EGA, MCGA, VGA, PGA, Hercules, Taxan, Genius, vv..
- In tiếng Việt đủ cỡ, đủ kiểu trên các loại dot matrix printers, laser printers, postcript printers, và phototypesetters.
- Dùng tiếng Việt với các software thông dụng trên thị trường: WordPerfect, WordStar, Volkswriter, PC-Write, Microsoft Word, Personal Editor, PFS Professional Write, Dbase, Foxbase, Rbase, Quattro, VP-Planner, Ventura Publisher version 1.1 và 2.0, vv..
- Viết tiếng Việt 'chữ trước, dấu sau', hoặc 'dấu trước, chữ sau' (có thể thay đổi bất cứ lúc nào trong khi dùng software thị trường).

Khả năng của Postcript printers:

Từ một font chính, Postcript printers có thể in ra các cỡ khác nhau từ 2 pts. cho đến 254 pts., tăng từng .1 pts.

Một số loại Postcript printers (Linotype) có thể in đến 1720 dots/in., trong khi HP Laserjet chỉ có thể in 300 dots/in.

Bộ Chữ Việt Nam căn bản	$95
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Laserjet)	$195
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Postcript)	$295

VISA

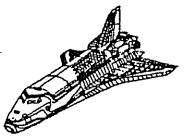

Mastercard

VN Labs

4320 Campus Drive, Suite 290
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Giám Đốc: Việt Nguyễn
Trưởng Ban Marketing: Alan Runfeldt
Trưởng Ban Software: Susan Nguyễn
Cố Vấn Kỹ Thuật: Hiếu Phạm

Đại Diện VN Labs:

LOS ANGELES: BMC (213) 422-4444
ORANGE COUNTY: SIGMA Computers (714) 893-0609
HOUSTON: Computrex (713) 524-5065
DALLAS: Zen Computer (214) 484-8008
UTAH: Altech Computer (801) 282-4252
OREGON: Lake Oswego Computer (503) 636-1541
NEW YORK: Kays International (914) 425-6469
CANADA: Speed Copy (604) 278-8518
AUSTRALIA: Graphics Applications Center 03-347-0548
ISRAEL: Technical Communication 303379
NETHERLANDS: Roth International 18371687
UNITED ARAB EMIRATES: TCS 237241

Tử Vi Computer (Postcript)

Lá Số Tử Vi trọn đời tính bằng Computer. Đầy đủ lời giải trên 12 trang, kèm theo bản An Sao in tuyệt đẹp bằng Bộ Chữ VN Labs trên Postcript printer, do Cosmos Systems thực hiện.

Vui lòng gửi chi tiết tên họ, ngày giờ năm sinh (Âm Lịch hoặc Dương lịch), Nam hoặc Nữ, và kèm theo $20 ngân phiếu hoặc Money Order về địa chỉ:

Cosmos Systems
P.O.box 2482
Mission Viejo, CA 92692
(714) 582-8233

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

EDWARD C. REID

2120 MAIN ST. SUITE 150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648

(714) 536-4014

KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN VỀ

TAI NẠN

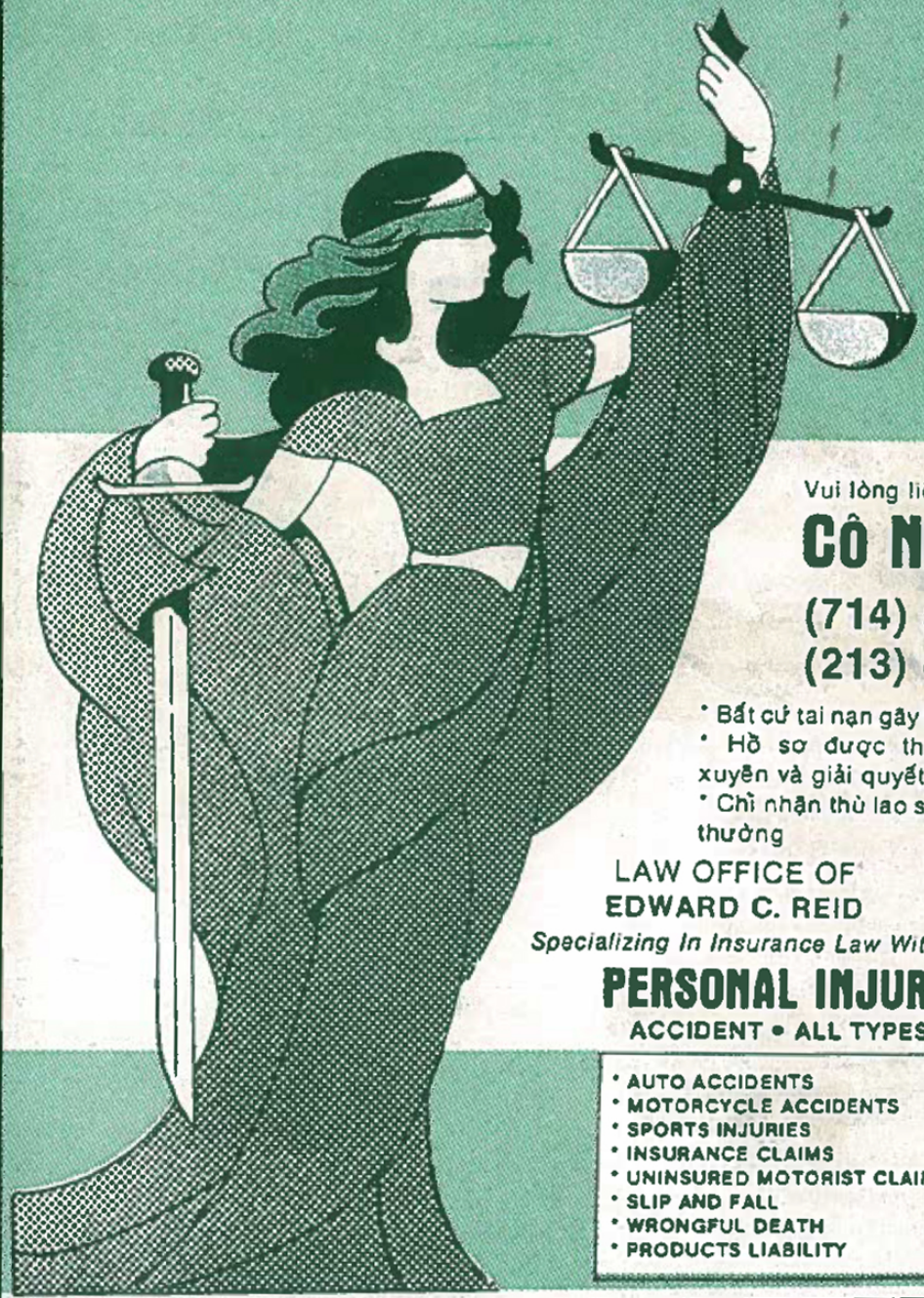

Vui lòng liên lạc ngay:

CÔ NHƯ LAN

(714) 536-4014

(213) 434-4421

* Bất cứ tai nạn gây thương tích nào
* Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
* Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường

LAW OFFICE OF

EDWARD C. REID

Specializing In Insurance Law With Emphasis On:

PERSONAL INJURY

ACCIDENT • ALL TYPES

- AUTO ACCIDENTS
- MOTORCYCLE ACCIDENTS
- SPORTS INJURIES
- INSURANCE CLAIMS
- UNINSURED MOTORIST CLAIMS
- SLIP AND FALL
- WRONGFUL DEATH
- PRODUCTS LIABILITY

FREE CONSULTATION NO RECOVERY – NO FEE